

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN ĐIỀN

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN ĐIỀN

**VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 9310201**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. BÙI VIỆT HƯƠNG

2. PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THANH

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các thông tin, số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Trần Văn Điền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	11
1.1. Các công trình nghiên cứu về văn hóa chính trị.....	11
1.2. Các nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp xã và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.....	18
1.3. Các nghiên cứu liên quan đến văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	26
1.4. Nhận xét về các công trình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	31
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở VIỆT NAM.....	37
2.1. Văn hóa chính trị và văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã: Quan niệm, khái niệm, cách tiếp cận, đặc điểm và vai trò	37
2.2. Cấu trúc văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	48
2.3. Các tiêu chí đánh giá văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	68
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.....	80
Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY	87
3.1. Khái quát tình hình chung của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	87
3.2. Thực trạng văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	91
3.3. Nhận xét về văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	121
3.4. Những vấn đề đặt ra về văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long	152
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	160
4.1. Quan điểm nâng cao văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	160
4.2. Giải pháp chủ yếu để xây dựng văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	172
KẾT LUẬN	198
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	200
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	201
PHỤ LỤC	213

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNXH	Chủ nghĩa xã hội
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNCB	Đội ngũ cán bộ
HTCT	Hệ thống chính trị
LLCT	Lý luận chính trị
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
UBND	Ủy ban Nhân dân
VHCT	Văn hóa chính trị
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay	95
Bảng 3.2. Trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.....	122
Bảng 3.3. Đánh giá về nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	122
Bảng 3.4. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	125
Bảng 3.5. Đánh giá mức độ thể hiện về hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, tình cảm chính trị ĐNCB chủ chốt cấp xã.....	127
Bảng 3.6. Đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	132
Bảng 3.7. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã.....	133
Bảng 3.8. Đánh giá năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	135
Bảng 3.9. Một số chỉ báo về trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.....	138
Bảng 3.10. Đánh giá mức độ nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.....	139
Bảng 3.11. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã	139
Bảng 3.12. Đánh giá mức độ thể hiện hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	141
Bảng 3.13. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	144
Bảng 3.14. Đánh giá mức độ thể hiện trách nhiệm giải trình trước Nhân dân của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.....	145
Bảng 3.15. Đánh giá mức độ thể hiện năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.....	147

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	92
Biểu đồ 3.2. Đánh giá về nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.....	93
Biểu đồ 3.3. Đánh giá mức độ thể hiện hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL hiện nay	101
Biểu đồ 3.4. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.....	102
Biểu đồ 3.5. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	104
Biểu đồ 3.6. Đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực ứng xử chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.....	106
Biểu đồ 3.7. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	108
Biểu đồ 3.8. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi sử dụng, kiểm soát quyền lực chính trị và vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở của ĐNCB chủ chốt cấp xã	112
Biểu đồ 3.9. Đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm giải trình trước Nhân dân của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	114
Biểu đồ 3.10. Đánh giá về năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL	117

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cấp xã từ trước đến nay luôn giữ vị trí nền tảng trong HTCT và nền hành chính quốc gia. Đây là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời là nơi phản ánh trung thực nhất tâm tư, nguyện vọng và đời sống của Nhân dân. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cấp xã có ý nghĩa quan trọng đối với việc củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Trong quá trình phát triển của đất nước, cấp xã không chỉ là “cánh tay nối dài” của HTCT và nền hành chính quốc gia, mà còn là nơi giao thoa giữa thiết chế quản lý chính thức với tính tự quản truyền thống của cộng đồng làng xã. Chính sự đan xen này khiến hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã mang tính đặc thù rõ nét: vừa phải bảo đảm thực thi pháp luật, chính sách một cách nghiêm minh, thống nhất; vừa phải linh hoạt trong ứng xử xã hội, hài hòa lợi ích cộng đồng, giữ gìn đoàn kết và ổn định ở cấp xã. Vì vậy, ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ cần năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, mà còn cần bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và VHCT phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới.

Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã ngày càng cao. Vùng ĐBSCL là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, sinh thái và đối ngoại của đất nước. ĐBSCL không chỉ là trung tâm sản xuất nông nghiệp, thủy sản và an ninh lương thực quốc gia mà còn là không gian sinh tồn của cộng đồng dân cư đa dạng về dân tộc, tôn giáo và văn hóa, với những đặc điểm xã hội và văn hóa vùng mang tính đặc thù sâu sắc. Văn hóa sông nước, tính cộng đồng, tính linh hoạt, tính trọng tình và khả năng thích ứng cao của cư dân Nam Bộ vừa tạo nên nguồn lực xã hội quan trọng cho phát triển vùng, vừa tác động trực tiếp đến phương thức tổ chức đời sống chính trị - xã hội và hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Đặc biệt, khu vực ĐBSCL đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen như biến đổi khí hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, di cư lao động, yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng quản trị địa phương. Những vấn đề đó đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ vững vàng về chính trị, tinh thông nghiệp vụ mà còn phải có VHCT chuẩn mực để nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân.

Thời gian qua, cùng với quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao chất lượng ĐNCB, việc xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều phương diện. Nhận thức, bản lĩnh chính trị và ý thức

trách nhiệm của ĐNCB ngày càng được củng cố; hệ giá trị và các chuẩn mực VHCT trong thực thi công vụ từng bước được định hình; quan hệ giữa cán bộ với Nhân dân có chuyển biến theo hướng gần dân, trọng dân và đề cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực được chú trọng hơn; phương thức lãnh đạo, quản lý từng bước đổi mới theo hướng dân chủ, linh hoạt và gắn với thực tiễn cơ sở; năng lực thích ứng trước những yêu cầu mới của quản trị địa phương từng bước được nâng lên; đồng thời, những giá trị tích cực của văn hóa vùng ĐBSCL được phát huy, trở thành nguồn lực hỗ trợ hoạt động của HTCT cơ sở. Những kết quả đó tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã theo hướng bản lĩnh, trách nhiệm, liêm chính, dân chủ, gần dân, thượng tôn pháp luật và thực thi quyền lực vì lợi ích của Nhân dân. Đồng thời, quá trình này đặt ra yêu cầu tiếp tục giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giá trị chính trị chung với đặc trưng văn hóa vùng, giữa “tình” và “lý”, giữa tính linh hoạt và tính nguyên tắc, giữa thẩm quyền và trách nhiệm, giữa thực thi và kiểm soát quyền lực, qua đó bảo đảm chiều sâu và tính bền vững của VHCT trong hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, VHCT của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng” [36, tr.168]. Một bộ phận cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Chưa thống nhất trong nhận thức và hành động về hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam; một số biểu hiện suy thoái lối sống, văn hoá ứng xử, tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng; quan liêu, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ; chưa nêu cao ý thức trách nhiệm trước Đảng và Nhân dân còn diễn biến phức tạp. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở mà còn tác động trực tiếp đến niềm tin chính trị và sự đồng thuận xã hội ở địa phương.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*** có ý nghĩa cấp thiết cả về phương diện khoa học và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần bổ sung và phát triển lý luận về VHCT và VHCT của ĐNCB trong điều kiện mới, mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong

cách lãnh đạo và năng lực quản trị đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng ĐBSCL và đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về VHCT và thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay, luận án đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL những năm tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận chung về VHCT và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay.

Đề xuất các quan điểm và giải pháp nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung và không gian: Luận án nghiên cứu VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã tại các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL hiện nay.

Thời gian: giai đoạn từ 2021 (Đại hội XIII của Đảng) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, chính trị, cán bộ và công tác cán bộ; các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng ĐNCB và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Phương pháp luận duy vật biện chứng được vận dụng nhằm xem xét VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong tính chỉnh thể, tính hệ thống và sự vận động, phát triển không ngừng dưới tác động của các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường thể chế. Phương pháp luận duy vật lịch sử được sử dụng để phân tích sự hình thành, biến đổi và phát triển của VHCT trong mối liên hệ với những điều kiện lịch sử cụ thể của vùng ĐBSCL và quá trình đổi mới HTCT ở nước ta hiện nay.

4.2. Cách tiếp cận nghiên cứu

Luận án được triển khai trên cơ sở một số cách tiếp cận nghiên cứu chủ yếu sau:

Tiếp cận hệ thống - cấu trúc được sử dụng để xem xét VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL như một chỉnh thể thống nhất, bao gồm các thành tố cấu thành có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Trên cơ sở đó, luận án phân tích cấu trúc nội tại của VHCT, xác định các thành tố, chỉ báo và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Tiếp cận chính trị học được vận dụng nhằm nghiên cứu VHCT như một bộ phận của đời sống chính trị, phản ánh trình độ nhận thức chính trị, hệ giá trị, niềm tin, chuẩn mực và hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong quá trình thực thi quyền lực và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tiếp cận giá trị được sử dụng để nhận diện các giá trị cốt lõi, chuẩn mực và yêu cầu đặt ra đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tiếp cận vùng được áp dụng nhằm làm rõ những đặc điểm đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc, tôn giáo và lịch sử phát triển của vùng ĐBSCL, từ đó phân tích những tác động của bối cảnh vùng đối với quá trình hình thành, phát triển và biểu hiện của VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu nhằm thu thập, hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến VHCT, ĐNCB chủ chốt cấp xã, phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý ở cơ sở và các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến vùng ĐBSCL. Đồng thời, luận án tiến hành nghiên cứu các văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các báo cáo tổng kết, số liệu thống kê và các tài liệu của địa phương nhằm xây dựng cơ sở lý luận, xác lập khung phân tích và đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu phục vụ đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đối tượng nghiên cứu của luận án là VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã; đối tượng cung cấp thông tin khảo sát gồm ĐNCB chủ chốt cấp xã và một số nhóm chủ thể có liên quan, có điều kiện tiếp xúc, quan sát hoặc

đánh giá hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ của đội ngũ này tại các địa bàn nghiên cứu.

Về quy mô mẫu khảo sát, luận án sử dụng 640 phiếu hợp lệ để phân tích. Quy mô mẫu được xác định trên cơ sở phạm vi và mục tiêu nghiên cứu, yêu cầu thu thập thông tin từ các nhóm đối tượng và địa bàn khác nhau, đồng thời tính đến điều kiện thực tế của quá trình tổ chức khảo sát. Do cuộc khảo sát không được thiết kế như một điều tra xác suất đối với toàn bộ ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, kết quả khảo sát được sử dụng chủ yếu để nhận diện xu hướng, mức độ biểu hiện và những vấn đề nổi bật của VHCT tại các địa bàn nghiên cứu; không suy rộng cơ học các tỷ lệ của mẫu thành tỷ lệ chính xác của toàn bộ tổng thể nghiên cứu.

Về tổ chức và lựa chọn mẫu, khảo sát được triển khai tại năm địa phương gồm tỉnh Đồng Tháp, tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Cà Mau. Các địa bàn được lựa chọn nhằm phản ánh tương đối sự đa dạng về điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, văn hóa - xã hội và yêu cầu quản trị ở cấp cơ sở của vùng ĐBSCL. Trong từng địa bàn, người cung cấp thông tin được lựa chọn theo các nhóm chức danh, vị trí công tác và mức độ liên quan đến hoạt động lãnh đạo, quản lý, thực thi công vụ ở cấp cơ sở. Cơ cấu mẫu đồng thời chú ý đến một số đặc điểm nhân khẩu học và nghề nghiệp như giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, thâm niên công tác và địa bàn nhằm bảo đảm sự đa dạng của thông tin thu thập.

Về nội dung khảo sát, bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở khung lý thuyết của luận án và tập trung vào sáu nhóm thành tố cấu thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã: (1) nhận thức chính trị; (2) giá trị chính trị; (3) hệ tư tưởng và niềm tin chính trị; (4) chuẩn mực chính trị; (5) hành vi và phương thức thực thi quyền lực; (6) năng lực thực hành chính trị. Trong đó, tri thức và định hướng tư tưởng, niềm tin chính trị được nhận diện thông qua các chỉ báo về tri thức chính trị, hệ tư tưởng chính trị, niềm tin chính trị, lý tưởng và tình cảm chính trị.

Bên cạnh các thành tố cấu thành, bảng hỏi khảo sát các chỉ báo phản ánh mức độ biểu hiện và kết quả thực hành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, gồm: bản lĩnh chính trị; đạo đức công vụ, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, văn hóa thực thi công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân; năng lực thực thi gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật; hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị; năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở; trách nhiệm giải trình trước Nhân dân. Đồng thời, khảo sát thu thập ý kiến về mức độ quan trọng của các nhóm giải pháp nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Về xử lý và phân tích dữ liệu, sau khi thu thập, các phiếu khảo sát được kiểm tra, làm sạch, mã hóa, tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS. Luận án sử dụng thống kê mô

tả, chủ yếu gồm tần suất và tỷ lệ phần trăm, để phản ánh cơ cấu mẫu và mức độ đánh giá đối với từng thành tố, chỉ báo và nhóm giải pháp. Trong phạm vi dữ liệu cho phép, kết quả khảo sát được đối chiếu giữa các nhóm người trả lời và kết hợp với kết quả nghiên cứu tài liệu, khảo sát thực tế cùng các nguồn thông tin có liên quan để bổ sung và giải thích các kết quả định lượng.

Để hạn chế thiên lệch có thể phát sinh từ việc tự đánh giá và tăng tính khách quan của kết quả nghiên cứu, luận án phân biệt giữa thông tin do ĐNCB chủ chốt cấp xã cung cấp và thông tin đánh giá từ các nhóm chủ thể có liên quan khi dữ liệu thực tế cho phép. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nguồn đánh giá được sử dụng như căn cứ đối chiếu, góp phần nhận diện đầy đủ hơn các biểu hiện của VHCT trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi quyền lực ở cấp cơ sở.

Các kết quả thống kê mô tả được sử dụng để phản ánh xu hướng và mức độ biểu hiện của hiện tượng nghiên cứu, không được diễn giải trực tiếp thành quan hệ nhân quả. Những nhận định về tác động của đặc trưng văn hóa vùng, môi trường thể chế, kinh tế thị trường, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, cơ chế kiểm soát quyền lực và các điều kiện quản trị khác được luận án xem xét trên cơ sở kết hợp kết quả điều tra xã hội học với phân tích tài liệu, khảo sát thực tế và các nguồn bằng chứng có liên quan.

Phương pháp phỏng vấn sâu và chuyên gia: Luận án tiến hành phỏng vấn sâu và tham vấn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực Chính trị học, Xây dựng Đảng, quản lý nhà nước và cán bộ lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm thực tiễn nhằm bổ sung thông tin, kiểm chứng kết quả điều tra xã hội học và làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra trong nghiên cứu. Bên cạnh đó, tác giả tổ chức tọa đàm khoa học với chủ đề “VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên phát triển mới” tại Trường Đại học Đồng Tháp nhằm thu nhận ý kiến phản biện, trao đổi học thuật và hoàn thiện các luận cứ khoa học của luận án.

Phương pháp khảo sát thực tế: Tác giả tiến hành khảo sát thực tế tại một số địa phương đại diện cho các tiểu vùng sinh thái, đặc điểm dân cư, dân tộc và tôn giáo của vùng ĐBSCL nhằm thu thập thông tin về môi trường chính trị - xã hội, phong cách lãnh đạo, phương thức thực thi công vụ và những biểu hiện cụ thể của VHCT trong hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Kết quả khảo sát thực tế được sử dụng để đối chiếu, kiểm chứng và bổ sung cho các kết quả thu được từ điều tra xã hội học và nghiên cứu tài liệu.

Phương pháp thống kê và xử lý số liệu: Phương pháp này được sử dụng để tổng hợp, phân loại và xử lý các số liệu thu được từ khảo sát xã hội học, các báo cáo thống kê của địa phương và các nguồn dữ liệu thứ cấp khác. Trên cơ sở đó, luận án tiến hành phân tích các đặc điểm, xu hướng và mức độ biểu hiện của các thành tố VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Phương pháp so sánh: Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu kết quả khảo sát giữa các nhóm đối tượng, giữa các địa bàn nghiên cứu và giữa các thành tố cấu thành VHCT để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt và những đặc trưng riêng của VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Đây cũng là cơ sở để luận án đề xuất các giải pháp phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng và từng địa phương trong vùng.

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

5.1 Câu hỏi nghiên cứu

Để giải quyết mục tiêu tổng quát và các nhiệm vụ cụ thể, luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu cốt lõi sau:

- i) Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được cấu thành từ những thành tố cốt lõi nào?
- ii) Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã tại ĐBSCL hiện nay mang những đặc trưng khác biệt nào dưới tác động của tính đặc thù vùng miền?
- iii) Nguyên nhân chính dẫn đến sự lệch chuẩn và tính cục bộ trong VHCT của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã tại ĐBSCL là gì?
- iv) Giải pháp đột phá nào giúp chuyển hóa hiệu quả các giá trị VHCT đặc thù vùng thành năng lực quản trị công hiện đại?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án đặt ra các giả thuyết nghiên cứu mang tính định hướng sau:

Giả thuyết 1: Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chịu sự tương tác đa chiều giữa khuôn khổ thể chế chính trị của Đảng, Nhà nước với các đặc trưng văn hóa - xã hội đặc thù của vùng ĐBSCL (tính cởi mở, trọng tình, linh hoạt và tinh thần cộng đồng). Sự tương tác này mang tính hai mặt: vừa là nguồn lực trợ lực thúc đẩy phong cách gần dân, vận động quần chúng và tạo lập đồng thuận xã hội; vừa là nguy cơ làm suy giảm tính nguyên tắc và tinh thần thượng tôn pháp luật (dẫn đến tâm lý nể nang, tùy nghi, "dĩ hòa vi quý") nếu thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực và kỷ luật công vụ chặt chẽ.

Giả thuyết 2: Tác động cộng hưởng của phát triển kinh tế thị trường, biến đổi khí hậu gay gắt và tiến trình chuyển đổi số đang thúc đẩy quá trình tái cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Quá trình này tạo ra sự chuyển dịch và phân hóa rõ rệt: làm nảy sinh yêu cầu tất yếu chuyển từ văn hóa lãnh đạo/quản lý hành chính, nặng tính kinh nghiệm sang văn hóa quản trị thích ứng, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và dựa trên nền tảng số; đồng thời làm bộc lộ khoảng cách về năng lực thích ứng và nguy cơ suy thoái đạo đức công vụ giữa các nhóm cán bộ trước các thách thức quản trị phi truyền thống.

Giả thuyết 3: Mức độ hoàn thiện của cơ chế kiểm soát quyền lực và mức độ thể chế hóa các chuẩn mực VHCT vào công tác cán bộ có mối quan hệ tương quan thuận chiều với chất lượng thực thi quyền lực và hiệu lực quản trị cơ sở. Cơ chế kiểm soát quyền lực càng minh bạch, trách nhiệm giải trình càng cao, kỷ luật công vụ càng nghiêm minh và các tiêu chí VHCT càng được chuẩn hóa trong quy hoạch, đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ thì văn hóa thực thi quyền lực vì Nhân dân của ĐNCB chủ chốt cấp xã càng được định hình vững chắc và phát huy hiệu quả trên thực tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần bổ sung và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã dưới góc độ Chính trị học. Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về VHCT, HTCT cơ sở, văn hóa lãnh đạo và ĐNCB, luận án tiếp tục hệ thống hóa, phân tích và làm rõ các khái niệm, cấu trúc, đặc điểm, vai trò và các yếu tố tác động đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong điều kiện hiện nay.

Đề tài góp phần phát triển cách tiếp cận nghiên cứu VHCT theo hướng tiếp cận tổng hợp và liên ngành, không chỉ xem VHCT như hệ giá trị hay trạng thái ý thức chính trị đơn thuần mà còn tiếp cận VHCT như một chỉnh thể bao gồm tri thức chính trị, giá trị chính trị, niềm tin chính trị, chuẩn mực chính trị, hành vi chính trị, văn hóa ứng xử chính trị, phong cách lãnh đạo và năng lực thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Qua đó, luận án góp phần làm rõ mối quan hệ giữa VHCT với hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở, chất lượng quản trị địa phương và khả năng tạo lập đồng thuận xã hội ở cơ sở.

Luận án đồng thời góp phần bổ sung cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa VHCT với văn hóa vùng và môi trường chính trị - xã hội đặc thù của ĐBSCL. Thông qua việc phân tích đặc điểm văn hóa vùng, điều kiện tự nhiên, cấu trúc xã hội, yếu tố dân tộc - tôn giáo và những biến đổi kinh tế - xã hội ở ĐBSCL hiện nay, đề tài góp phần làm rõ sự tác động của các yếu tố văn hóa vùng đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong bối cảnh đổi mới HTCT, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho nghiên cứu về xây dựng ĐNCB trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hiện đại hóa nền quản trị quốc gia ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, luận án góp phần mở rộng nghiên cứu Chính trị học về cấp cơ sở - lĩnh vực có vai trò đặc biệt quan trọng trong tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nhưng còn chưa được nghiên cứu đầy đủ từ góc độ VHCT.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay trên các phương diện như tri thức chính trị, niềm tin chính trị, trách nhiệm chính trị, văn hóa ứng xử chính trị, phong cách lãnh đạo, ý thức phục vụ Nhân dân và năng lực thực thi quyền lực ở cơ sở. Qua đó, luận án góp phần nhận diện những ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong bối cảnh mới.

Các kết quả nghiên cứu của luận án có thể cung cấp thêm luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý trong quá trình xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng ĐNCB cấp xã ở vùng ĐBSCL hiện nay. Những đề xuất, giải pháp của luận án có thể được tham khảo trong việc nâng cao chất lượng ĐNCB chủ chốt cấp xã, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng văn hóa công vụ, tăng cường văn hóa liêm chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở.

Đề tài cũng có ý nghĩa thực tiễn trong việc góp phần nâng cao năng lực quản trị địa phương và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với HTCT ở cơ sở. Trong điều kiện ĐBSCL đang chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, di cư lao động, chuyển đổi số và sự biến đổi của cấu trúc xã hội, việc nâng cao VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường khả năng thích ứng, nâng cao chất lượng điều hành, tạo lập đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh cộng đồng trong phát triển bền vững vùng ĐBSCL hiện nay.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy các chuyên ngành Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý công, Văn hóa học và các lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến HTCT cơ sở và ĐNCB ở Việt Nam hiện nay.

7. Đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp mới sau:

Thứ nhất, xác lập và cụ thể hóa nội hàm, cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã dưới góc độ Chính trị học. Kế thừa có chọn lọc các lý thuyết về VHCT, luận án xác định VHCT của chủ thể lãnh đạo cơ sở không chỉ giới hạn ở nhận thức, lý tưởng hay phẩm chất đạo đức cá nhân, mà biểu hiện tập trung qua chuẩn mực hành vi, phong cách lãnh đạo, phương thức thực thi quyền lực, trách nhiệm giải trình, tinh thần thượng tôn pháp luật và mối quan hệ phục vụ Nhân dân. Điểm mới của luận án so với các công trình trước (vốn chủ yếu tiếp cận ở bình diện chung hoặc đối với công chức nói chung) là đã hệ thống hóa cơ sở hình thành, các giá trị cốt lõi và cấu trúc VHCT gắn chặt với vị trí, vai trò của nhóm chủ thể trực tiếp nắm giữ và thực thi quyền lực chính trị ở cấp cơ sở.

Thứ hai, xây dựng và kiểm chứng khung phân tích đa chiều về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã: Luận án thiết lập mô hình phân tích tích hợp, kết nối các thành tố cấu thành VHCT với hệ thống các yếu tố tác động và điều kiện bảo đảm. Điểm mới mang tính đột phá của khung phân tích là không xem xét phẩm chất hay hành vi của cán bộ một cách biệt lập, tĩnh tại, mà đặt trong mối quan hệ tương tác động giữa 4 trục: Chủ thể cán bộ - Môi trường thể chế - Đặc trưng văn hóa vùng (văn hóa sông nước vùng ĐBSCL) - Bối cảnh quản trị mới (chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, kinh tế thị trường); từ đó tạo cơ sở lý thuyết để nhận diện và đo lường VHCT như một chỉnh thể vận động trong thực tiễn.

Thứ ba, luận án làm rõ cơ chế chuyển hóa các giá trị và chuẩn mực VHCT vào quá trình xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã, đồng thời cụ thể hóa thành bộ quy tắc ứng xử VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn, luận án xác định việc xây dựng VHCT không chỉ dừng ở giáo dục nhận thức và phẩm chất cá nhân, mà cần chuyển hóa các giá trị và chuẩn mực VHCT thành những yêu cầu cụ thể trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng và kiểm soát việc thực thi quyền lực của cán bộ. Từ đó, luận án đề xuất bộ quy tắc ứng xử VHCT tập trung vào các chuẩn mực chủ yếu về trách nhiệm, liêm chính, tính nguyên tắc, thượng tôn pháp luật, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, quan hệ gần dân và tinh thần phục vụ Nhân dân. Điểm mới của đóng góp này là tạo lập sự liên kết giữa giá trị và chuẩn mực VHCT - công tác cán bộ - hành vi thực thi quyền lực, qua đó chuyển các yêu cầu có tính giá trị của VHCT thành những chuẩn mực có khả năng định hướng và điều chỉnh hành vi của cán bộ chủ chốt cấp xã.

Thứ tư, luận án đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, đặc thù nhằm xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, trực tiếp khắc phục các điểm nghẽn thực tiễn thay vì chỉ giáo dục phẩm chất chung chung. Điểm mới của giải pháp là kết hợp chặt chẽ giữa phát huy giá trị tiến bộ với triệt tiêu mặt trái của văn hóa vùng (tính nể nang, tùy nghi); nâng cao đạo đức liêm chính, năng lực quản trị thích ứng và kỹ năng số; tăng cường kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình; đồng thời thể chế hóa chuẩn mực VHCT vào toàn bộ quy trình công tác cán bộ ở cơ sở.

8. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 14 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

Văn hóa chính trị là một trong những lĩnh vực nghiên cứu quan trọng của khoa học chính trị hiện đại, được hình thành và phát triển mạnh từ nửa sau thế kỷ XX cùng với sự phát triển của khoa học hành vi, xã hội học chính trị, nghiên cứu dân chủ và quản trị công. Từ chỗ chủ yếu được tiếp cận như một yếu tố thuộc đời sống tinh thần - ý thức chính trị, VHCT dần được nhìn nhận như một cấu phần nền tảng của HTCT, có ảnh hưởng trực tiếp đến tính chính danh của quyền lực, sự ổn định chính trị, chất lượng dân chủ, hiệu quả quản trị và mức độ gắn kết xã hội.

Quá trình phát triển tri thức về VHCT cho thấy sự chuyển dịch đáng chú ý trong cách tiếp cận nghiên cứu. Nếu các nghiên cứu kinh điển giai đoạn đầu tập trung vào thái độ chính trị, hành vi chính trị và sự ổn định của nền dân chủ, thì các nghiên cứu sau này mở rộng sang các vấn đề như vốn xã hội, niềm tin chính trị, chủ nghĩa dân túy, khủng hoảng đại diện, truyền thông số, quản trị quốc gia và sự biến đổi giá trị trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đặc biệt, nghiên cứu VHCT hiện nay không chỉ quan tâm đến các quốc gia dân chủ phương Tây mà còn mở rộng sang các quốc gia chuyển đổi, các nước đang phát triển và các mô hình chính trị ngoài phương Tây, qua đó cho thấy VHCT luôn gắn chặt với bối cảnh lịch sử, văn hóa và cấu trúc xã hội cụ thể của từng quốc gia.

Ở Việt Nam, nghiên cứu VHCT chủ yếu được triển khai trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa trong chính trị. Các công trình nghiên cứu tập trung làm rõ nội hàm khái niệm VHCT, vai trò của VHCT đối với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng ĐNCB và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế.

Có thể khái quát các công trình nghiên cứu về VHCT thành ba nhóm chủ yếu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận nền tảng về văn hoá chính trị

Đây là nhóm công trình đặt nền móng lý luận cho nghiên cứu VHCT hiện đại, tập trung làm rõ khái niệm, cấu trúc, chức năng, cơ chế hình thành và vai trò của VHCT đối với sự vận hành của HTCT và đời sống xã hội.

Trong khoa học chính trị phương Tây, nghiên cứu VHCT hiện đại gắn liền với sự phát triển của trường phái hành vi luận (behavioralism). Công trình tiêu biểu mở đầu cho hướng nghiên cứu này là *The Politics of the Developing Areas* của Gabriel A. Almond và James S. Coleman [156]. Các tác giả cho rằng nghiên cứu chính trị không thể chỉ dừng ở các thiết chế chính thức như nhà nước, hiến pháp hay pháp luật, mà cần tiếp cận cả những

yếu tố phi chính thức như tâm lý xã hội, giá trị, niềm tin và thái độ chính trị của con người. Theo Almond và Coleman, VHCT là tổng thể các định hướng, thái độ và giá trị của cá nhân đối với HTCT; đồng thời VHCT luôn là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, được hình thành thông qua quá trình xã hội hóa chính trị.

Tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu này, Gabriel A. Almond và Sidney Verba trong công trình kinh điển *The Civic Culture* [157] đã xây dựng mô hình “văn hóa công dân” (civic culture) trên cơ sở nghiên cứu so sánh VHCT ở năm quốc gia: Hoa Kỳ, Anh, Đức, Ý và Mexico. Theo các tác giả, VHCT của một xã hội được cấu thành từ ba kiểu định hướng chính trị cơ bản: kiểu người tham gia, kiểu người thân phục và kiểu người địa phương. Sự ổn định của nền dân chủ phụ thuộc vào sự kết hợp hài hòa giữa các kiểu định hướng này, đặc biệt là sự tham gia chính trị có trách nhiệm của công dân. Công trình được xem là cột mốc mở đầu cho tiểu ngành nghiên cứu VHCT trong khoa học chính trị hiện đại.

Cùng với Almond và Verba, Lucian W. Pye là một trong những học giả có đóng góp quan trọng trong việc mở rộng nghiên cứu VHCT sang lĩnh vực phát triển chính trị và hiện đại hóa chính trị. Trong các công trình như *Political Culture and Political Development*, Pye cho rằng VHCT phản ánh “khía cạnh chủ quan của đời sống chính trị”, bao gồm các giá trị, biểu tượng, cảm xúc và định hướng tâm lý chi phối hành vi chính trị của con người. Theo ông, VHCT có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định chính trị và quá trình hiện đại hóa của các quốc gia đang phát triển.

Tiếp cận từ góc độ trật tự chính trị và thể chế hóa chính trị, Samuel P. Huntington trong *Political Order in Changing Societies* cho rằng bất ổn chính trị ở các quốc gia đang phát triển bắt nguồn từ sự mất cân đối giữa mức độ huy động chính trị của xã hội với năng lực thể chế của nhà nước. Theo Huntington, nếu hiện đại hóa kinh tế - xã hội không đi kèm với sự phát triển của các thiết chế chính trị và VHCT phù hợp thì sẽ dẫn đến khủng hoảng chính trị và suy giảm tính chính danh của hệ thống cầm quyền.

Từ cuối thế kỷ XX, nghiên cứu VHCT tiếp tục được mở rộng sang các vấn đề như vốn xã hội, niềm tin chính trị và hiệu quả quản trị. Francis Fukuyama trong công trình *Trust* cho rằng niềm tin xã hội là nền tảng quan trọng của sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị; các xã hội có mức độ tin cậy cao thường có năng lực hợp tác xã hội và hiệu quả thể chế tốt hơn. Sau này, Fukuyama tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu này trong các công trình về “suy thoái chính trị” (political decay), nhấn mạnh nguy cơ trì trệ thể chế và khủng hoảng lòng tin trong các nền dân chủ hiện đại.

Ở góc độ phương pháp luận, Emil Ordukhanyan trong bài viết *A Comparative Analysis of Theoretical and Methodological Foundations of Political Culture* (Một phân tích so sánh về cơ sở lý thuyết và phương pháp của VHCT) [177]. Bài báo cung cấp một

phân tích toàn diện về cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu VHCT, nhấn mạnh vai trò của VHCT trong việc hiểu các hiện tượng xã hội và chính trị, có thể giúp các nhà lãnh đạo chính trị đưa ra các quyết định có căn cứ. Bài báo cung cấp các phương pháp và cách tiếp cận khác nhau để phân tích VHCT, giúp các nhà nghiên cứu có định hướng tiếp cận và thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm cũng như thu thập dữ liệu về VHCT. Bài báo định nghĩa VHCT là tổng hợp của các ý tưởng chính trị, kiến thức, truyền thống và giá trị chính trị, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của đối thoại chính trị trong việc thể hiện VHCT... Tóm lại, đóng góp thực tiễn của bài báo là cung cấp những hiểu biết quý giá cho nghiên cứu về VHCT.

Stephen White trong bài viết *Political Culture and Political Science* [192] thảo luận về khái niệm VHCT và tầm quan trọng của nó trong so sánh các HTCT. Những tác động thực tiễn của bài báo này là: (1) bài báo nhấn mạnh vai trò quan trọng của VHCT đối với các cơ quan chính quyền; (2) bài báo cũng thảo luận về những khó khăn liên quan đến việc sử dụng khái niệm VHCT trong phân tích so sánh các HTCT và lý giải sự khác biệt trong hành vi chính trị giữa các quốc gia. Nhìn chung, bài báo cung cấp một công cụ hữu ích cho các nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách hiểu sâu về VHCT của một HTCT cụ thể và tác động của nó đối với hành vi chính trị và quá trình ra quyết định chính trị.

Nhìn chung, các nghiên cứu thuộc nhóm này đã đặt nền móng lý luận cho nghiên cứu VHCT hiện đại, chuyển trọng tâm nghiên cứu chính trị từ các thiết chế chính thức sang các yếu tố văn hóa, tâm lý và giá trị chính trị. Đồng thời, các công trình cũng cho thấy VHCT không chỉ là sản phẩm của truyền thống lịch sử mà còn là một biến số có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành của HTCT và sự phát triển của xã hội hiện đại.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về sự biến đổi của văn hoá chính trị trong xã hội hiện đại

Nếu các nghiên cứu kinh điển chủ yếu quan tâm đến sự ổn định chính trị và điều kiện vận hành của nền dân chủ, thì từ cuối thế kỷ XX đến nay, nghiên cứu VHCT đã chuyển mạnh sang phân tích sự biến đổi của các giá trị chính trị, niềm tin chính trị và hành vi chính trị trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ.

Một trong những học giả có ảnh hưởng lớn nhất trong hướng nghiên cứu này là Ronald Inglehart. Trong công trình *The Silent Revolution* [164], Inglehart đưa ra khái niệm “giá trị hậu vật chất” (post-materialist values), cho rằng khi điều kiện kinh tế - xã hội được cải thiện, con người sẽ chuyển từ ưu tiên các nhu cầu vật chất sang đề cao các giá trị như tự do cá nhân, dân chủ, chất lượng cuộc sống và sự tham gia chính trị.

Trong các công trình tiếp theo như *Culture Shift in Advanced Industrial Society* [165], Ronald Inglehart tiếp tục phát triển lý thuyết về sự thay đổi giá trị và phân tích tác

động của quá trình chuyển đổi giá trị đối với đời sống chính trị và xã hội ở các quốc gia công nghiệp phát triển. Tác giả làm rõ quá trình biến đổi VHCT dưới tác động của hiện đại hóa và phát triển kinh tế-xã hội.

Công trình *Modernization and Postmodernization: Cultural, Economic, and Political Change in 43 Societies* [166] là một nghiên cứu quan trọng sử dụng dữ liệu từ dự án khảo sát giá trị Thế giới (*World Values Survey*) nhằm phân tích sự biến đổi văn hóa, kinh tế và chính trị trên phạm vi toàn cầu. Công trình cung cấp cái nhìn toàn diện về VHCT trong bối cảnh hiện đại hóa và hậu hiện đại hóa ở nhiều quốc gia khác nhau.

Trong tác phẩm *Cultural Evolution: People's Motivations Are Changing, and Reshaping the World* [167], Inglehart tiếp tục phát triển lý thuyết về sự biến đổi giá trị và phân tích mối quan hệ giữa hiện đại hóa, phát triển kinh tế và biến đổi VHCT trên quy mô toàn cầu. Theo ông, sự gia tăng “an ninh tồn tại” sẽ dẫn đến sự suy giảm các giá trị quyền uy truyền thống và thúc đẩy các giá trị dân chủ, bình đẳng giới, khoan dung và tự do cá nhân.

Một hướng nghiên cứu quan trọng khác là nghiên cứu về vốn xã hội và niềm tin chính trị. Robert D. Putnam trong các công trình *Making Democracy Work*, *Bowling Alone* và *The Upswing* cho rằng chất lượng của nền dân chủ phụ thuộc rất lớn vào mức độ gắn kết xã hội, sự tham gia của công dân và niềm tin xã hội. Putnam chỉ ra rằng sự suy giảm vốn xã hội và sự tan rã của các mạng lưới cộng đồng sẽ dẫn đến phân cực chính trị, suy giảm niềm tin và khủng hoảng dân chủ.

Tiếp nối hướng nghiên cứu này, nhiều công trình gần đây tập trung phân tích mối quan hệ giữa niềm tin chính trị, chất lượng thể chế và sự ổn định dân chủ. Bo Rothstein và Dietlind Stolle trong *A Theory of Political Institutions and Generalized Trust* cho rằng niềm tin xã hội không chỉ là sản phẩm của văn hóa mà còn được tạo ra bởi chất lượng của các thiết chế công và tính công bằng của hệ thống quản trị.

Các nghiên cứu khác như *The Democratic Utility of Trust* hay *The Origins of Political Trust in East Asian Democracies* cũng khẳng định niềm tin chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định của nền dân chủ và mức độ chấp nhận của xã hội đối với HTCT.

Trong bối cảnh khủng hoảng dân chủ và sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy hiện nay, nhiều nghiên cứu đã mở rộng nghiên cứu VHCT sang các vấn đề như phân cực xã hội, chống chính trị và khủng hoảng đại diện. Jan-Werner Müller trong *What is Populism?* phân tích bản chất của chủ nghĩa dân túy như một biểu hiện của khủng hoảng niềm tin chính trị và khủng hoảng đại diện trong các nền dân chủ hiện đại. Fabio de Nardis trong bài viết *Ideologies, Political Cultures and the Populist Wave* cũng nhấn mạnh vai trò của

xã hội hóa chính trị và VHCT trong sự hình thành các xu hướng dân túy và chống chính trị hiện nay.

Đáng chú ý, nghiên cứu VHCT hiện nay đang có xu hướng mở rộng sang lĩnh vực chuyển đổi số, công nghệ công dân và quản trị dữ liệu. Các nghiên cứu gần đây cho thấy công nghệ số không chỉ thay đổi phương thức tham gia chính trị mà còn làm biến đổi cấu trúc niềm tin chính trị, cơ chế hình thành dư luận và mô hình tương tác giữa nhà nước với xã hội.

Có thể thấy rằng tri thức về VHCT hiện nay đã phát triển từ mô hình nghiên cứu tĩnh sang mô hình nghiên cứu động; từ nghiên cứu thái độ chính trị truyền thống sang nghiên cứu niềm tin, vốn xã hội, truyền thông và quản trị; từ nghiên cứu các nền dân chủ phương Tây sang nghiên cứu toàn cầu và các xã hội chuyển đổi. Điều này cho thấy VHCT là một hiện tượng luôn vận động cùng với sự biến đổi của môi trường kinh tế-xã hội và cấu trúc quyền lực chính trị hiện đại.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về văn hoá chính trị ở Việt Nam

Ở Việt Nam, nghiên cứu VHCT chủ yếu được triển khai trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa trong chính trị. Các công trình tập trung làm rõ bản chất, cấu trúc, vai trò và các biểu hiện của VHCT trong xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng ĐNCB trong điều kiện đổi mới.

Một trong những công trình có giá trị lý luận là bài viết Vietnamese Political Culture: Theoretical Research của Hồ Thị Ngọc Sao [122]. Công trình xây dựng khung lý thuyết về VHCT Việt Nam trên cơ sở kết hợp các tư tưởng chính trị phương Đông, phương Tây với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả nhấn mạnh rằng nghiên cứu VHCT có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng một nền chính trị mang tính văn hóa nhằm định hướng sự phát triển dân tộc trong bối cảnh mới.

Công trình Factors Affecting Political Culture: A Case Study in Vietnam của Nguyễn Minh Trí và Trần Quốc Hoàn [100] tiếp cận VHCT từ góc độ quản trị quốc gia. Các tác giả cho rằng VHCT đang trở thành một chủ đề nghiên cứu đáng chú ý. Có nhiều nghiên cứu ở Việt Nam và nước ngoài liên quan đến chủ đề này, bởi các chính trị gia và học giả khi nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau đều có nhận định chung rằng VHCT giữ vai trò rất quan trọng trong quản trị quốc gia. Sự thịnh vượng của đất nước, cuộc sống hạnh phúc của Nhân dân và sự ổn định của chế độ chắc chắn sẽ được thực hiện nếu quốc gia xây dựng được một nền VHCT tiên bộ dựa trên nền tảng văn hóa dân tộc. Trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, VHCT Việt Nam đã, đang và sẽ chịu tác động bởi các yếu tố khách quan và chủ quan. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng đã cung cấp những luận cứ khoa học làm tiền đề góp phần xây dựng VHCT ở Việt Nam.

Nghiên cứu về VHCT của ĐNCB được thể hiện khá rõ trong bài viết “VHCT của người cán bộ, đảng viên hiện nay” của Nguyễn Quốc Huy [49]. Tác giả cho rằng VHCT của cán bộ, đảng viên được cấu thành bởi tri thức chính trị, tình cảm chính trị, tư tưởng chính trị và năng lực hoạt động chính trị; đồng thời nhấn mạnh vai trò của tư duy LLCT và khả năng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn.

Ngoài ra, còn có công trình của Phạm Hồng Tung trong “*VHCT và lịch sử dưới góc nhìn VHCT*” [152] tiếp cận VHCT từ nhiều phương diện như văn hóa, lối sống, văn hóa cộng đồng, bản thể chính trị và cấu trúc quyền lực ở Việt Nam. Qua đó, tác giả góp phần làm rõ mối quan hệ giữa VHCT với đời sống chính trị và sự vận động của các giá trị văn hóa trong lịch sử Việt Nam.

Phạm Ngọc Quang trong công trình “*Văn hoá chính trị và việc bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay*” [114] tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về VHCT như khái niệm, cấu trúc, chức năng và đặc điểm; đồng thời phân tích thực trạng VHCT ở Việt Nam, tác động của VHCT đối với hoạt động chính trị và công tác bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo.

Nguyễn Văn Ký trong công trình “*Một số yếu tố tác động đến VHCT của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay*” [66] xem VHCT là hệ giá trị cốt lõi được hình thành trong thực tiễn chính trị, phản ánh nhận thức chính trị, lý tưởng và năng lực hành động của ĐNCB lãnh đạo, quản lý. Tác giả đồng thời chỉ ra các yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp đến VHCT và đề xuất một số giải pháp nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo, quản lý.

Lâm Quốc Tuấn trong công trình “*Nâng cao VHCT của cán bộ lãnh đạo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*” [149] đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về bản chất, vai trò, cấu trúc, đặc điểm và chức năng của VHCT; đồng thời xác định những yêu cầu thực tiễn và đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo ở Việt Nam. Bên cạnh đó, trong bài viết “*Nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo cấp chiến lược: Tiền đề quan trọng cho sự phát triển của đất nước*” [149], tác giả nhấn mạnh việc nâng cao kiến thức lý luận chính trị, khoa học lãnh đạo, rèn luyện đạo đức, lối sống và phát huy tính tích cực chính trị của cán bộ lãnh đạo.

Các công trình trên đã tiếp cận VHCT từ góc độ văn hóa lãnh đạo, văn hóa quyền lực, đạo đức công vụ và xây dựng hệ giá trị chính trị trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những kết quả này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa khi xây dựng khung lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã; đồng thời cho thấy cần tiếp tục làm rõ sự chuyển hóa của các giá trị VHCT thành hành vi thực thi quyền lực trong điều kiện cụ thể của vùng ĐBSCL.

Đáng chú ý là luận án của Nguyễn Thị Hồng Minh “Sự ảnh hưởng của VHCT đối với tiến trình dân chủ ở Việt Nam hiện nay” [95]. Tác giả đã làm rõ khái niệm VHCT, các chiều cạnh của VHCT và sự ảnh hưởng của VHCT đối với tiến trình dân chủ. Tác giả cũng phân tích tương đối rõ nét những giá trị VHCT đặc trưng của Việt Nam như trọng cộng đồng, trọng thứ bậc, trọng hài hòa và ảnh hưởng của những giá trị này đối với tiến trình dân chủ ở nước ta. Đồng thời, tác giả khái quát các chiều cạnh khác nhau của VHCT cũng như xem xét dân chủ từ ba nội dung chủ yếu: dân chủ là quyền của người dân; dân chủ là công cụ quản trị; dân chủ là một quá trình giáo dục. Ở một cấp độ nhất định, VHCT chi phối đến trật tự ưu tiên các quyền dân chủ cũng như cơ sở đạo lý cho việc thực hành dân chủ trên thực tế. Điều này cho thấy việc tuyệt đối hóa theo bất kỳ hướng nào khi tranh luận về bản chất con người, cũng như về tính phổ quát của các nền văn hóa và nền dân chủ, đều có thể trở nên phiến diện. Về cơ bản, tác giả Nguyễn Thị Hồng Minh đã cung cấp một cái nhìn tương đối toàn diện về những đặc điểm và giá trị của VHCT Việt Nam và ảnh hưởng của nó tới việc hình thành các giá trị cũng như thực hành dân chủ ở Việt Nam. Đây là tài liệu quý báu, định hướng cho công trình chỉ ra thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong quá trình thực hiện đề tài này.

Nhìn tổng thể, nghiên cứu VHCT ở Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể cả về phạm vi và chiều sâu nghiên cứu. Nếu giai đoạn đầu chủ yếu tập trung vào việc giới thiệu, tiếp thu lý thuyết VHCT của phương Tây, thì các nghiên cứu gần đây đã bắt đầu chú trọng hơn đến đặc điểm VHCT Việt Nam, mối quan hệ giữa VHCT với xây dựng Đảng, quản trị quốc gia, dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng ĐNCB trong điều kiện chuyển đổi xã hội hiện nay. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về VHCT đã hình thành một hệ thống tri thức tương đối phong phú và đa dạng cả về lý luận, hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Các nghiên cứu đã góp phần làm rõ bản chất, cấu trúc, chức năng và vai trò của VHCT đối với sự vận hành của HTCT; đồng thời khẳng định VHCT là một trong những yếu tố quan trọng chi phối hành vi chính trị, tính chính danh chính trị, chất lượng dân chủ và hiệu quả quản trị quốc gia.

Có thể thấy rằng các nghiên cứu hiện nay đã tạo dựng được nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu VHCT trong điều kiện hiện đại. Tuy nhiên, xét tổng thể, nghiên cứu về VHCT hiện nay vẫn bộc lộ một số đặc điểm đáng chú ý.

Thứ nhất, các nghiên cứu phương Tây chủ yếu tiếp cận VHCT từ góc độ dân chủ tự do, hành vi chính trị và xã hội công dân, do đó thường nhấn mạnh vai trò của công dân, sự tham gia chính trị và các giá trị dân chủ tự do. Trong khi đó, các nghiên cứu về VHCT của đội ngũ cầm quyền, đặc biệt là ĐNCB ở cấp cơ sở trong các quốc gia xã hội chủ nghĩa hoặc đang phát triển, vẫn còn tương đối hạn chế.

Thứ hai, nhiều nghiên cứu hiện nay có xu hướng tiếp cận VHCT như một hiện tượng ở cấp độ vĩ mô hoặc cấp độ hệ thống, trong khi các nghiên cứu về VHCT ở cấp độ chủ thể chính trị cụ thể, nhất là ĐNCB thực thi quyền lực ở cơ sở, chưa thực sự nhiều và chưa hình thành hệ thống lý luận chuyên sâu.

Thứ ba, mặc dù nghiên cứu VHCT hiện đại đã mở rộng sang các vấn đề như truyền thông số, khủng hoảng niềm tin chính trị hay chủ nghĩa dân túy, song việc nghiên cứu sự biến đổi VHCT trong bối cảnh chuyển đổi số, quản trị số và xã hội mạng vẫn đang trong quá trình phát triển và chưa thật sự thống nhất về phương pháp tiếp cận.

Đối với Việt Nam, các nghiên cứu về VHCT nhìn chung vẫn thiên về tiếp cận chuẩn tắc - giá trị, tập trung nhiều vào các vấn đề đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị và xây dựng ĐNCB theo các chuẩn mực chính trị - đạo đức xã hội chủ nghĩa. Đây là hướng tiếp cận có ý nghĩa quan trọng về mặt định hướng chính trị và xây dựng hệ giá trị chính trị ở nước ta. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực chứng, nghiên cứu liên ngành và nghiên cứu chuyên sâu về sự biến đổi VHCT trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, truyền thông số và chuyển đổi xã hội hiện nay vẫn còn chưa nhiều.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về VHCT đã cung cấp cơ sở lý luận, phương pháp tiếp cận và nhiều luận cứ khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu VHCT trong điều kiện hiện nay. Đồng thời, các nghiên cứu cũng cho thấy VHCT là một hiện tượng chính trị - xã hội có tính lịch sử, tính động và chịu sự tác động mạnh mẽ của các biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa và công nghệ trong bối cảnh hiện đại.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP XÃ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ

Nghiên cứu về HTCT cấp xã và ĐNCB chủ chốt cấp xã là một trong những hướng nghiên cứu quan trọng của khoa học chính trị, hành chính công và quản trị địa phương hiện đại. Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường năng lực nhà nước và củng cố tính chính danh chính trị ở cơ sở, HTCT cấp xã không chỉ được xem là “cánh tay nối dài” của nhà nước mà còn là không gian trực tiếp diễn ra sự tương tác giữa quyền lực chính trị với đời sống xã hội và người dân. Vì vậy, nghiên cứu về HTCT cấp xã và ĐNCB chủ chốt cấp xã ngày càng được mở rộng cả về phạm vi, hướng tiếp cận và chiều sâu nghiên cứu.

Quá trình phát triển tri thức trong lĩnh vực này cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ nghiên cứu tổ chức bộ máy hành chính đơn thuần sang nghiên cứu quản trị địa phương, năng lực cầm quyền, chất lượng phục vụ công, vốn xã hội, niềm tin chính trị và vai trò của ĐNCB trong quản trị xã hội hiện đại. Nếu các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế vận hành của chính quyền cấp cơ sở, thì các nghiên cứu gần đây chú trọng hơn đến năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình, văn

hóa công vụ, năng lực thích ứng với chuyển đổi số và vai trò của cán bộ cấp xã trong duy trì ổn định xã hội và tạo lập đồng thuận cộng đồng.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến HTCT cấp xã và ĐNCB chủ chốt cấp xã có thể khái quát thành ba nhóm chủ yếu sau:

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp xã và quản trị địa phương

Nhóm nghiên cứu này tập trung làm rõ mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành và vai trò của HTCT cấp cơ sở trong quản trị xã hội và phát triển địa phương.

Ở nước ngoài, nghiên cứu về chính quyền địa phương và HTCT cơ sở gắn liền với quá trình cải cách hành chính và phân quyền nhà nước. Trong công trình Politics UK của Bill Jones, Dennis Kavanagh, Michael Moran và Philip Norton [188], các tác giả phân tích mô hình chính quyền địa phương ở Vương quốc Anh với ba cấp: quận, huyện và giáo xứ. Công trình cho thấy chính quyền địa phương ở Anh có tính tự trị tương đối cao, được phân định khá rõ về chức năng và không vận hành theo mô hình hành chính dọc cứng như nhiều quốc gia châu Á. Các tác giả nhấn mạnh rằng hiệu quả của chính quyền địa phương phụ thuộc nhiều vào mức độ phân quyền, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của cộng đồng dân cư.

Tương tự, Nick Swift và Guy Kervella trong nghiên cứu A complex system aims to bring French local government closer to the people [174] đã phân tích mô hình chính quyền địa phương của Pháp gồm ba cấp: vùng, sở và xã. Các tác giả cho rằng xu hướng phân quyền và tự trị địa phương là đặc điểm nổi bật của quản trị công hiện đại ở châu Âu, trong đó cấp xã được xem là cấp trực tiếp bảo đảm kết nối giữa nhà nước với người dân. Công trình đồng thời nhấn mạnh vai trò của kiểm soát quyền lực, giám sát đa tầng và trách nhiệm công vụ trong hoạt động của chính quyền cơ sở.

Từ góc độ khoa học chính trị và quản trị dân chủ, nhiều công trình hiện đại đã mở rộng nghiên cứu HTCT cơ sở sang các vấn đề như vốn xã hội, niềm tin chính trị và năng lực quản trị địa phương. Tiêu biểu trong hướng tiếp cận này là các công trình kinh điển của Robert D. Putnam như Making Democracy Work, Bowling Alone và The Upswing [178], [179]. Trong các nghiên cứu đó, Putnam cho rằng hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương phụ thuộc không chỉ vào thể chế hành chính mà còn vào mức độ gắn kết cộng đồng, niềm tin xã hội và sự tham gia của công dân. Theo ông, nơi nào có vốn xã hội cao thì nơi đó có nền quản trị hiệu quả và tính chính danh chính trị bền vững hơn.

Trong khi đó, Francis Fukuyama trong Political Order and Political Decay [186] tiếp cận HTCT từ góc độ năng lực nhà nước và thể chế chính trị. Fukuyama cho rằng một nhà nước hiện đại cần bảo đảm ba yếu tố cơ bản: năng lực nhà nước, pháp quyền và trách nhiệm giải trình chính trị. Công trình có giá trị quan trọng trong việc lý giải vì sao nhiều

HTCT cơ sở rơi vào tình trạng trì trệ, thân hữu hoặc suy giảm hiệu quả quản trị khi thiết chế không thích ứng kịp với biến đổi xã hội.

Các nghiên cứu gần đây về khủng hoảng dân chủ và chủ nghĩa dân túy cũng góp phần mở rộng nghiên cứu HTCT cơ sở. Trong tác phẩm *Cultural Backlash: Trump, Brexit, and Authoritarian Populism*, Pippa Norris và Ronald Inglehart [175] đã giải thích sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy (populism) ở Mỹ và châu Âu thông qua sự thay đổi VHCT. Các nghiên cứu khẳng định một bộ phận lớn dân số, đặc biệt là những người lớn tuổi và tầng lớp lao động truyền thống, cảm thấy bị bỏ lại phía sau bởi tiến trình toàn cầu hóa và phát triển xã hội, từ đó phản ứng bằng cách ủng hộ các phong trào dân túy như Trump hay Brexit. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thực nghiệm từ nhiều quốc gia để chứng minh rằng sự phân hóa giá trị chính trị giữa các thế hệ là nguyên nhân quan trọng dẫn đến bất ổn chính trị hiện nay. Đây là một nghiên cứu có giá trị trong việc lý giải sự chia rẽ chính trị sâu sắc giữa các nhóm xã hội trong thế kỷ XXI, đồng thời đưa ra cảnh báo về nguy cơ chủ nghĩa dân túy làm suy yếu nền dân chủ tự do.

Trong khi đó, Steven Levitsky và Daniel Ziblatt với công trình *How Democracies Die* [169] đã phân tích các dấu hiệu cho thấy nền dân chủ có thể sụp đổ ngay từ bên trong mà không cần đảo chính hay chiến tranh. Các tác giả lập luận rằng khi các chính trị gia phá vỡ các chuẩn mực dân chủ và khai thác thể chế để củng cố quyền lực cá nhân, nền dân chủ sẽ dần suy yếu. Công trình nghiên cứu các trường hợp ở Mỹ, châu Âu và Mỹ Latinh nhằm chứng minh cách thức mà sự phân cực chính trị có thể làm xói mòn nền dân chủ. Cuốn sách được xem như một lời cảnh báo về nguy cơ suy thoái dân chủ trên thế giới, đồng thời đưa ra góc nhìn quan trọng về vai trò của VHCT trong việc bảo vệ nền dân chủ.

Tiếp cận từ góc độ niềm tin chính trị, Yascha Mounk trong công trình *The People vs. Democracy: Why Our Freedom Is in Danger and How to Save It* [171] lập luận rằng dân chủ đang bị đe dọa bởi sự suy giảm lòng tin của người dân đối với các thiết chế chính trị truyền thống. Tác giả giới thiệu khái niệm “dân chủ phi tự do” (*illiberal democracy*), trong đó các chính phủ được bầu lên một cách dân chủ nhưng lại làm suy giảm các quyền tự do dân sự. Công trình cũng chỉ ra tác động của mạng xã hội và toàn cầu hóa đối với sự phân cực chính trị. Đây là một trong những nghiên cứu tiêu biểu về tương lai của nền dân chủ trong thời đại kỹ thuật số, góp phần lý giải vì sao các phong trào dân túy có thể làm suy yếu các thể chế dân chủ.

Các nghiên cứu này cho thấy HTCT cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong duy trì sự gắn kết xã hội và củng cố tính chính danh chính trị trong bối cảnh xã hội hiện đại biến đổi nhanh chóng.

Công trình “*Giải pháp đổi mới hoạt động HTCT ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*” của Tô Huy Rúa, Nguyễn Cúc và Trần Khắc Việt [118] đã phân tích tương đối toàn

diện thực trạng hoạt động của HTCT địa phương, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và đề xuất các giải pháp đổi mới hoạt động của HTCT trong điều kiện phát triển mới.

Bài viết “*Suy nghĩ về hệ thống chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay*” của Trần Thái Dương [22] cho rằng HTCT ở xã bao gồm 3 bộ phận cấu thành: Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể Nhân dân ở xã với vai trò, chức năng riêng, có quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành hệ thống, quản lý mọi hoạt động ở xã về các lĩnh vực đời sống. Quan điểm này chỉ rõ được tổ chức của HTCT ở xã nhưng điểm hạn chế theo quan điểm của tác giả là nhấn mạnh đến vai trò, chức năng quản lý và điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội trong phạm vi địa giới hành chính xã; với quan điểm này thì tác giả đang nhấn mạnh đến vai trò của chính quyền xã mà chưa bao quát được vai trò, chức năng của tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội.

Những năm gần đây, nghiên cứu HTCT cấp xã ở Việt Nam có xu hướng chuyển mạnh sang tiếp cận quản trị địa phương và hiện đại hóa quản lý công. Trong bài viết “*Quản trị địa phương theo mô hình chính quyền hai cấp ở Việt Nam*”, Tác giả Trần Thị Diệu Oanh [105] trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn tổ chức chính quyền cấp tỉnh và xã (sau khi bãi bỏ cấp huyện) đã chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn và thách thức đặt ra. Từ đó, nhóm giải pháp hoàn thiện được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, bảo đảm tính liên thông trong điều hành và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai mô hình mới.

Nghiên cứu của Nguyễn Hồng Chinh (2025) với bài viết “*Bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác cho ĐNCB, công chức cấp xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay*” [19] đã tập trung phân tích quá trình chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhằm mục tiêu tinh gọn bộ máy hành chính tại Việt Nam. Tác giả đánh giá những thành tựu bước đầu trong việc kết nối dữ liệu số và nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân, đồng thời chỉ ra những bất cập về thiếu hụt nhân lực chuyên môn tại cấp xã. Nguồn tài liệu nhấn mạnh yêu cầu cấp thiết về đào tạo chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm công vụ cho ĐNCB cấp xã, phường. Các giải pháp được đề xuất gồm bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, tăng cường đoàn kết nội bộ và xây dựng thái độ trọng dân, gần dân.

Bài viết “*Nâng cao năng lực quản trị của chủ tịch ủy ban Nhân dân cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương cấp xã hai cấp*” (2025) của Nguyễn Văn Quang [112] đã tập trung làm rõ vấn đề nâng cao năng lực quản trị của Chủ tịch UBND cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh - xã). Tác giả đánh giá thực trạng, nhận diện các thách thức và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị ở cấp xã.

Bài viết “*Nâng cao năng lực cán bộ, công chức cấp xã*” (2025) của Diễm Khánh [61], đăng trên Báo Nhân dân, phản ánh thực trạng và yêu cầu cấp thiết trong việc nâng cao chất lượng ĐNCB, công chức cấp xã khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở Việt Nam.

Các công trình trên cho thấy nghiên cứu về HTCT cấp xã ở Việt Nam gần đây có sự chuyển dịch rõ hơn sang tiếp cận quản trị địa phương và hiện đại hóa quản lý công, tập trung vào tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, nâng cao năng lực quản trị của cán bộ cấp xã, chuyển đổi số, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân. Các kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án xem xét VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong mối quan hệ với những yêu cầu mới của quản trị địa phương hiện nay.

Nhìn chung, các công trình thuộc nhóm này đã cho thấy sự phát triển của tri thức nghiên cứu HTCT cấp xã từ tiếp cận tổ chức - hành chính truyền thống sang tiếp cận quản trị địa phương hiện đại. Đồng thời, các nghiên cứu cũng khẳng định HTCT cấp xã không chỉ là cấp thực thi chính sách mà còn là không gian trung tâm của quản trị xã hội, nơi trực tiếp quyết định mức độ gắn kết giữa nhà nước với Nhân dân và hiệu quả vận hành của HTCT.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Nhóm nghiên cứu này tập trung làm rõ vị trí, vai trò, tiêu chuẩn, năng lực, phẩm chất và các yêu cầu đặt ra đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã trong điều kiện mới.

Trong khoa học chính trị hiện đại, nghiên cứu về ĐNCB lãnh đạo ở cơ sở ngày càng gắn với các vấn đề như năng lực quản trị, đạo đức công vụ, trách nhiệm giải trình và khả năng thích ứng với chuyển đổi xã hội. Các nghiên cứu hiện đại cho rằng chất lượng ĐNCB cơ sở là nhân tố trực tiếp quyết định hiệu quả hoạt động của HTCT địa phương.

Ở Việt Nam, ĐNCB chủ chốt cấp xã được xem là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước tại cơ sở. Vì vậy, nghiên cứu về đội ngũ này được triển khai khá mạnh trong những năm gần đây.

Bài viết “*Xây dựng chính quyền cấp xã - nhìn từ góc độ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy*” của Trần Anh Tuấn [139] đã đánh giá tương đối toàn diện thực trạng hoạt động của Hội đồng nhân dân và UBND cấp xã, đồng thời chỉ ra nhiều hạn chế liên quan đến năng lực điều hành, kỹ năng quản lý và cải cách thủ tục hành chính ở cấp cơ sở.

Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Thắm [133], bài viết về ĐNCB chủ chốt cấp xã tỉnh Hậu Giang của Nguyễn Minh Trí [141], Nguyễn Hồng Chinh [19], Nguyễn Văn Quang [112]... đều nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB cấp xã theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuẩn hóa, có năng lực số, có khả năng quản trị hiện đại và thích ứng với mô hình chính quyền địa phương mới. Các công trình này cho thấy nghiên cứu về cán bộ cấp

xã hiện nay không còn dừng ở yêu cầu “đủ phẩm chất, năng lực” theo nghĩa truyền thống mà đã chuyển sang tiếp cận năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo và quản trị số ở cơ sở.

Ngoài ra, nhiều luận án tiến sĩ đã nghiên cứu tương đối chuyên sâu về HTCT cấp xã và cán bộ chủ chốt cấp xã. Tiêu biểu như luận án “*Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Hà Nam hiện nay*” [101], dưới góc độ tiếp cận chính trị học, tác giả làm rõ khái niệm HTCT, HTCT cấp xã, hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã; chức năng, nhiệm vụ của HTCT cấp xã và của từng tổ chức cấu thành HTCT cấp xã; đặc điểm HTCT cấp xã; đưa ra hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã dựa trên quan điểm toàn diện, lịch sử, cụ thể, đảm bảo tính chính xác và khách quan, bao gồm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo cơ chế hoạt động chung, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị tại địa phương, mức độ hài lòng của Nhân dân đối với hoạt động của HTCT cấp xã.

Luận án tiến sĩ “*HTCT cấp xã các huyện ngoại thành Hà Nội hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp đổi mới*” (2023) của Nguyễn Quỳnh Nga [97]. Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận về HTCT cấp xã, đánh giá thực trạng HTCT cấp xã các huyện ngoại thành Hà Nội, luận án đề xuất một số giải pháp đổi mới HTCT cấp xã các huyện ngoại thành Hà Nội trong thời gian tới. Bên cạnh đó, luận án tiến sĩ “*Vai trò của hệ thống chính trị cấp xã trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay*” (2019) của Nguyễn Tiến Toàn [140] cũng làm rõ chức năng, nhiệm vụ và phương thức phát huy vai trò của tổ chức cơ sở. Nhìn chung các nghiên cứu này đã xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐNCB và đề xuất nhiều giải pháp đổi mới HTCT ở cơ sở.

Nhìn chung, các nghiên cứu về ĐNCB chủ chốt cấp xã cho thấy xu hướng chuyển dịch từ nghiên cứu tiêu chuẩn chính trị - hành chính sang nghiên cứu năng lực quản trị, trách nhiệm công vụ, khả năng thích ứng và hiệu quả phục vụ Nhân dân trong điều kiện phát triển mới.

1.2.3. Các công trình nghiên cứu về đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và xây dựng phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ cấp xã

Đây là nhóm nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến vấn đề VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Một trong những hướng nghiên cứu nổi bật là nghiên cứu về đạo đức cách mạng và xây dựng ĐNCB theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiêu biểu là công trình của tác giả Tô Lâm: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhận diện và đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên*” [68] đã hệ thống hóa các biểu hiện suy thoái như quan liêu, chủ nghĩa cá nhân, xa dân, hách dịch, hình thức và suy

giảm trách nhiệm công vụ; đồng thời đề xuất nhiều giải pháp xây dựng ĐNCB có đạo đức cách mạng và văn hóa công vụ lành mạnh.

Công trình “*Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường*” do Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2003) [17] gồm ba phần: (1) Những tác động của nền kinh tế thị trường đối với đạo đức; (2) Vai trò của đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường; (3) Xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Các tác giả đã phân tích những ảnh hưởng của kinh tế thị trường tới đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay. Mặt trái của kinh tế thị trường đã làm cho một bộ phận cán bộ sa vào lối sống chạy theo đồng tiền, lợi ích cá nhân, thực dụng, sách nhiễu Nhân dân; đặc biệt là tình trạng tham nhũng, lãng phí và chủ nghĩa cá nhân trái với tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐCM và đạo đức công vụ. Đồng thời, các tác giả cũng đề xuất nhiều giải pháp GD và xây dựng đạo đức thật sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Nhiều nghiên cứu khác tiếp cận từ góc độ giáo dục đạo đức cách mạng, văn hóa liêm chính và xây dựng ĐNCB trong điều kiện mới. Các bài viết “*Giáo dục, rèn luyện chuẩn mực ĐĐCM cho cán bộ, đảng viên theo Quy định 144 của Bộ Chính trị vì một Việt Nam phát triển phồn vinh, hùng cường*” [130] của Nguyễn Việt Thanh và Lương Thị Hoài Thanh nêu rõ công tác GD, rèn luyện ĐĐCM cho ĐNCB có vị trí đặc biệt quan trọng. Trước tác động tiêu cực của hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường, một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng, tham nhũng, tiêu cực, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân; đồng thời các thế lực cực đoan lợi dụng để xuyên tạc, chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ XHCN ở nước ta. Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, các nghiên cứu khẳng định việc đẩy mạnh giáo dục, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Quy định 144 là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng vì mục tiêu xây dựng một Việt Nam phát triển phồn vinh, hùng cường.

Bài viết của Lê Chí Phương (2023) “*Kinh nghiệm xây dựng Nghị quyết về giáo dục đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng tại cấp xã*” [110] cho thấy Đảng bộ thành phố Cần Thơ đã chú trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, đạo đức và tổ chức. Trong đó, việc xây dựng, GD và rèn luyện ĐĐCM cho tổ chức đảng và ĐNCB là vấn đề có tính nguyên tắc, mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bài viết đã chỉ ra mối quan hệ giữa xây dựng đạo đức của tổ chức đảng và xây dựng đạo đức của đảng viên; vai trò của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với việc rèn luyện đạo đức của Đảng; thực tiễn triển khai xây dựng nghị quyết về “xây dựng Đảng về đạo đức” tại địa phương. Từ đó, tác giả đưa ra những vấn đề cần lưu ý trong công tác xây dựng nghị quyết chuyên đề về GD, rèn luyện ĐĐCM cho tổ chức đảng và ĐNCB như: chuẩn bị dự thảo

ng nghị quyết trên cơ sở nghiên cứu kỹ tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ của tổ chức đảng; xây dựng nội dung nghị quyết sát với thực tiễn địa phương.

Bài viết “*Giáo dục ĐĐCM cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*” của Nguyễn Hữu Toàn (2023) [138] đã nêu lên quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho đảng viên. Bài viết cũng chỉ ra thực trạng, yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho đội ngũ đảng viên để Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Trong đó, bài viết góp phần làm rõ: “Không thể có một hình thức, phương thức tối ưu, duy nhất để giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho cán bộ, đảng viên. Đó phải là một quá trình, là sự kết hợp bởi nhiều yếu tố, nhưng quan trọng hơn hết là sự “tự nhận thức”, “thấm thấu chủ động”, thường xuyên “tự rèn, tự rèn” để đạo đức cách mạng trở thành “cốt cách”, là “lẽ sống” của mỗi cán bộ, đảng viên” [138].

Các bài viết đều nhấn mạnh rằng việc xây dựng ĐNCB hiện nay không chỉ là vấn đề năng lực chuyên môn mà còn là vấn đề đạo đức chính trị, văn hóa công vụ và trách nhiệm trước Nhân dân.

Ngoài ra, nhiều luận án tiến sĩ đã nghiên cứu tương đối chuyên sâu về đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và xây dựng phẩm chất chính trị của ĐNCB cấp xã. Tiêu biểu như luận án của Lương Thị Hoài Thanh “*Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho đảng viên của Đảng bộ thành phố Cần Thơ*” [128]. Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích, tác giả làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về việc vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho đảng viên. Đồng thời, tác giả đánh giá thực trạng và luận giải những vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào giáo dục, rèn luyện ĐĐCM cho đảng viên của Đảng bộ thành phố Cần Thơ; từ đó đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường hiệu quả vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong công tác này.

Luận án “*Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” của Phạm Thị Thúy Vân (2018) [151] đã phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa cá nhân và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; chỉ ra các hình thức biểu hiện và tác hại của chủ nghĩa cá nhân trong ĐNCB, đảng viên; đồng thời đề xuất các giải pháp đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ở Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đáng chú ý, nhiều nghiên cứu gần đây đã bắt đầu tiếp cận đạo đức công vụ và văn hóa công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số. Điều này cho thấy nghiên cứu về ĐNCB cấp xã đang chuyển dần từ mô hình “cán bộ hành chính truyền thống” sang mô hình “cán bộ quản trị hiện đại”, nhấn mạnh tính minh

bạch, trách nhiệm giải trình, khả năng tương tác xã hội và năng lực phục vụ công dân trong môi trường số.

Nhìn tổng thể, các công trình nghiên cứu về HTCT cấp xã và ĐNCB chủ chốt cấp xã đã hình thành hệ thống tri thức tương đối phong phú, đa dạng cả về lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu đã góp phần làm rõ mô hình tổ chức, cơ chế vận hành, vai trò của HTCT cấp xã; đồng thời phân tích tương đối sâu sắc các yêu cầu đặt ra đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã trong bối cảnh đổi mới HTCT, cải cách hành chính, chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị quốc gia hiện nay.

1.3. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nghiên cứu về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là hướng nghiên cứu có tính liên ngành, nằm ở giao điểm giữa khoa học chính trị, văn hóa học, xã hội học, quản trị công và nghiên cứu phát triển vùng. Trong những năm gần đây, cùng với yêu cầu xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; phát triển chính quyền địa phương hiện đại; nâng cao chất lượng ĐNCB cơ sở và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, vấn đề VHCT của ĐNCB cấp xã ngày càng được quan tâm nghiên cứu.

Các nghiên cứu hiện nay chủ yếu phát triển theo ba hướng lớn: (1) nghiên cứu lý luận về VHCT và hệ giá trị chính trị của ĐNCB; (2) nghiên cứu thực trạng VHCT, đạo đức công vụ, văn hóa ứng xử và năng lực chính trị của ĐNCB trong các bối cảnh cụ thể; (3) nghiên cứu giải pháp xây dựng, phát triển và nâng cao VHCT của ĐNCB trong điều kiện mới. Trong khi đó, các nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống và trực tiếp về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL dưới góc độ chính trị học vẫn còn tương đối hạn chế.

1.3.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ

Nhóm nghiên cứu này tập trung làm rõ bản chất, cấu trúc, hệ giá trị, chức năng và vai trò của VHCT đối với ĐNCB, đảng viên và HTCT.

Một trong những hướng nghiên cứu nổi bật là nghiên cứu VHCT từ góc độ hệ giá trị văn hóa và nền tảng tinh thần của phát triển xã hội. Tiêu biểu là công trình *“Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai”* của Trần Ngọc Thêm [135]. Công trình đã hệ thống hóa khá toàn diện lý luận về giá trị, hệ giá trị và giá trị văn hóa; đồng thời phân tích sự vận động của hệ giá trị Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh các giá trị truyền thống như tính cộng đồng, tính linh hoạt, tính hài hòa và văn hóa làng xã - những yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến hành vi chính trị và văn hóa ứng xử của ĐNCB ở cơ sở. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo quan trọng để tiếp cận và hệ thống hóa cơ sở lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Từ góc độ văn hóa phát triển, công trình “*Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam*” do Đinh Xuân Dũng chủ biên [21] khẳng định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển bền vững; trong đó VHCT được xem là một bộ phận quan trọng của hệ giá trị văn hóa dân tộc. Công trình nhấn mạnh rằng trình độ VHCT phản ánh mức độ dân chủ, năng lực tổ chức và hiệu quả hoạt động của các chủ thể chính trị trong đời sống xã hội.

Một công trình có giá trị lý luận chuyên sâu là “*VHCT và lịch sử dưới góc nhìn VHCT*” của Phạm Hồng Tung [150]. Thông qua 31 chuyên luận, tác giả tiếp cận VHCT như một hệ thống giá trị, chuẩn mực, niềm tin và phương thức ứng xử chính trị được hình thành trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Công trình góp phần mở rộng nghiên cứu VHCT từ cách tiếp cận hành vi luận sang tiếp cận lịch sử - văn hóa và cấu trúc quyền lực.

Trong nghiên cứu VHCT gắn với ĐNCB, công trình “*VHCT và việc bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay*” của Phạm Ngọc Quang [113] có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tác giả đã hệ thống hóa tương đối toàn diện các vấn đề lý luận về VHCT như khái niệm, cấu trúc, chức năng và đặc điểm của VHCT; đồng thời phân tích vai trò của VHCT trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và công tác cán bộ. Công trình được xem là một trong những nghiên cứu nền tảng cho hướng nghiên cứu VHCT của ĐNCB lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay.

Các nghiên cứu gần đây bắt đầu mở rộng VHCT sang các vấn đề như văn hóa công vụ, văn hóa ứng xử và đạo đức chính trị. Công trình “*Xây dựng văn hóa ứng xử cho cán bộ, chiến sĩ Công an Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” do Tô Lâm chủ biên [71] nhấn mạnh vai trò của văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ và trách nhiệm chính trị trong xây dựng ĐNCB hiện đại, liêm chính và phục vụ Nhân dân.

Trong bài viết “*Xây dựng VHCT cho ĐNCB chủ chốt trước tác động của hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường hiện nay*” [96], tác giả Khuất Trọng Nam (2021) đã chỉ rõ những tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế đối với phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và uy tín của ĐNCB dưới góc độ VHCT. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định nâng cao VHCT cho ĐNCB các cấp là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm giữ vững bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và trách nhiệm trước Nhân dân. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao VHCT cho ĐNCB chủ chốt đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Trên bình diện quốc tế, nhiều học giả tiếp cận VHCT từ góc độ cấu trúc chính trị và hệ tư tưởng. Rasulov Khakim Mamanovich trong bài viết “*Components of Political Culture in Political Processes*” [182] đã phân tích các thành tố của VHCT như tri thức chính trị, tâm lý chính trị, hệ giá trị, niềm tin và chuẩn mực hành vi chính trị. Trong khi

đó, Elias G. Carayannis và Ali Pirzadeh với công trình *“Political Culture and Ideology”* [159] nhấn mạnh mối quan hệ giữa tư tưởng chính trị và sự hình thành VHCT trong các xã hội hiện đại.

Ngoài các sách và bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành nghiên cứu về VHCT của ĐNCB chủ chốt, còn có nhiều luận án tiến sĩ nghiên cứu về vấn đề này. Tiêu biểu là luận án tiến sĩ *“Phát triển văn hoá chính trị người sĩ quan biên phòng trong tình hình mới”* của Nguyễn Thái Sinh [121]. Luận án đã phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của việc phát triển VHCT cho người sĩ quan biên phòng trong tình hình mới; đồng thời luận giải các vấn đề lý luận về VHCT của người sĩ quan biên phòng như khái niệm, nội dung và yêu cầu đối với VHCT. Tác giả cũng phân tích các giai đoạn phát triển, tính quy luật của sự vận động phát triển và những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động phát triển VHCT của người sĩ quan biên phòng. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển VHCT của đội ngũ này trong bối cảnh mới. Vì vậy, các nội dung liên quan đến yêu cầu về chính trị, tư tưởng và hành động trong VHCT của người sĩ quan biên phòng có giá trị tham khảo đối với nghiên cứu của tác giả.

Đáng chú ý, các nghiên cứu hiện nay cho thấy VHCT không còn được nhìn nhận đơn thuần như “phẩm chất chính trị” hay “ý thức chính trị” của ĐNCB, mà đang được tiếp cận như một cấu trúc đa chiều bao gồm: hệ giá trị chính trị, niềm tin chính trị, văn hóa quyền lực, chuẩn mực đạo đức công vụ, năng lực chính trị, văn hóa đối thoại, văn hóa ứng xử và khả năng thích ứng với bối cảnh quản trị hiện đại.

Nhìn tổng thể, các công trình nghiên cứu thuộc nhóm này đã xây dựng được cơ sở lý luận tương đối phong phú về VHCT và VHCT của ĐNCB; đồng thời cho thấy sự chuyển dịch từ tiếp cận chuẩn tắc - đạo đức sang tiếp cận cấu trúc - chức năng và quản trị chính trị hiện đại.

1.3.2. Các công trình nghiên cứu về văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ và các yếu tố tác động ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nhóm nghiên cứu này tập trung phản ánh thực trạng VHCT, đạo đức công vụ, hệ giá trị chính trị và các yếu tố tác động đến ĐNCB trong điều kiện đổi mới, hội nhập và chuyển đổi xã hội.

Một trong những hướng nghiên cứu nổi bật là nghiên cứu hệ giá trị văn hóa vùng và ảnh hưởng của nó đến đời sống chính trị - xã hội. Tiêu biểu là công trình *“Hệ giá trị văn hóa Việt Nam”* của Ngô Đức Thịnh [136]. Công trình phân tích hệ giá trị văn hóa truyền thống của người Việt trên nhiều phương diện như văn hóa cộng đồng, ứng xử xã hội, quản lý cộng đồng và đời sống tâm linh. Những phân tích này có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện nền tảng văn hóa - xã hội tác động đến VHCT của ĐNCB ở vùng ĐBSCL.

Từ góc độ khoa học chính trị, nghiên cứu Một số yếu tố tác động đến VHCT của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay của Nguyễn Văn Ký [66] cho rằng VHCT là “huyết mạch” của HTCT, phản ánh trình độ nhận thức chính trị, lý tưởng chính trị và năng lực hành động của ĐNCB lãnh đạo, quản lý. Công trình đồng thời chỉ ra nhiều yếu tố tác động đến VHCT hiện nay như kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, môi trường truyền thông số và biến đổi xã hội.

Nhiều nghiên cứu gần đây bắt đầu tiếp cận VHCT trong mối quan hệ với văn hóa vùng và phát triển bền vững ở ĐBSCL. Bài viết “*Gìn giữ và phát triển hệ giá trị văn hóa vùng ĐBSCL*” của Nguyễn Việt Thanh và Võ Thị Kim Xuân [131] nhấn mạnh vai trò của hệ giá trị văn hóa vùng trong phát triển xã hội và củng cố sự ổn định chính trị ở ĐBSCL. Các tác giả cho rằng đặc trưng văn hóa vùng như tính cộng đồng, tính linh hoạt, tính dung hợp văn hóa và tinh thần nghĩa tình có ảnh hưởng trực tiếp đến phương thức lãnh đạo, quản lý và ứng xử chính trị ở cơ sở.

Các nghiên cứu về xây dựng Đảng và đạo đức chính trị cũng phản ánh khá rõ thực trạng VHCT của ĐNCB hiện nay. Bài viết của Nguyễn Hữu Khiển [64] về “*VHCT trong Đảng và một số vấn đề đặt ra hiện nay*” chỉ ra nhiều vấn đề như chủ nghĩa cá nhân, suy giảm trách nhiệm công vụ, khoảng cách giữa cán bộ với Nhân dân và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo trong điều kiện mới.

Ở góc độ quốc tế, bài viết “*Political Culture: A Typology Grounded on Cultural Theory*” của Mamadouh, Virginie D [170] nhấn mạnh vai trò của cộng đồng văn hóa trong việc hình thành các thiết chế chính trị và hành vi chính trị. Nghiên cứu này có giá trị gợi mở quan trọng đối với việc phân tích VHCT của ĐNCB cấp xã trong mối quan hệ với đặc điểm văn hóa vùng ĐBSCL.

Ở cấp độ luận án tiến sĩ, công trình “*Vai trò của VHCT đối với quá trình đổi mới HTCT ở Việt Nam hiện nay*” của Hồ Thị Ngọc Sao [119] đã tập trung làm rõ vai trò động lực của văn hóa chính trị. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và luận giải những vấn đề đặt ra về vai trò của VHCT đối với quá trình đổi mới HTCT ở Việt Nam, tác giả đã đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của VHCT đối với quá trình đổi mới HTCT ở nước ta hiện nay.

Bên cạnh đó, luận án tiến sĩ “*Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*”, tác giả Nguyễn Hữu Lập [73] trên cơ sở khái quát các vấn đề lý luận chung đã làm rõ những đặc trưng cốt lõi của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh và định hướng vận dụng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay. Ở một góc độ khác, tác giả Lê Văn Tách trong luận án “*Văn hóa chính trị trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*” [125] đã làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp đặc thù nhằm xây dựng văn

hóa chính trị trong môi trường đào tạo quân đội. Các công trình này cung cấp nhiều luận cứ quan trọng để nhận diện thực trạng VHCT của ĐNCB trong điều kiện hiện nay.

Có thể thấy rằng các nghiên cứu hiện nay đã bước đầu phản ánh được sự biến đổi của VHCT dưới tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và biến đổi xã hội; đồng thời cho thấy VHCT của ĐNCB không tồn tại tách biệt mà chịu ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường văn hóa vùng, thiết chế chính trị và điều kiện phát triển địa phương.

Bên cạnh đó, có một số công trình nghiên cứu đưa ra các giải pháp nâng cao văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Công trình *“Modernization, Cultural Change, and Democracy”* của Ronald Inglehart và Christian Welzel [168] cho rằng sự phát triển kinh tế và hiện đại hóa sẽ dẫn đến biến đổi các giá trị chính trị, từ đó thúc đẩy dân chủ hóa và hình thành các chuẩn mực VHCT mới.

Michael Woolcock trong bài viết *“Culture, Politics, and Development”* [193] nhấn mạnh rằng các giải pháp phát triển chỉ có hiệu quả khi gắn với bối cảnh văn hoá - xã hội cụ thể của từng địa phương. Theo tác giả, quản trị địa phương hiện đại cần dựa trên sự hiểu biết về đặc điểm văn hóa cộng đồng và các cấu trúc xã hội bản địa. Đây là gợi mở quan trọng đối với nghiên cứu VHCT ở vùng ĐBSCL - nơi có tính đa dạng văn hóa và đặc thù xã hội rất rõ nét.

Công trình *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”* của Nguyễn Phú Trọng [144] nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong xây dựng con người và HTCT; đồng thời khẳng định văn hóa phải trở thành nền tảng tinh thần và sức mạnh nội sinh của phát triển đất nước.

Nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực VHCT ở Việt Nam là cuốn sách *“Văn hoá chính trị và việc bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay”* [113] của Phạm Ngọc Quang. Tác giả đã hệ thống hóa tương đối toàn diện các vấn đề lý luận về VHCT như khái niệm, cấu trúc, chức năng và đặc điểm của VHCT; đồng thời phân tích thực trạng VHCT ở Việt Nam hiện nay, những tác động của VHCT đối với hoạt động chính trị và công tác bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo ở nước ta. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị để tác giả kế thừa và vận dụng trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

Các công trình của Lâm Quốc Tuấn [146], [147], [148] là những nghiên cứu tiêu biểu về giải pháp nâng cao VHCT cho ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay. Tác giả đề xuất hệ thống giải pháp khá toàn diện như: nâng cao tri thức chính trị; giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; rèn luyện đạo đức, lối sống; đổi mới công tác cán bộ; phát huy tính tích cực chính trị của ĐNCB và nâng cao trình độ VHCT của quần chúng Nhân dân.

Bài viết “*Nâng cao VHCT cho cán bộ, đảng viên góp phần xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh*” của Khuất Trọng Nam [96] cho rằng để nâng cao VHCT cho ĐNCB, đảng viên cần tập trung thực hiện đồng bộ nhiều nhiệm vụ và giải pháp. Theo tác giả: (1) giáo dục cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò và sự cần thiết của việc nâng cao VHCT; (2) nâng cao trình độ tri thức toàn diện, đặc biệt là tri thức chính trị; (3) tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách, nhất là đối với ĐNCB lãnh đạo, quản lý; (4) thường xuyên kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng VHCT; (5) khơi dậy tính tích cực, chủ động và tự giác của cán bộ, đảng viên trong quá trình tự nâng cao VHCT; (6) kết hợp chặt chẽ xây dựng VHCT với chủ động phòng ngừa các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong ĐNCB, đảng viên.

Bên cạnh đó, luận án tiến sĩ của Nguyễn Văn Ký về “*VHCT của sĩ quan trẻ ngành Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay*” [67] đã làm rõ Cơ sở lý luận và thực tiễn, phân tích thực trạng VHCT của sĩ quan trẻ ngành Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam, chỉ ra nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm phát triển VHCT cho đội ngũ sĩ quan trẻ ngành Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay.

Luận án tiến sĩ của Lâm Quốc Tuấn “*Nâng cao VHCT của cán bộ lãnh đạo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*” [146] đã hệ thống hóa một cách tương đối toàn diện những vấn đề lý luận chung về bản chất, vai trò, cấu trúc, đặc điểm và chức năng của VHCT. Đồng thời, tác giả xác định những yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với việc nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay; từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhìn tổng thể, các công trình nghiên cứu đã đề xuất nhiều giải pháp quan trọng nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB như: giáo dục LLCT; rèn luyện đạo đức công vụ; xây dựng văn hóa liêm chính; đổi mới công tác cán bộ; nâng cao năng lực quản trị; tăng cường trách nhiệm giải trình; xây dựng môi trường chính trị lành mạnh và phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển xã hội.

1.4. NHẬN XÉT VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, có thể nhận thấy VHCT, HTCT cấp xã, ĐNCB chủ chốt cấp xã, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và những đặc trưng văn hóa - xã hội vùng ĐBSCL đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Các kết quả nghiên cứu này tạo ra nền tảng tri thức quan trọng cho luận án. Tuy nhiên, giữa các hướng nghiên cứu vẫn tồn tại những khoảng cách nhất định về đối tượng, cấp độ phân tích và phương pháp tiếp cận. Đặc biệt, mối quan hệ giữa VHCT của chủ thể thực thi quyền lực ở cơ sở với đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và năng lực quản

trị địa phương chưa được giải thích đầy đủ trong một khung phân tích thống nhất. Trên cơ sở đó, có thể khái quát những kết quả luận án kế thừa và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu như sau.

1.4.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được và giá trị luận án kế thừa

Thứ nhất, các nghiên cứu đã tạo lập nền tảng lý luận quan trọng về VHCT và cung cấp những cách tiếp cận khác nhau để nhận diện cấu trúc của VHCT.

Các nghiên cứu kinh điển của Gabriel A. Almond, Sidney Verba, Lucian W. Pye và các học giả tiếp nối đã hình thành một hướng tiếp cận có ảnh hưởng lớn trong Chính trị học hiện đại, xem VHCT thông qua những định hướng nhận thức, tình cảm, đánh giá của chủ thể đối với HTCT, các thiết chế và quá trình chính trị. Giá trị quan trọng của hướng tiếp cận này là đặt VHCT trong mối quan hệ với sự vận hành, ổn định và biến đổi của HTCT. Những nghiên cứu sau đó tiếp tục mở rộng cách tiếp cận VHCT sang sự biến đổi giá trị, niềm tin chính trị, vốn xã hội, sự tham gia chính trị, tính chính danh và chất lượng quản trị. Các nghiên cứu đương đại cũng cho thấy mô hình Almond - Verba - Pye tiếp tục được kế thừa nhưng được điều chỉnh theo sự chuyển đổi từ kiểu công dân thiên về phục tùng sang công dân có yêu cầu cao hơn về tham gia và trách nhiệm giải trình.

Luận án kế thừa từ hướng nghiên cứu này quan niệm VHCT trước hết có lõi bên trong gồm tri thức, giá trị, niềm tin và chuẩn mực chính trị; đồng thời, VHCT phải được nhận diện thông qua biểu hiện bên ngoài trong thái độ và hành vi của chủ thể chính trị. Tuy nhiên, luận án không vận dụng nguyên trạng mô hình VHCT công dân của Almond và Verba, bởi đối tượng nghiên cứu không phải công dân nói chung mà là ĐNCB chủ chốt cấp xã - những chủ thể trực tiếp tham gia tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở cơ sở. Do đó, các định hướng VHCT cần được đặt trong quan hệ với việc sử dụng quyền lực, trách nhiệm giải trình, quan hệ với Nhân dân và hoạt động của các thiết chế chính trị ở cơ sở. Đây cũng là sự điều chỉnh cần thiết so với cách tiếp cận VHCT kinh điển vốn chủ yếu tập trung vào định hướng của công dân đối với HTCT. Cách phân biệt các chiều nhận thức, tình cảm và đánh giá trong truyền thống Almond - Verba vẫn là nền tảng có giá trị cho nghiên cứu VHCT hiện nay.

Thứ hai, các nghiên cứu ở Việt Nam đã làm rõ nhiều phương diện của VHCT gắn với xây dựng ĐNCB và HTCT.

Các công trình trong nước đã tiếp cận VHCT trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa, con người và ĐNCB. Qua đó, nhiều vấn đề về khái niệm, cấu trúc, chức năng, hệ giá trị, chuẩn mực và biểu hiện của VHCT đã được luận giải. Một số nghiên cứu chuyển trọng tâm từ VHCT nói chung sang VHCT của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhấn mạnh bản lĩnh chính trị, tri thức chính trị, phẩm chất đạo đức, phong cách lãnh đạo, trách nhiệm trước Nhân dân và năng lực hoạt động chính trị.

Giá trị luận án kế thừa ở đây là cách tiếp cận VHCT không chỉ như một trạng thái nhận thức mà còn là hệ giá trị định hướng hoạt động của chủ thể quyền lực. Đồng thời, các nghiên cứu trong nước cung cấp cơ sở để luận án đặt VHCT trong mối quan hệ với phẩm chất chính trị, ĐĐCM, đạo đức công vụ và trách nhiệm của cán bộ trước Nhân dân.

Thứ ba, các nghiên cứu về HTCT cấp xã và ĐNCB chủ chốt cấp xã đã cung cấp cơ sở quan trọng để xác định môi trường thể chế trong đó VHCT được hình thành và biểu hiện.

Các công trình thuộc hướng nghiên cứu này đã làm rõ vị trí, chức năng, cơ chế vận hành của HTCT cấp xã; vai trò của cấp xã trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đồng thời phân tích yêu cầu về phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của ĐNCB ở cơ sở. Những nghiên cứu gần đây có xu hướng chuyển từ tiếp cận tổ chức - hành chính sang tiếp cận quản trị địa phương, chú ý nhiều hơn đến phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, trách nhiệm giải trình, hiệu quả phục vụ Nhân dân và năng lực thích ứng của chính quyền cơ sở.

Kết quả này giúp luận án xác định rằng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã không tồn tại biệt lập mà được hình thành, biểu hiện và kiểm chứng trong quá trình tổ chức và thực thi quyền lực ở cơ sở. Vì vậy, nghiên cứu VHCT không thể chỉ dừng ở phẩm chất cá nhân mà cần đặt trong quan hệ với môi trường thể chế, phương thức thực thi quyền lực và kết quả tương tác giữa cán bộ với Nhân dân.

Thứ tư, các nghiên cứu về đạo đức công vụ và văn hóa công vụ đã làm rõ một chiều cạnh quan trọng trong hoạt động của ĐNCB.

Các công trình đã phân tích những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, trách nhiệm, tính liêm chính, ý thức phục vụ Nhân dân, kỷ luật, kỷ cương và chuẩn mực ứng xử của cán bộ, công chức. Đây là những kết quả có giá trị trực tiếp đối với luận án, bởi đạo đức công vụ và văn hóa công vụ là những phương diện có quan hệ mật thiết với biểu hiện VHCT của cán bộ trong quá trình thực thi quyền lực.

Tuy nhiên, VHCT không đồng nhất với đạo đức công vụ hay văn hóa công vụ. Nếu đạo đức công vụ chủ yếu nhấn mạnh những chuẩn mực đạo đức mà người thực thi công vụ phải tuân thủ, văn hóa công vụ nhấn mạnh các chuẩn mực và phương thức ứng xử trong môi trường công vụ, thì VHCT có phạm vi rộng hơn, bao gồm hệ giá trị, niềm tin, tri thức, chuẩn mực chính trị và cách chủ thể nhận thức, sử dụng, kiểm soát quyền lực cũng như ứng xử với Nhân dân và các thiết chế chính trị. Chính sự phân biệt và đồng thời làm rõ cơ chế giao thoa giữa ba phạm trù này là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục phát triển.

Thứ năm, các nghiên cứu về văn hóa và phát triển vùng ĐBSCL cung cấp cơ sở để nhận diện môi trường văn hóa - xã hội đặc thù tác động đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Các nghiên cứu đã chỉ ra những đặc trưng như văn hóa sông nước, tính cộng đồng, tính mở, linh hoạt trong ứng xử, sự đa dạng dân tộc - tôn giáo và những biến đổi của đời

sống kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL. Đồng thời, khu vực này đang chịu tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, di cư lao động, đô thị hóa, chuyển đổi số và sự biến đổi cấu trúc cộng đồng. Đây là những cơ sở quan trọng để luận án không xem VHCT của ĐNCB cấp xã như một hiện tượng đồng nhất trong phạm vi cả nước mà đặt nó trong không gian văn hóa - xã hội cụ thể của ĐBSCL.

1.4.2. Những giới hạn của các nghiên cứu hiện có và khoảng trống luận án cần tiếp tục làm rõ

Mặc dù những kết quả trên tạo ra nền tảng tri thức quan trọng, quá trình tổng quan cũng cho thấy giữa các mạch nghiên cứu vẫn tồn tại những khoảng trống cần tiếp tục giải quyết.

Thứ nhất, còn thiếu một cách tiếp cận Chính trị học chuyên biệt đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã với tư cách là chủ thể trực tiếp tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở cơ sở. Các nghiên cứu VHCT kinh điển chủ yếu phân tích định hướng của công dân đối với HTCT; trong khi nhiều nghiên cứu ở Việt Nam lại tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung hoặc tiếp cận từ công tác cán bộ, đạo đức và quản lý hành chính. Vì vậy, mối quan hệ giữa lời giá trị chính trị - biểu hiện hành vi chính trị - phương thức thực thi quyền lực - trách nhiệm giải trình và quan hệ với Nhân dân ở cấp xã chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

Thứ hai, sự giao thoa và chuyển hóa giữa VHCT, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và năng lực quản trị cơ sở chưa được giải thích đầy đủ. Các công trình hiện có thường nghiên cứu những phạm trù này theo những tuyến tương đối độc lập. Vì vậy, vẫn cần làm rõ một vấn đề có ý nghĩa Chính trị học: hệ giá trị và chuẩn mực VHCT được chuyển hóa như thế nào thành hành vi sử dụng quyền lực, trách nhiệm công vụ, phương thức ứng xử với Nhân dân và năng lực vận hành các thiết chế ở cơ sở. Đây là khoảng trống không chỉ về đối tượng mà còn về cách thức kết nối giữa giá trị chính trị và thực hành quyền lực.

Thứ ba, mối quan hệ giữa văn hóa vùng ĐBSCL với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã chưa được giải thích theo cơ chế tác động hai chiều. Các nghiên cứu về ĐBSCL đã mô tả khá phong phú đặc điểm văn hóa vùng, nhưng chưa làm rõ đầy đủ khi nào những đặc điểm như tính cộng đồng, linh hoạt, trọng tình và quan hệ gần gũi có thể trở thành nguồn lực hỗ trợ dân vận, tạo đồng thuận; và trong những điều kiện nào chúng có thể chuyển thành nể nang, cục bộ, tùy tiện hoặc làm suy giảm tính thượng tôn pháp luật nếu thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực thích hợp. Đây là vấn đề cần được luận án phân tích thay vì chỉ xem đặc trưng văn hóa vùng như những yếu tố tác động một chiều.

Thứ tư, các yếu tố mới của môi trường quản trị chưa được tích hợp đầy đủ vào nghiên cứu VHCT của ĐNCB cấp xã. Chuyển đổi số, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, di cư lao động, truyền thông xã hội và sự thay đổi kỳ vọng của Nhân dân đang làm biến đổi môi trường thực thi quyền lực ở cơ sở. Tuy

nhiên, chưa nhiều nghiên cứu phân tích một cách hệ thống việc những biến đổi này tác động như thế nào đến nhận thức, hệ giá trị, chuẩn mực, hành vi chính trị và phương thức lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Thứ năm, còn thiếu một khung phân tích có khả năng kết nối các tầng của VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Các nghiên cứu trước đã đề cập nhiều thành tố của VHCT nhưng còn có sự giao thoa giữa giá trị, phẩm chất, hành vi và năng lực. Vì vậy, luận án cần tiếp tục phân tầng rõ hơn giữa lõi bên trong của VHCT (tri thức, giá trị, niềm tin, chuẩn mực) → biểu hiện bên ngoài (thái độ, hành vi chính trị, phương thức ứng xử và sử dụng quyền lực) → điều kiện thực thi (năng lực) → kết quả quản trị. Việc phân tầng này giúp tránh đồng nhất VHCT với đạo đức cá nhân hoặc với năng lực hành chính.

Từ kết quả tổng quan, luận án xác định không phủ nhận các mô hình lý thuyết VHCT kinh điển, mà kế thừa có chọn lọc và điều chỉnh chúng phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Đối với cách tiếp cận của Almond và Verba, luận án kế thừa quan niệm VHCT được cấu thành bởi những định hướng nhận thức, tình cảm và đánh giá đối với các đối tượng chính trị; đồng thời kế thừa tư tưởng về mối quan hệ giữa VHCT với sự vận hành của HTCT. Tuy nhiên, luận án điều chỉnh cấp độ phân tích từ VHCT của công dân sang VHCT của chủ thể nắm giữ và thực thi quyền lực ở cơ sở, do đó nhấn mạnh hơn đến hành vi sử dụng quyền lực, trách nhiệm giải trình, quan hệ với Nhân dân và thực hành dân chủ ở cơ sở. Các nghiên cứu sau này cũng cho thấy truyền thống Almond - Verba - Pye có giá trị lớn nhưng cần được tái đánh giá trong điều kiện các dạng thức công dân và yêu cầu quản trị đã biến đổi.

Đối với Lucian W. Pye, luận án kế thừa cách nhìn VHCT trong quan hệ với quá trình phát triển và biến đổi chính trị, nhưng bổ sung chiều cạnh văn hóa vùng và bối cảnh thể chế cụ thể nhằm lý giải cách những đặc điểm văn hóa - xã hội ở ĐBSCL tương tác với chuẩn mực chính trị và thực hành quyền lực của cán bộ cấp xã.

Trên cơ sở đó, luận án bổ sung một hướng tiếp cận đặt VHCT - thực thi quyền lực - đạo đức/văn hóa công vụ - năng lực quản trị - văn hóa vùng trong cùng một chỉnh thể phân tích. Theo cách tiếp cận này, VHCT không chỉ được nhận diện ở việc cán bộ “nhận thức đúng” hay sở hữu những phẩm chất chuẩn tắc, mà quan trọng hơn là cách các giá trị và chuẩn mực chính trị được chuyển hóa thành hành vi thực thi quyền lực, trách nhiệm trước Nhân dân và phương thức giải quyết các vấn đề quản trị ở cơ sở.

1.4.3. Những vấn đề luận án tập trung tiếp tục nghiên cứu

Từ các công trình nêu trên cho thấy, về cơ bản, các nhà khoa học đã phản ánh khá đầy đủ, chi tiết về khái niệm, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng, thực trạng, luận giải những vấn đề đặt ra, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp xây dựng VHCT cho cán bộ chủ chốt ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu kể trên chưa hệ thống hóa và làm rõ cơ

sở lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay bao gồm từ khái niệm, cấu trúc của VHCT, đặc điểm của VHCT, các hình thức biểu hiện của VHCT của cán bộ chủ chốt cấp xã, các nhân tố ảnh hưởng đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã; chưa phân tích, đánh giá thực trạng cũng như luận giải những vấn đề đặt ra về VHCT của đội ngũ này, từ đó đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao VHCT cho cán bộ chủ chốt ở cấp xã ở ĐBSCL. Như vậy, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện và sâu về “*VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay*”. Trên cơ sở kế thừa những giá trị của các nhà khoa học đã đi trước nghiên cứu VHCT của ĐNCB chủ chốt ở Việt Nam hiện nay; đề tài này làm rõ thêm một số nội dung mà các công trình nghiên cứu đi trước chưa có dịp đề cập:

Thứ nhất, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam bao gồm từ khái niệm, cấu trúc của VHCT, đặc điểm của VHCT, các hình thức biểu hiện của VHCT của cán bộ chủ chốt cấp xã, các nhân tố ảnh hưởng đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Thứ hai, tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL; đồng thời chỉ ra nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế và khái quát những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Thứ ba, đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Văn hóa chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là vấn đề được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, mỗi công trình nghiên cứu là một lát cắt về VHCT. Các công trình khoa học tiêu biểu được tác giả tổng quan đã luận giải khá sâu sắc các vấn đề lý luận từ quan niệm, cấu trúc, nhân tố tác động đến văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt, cũng như đánh giá thực trạng vấn đề này trên nhiều bình diện. Đồng thời, các công trình khoa học đó đã đề xuất hệ thống giải pháp khác nhau nhằm xây dựng, phát triển, nâng cao VHCT của các chủ thể chính trị. Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là chủ đề được nhiều học giả trong và ngoài nước tiếp cận dưới nhiều góc độ lý luận và thực tiễn khác nhau. Bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu cấp bách của chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu văn hóa chính trị ở cấp cơ sở ngày càng có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Việc hệ thống hóa và phân tích biện chứng các công trình khoa học đã công bố không chỉ cung cấp nền tảng tư liệu khoa học vững chắc, mà còn giúp tác giả xác định rõ các khoảng trống nghiên cứu, từ đó định vị hướng tiếp cận mới, toàn diện và chuyên sâu cho đề tài luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở VIỆT NAM

2.1. VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ: QUAN NIỆM, KHÁI NIỆM, CÁCH TIẾP CẬN, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ

2.1.1. Một số quan niệm về văn hoá chính trị

Thuật ngữ “văn hóa chính trị” được đề cập từ rất sớm, trong quá trình nghiên cứu cho thấy một số quan niệm tiêu biểu, sâu sắc về VHCT như sau:

Quan niệm về văn hoá chính trị ở phương Đông: Trong học thuyết Nho giáo, đạo đức được coi là vấn đề trung tâm của đời sống chính trị. Làm chính trị mà dùng đức (để cảm hoá dân) thì như sao Bắc Đẩu ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về (tức thiên hạ về theo). Nho giáo đã mở đầu cho việc tiếp cận văn hoá chính trị trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Khổng Tử rất tin ở sức hấp dẫn và sự tác động của đạo đức. Người nghe có thể suy ra mà hiểu rằng làm chính trị là phải đứng đắn và đứng đắn, ngay thẳng. Người Trung Hoa hay nói “văn trị”, tức muốn nói đến chính trị phải gắn với văn hoá, chính trị cai trị bằng “văn”, hướng đến cách cai trị đẹp. Ngay từ rất sớm VHCT đã được đề cập trong cách cai trị của người Trung Quốc. Tiếp nối truyền thống đó, Mạnh Tử đề ra tư tưởng “Văn trị giáo hoá”, tức là chính trị gắn với giáo dục, theo Mạnh Tử: “Chính giới không thể tranh thủ được dân bằng giáo giới. Chính giới thì dân sợ, giáo giới thì dân yêu. Chính giới thì được của cải của thiên hạ, của dân; giáo giới thì được lòng dân” [23, tr.308].

Ở phương Tây: VHCT phương Tây chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Hy Lạp - La Mã cổ đại, Thiên Chúa giáo. Thời kỳ Khai sáng và chủ nghĩa tự do, các nhà tư tưởng đã sớm xem chính trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, từ đó chỉ ra cách thức ứng xử của con người đối với quyền lực. Các học giả hiện đại đều coi Platon, Aristot là những người mở đầu cho nghiên cứu văn hoá chính trị, khi các ông đều coi các quan điểm, thái độ cơ bản của con người đối với quyền lực, đối với việc làm thế nào để quản lý các mối quan hệ xã hội và đối với vai trò của chính thể với người dân là hết sức quan trọng.

Học thuyết chính trị - xã hội của Platon đặc biệt quan tâm đến vấn đề nhà nước cùng với nó là những nhà cầm quyền. Theo Platon, đó là những con người mà lý tính đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động của họ. Họ luôn luôn hướng tới cảm thụ cái đẹp và trật tự các ý niệm, khát vọng vươn tới phúc lợi tối cao, tới sự thật và công lý. Đó là những người biết kiềm chế, ôn hoà những thú vui cảm tính. Họ có thể đảm nhận được vai trò lãnh đạo, trị vì xã hội trong nhà nước lý tưởng. Platon đã để lại một luận điểm nổi tiếng: “Loại người sẽ không tránh được cái ác cho tới khi các nhà triết học chân chính và biết tự duy đứng đắn chưa giữ được các chức trách nhà nước hoặc là các nhà cầm quyền chưa trở

thành các nhà triết học chân chính” [153, tr.210]. Với ông nhà nước sẽ không tránh khỏi tai họa cho tới khi các nhà triết học chưa cầm quyền.

Aritxtốt coi con người là “động vật chính trị”, muốn nói đến vai trò chính trị trong việc xác định tư cách tồn tại của con người. Và cũng vì thế mà mục đích cao nhất của chính trị là làm sao để mọi người có thể sống và sống tốt hơn. Sứ mệnh của nhà nước, của những nhà cầm quyền không chỉ bảo đảm cho mọi người sống bình thường, mà còn phải làm sao để cho con người sống hạnh phúc. “Mục đích của nhà nước là cuộc sống phúc lợi,... bản thân nhà nước là sự giao thiệp của các gia tộc và cư dân nhằm đạt được sự tồn tại một cách hoàn thiện và tự lập” [153, tr.207], tức là đạt được một cuộc sống ưu việt, mà theo ông không chỉ về phương diện của cải vật chất mà còn bảo đảm công lý.

Gabriel Almond định nghĩa VHCT là “mô hình định hướng cụ thể đối với các hành động chính trị mà mọi HTCT đều gắn vào” [157]. Với Lucian Pye, “VHCT là tập hợp các thái độ, niềm tin và tình cảm, tạo nên trật tự và ý nghĩa cho một quá trình chính trị và cung cấp các giả định và quy tắc cơ bản chi phối hành vi trong HTCT” [181]. VHCT mô tả cách văn hóa tác động đến chính trị. Mỗi HTCT đều gắn với một nền VHCT cụ thể.

Nhà xã hội học người Đức M. Weber cũng được coi là một trong những nhà nghiên cứu xuất sắc về văn hoá chính trị khi cho rằng thể chế chính trị và kinh tế không thể được nhận thức một cách đơn độc [154]. Trong tác phẩm nổi tiếng nhất của mình là “Đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, Weber đã đặt ra câu hỏi là tại sao những người theo đạo Tin lành lại hướng tới thống trị nền kinh tế nước Đức vào thời kỳ đầu thế kỷ XX, chiếm giữ vị trí điều hành quan trọng nhất trong các tổ chức đoàn thể với quy mô lớn hơn nhiều so với đạo Thiên chúa. Theo quan điểm Weber, những người Tin lành theo chủ nghĩa khổ hạnh đã đến với hoạt động kinh tế, tiết kiệm và tích lũy của cải nhanh hơn so với những người theo chủ nghĩa khổ hạnh của đạo Thiên chúa. Bởi vì ở đạo Tin lành đến Martin Luther đã đề cao giá trị của mỗi người trong việc tham gia vào các hoạt động trên trần thế như tích lũy của cải, còn giáo lý của đạo Thiên chúa thời kỳ trung cổ lại đề cao giá trị của việc rút lui khỏi thế giới thương mại và chính trị để tôn thờ đức chúa trong các tu viện.

Quan niệm về văn hoá chính trị của các trường phái chính trị học Nga nổi tiếng với các tên tuổi E.A. Đôđin, G. Đoratrơ, I.X.Pirôvarốp.... Các ông là những người không đồng tình với các tác giả phương Tây khi quy văn hoá chính trị về các khuôn mẫu xác định nào đó vì điều đó thường mang tính chủ quan của nhà nghiên cứu, rất dễ bị nhầm lẫn về bản chất bởi những hiện tượng bề mặt. Theo I.X.Pirôvarốp: “văn hoá chính trị là quá trình xã hội hoá chính trị, suy cho cùng là quá trình phổ cập những giá trị và những quy tắc chính trị nhất định” và “quá trình xã hội hoá trong chừng mực nào đó đưa đến sự ra đời các thiết chế xã hội, các giá trị và những chuẩn mực hành vi phù hợp với tiến trình phát triển” [176, tr.64-65].

Như vậy, có thể thấy rằng quan niệm về văn hoá chính trị rất phong phú và chưa có được một tiếng nói thống nhất. Nhiều nhà nghiên cứu chính trị học phương Tây thậm chí đã dùng cụm từ này trong khi chưa có ranh giới rõ ràng và các cách tiếp cận phổ biến vẫn chưa thấu tóm được hết bản giá trị của nó. Hơn lúc nào hết, văn hoá chính trị cần phải được xem xét một cách sống động và chỉnh thể với tư cách là phương thức vận hành và tái sản xuất ra đời sống chính trị với đầy đủ các thành tố.

Quan niệm mácxít về văn hoá chính trị: VHCT là một phương diện cơ bản thể hiện năng lực của con người xã hội trong quá trình khám phá và cải tạo hiện thực. Vì lẽ đó, VHCT cũng chính là một phẩm chất đặc trưng trong diện mạo đời sống văn hoá làm nên giới hạn giữa thế giới con người và thế giới động vật mà chuẩn mực của nó là khả năng tổ chức cuộc sống công cộng dựa trên việc nhận biết quy luật một cách có ý thức.

Do vậy, văn hoá chính trị là một cấu trúc phong phú đa dạng và phức tạp, là một tổng thể chứa đựng trong nó hàng loạt nội dung, là chất lượng tổng hoà của tri thức, hệ tư tưởng, quan điểm và định hướng chính trị, tình cảm, niềm tin, nhu cầu về chính trị; tính khoa học và sáng tạo của hoạt động chính trị; hiệu năng của các thiết chế chính trị... Như vậy, khi nói đến văn hoá chính trị là nói đến trình độ và hiệu quả của hoạt động chính trị. Trình độ và hiệu quả đó phải mang tính tích cực đối với sự phát triển và tiến bộ xã hội. Đồng thời, văn hoá chính trị cũng phải là một hệ thống giá trị xã hội phản ánh đầy đủ các dấu hiệu chân - thiện - mỹ.

2.1.2. Khái niệm văn hoá chính trị

Các khác biệt VHCT phương Đông và phương Tây cho thấy không có mô hình lý thuyết chung chi phối mọi xã hội. Nó đòi hỏi luận án cần xây dựng khuôn khổ nghiên cứu phù hợp với ngữ cảnh văn hóa Việt Nam; không thể máy móc áp dụng mô hình Tây phương hay lý thuyết Đông phương truyền thống. Trên thực tế, các nghiên cứu về văn hóa và VHCT Việt Nam đều cho rằng cần kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc đồng thời gắn kết với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đòi hỏi hiện đại, dân chủ khi nghiên cứu về VHCT Việt Nam.

Với Việt Nam, cách tiếp cận phù hợp nhất để đưa ra khái niệm VHCT nên là lịch sử - thể chế - thực hành. “Lịch sử” để nhận ra lớp trầm tích của truyền thống chính trị Việt Nam: yêu nước, tự lực tự cường, cộng đồng, trọng dân, nhân nghĩa, hiền tài, kết hợp đức trị với pháp trị. “Thể chế” để đặt VHCT trong cấu trúc của chế độ chính trị hiện hành: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền lực nhà nước thống nhất có phân công, phối hợp và kiểm soát; Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội nhưng phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân. “Thực hành” để đánh giá VHCT qua minh bạch, giải trình, pháp quyền, liêm chính, phục vụ, đối thoại và hiệu quả thực thi ở mọi cấp.

Cách tiếp cận này phù hợp với đặc điểm của Việt Nam vì bản sắc VHCT Việt Nam không thuần Đông, cũng không thuần Tây. Nó hình thành từ nền văn minh sông Hồng, từ kinh nghiệm chống ngoại xâm, từ mô hình nhà - làng - nước, từ sự tiếp biến Nho - Phật - Lão, rồi được tái cấu trúc qua cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. GS TSKH Phan Xuân Sơn cho rằng xây dựng VHCT Việt Nam theo tinh thần “dân tộc hóa”, tức là tiếp thu tinh hoa bên ngoài nhưng không đánh mất cơ tầng giá trị dân tộc. Đây là một định hướng quan trọng để chống cả hai cực đoan: bảo thủ khép kín và sao chép mô hình ngoại sinh. Điều đó có nghĩa là VHCT Việt Nam không thể chỉ được hiểu như “VHCT dân tộc” theo nghĩa lịch sử, mà phải được hiểu đồng thời như văn hóa của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một Đảng cầm quyền, và một xã hội đang hiện đại hóa.

Văn hóa chính trị cũng không phải là “chính trị cộng văn hóa” theo phép cộng cơ học, mà là chính trị đã được văn hóa hóa, hoặc nói theo cách khác, là phương diện văn hóa của đời sống chính trị. Phạm Huy Kỳ nhấn mạnh VHCT là “chính trị có tính văn hóa”. Các học giả khác xem VHCT là hệ thống các giá trị vật chất - tinh thần, nhận thức, thái độ, hành vi, phong cách ứng xử với quyền lực, nhà nước và xã hội. Như vậy, nó không chỉ nằm trong “đầu óc” con người, mà còn hiện ra trong thiết chế, quy tắc, phong cách lãnh đạo, cách phục vụ dân và chất lượng tổ chức quyền lực.

Do đó, có thể hiểu, văn hóa chính trị là tổng thể tri thức, các giá trị, lý tưởng, niềm tin, chuẩn mực và phương thức thực hành quyền lực chính trị của các chủ thể chính trị, được hình thành và phát triển trong tiến trình lịch sử, được thể chế hóa thông qua các thiết chế chính trị - pháp lý, được biểu hiện trong hành vi chính trị, phong cách lãnh đạo và quản lý, quan hệ giữa nhà nước với công dân, trong sự ổn định của trật tự chính trị - xã hội.

Từ góc nhìn bản chất, VHCT có ít nhất bốn lớp. Thứ nhất, nó là hệ định hướng: các định hướng về nhận thức, tình cảm, đánh giá và hành động đối với HTCT, luật lệ, người cầm quyền và vai trò của bản thân trong đời sống chính trị. Thứ hai, nó là cơ chế tạo dựng tính chính đáng và lòng tin. Niềm tin của quần chúng là nội dung cơ bản của VHCT. Thứ ba, nó là cơ chế chuyển hóa giá trị thành thực hành quyền lực: thông qua luật pháp, chuẩn mực đạo đức, thủ tục, biểu tượng, phong cách, nghi thức và hành vi. Thứ tư, nó là nguồn lực phát triển: giúp chính trị tác động vào xã hội bằng thuyết phục, cảm hóa và tự giác, chứ không chỉ bằng cưỡng chế.

2.1.3. Khái niệm, đặc điểm và vai trò đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.1.3.1. Khái niệm đội ngũ cán bộ chủ chốt

Trong HTCT Việt Nam, cấp xã (gồm xã, phường, đặc khu) là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong đời sống xã hội.

Luật cán bộ, công chức năm 2025 là bước ngoặt quan trọng, xác định rõ các tiêu chí phân biệt cán bộ. Khoản 1, Điều 1, của Luật cán bộ công chức số 80/2025/QH15 quy định: cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước [116]. Quy định này đã xác định rõ địa vị pháp lý, phương thức hình thành chức vụ và phạm vi hoạt động của ĐNCB trong HTCT, qua đó tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

Cán bộ cấp xã (xã, phường, đặc khu) trong luận án được hiểu là công dân Việt Nam được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Từ các quy định pháp lý nêu trên cho thấy, khái niệm về cán bộ cấp xã, phường, đặc khu hiện nay đã được cụ thể hoá rõ ràng trong Luật cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, phản ánh một bước tiến trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức bộ máy và ĐNCB cấp xã. Tuy nhiên, tính đến thời điểm thực hiện khảo sát của luận án (trước ngày 01/7/2025), mặc dù Luật mới đã có hiệu lực, nhưng hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể là nghị định mới thay thế Nghị định số 33/2023/NĐ-CP vẫn chưa được ban hành. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn nghiên cứu, luận án vẫn căn cứ vào các quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP để xác định các chức danh, vị trí việc làm cũng như phân loại cán bộ cấp xã, phường, đặc khu. Cách tiếp cận này không chỉ đảm bảo tính pháp lý tại thời điểm khảo sát mà còn phản ánh đúng thực trạng vận hành của ĐNCB cấp xã, phường, đặc khu trong giai đoạn chuyển tiếp giữa hai khung pháp lý. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá vai trò của họ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, đặc biệt là trong thực thi công vụ ở xã, phường, đặc khu - nơi trực tiếp xúc với người dân và thực thi chính sách một cách cụ thể, thiết thực nhất. ĐNCB chủ chốt cấp xã được hiểu là những cán bộ giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng trong HTCT cấp xã, có vai trò định hướng, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm ổn định địa phương.

Theo cách hiểu phổ biến trong nghiên cứu chính trị học và quản lý công ở Việt Nam, ĐNCB chủ chốt cấp xã thường bao gồm: Bí thư Đảng ủy xã (hoặc phường, thị trấn); Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng Nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân; Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội chủ yếu ở cơ sở.

Cán bộ chủ chốt cấp xã, ngoài các đối tượng nêu trên, khi tiếp cận theo nghĩa rộng còn bao gồm các chức danh là ủy viên ban thường vụ hoặc đảng ủy viên tham gia cấp ủy cơ sở, như: Trưởng Công an xã, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã. Những cán bộ này vừa là hạt nhân lãnh đạo của HTCT cơ sở, vừa là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết và chính sách tại địa phương.

Từ góc độ chính trị học, có thể khái quát: ĐNCB chủ chốt cấp xã là tập hợp những cán bộ giữ vị trí lãnh đạo chủ yếu trong HTCT ở cấp xã, có trách nhiệm định hướng, tổ chức và điều hành hoạt động của bộ máy chính trị - hành chính ở cơ sở nhằm thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

2.1.3.2. Đặc điểm của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp xúc và giải quyết những vấn đề gắn với đời sống hằng ngày của người dân. Vì vậy, ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý, vừa trực tiếp tiếp xúc với Nhân dân trong quá trình giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, an sinh, trật tự và hành chính. Tính gần dân này khiến cho hoạt động của cán bộ chủ chốt cấp xã có ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của người dân đối với HTCT.

Đội ngũ này giữ vai trò trung tâm trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách ở cấp xã. Khác với cấp trung ương và cấp tỉnh chủ yếu thực hiện chức năng hoạch định chính sách, cấp xã là nơi trực tiếp chuyển hóa các chủ trương, nghị quyết và chính sách thành hoạt động cụ thể trong đời sống xã hội. Vì vậy, ĐNCB chủ chốt cấp xã có vai trò quyết định trong việc tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng đời sống cộng đồng.

ĐNCB chủ chốt cấp xã hoạt động trong môi trường xã hội có tính cộng đồng cao. Ở cấp xã, cán bộ thường sinh sống và làm việc ngay trong cộng đồng địa phương, chịu tác động của các mối quan hệ xã hội như họ tộc, làng xóm, phong tục tập quán và dư luận cộng đồng. Điều này làm cho hoạt động lãnh đạo và quản lý của cán bộ chủ chốt cấp xã vừa mang tính chính trị - hành chính, vừa chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hoá - xã hội truyền thống. Đây là đặc điểm rất khác so với các cấp chính quyền cao hơn.

Hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã mang tính tổng hợp và đa lĩnh vực. Ở cấp xã, cán bộ phải xử lý nhiều lĩnh vực khác nhau như quản lý hành chính, phát triển kinh tế địa phương, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết khiếu nại, tranh chấp và giữ gìn trật tự xã hội. Điều này đòi hỏi ĐNCB phải có năng lực tổng hợp, khả năng xử lý tình huống linh hoạt và hiểu biết toàn diện về đời sống địa phương.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức đảng và sự giám sát của Nhân dân. Trong HTCT Việt Nam, tổ chức đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn

diện ở cấp xã. Vì vậy, hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa chịu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, vừa chịu sự giám sát của Hội đồng Nhân dân và Nhân dân địa phương. Điều này tạo nên đặc trưng kép trong hoạt động của cán bộ cấp xã: vừa là chủ thể thực thi quyền lực nhà nước, vừa là đối tượng chịu sự giám sát xã hội trực tiếp.

2.1.3.3. Vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã có vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cấp xã, trong hoạt động thi hành nhiệm vụ, công vụ. Hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền cấp xã nói riêng và HTCT nói chung, xét đến cùng được quyết định bởi phẩm chất, năng lực và hiệu quả công tác của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã góp phần quyết định sự thành bại của chủ trương, đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. ĐNCB chủ chốt cấp xã là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng Nhân dân, họ vừa là người trực tiếp đem các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước giải thích cho Nhân dân hiểu rõ và thi hành, vừa là người phản ánh nguyện vọng của quần chúng Nhân dân đến với Đảng và Nhà nước để có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho đúng và phù hợp với thực tiễn. Do vậy, không có ĐNCB chủ chốt cấp xã vững mạnh thì dù đường lối, chủ trương chính trị có đúng đắn cũng khó biến thành hiện thực.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã có vai trò quan trọng trong quản lý và tổ chức công việc của chính quyền cấp xã. Họ còn có vai trò trực tiếp bảo đảm kỷ cương phép nước tại cấp xã, bảo vệ các quyền tự do dân chủ, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thông qua hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã, Nhân dân thể hiện được quyền làm chủ và trực tiếp thực hiện quyền tự quản của mình.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã đóng vai trò quan trọng là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Ở cấp xã, cán bộ không chỉ truyền đạt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân, mà còn phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân lên các cấp lãnh đạo. Vai trò “cầu nối” này giúp tăng cường sự gắn kết giữa HTCT với xã hội, đồng thời góp phần nâng cao tính chính danh và sự đồng thuận xã hội.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã giữ vai trò trung tâm trong quản lý và phát triển địa phương. Thông qua hoạt động lãnh đạo và quản lý, cán bộ cấp xã góp phần định hướng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống Nhân dân và tổ chức các phong trào phát triển cộng đồng. Chất lượng hoạt động của đội ngũ này có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản trị địa phương và sự phát triển bền vững của cộng đồng dân cư.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã có vai trò thúc đẩy thực hành dân chủ ở cấp xã. Thông qua việc tổ chức thực hiện các cơ chế dân chủ ở cấp xã, công khai thông tin và tạo

điều kiện để người dân tham gia vào các hoạt động quản lý cộng đồng, cán bộ cấp xã góp phần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị địa phương mà còn củng cố niềm tin của Nhân dân đối với HTCT.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã và công tác cán bộ luôn là “khâu then chốt trong vấn đề then chốt” của toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Do vậy, xây dựng ĐNCB nhà nước nói chung, ĐNCB chủ chốt cấp xã nói riêng trong sạch, vững mạnh là công việc hết sức quan trọng khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2.1.4. Cách tiếp cận, khái niệm, cơ sở hình thành, đặc điểm và vai trò văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.1.4.1. Cách tiếp cận văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Cách tiếp cận VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là việc lựa chọn cách thức nhằm thu nhận những tri thức nhất định về các giá trị, chuẩn mực do ĐNCB chủ chốt cấp xã sáng tạo ra và sử dụng giá trị, chuẩn mực ấy trong quá trình thực thi công vụ trong chính quyền địa phương cấp xã, đó cũng chính là lĩnh vực hoạt động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong các công trình nghiên cứu của các học giả, nhà khoa học thế giới và Việt Nam nổi lên ba cách tiếp cận tiêu biểu, có giá trị và được xem là tiền đề lý luận cho nghiên cứu về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã như sau:

Thứ nhất, tiếp cận dựa trên lý thuyết về các định hướng chính trị của chủ thể. Hai học giả Gabriel A. Almond và Sidney Verba, trong công trình “*The Civic Culture: Political Attitudes and Democracy in Five Nations*” (1963), đã phân tích khách thể chính trị thành bốn loại: HTCT như một chính thể; các yếu tố đầu vào (kênh, thiết chế cung cấp thông tin); các yếu tố đầu ra (quyết định, chính sách, pháp luật); và công dân với tư cách chủ thể chính trị.

Với mỗi loại khách thể chính trị, VHCT được biểu hiện qua ba loại định hướng: định hướng tri thức (nhận thức), định hướng cảm nhận (thái độ) và định hướng đánh giá (phán xét). Cách tiếp cận này cung cấp công cụ khoa học cho nghiên cứu so sánh các nền VHCT, giúp đánh giá mức độ tương thích giữa VHCT và thể chế chính trị. Tuy nhiên, cách tiếp cận này còn một số hạn chế: (1) chủ yếu tiếp cận ở phạm vi quốc gia, dân tộc, chưa khái quát đầy đủ VHCT theo nghĩa rộng; (2) thiên về nhận thức và thái độ của công dân đối với quá trình chính trị hiện tại, nên chưa làm rõ nguồn gốc và bản chất của VHCT. Với cách tiếp cận này, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã có thể được xem xét qua các thành tố cơ bản như: tri thức, lý tưởng, niềm tin, hoạt động và năng lực chính trị.

Thứ hai, tiếp cận VHCT dựa trên lý thuyết lựa chọn chính trị, tiêu biểu là Aaron Wildavsky trong công trình “*Choosing Preferences by Constructing Institutions: A Cultural Theory of Preference Formation*”. Theo đó, VHCT được xem là phương diện chủ quan trong việc lựa chọn giữa các phương án chính trị trong những điều kiện nhất

định, khi các lựa chọn không phải là vô hạn. Tương tự cách tiếp cận định hướng chính trị, tác giả coi VHCT là chiều cạnh chủ quan của hệ thống và quá trình chính trị. Cách tiếp cận này đã bổ sung công cụ nhận diện nguồn gốc và tính chất của VHCT. Tuy nhiên, nó chủ yếu nhấn mạnh vai trò của nhóm, chưa cung cấp một cái nhìn khái quát, toàn diện về VHCT. Như vậy, theo cách tiếp cận này VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là một bộ phận của VHCT dân tộc, góp phần hình thành giá trị VHCT truyền thống Việt Nam.

Thứ ba, tiếp cận VHCT theo lớp: Tiêu biểu trong cách tiếp cận VHCT theo lớp là GS, TSKH Phan Xuân Sơn đề cập trong bài viết: *“Vấn đề văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế”* [123]. Với cách tiếp cận VHCT theo lớp dựa trên cách tiếp cận của Texas University chỉ rõ VHCT bao gồm các lớp như: lớp giá trị, tức là mô tả những giá trị của VHCT, trong đó có các giá trị cốt lõi; lớp chuẩn mực, các nghi thức, lớp này nói về các chuẩn mực ứng xử trong VHCT mà biểu hiện ra chính là các quy chuẩn, nghi thức ứng xử của các chủ thể chính trị; lớp nhân vật chính trị, lớp này phân chia các nhân vật chính trị gồm có cá nhân, tập thể và cả lực lượng chính trị của xã hội, những nhân vật anh hùng, mang tính đại diện cho văn hóa và VHCT và lớp cuối cùng là các biểu tượng chính trị.

Theo cách tiếp cận này VHCT sẽ gồm những giá trị và chuẩn mực chính trị mà ĐNCB chủ chốt cấp xã theo đuổi, tri thức, hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, hành vi; những nhân vật anh hùng, biểu tượng của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.1.4.2. Khái niệm văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã có thể được tiếp cận theo các góc độ khác nhau, song không thể thiếu những yếu tố cốt lõi bên trong làm nên nội hàm của nó. Trong số các yếu tố cốt lõi ấy có thể kể đến: Hệ tư tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã; tri thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã; lý tưởng và niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã; năng lực hành động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Các yếu tố tiêu biểu và cốt lõi này gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau kết thành phẩm chất, nhân cách của người cán bộ và sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Trên cơ sở kế thừa các định nghĩa về văn hoá chính trị nói chung, văn hoá chính trị Hồ Chí Minh. Tác giả luận án đưa ra định nghĩa văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã như sau: *Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là một bộ phận của văn hóa chính trị, được hình thành và biểu hiện trong hoạt động chính trị của đội ngũ cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt ở cấp xã, bao gồm hệ thống tri thức, giá trị, niềm tin và chuẩn mực chính trị được tiếp nhận, chia sẻ và chuyển hóa thành năng lực, hành vi và phương thức thực thi quyền lực trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.*

Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã không phải là phép cộng đơn thuần văn hóa chính trị của từng cán bộ, mà còn phản ánh những giá trị, niềm tin và chuẩn

mức chính trị được chia sẻ trong đội ngũ, qua đó định hướng và chi phối cách thức ứng xử, phối hợp, ra quyết định và thực thi quyền lực của tập thể lãnh đạo, quản lý ở cấp xã.

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được thể hiện thông qua nhận thức chính trị, bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ Nhân dân, ý thức chấp hành pháp luật, năng lực tổ chức thực tiễn, phương thức lãnh đạo, phong cách làm việc và quan hệ ứng xử với Nhân dân. Đồng thời, nó còn phản ánh mức độ đoàn kết, dân chủ, kỷ luật, trách nhiệm và khả năng xây dựng đồng thuận trong tập thể lãnh đạo cấp xã.

Với tư cách là cấp gần dân nhất trong HTCT, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đến niềm tin của Nhân dân đối với HTCT cơ sở, cũng như đến chất lượng quản trị địa phương và sự ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở. Vì vậy, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2.1.4.3. Đặc điểm của văn hoá chính trị đối với hoạt động của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam là một bộ phận quan trọng của VHCT Việt Nam, được hình thành và phát triển trong quá trình xây dựng HTCT cơ sở, gắn với đặc điểm của nền chính trị xã hội chủ nghĩa và truyền thống văn hóa - lịch sử của dân tộc. Với vị trí là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, VHCT của đội ngũ này mang một số đặc điểm cơ bản sau:

Một là, văn hóa chính trị mang tính lịch sử - xã hội.

Văn hóa chính trị không hình thành trong một thời điểm ngắn hạn, mà là kết quả của quá trình lịch sử lâu dài. Nó được tích lũy qua kinh nghiệm dựng nước, giữ nước, tổ chức cộng đồng, đấu tranh chính trị, xây dựng nhà nước, thực hành dân chủ, quản lý xã hội và phát triển đất nước.

Ở Việt Nam, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã chịu tác động của nhiều lớp lịch sử: truyền thống yêu nước, tinh thần cộng đồng làng xã, ảnh hưởng của Nho giáo, kinh nghiệm đấu tranh giải phóng dân tộc, truyền thống cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Vì vậy, VHCT Việt Nam nói chung và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã nói riêng luôn là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị dân tộc và yêu cầu quản trị mới.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, tính lịch sử - xã hội thể hiện rõ ở việc họ hoạt động trong môi trường vừa có thiết chế chính thức của Nhà nước, vừa có quan hệ cộng

đồng truyền thống, dòng họ, làng xóm, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục địa phương. Điều này đòi hỏi người cán bộ chủ chốt cấp xã phải có VHCT đủ vững để không bị chi phối bởi cục bộ, thân quen, tình cảm cá nhân, nhưng cũng đủ mềm dẻo để vận động, thuyết phục, hòa giải và giữ gìn đoàn kết cộng đồng.

Hai là, văn hóa chính trị mang tính giá trị và chuẩn mực.

Bản chất của VHCT là hệ thống giá trị và chuẩn mực trong lĩnh vực chính trị. Nó trả lời các câu hỏi: quyền lực chính trị phải phục vụ ai? Người cán bộ phải hành động vì lợi ích nào? Điều gì là chính đáng trong sử dụng quyền lực? Quan hệ giữa cán bộ với Nhân dân phải được tổ chức trên nền tảng nào?

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, các giá trị cốt lõi của VHCT cần bao gồm: trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; phụng sự Tổ quốc và Nhân dân; liêm chính; trách nhiệm; dân chủ; kỷ cương; công bằng; đoàn kết; tôn trọng pháp luật; gần dân, trọng dân và vì dân.

Các giá trị đó phải được cụ thể hóa thành chuẩn mực: nói đi đôi với làm; làm việc đúng nguyên tắc, đúng thẩm quyền; không quan liêu, hách dịch; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn; công khai, minh bạch trong giải quyết công việc; biết lắng nghe, đối thoại, tôn trọng Nhân dân; dám chịu trách nhiệm; tự phê bình và phê bình nghiêm túc.

Ba là, văn hóa chính trị mang tính định hướng và điều chỉnh hành vi

Văn hóa chính trị có chức năng định hướng nhận thức và điều chỉnh hành vi chính trị. Nó giúp các chủ thể chính trị xác định điều gì là đúng đắn, chính đáng, phù hợp với lợi ích chung; đồng thời hạn chế các hành vi lệch chuẩn như vụ lợi, cơ hội, quan liêu, độc đoán, bè phái, cục bộ, vô cảm trước Nhân dân.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, VHCT là “bộ lọc” định hướng hành vi trong những tình huống cụ thể: khi giải quyết khiếu nại, khi phân bổ nguồn lực, khi xử lý quan hệ thân quen, khi tiếp xúc doanh nghiệp, khi vận động Nhân dân, khi tổ chức đối thoại, khi thực thi các quyết định có ảnh hưởng đến quyền lợi của cộng đồng. Nếu thiếu VHCT, cán bộ dễ rơi vào hai khuynh hướng: hoặc cứng nhắc, mệnh lệnh, hành chính hóa quan hệ với dân; hoặc tùy tiện, nể nang, xử lý theo tình cảm và quan hệ cá nhân.

Bốn là, văn hóa chính trị thống nhất giữa nhận thức, niềm tin và hành động

Một người cán bộ chủ chốt cấp xã có VHCT không chỉ là người có hiểu biết chính trị, mà còn phải có niềm tin chính trị đúng đắn và hành động chính trị chuẩn mực. Nhận thức mà không chuyển hóa thành niềm tin sẽ dễ dẫn đến hình thức; niềm tin mà không gắn với tri thức sẽ dễ rơi vào cảm tính; tri thức và niềm tin mà không thể hiện trong hành động thì không tạo thành VHCT thực chất.

Vì vậy, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã phải được đánh giá qua sự thống nhất giữa “biết đúng”, “tin đúng” và “làm đúng”: biết đường lối, chính sách; tin vào mục tiêu,

lý tưởng và lợi ích của Nhân dân; hành động đúng nguyên tắc, đúng pháp luật, đúng chuẩn mực và có hiệu quả trong thực tiễn cơ sở.

Năm là, văn hóa chính trị có tính tổ chức và tính thực tiễn.

Văn hóa chính trị không chỉ là phẩm chất cá nhân, mà còn là sản phẩm của môi trường tổ chức. Cơ chế tuyển chọn, đào tạo, đánh giá, bổ nhiệm, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đều góp phần hình thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Một tổ chức đề cao liêm chính, kỷ luật, dân chủ, nêu gương và trách nhiệm giải trình sẽ tạo điều kiện hình thành ĐNCB chủ chốt VHCT tích cực. Ngược lại, nếu tổ chức dung túng cho hình thức, thành tích, nể nang, cục bộ, lợi ích nhóm thì rất khó xây dựng VHCT lành mạnh.

Văn hóa chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã vì vậy phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý: có giải quyết tốt công việc của dân không; có làm cho dân tin hơn không; có giữ được đoàn kết ở cơ sở không; có xử lý được mâu thuẫn xã hội không; có phòng ngừa được tiêu cực không; có nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã không.

Sáu là, văn hóa chính trị vừa ổn định tương đối, vừa biến đổi

Văn hóa chính trị có tính ổn định vì gắn với truyền thống, giá trị, niềm tin và thói quen đã được tích lũy lâu dài. Tuy nhiên, nó không bất biến. Trong bối cảnh hiện nay, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã chịu tác động mạnh của nhiều yếu tố mới: xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chuyển đổi số, cải cách hành chính, sắp xếp đơn vị hành chính, phân cấp - phân quyền, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, mạng xã hội, biến đổi khí hậu, di cư và phân hóa xã hội.

Những đặc điểm đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ giữ vững các giá trị truyền thống như yêu nước, đoàn kết, gần dân, trọng dân, mà còn phải tiếp nhận các giá trị quản trị hiện đại như pháp quyền, minh bạch, trách nhiệm giải trình, chuyên nghiệp, hiệu quả, số hóa và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Nhìn chung, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam vừa mang những đặc trưng chung của VHCT Việt Nam, vừa có những đặc điểm riêng gắn với vị trí, vai trò và môi trường hoạt động ở cơ sở. Đây là lực lượng trực tiếp kết nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, vì vậy chất lượng VHCT của đội ngũ này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu lực quản lý nhà nước, niềm tin của Nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở.

2.2. CẤU TRÚC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ

Mặc dù còn có những cách tiếp cận khác nhau về cấu trúc VHCT, song phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất rằng VHCT không chỉ bao gồm tri thức chính trị, mà còn là sự kết hợp giữa hệ giá trị, niềm tin, chuẩn mực, hành vi và năng lực thực hành chính trị của chủ thể. Các thành tố này có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình hình thành nhân cách chính trị cũng như định hướng hoạt động chính trị

của mỗi cá nhân và tổ chức. Chính sự thống nhất giữa nhận thức, giá trị, chuẩn mực và hành vi làm nên bản chất của VHCT với tư cách là một bộ phận đặc thù của văn hóa xã hội [14], [157].

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, VHCT không chỉ phản ánh trình độ nhận thức chính trị hay phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân, mà còn được thể hiện trong toàn bộ quá trình thực thi quyền lực, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở. Vì vậy, cấu trúc VHCT của đội ngũ này cần phản ánh đầy đủ cả phương diện nhận thức, định hướng giá trị, chuẩn mực điều chỉnh hành vi, phương thức thực thi quyền lực và năng lực hiện thực hóa các giá trị chính trị trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Kế thừa các quan điểm nghiên cứu về VHCT của các học giả trong và ngoài nước, đồng thời xuất phát từ đặc điểm hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam, luận án cho rằng VHCT của đội ngũ này được cấu thành bởi sáu thành tố cơ bản: (1) nhận thức chính trị; (2) giá trị chính trị; (3) hệ tư tưởng và niềm tin chính trị; (4) chuẩn mực chính trị; (5) hành vi và phương thức thực thi quyền lực; (6) năng lực thực hành chính trị. Sáu thành tố này không tồn tại biệt lập mà tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Trong đó, nhận thức chính trị là nền tảng nhận biết và lý giải đời sống chính trị; hệ giá trị và hệ tư tưởng chính trị, niềm tin chính trị giữ vai trò định hướng mục tiêu, lý tưởng và động lực hành động; chuẩn mực chính trị xác lập khuôn khổ điều chỉnh hành vi; hành vi và phong cách thực thi quyền lực là sự biểu hiện trực tiếp của VHCT trong thực tiễn; còn năng lực thực hành chính trị phản ánh khả năng chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực thành hiệu quả lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân.

2.2.1. Nhận thức chính trị

Nhận thức chính trị là thành tố nền tảng trong cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong quá trình hình thành và phát triển VHCT, nhận thức chính trị tạo cơ sở để chủ thể hiểu đúng bản chất của đời sống chính trị, xác định đúng vị trí, vai trò của mình trong HTCT và lựa chọn phương thức hành động phù hợp. Nếu hệ giá trị và niềm tin chính trị trả lời câu hỏi chủ thể hướng tới điều gì, chuẩn mực chính trị xác định chủ thể phải hành động như thế nào, thì nhận thức chính trị cung cấp cơ sở tri thức và năng lực tư duy để chủ thể hiểu đúng, đánh giá đúng và hành động đúng trong thực tiễn chính trị.

Trong khoa học chính trị hiện đại, nhận thức chính trị được xem là một thành tố quan trọng của VHCT. Theo Gabriel A. Almond và Sidney Verba, VHCT trước hết được biểu hiện ở mức độ hiểu biết của cá nhân về HTCT, các thiết chế chính trị, vai trò của các chủ thể chính trị và cơ chế vận hành quyền lực. Nhận thức chính trị càng đầy đủ, khoa học thì khả năng hình thành các định hướng giá trị và hành vi chính trị đúng đắn càng cao;

ngược lại, nhận thức phiến diện hoặc sai lệch dễ dẫn tới những biểu hiện lệch chuẩn trong thái độ và hành vi chính trị [157].

Kế thừa cách tiếp cận đó, luận án quan niệm nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã là tổng thể tri thức chính trị, hiểu biết về HTCT, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cùng khả năng phân tích, đánh giá, dự báo và vận dụng những tri thức đó trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Nhận thức chính trị không đồng nhất với tri thức chính trị thuần túy, bởi ngoài việc nắm bắt thông tin và kiến thức, nó còn bao hàm năng lực tư duy chính trị, khả năng lý giải các quan hệ quyền lực, nhận diện vấn đề thực tiễn và lựa chọn phương thức xử lý phù hợp. Nhận thức chính trị cũng không đồng nhất với hệ giá trị hay niềm tin chính trị, mặc dù nó là tiền đề quan trọng để hình thành, củng cố và phát triển các yếu tố đó.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, nhận thức chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống chính trị - xã hội ở cơ sở. Chất lượng các quyết định lãnh đạo, quản lý, hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khả năng tuyên truyền, vận động Nhân dân và xử lý các tình huống ở địa phương đều phụ thuộc trước hết vào trình độ nhận thức chính trị của đội ngũ này. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định cán bộ phải học tập lý luận để nâng cao trình độ chính trị, bởi “không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”. Quan điểm đó tiếp tục được Đảng kế thừa trong các nghị quyết về xây dựng ĐNCB và nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị [35].

Xét về cấu trúc, nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã gồm bốn bộ phận cơ bản: tri thức chính trị, hiểu biết về HTCT, thể chế và cơ chế vận hành quyền lực, nhận thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của cán bộ trong HTCT cơ sở, tư duy chính trị và năng lực vận dụng tri thức vào thực tiễn. Các bộ phận này có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó tri thức chính trị là nền tảng; hiểu biết về HTCT và thể chế là điều kiện để cán bộ hành động đúng nguyên tắc; nhận thức về vai trò, trách nhiệm giúp cán bộ xác định đúng bản phận chính trị; còn tư duy chính trị phản ánh trình độ vận dụng nhận thức vào quá trình lãnh đạo, quản lý.

Tri thức chính trị là nền tảng của nhận thức chính trị, phản ánh trình độ hiểu biết của cán bộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của HTCT, quản lý nhà nước, quản trị địa phương cũng như những vấn đề mới của đời sống chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền phục vụ [14], [157]. Tuy nhiên, tri thức chỉ thực sự trở thành một bộ phận của VHCT khi được chuyển hóa thành năng lực nhận thức, khả năng phân tích và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Hiểu biết về HTCT, thể chế và cơ chế vận hành quyền lực giúp cán bộ chủ chốt cấp xã nhận thức đúng bản chất, nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của HTCT ở cơ sở. Đội ngũ này cần nắm vững vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hiểu rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân; đồng thời nhận thức đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc pháp quyền, yêu cầu kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ [14], [135].

Nhận thức về vị trí, vai trò và trách nhiệm của cán bộ trong HTCT cơ sở là bộ phận quan trọng của nhận thức chính trị. Cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ là người triển khai chủ trương, chính sách từ cấp trên, mà còn là người trực tiếp tổ chức, điều hành, vận động, thuyết phục và giải quyết các vấn đề cụ thể của người dân ở cơ sở. Do đó, nhận thức đúng về vai trò của mình giúp cán bộ tránh cả hai khuynh hướng: tuyệt đối hóa quyền lực cá nhân hoặc xem nhẹ trách nhiệm chính trị được giao. Người cán bộ có nhận thức chính trị đúng đắn phải hiểu rằng quyền lực được giao là để phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân và phải được thực thi trong khuôn khổ pháp luật, kỷ luật của Đảng và chuẩn mực đạo đức công vụ.

Tư duy chính trị và năng lực vận dụng tri thức vào thực tiễn phản ánh trình độ phát triển cao của nhận thức chính trị. Đây là khả năng phân tích, đánh giá, dự báo và xử lý các vấn đề chính trị - xã hội trên cơ sở vận dụng tổng hợp tri thức lý luận, hiểu biết thực tiễn và kinh nghiệm công tác. Trong bối cảnh hiện nay, tư duy chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được phát triển theo hướng tư duy hệ thống, tư duy đổi mới, tư duy quản trị hiện đại và tư duy phục vụ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả [143].

Trên cơ sở các bộ phận cấu thành, nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được biểu hiện ở bốn phương diện chủ yếu: nhận thức đúng mục tiêu, lý tưởng của Đảng và lợi ích quốc gia - dân tộc, khả năng quán triệt, cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách vào điều kiện cụ thể của địa phương, năng lực phân tích, dự báo và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý ở cơ sở, tinh thần học tập suốt đời, chủ động cập nhật tri thức mới về chính trị, quản trị, pháp luật và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý.

Nhận thức chính trị là điểm khởi đầu của quá trình hình thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Tuy nhiên, nhận thức đúng mới là điều kiện cần; chỉ khi được nội tâm hóa thành giá trị, lý tưởng, niềm tin và động cơ chính trị, nhận thức mới trở thành nền tảng định hướng hành vi và năng lực thực hành chính trị. Chính vì vậy, thành tố tiếp theo trong cấu trúc VHCT là hệ giá trị và niềm tin chính trị.

2.2.2. Giá trị chính trị

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, giá trị chính trị là nền tảng định hướng tư tưởng và hành động, thể hiện tập trung ở các giá trị cốt lõi và chuẩn mực chính trị như: Yêu nước, trung thành với Tổ quốc.

Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân là giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân tộc ta". Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải "nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân" [10].

Theo Hồ Chí Minh, yêu nước và trung thành với Tổ quốc là phẩm chất đạo đức cơ bản, hàng đầu của ĐNCB cách mạng. Đây là phẩm chất đạo đức có ý nghĩa bao trùm, giữ vai trò chi phối các phẩm chất đạo đức khác. Kế thừa truyền thống "trung với nước" của dân tộc Việt Nam và phương Đông, Hồ Chí Minh đã phát triển nội dung này trong điều kiện lịch sử mới gắn với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: "Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào" [87, tr.170]. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, trung với nước trước hết là tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với sự nghiệp cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Điều đó đòi hỏi cán bộ phải không ngừng nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trước Nhân dân và kiên quyết đấu tranh với mọi hành vi làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia và Nhân dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau... Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hi sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hi sinh cho Đảng" [88, tr.290-291]. Đồng thời, Người khẳng định: "Cái gì trái với quyền lợi của Tổ quốc, chúng ta kiên quyết chống lại" [86, tr.178]. Những quan điểm đó thể hiện sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, đồng thời là nền tảng chính trị - tư tưởng quan trọng trong việc xây dựng phẩm chất chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay.

Yêu nước, trung thành với Tổ quốc của ĐNCB chủ chốt cấp xã còn thể hiện việc làm cụ thể, tích cực, sáng tạo, đổi mới phương pháp làm việc, năng suất cao, chất lượng, hiệu quả, nhiệm vụ nào cũng phải hoàn thành tốt; biết quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, của Nhân dân. Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách, càng khó khăn, càng bình tĩnh, càng sáng suốt; dám hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân, nghĩ đến tiền đồ của dân tộc. Phải biết làm người công bộc tận tụy, trung thành của Nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng làm nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ĐNCB theo nguyên tắc: trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt, Đảng không chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ một tổ chức nào, một khâu trung gian nào.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là lực lượng trực tiếp lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng. Đây là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Do đó, đối với Đảng, ĐNCB chủ chốt cấp xã phải “tuyệt đối trung thành với Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân” [10].

Tuyệt đối trung thành của ĐNCB chủ chốt cấp xã đối với Đảng, chính là sự thể hiện tình cảm, lý tưởng của mình đối với Đảng, trước hết ĐNCB chủ chốt cấp xã phải kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh, đường lối đổi mới của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là đường lối chính trị đúng đắn đã được kiểm chứng qua 40 năm đổi mới và khẳng định trong thực tiễn. Cho nên, trung thành với Đảng chính là trung thành và bảo vệ đường lối, mục tiêu mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân đã lựa chọn. Muốn bảo vệ lý tưởng của Đảng, ĐNCB chủ chốt cấp xã phải tham gia xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, HTCT cấp xã, xây dựng ĐNCB thật sự trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện các mặt công tác.

Trung thành với Đảng, chịu sự lãnh đạo của Đảng của ĐNCB chủ chốt cấp xã là phải suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, sắt son lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc, vì nước quên thân vì dân phục vụ, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, tập thể, lên trên lợi ích cá nhân. Kiên

quyết, kiên trì, bền bỉ đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến sự nghiệp cách mạng của Đảng, lợi ích của Nhân dân. Nguyên trọn đời cống hiến cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng, con đường đi lên CNXH; không được chệch hướng lý tưởng chính trị, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng, mất động lực tinh thần cống hiến, hy sinh và không thể hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Trung thành với Đảng, chịu sự lãnh đạo của Đảng của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đây là giá trị nền tảng của ĐNCB chủ chốt cấp xã thể hiện qua cam kết chính trị vững chắc đối với vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, là giá trị cốt lõi, xuyên suốt trong tư duy và hành động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trung thành không chỉ ở cấp độ tư tưởng, mà còn là nguyên tắc hành động trong xử lý công việc, bảo vệ lợi ích của chế độ. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu.

Dân tộc Việt Nam đã sớm hình thành trong lịch sử và có một nền văn hiến lâu đời. Nhân dân Việt Nam vốn có truyền thống anh hùng bất khuất, đoàn kết thủy chung, có tình nghĩa đồng bào sâu nặng... Đó là một nét tiêu biểu trong bản sắc dân tộc của người Việt Nam.

Thương dân, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân là phẩm chất chính trị - đạo đức quan trọng của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Điều đó đòi hỏi cán bộ phải trọng dân, thương dân, tin dân, gần dân, hiểu dân, học hỏi Nhân dân, biết dựa vào Nhân dân và lấy Nhân dân làm gốc trong mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo đối với hiệu quả thực thi công vụ và năng lực lãnh đạo. Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh trách nhiệm của cán bộ đối với Nhân dân. Người căn dặn: “Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh”, đồng thời “tuyệt đối không được lên mặt “quan cách mạng” ra lệnh ra oai” [83, tr.67]. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐNCB phải thật sự là người công bộc tận tụy, trung thành của Nhân dân; luôn khiêm tốn, cầu thị, dám nhận khuyết điểm và nghiêm túc sửa chữa sai lầm. Bên cạnh đó, cán bộ còn phải có phong cách làm việc mềm dẻo, linh hoạt, có tầm nhìn xa, biết vận dụng phương pháp phù hợp trong giải quyết công việc và xử lý các tình huống chính trị - xã hội nảy sinh ở cấp xã.

Là con đẻ của dân, từ Nhân dân mà ra, là đây đó thật trung thành của Nhân dân, ĐNCB chủ chốt cấp xã phải biết kính trọng, lễ phép với Nhân dân là lẽ tự nhiên, là sự phản ánh đúng đắn về bản chất, chuẩn mực văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Kính trọng, lễ phép với Nhân dân là một trong những chuẩn mực cơ bản văn hoá chính trị

mà ĐNCB chủ chốt cấp xã phải có, phải giữ. Để có được văn hoá chính trị, ĐNCB chủ chốt cấp xã cần ra sức học tập, chăm chỉ rèn luyện, không ngừng củng cố lập trường, nâng cao bản lĩnh chính trị. Kính trọng, lễ phép và gắn bó với Nhân dân của ĐNCB cấp xã không nên dừng lại ở thái độ bên ngoài, mà quan trọng hơn ở chiều sâu, ở bản chất, ở mỗi việc làm hàng ngày, việc nhỏ cũng như việc lớn. Thương dân, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân, kính trọng, lễ phép và gắn bó mật thiết với Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ; tận tụy, trách nhiệm với công việc và quan hệ ứng xử với Nhân dân đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã không phải là một khẩu hiệu, mà phải lấy hiệu quả công việc làm thước đo tinh thần nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng; liêm chính, công tâm và minh bạch trong thực thi quyền lực công; khơi dậy tinh thần, nghị lực, ý chí và khát vọng cống hiến suốt đời vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của dân; khắc phục thói vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của Nhân dân, chống bệnh quan liêu; kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”; lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công, đục khoét của Nhà nước và Nhân dân, thu vén cho gia đình, cá nhân. Trung thành vô hạn với mục tiêu lý tưởng của Đảng, của dân tộc, tham gia tích cực vào việc thực hiện công cuộc đổi mới vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, hùng cường. Đó mới thật là phẩm chất VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” là một giá trị quan trọng trong VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, phản ánh năng lực giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cộng đồng địa phương với lợi ích quốc gia - dân tộc. Ở cấp xã, “làng” không chỉ biểu hiện cho lợi ích của cộng đồng dân cư mà còn gắn với các quan hệ cộng đồng, dòng họ, phong tục, tập quán, hương ước, quy ước và những chuẩn mực xã hội được hình thành trong đời sống địa phương; trong khi “nước” biểu hiện cho lợi ích quốc gia, kỷ cương, pháp luật và các chuẩn mực quản trị chung. Vì vậy, hài hòa “làng” và “nước” thực chất là giải quyết mối quan hệ giữa tính tự quản, các giá trị truyền thống của cộng đồng với yêu cầu thượng tôn pháp luật và bảo đảm lợi ích chung của quốc gia.

Trong thực tiễn quản trị ở cơ sở, giữa “lệ làng” và “phép nước” có thể nảy sinh những khác biệt, thậm chí xung đột về lợi ích và chuẩn mực ứng xử. Quan hệ dòng họ, tâm lý cộng đồng, tập quán địa phương có thể tạo nên sự gắn kết xã hội và hỗ trợ hoạt động tự quản, nhưng cũng có thể dẫn đến cục bộ địa phương, tư tưởng “trọng tình hơn lý”, nể nang, né tránh hoặc đặt lợi ích của dòng họ, nhóm xã hội và cộng đồng hẹp lên trên lợi ích chung. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã không phải là loại bỏ “lệ làng”, mà là nhận diện, kế thừa và phát huy những giá trị cộng đồng phù hợp, đồng

thời điều chỉnh hoặc loại bỏ những tập quán, quy ước trái với pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng và công dân. Trong mối quan hệ này, pháp luật quốc gia là giới hạn và chuẩn mực có tính nguyên tắc để điều chỉnh các quan hệ xã hội ở cơ sở.

Hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” vì vậy đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chung lên trên lợi ích cục bộ, đồng thời tôn trọng và bảo đảm những lợi ích chính đáng của cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện ở năng lực cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn; phát huy dân chủ và tính tự quản của cộng đồng nhưng không để các quan hệ thân tộc, dòng họ, phong tục hay sức ép cộng đồng chi phối việc thực thi công vụ. cán bộ cấp xã phải có khả năng nhận diện xung đột lợi ích, điều tiết các quan hệ xã hội và giải quyết những khác biệt trên cơ sở pháp luật, công bằng và lợi ích chung, qua đó tạo lập sự đồng thuận xã hội mà không làm suy giảm tính nghiêm minh của kỷ cương, pháp luật.

Ở phương diện VHCT, năng lực xử lý mối quan hệ giữa “làng” và “nước” còn thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và văn hóa ứng xử của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Cán bộ vừa phải gần dân, hiểu dân, tôn trọng phong tục và những giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng, vừa phải giữ được tính khách quan, công tâm và nguyên tắc trong thực thi quyền lực. Sự hài hòa vì thế không phải là thỏa hiệp với những tập quán hoặc lợi ích cục bộ trái pháp luật, mà là quá trình kết hợp hợp lý giữa “lệ làng” và “phép nước”, giữa tự quản cộng đồng và quản trị bằng pháp luật, giữa lợi ích địa phương và lợi ích quốc gia, trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” không chỉ là yêu cầu dung hòa lợi ích mà sâu xa hơn là năng lực nhận diện và xử lý những xung đột giữa quan hệ cộng đồng, dòng họ, tập quán địa phương với pháp luật và lợi ích quốc gia. Đây vừa là một giá trị, vừa là tiêu chí phản ánh bản lĩnh, năng lực quản trị và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, góp phần củng cố kỷ cương, phát huy sức mạnh cộng đồng và bảo đảm sự phát triển của địa phương trong tổng thể phát triển chung của đất nước.

Như vậy, hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” vừa là nguyên tắc, vừa là tiêu chí đánh giá năng lực và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của địa phương trong tổng thể phát triển chung của đất nước.

2.2.3. Hệ tư tưởng và niềm tin chính trị

Nếu tri thức chính trị là điểm khởi đầu của quá trình hình thành VHCT thì hệ tư tưởng và niềm tin chính trị giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ cấu trúc VHCT. Tri thức đúng giúp chủ thể hiểu được bản chất của đời sống chính trị, nhưng việc lựa chọn điều gì là quan trọng, đáng bảo vệ, đáng theo đuổi và sẵn sàng hành động vì điều đó lại phụ thuộc vào hệ tư tưởng và niềm tin mà chủ thể tiếp nhận, lựa chọn và nội tâm hóa. Vì vậy, trong

khoa học chính trị, hệ tư tưởng được xem là hạt nhân của VHCT, chi phối thái độ, lựa chọn và hành vi của các chủ thể trong đời sống chính trị [83]. Trong quá trình thực thi quyền lực, cán bộ không chỉ vận dụng tri thức, pháp luật và kỹ năng quản lý, mà còn phải lựa chọn giữa các lợi ích, mục tiêu và phương án hành động khác nhau. Những lựa chọn đó chịu sự chi phối trực tiếp của hệ tư tưởng và niềm tin chính trị được hình thành thông qua giáo dục, rèn luyện, trải nghiệm thực tiễn và môi trường công tác.

Hệ tư tưởng chính trị là bộ phận cốt lõi của tri thức chính trị ở cấp độ lý luận, phản ánh lập trường, thái độ và tầm nhìn chính trị của chủ thể trước các vấn đề cơ bản của đời sống chính trị - xã hội. Theo V.I. Lênin, "... không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình" [77, tr.350]. Hệ tư tưởng chính trị là hệ thống các tư tưởng, quan điểm được khái quát và trình bày một cách lôgic, hình thành nên mục tiêu, đường lối, chiến lược và phương thức hành động chính trị của giai cấp hoặc lực lượng cầm quyền.

Theo C.Mác, trong một xã hội, hệ tư tưởng thống trị xã hội bao giờ cũng là hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền. Hệ tư tưởng chính trị phản ánh khái quát lợi ích của giai cấp cũng như phương thức, con đường để hiện thực hóa lợi ích của mỗi giai cấp. Giai cấp nào cầm quyền thì hệ tư tưởng của giai cấp đó sẽ được truyền bá trong xã hội, trở thành hệ tư tưởng chính thống.

Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* (1846), C.Mác và Ăngghen đã chỉ rõ: Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị chính là tư tưởng thống trị, giai cấp giữ địa vị thống trị về lực lượng sản xuất của xã hội sẽ giữ địa vị thống trị về mặt tinh thần. Theo quan điểm của các ông, tư tưởng và văn hóa là một phần của kiến trúc thượng tầng xã hội.

Hệ tư tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã chính là hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng làm nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động, mang bản chất cách mạng, là yếu tố quyết định tới bản chất của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đồng thời, hệ tư tưởng cũng là một thực thể của văn hoá chính trị, chính hệ tư tưởng cung cấp cho văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã một hệ thống giá trị và lý tưởng mà ĐNCB chủ chốt cấp xã phải hướng tới. Hệ tư tưởng chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã là sự cụ thể hóa đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương, nhằm xây dựng HTCT cấp xã vững mạnh, "trong sạch", và "gần dân".

Việc tuyên truyền hệ tư tưởng có ý nghĩa trong việc định hướng văn hoá chính trị. Truyền bá rộng rãi những quan điểm phù hợp với hệ tư tưởng của mình góp phần to lớn vào việc xây dựng và củng cố niềm tin chính trị trong Nhân dân, góp phần quan trọng tạo nên văn hoá chính trị trong toàn xã hội. Hệ tư tưởng chính trị quy định trực tiếp lên cụ thể hóa đường lối và chính sách chính trị của ĐNCB chủ chốt.

Đường lối chính trị chính là nhiệm vụ chiến lược, phương hướng chung trong từng giai đoạn khác nhau của ĐNCB chủ chốt cấp xã, được đề ra căn cứ vào tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương và những mâu thuẫn chủ yếu cần giải quyết trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Chính sách chính trị là nơi thể hiện cụ thể mục tiêu chính trị, là những chuẩn quy tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã được thực thi công vụ trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể. Cụ thể hóa đường lối, chính sách đúng là một nhân tố quyết định sự phát triển thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, quyết định vị trí của mình đối với quốc gia dân tộc, với địa phương. Tham mưu cho Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, tinh gọn bộ máy Nhà nước theo hướng “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, phục vụ Nhân dân, ... là công việc quan trọng hàng đầu của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Song hành với tri thức chính trị là lý tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Lý tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã chính là tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân. ĐNCB chủ chốt xã không được phép “phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin” [143, tr.376] vì bất cứ lý do gì.

Lý tưởng chính trị là hạt nhân định hướng toàn bộ hoạt động thực tiễn của người cán bộ, quyết định bản chất giai cấp và mục tiêu phấn đấu của chủ thể lãnh đạo. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, lý tưởng chính trị cao nhất là sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh [21]. Đây là nền tảng để hình thành bản lĩnh chính trị, giúp cán bộ giữ vững phương hướng hành động trước tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng [85].

Trong điều kiện hiện nay, lý tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã còn được thể hiện ở khát vọng xây dựng quê hương, phát triển địa phương, nâng cao đời sống Nhân dân và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Lý tưởng đó không dừng ở khẩu hiệu mà phải được cụ thể hóa bằng tinh thần trách nhiệm, ý chí đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Tri thức chính trị, lý tưởng chính trị cùng với niềm tin chính trị đóng vai trò quyết định sự thành bại của các hoạt động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Niềm tin chính

trị là kết quả của nhận thức đúng đắn, sâu sắc về lý tưởng chính trị đã lựa chọn. Niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được hình thành và củng cố trên cơ sở tri thức chính trị, kinh nghiệm thực tiễn, tình cảm và lý tưởng chính trị; là trụ cột tinh thần bảo đảm sự ổn định, kiên định và nhất quán trong hành động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được hình thành một cách tự giác sẽ mang tính chất ổn định và vững chắc về tư tưởng chính trị ngay cả khi tình huống chính trị không thật thuận chiều. Ngược lại niềm tin chính trị tự phát, mù quáng dễ bị dao động, thậm chí phản bội lại lý tưởng khi tình thế khủng hoảng hoặc rơi vào trạng thái khó khăn, phức tạp. Do vậy, chỉ có trên cơ sở vững chắc của niềm tin chính trị, ĐNCB chủ chốt cấp xã mới thể hiện tính tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động chính trị, các hoạt động xã hội, các sinh hoạt cộng đồng góp phần hình thành dư luận tích cực của xã hội, đấu tranh chống lại các hành vi gây tổn hại tới lợi ích chung.

Niềm tin chính trị không phải là sự tin tưởng cảm tính, mà được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học, trải nghiệm thực tiễn và sự thống nhất giữa nhận thức với hành động [83], [85]. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, niềm tin chính trị được thể hiện ở sự kiên định về lập trường, mục tiêu, lý tưởng; khả năng giữ vững bản lĩnh trước khó khăn, thách thức, các quan điểm sai trái, thù địch và những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, mạng xã hội và hội nhập quốc tế. Niềm tin chính trị vững vàng giúp cán bộ không dao động trước những biến động của tình hình, không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm; đồng thời có bản lĩnh bảo vệ cái đúng, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng và tiêu cực [144]. Vì vậy, niềm tin chính trị cần được củng cố thường xuyên thông qua giáo dục lý luận, rèn luyện thực tiễn, sự gương mẫu của ĐNCB, hiệu quả lãnh đạo, quản lý và những kết quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Trong niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã còn bao hàm cả tình cảm chính trị, đó chính là sức mạnh bên trong, là động lực để hành động thực thi những nhiệm vụ cao đẹp, dù có thể hi sinh bản thân mình. Tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nuôi dưỡng và củng cố niềm tin chính trị, tạo động lực tinh thần thúc đẩy hành động chính trị tự giác, bền bỉ và có trách nhiệm. Tình cảm chính trị trong sáng là điều kiện để ĐNCB chủ chốt cấp xã giữ vững lập trường, nêu gương trong hành xử công vụ và lan tỏa những giá trị chính trị tích cực trong cộng đồng. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, tình cảm chính trị được biểu hiện ở lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, sự gắn bó với Nhân dân, ý thức giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phát triển. Đồng thời, tình cảm chính trị còn thể hiện ở thái độ tôn trọng, lắng nghe Nhân dân; sự đồng cảm với khó khăn của người dân; tinh thần gần dân, trọng dân, hiểu dân và hết lòng phục vụ Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh [85].

Động cơ chính trị là sự chuyển hóa hệ giá trị và niềm tin chính trị thành động lực thúc đẩy chủ thể hành động. Động cơ chính trị phản ánh mục đích, ý chí và sự thôi thúc bên trong của người cán bộ trong quá trình thực thi quyền lực. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, động cơ chính trị đúng đắn phải được hình thành trên cơ sở phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân và thực hiện tốt chức trách được giao. Người cán bộ có động cơ chính trị trong sáng sẽ đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích cộng đồng và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích riêng; chủ động, sáng tạo, tận tụy trong thực hiện nhiệm vụ; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung [14], [144]. Ngược lại, nếu động cơ chính trị bị chi phối bởi chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng vụ lợi, bệnh thành tích, cục bộ địa phương hoặc lợi ích nhóm thì quyền lực dễ bị sử dụng sai mục đích, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân và ảnh hưởng trực tiếp đến VHCT của ĐNCB. Vì vậy, xây dựng động cơ chính trị đúng đắn phải gắn với giáo dục tư tưởng, cơ chế tuyển chọn, sử dụng, đánh giá, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với cán bộ.

Hệ tư tưởng chính trị và niềm tin chính trị có quan hệ hữu cơ trong một quá trình thống nhất. Hệ tư tưởng chính trị là nền tảng định hướng; lý tưởng chính trị là sự khái quát và nâng cao của giá trị; niềm tin chính trị là kết quả của quá trình nội tâm hóa giá trị và lý tưởng; động cơ chính trị là sự chuyển hóa niềm tin thành động lực hành động; còn tình cảm chính trị tạo nên sự gắn bó và bền vững của toàn bộ hệ giá trị. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, hệ giá trị và niềm tin chính trị được biểu hiện thông qua sự kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; tinh thần phụng sự Tổ quốc và Nhân dân; ý thức trách nhiệm, liêm chính, kỷ cương, dân chủ, nêu gương; sự chủ động đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và khát vọng cống hiến cho sự phát triển của địa phương, đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường, thời đại kỹ nguyên số, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đang dùng đủ mọi thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc, sai trái hòng làm lung lay niềm tin của ĐNCB, quần chúng Nhân dân đối với Đảng. Trong khi đó, lại có một bộ phận cán bộ xa rời lập trường chính trị, không ít đối tượng “trở cò” quay lưng lại với lịch sử, với cách mạng, đi ngược lại với lợi ích dân tộc. Trước những luận điểm sai trái, thù địch ấy, ĐNCB chủ chốt cấp xã cần phải có trình độ LLCT vững vàng, nhãn quan chính trị sáng suốt bảo đảm giữ vững niềm tin tưởng, kiên định lập trường chính trị. Từ đó kiên quyết phê phán, đấu tranh, để góp phần bảo vệ, giữ vững niềm tin chính trị, đồng thời thực hiện trách nhiệm nêu gương, định hướng và lan tỏa những quan điểm, lập trường chính trị đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta tới đông đảo quần chúng Nhân dân.

Hệ tư tưởng chính trị và niềm tin chính trị giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Chính hệ tư tưởng chính trị và niềm tin quyết định

cách thức chủ thể tiếp nhận, lựa chọn và hiện thực hóa tri thức chính trị thành mục tiêu, động lực và định hướng hành động chính trị. Tuy nhiên, hệ tư tưởng chính trị và niềm tin chỉ thực sự phát huy vai trò khi được cụ thể hóa thành những quy tắc và yêu cầu điều chỉnh hành vi trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, sau hệ tư tưởng chính trị và niềm tin chính trị, thành tố tiếp theo trong cấu trúc VHCT là chuẩn mực chính trị.

2.2.4. Chuẩn mực chính trị

Nếu hệ giá trị và niềm tin chính trị giữ vai trò định hướng mục tiêu và động lực hành động thì chuẩn mực chính trị trực tiếp điều chỉnh cách thức hành động của chủ thể. Trong cấu trúc VHCT, hệ giá trị phản ánh điều chủ thể cho là đúng, tốt đẹp và cần hướng tới; còn chuẩn mực chính trị xác định chủ thể phải hành động như thế nào để hiện thực hóa những giá trị đó trong đời sống chính trị. Vì vậy, chuẩn mực chính trị là cầu nối giữa hệ giá trị, niềm tin và hành vi chính trị, bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức, niềm tin với hoạt động thực tiễn.

Chuẩn mực chính trị là hệ thống các quy tắc, yêu cầu và khuôn mẫu điều chỉnh thái độ, hành vi và phương thức ứng xử của chủ thể trong quá trình tham gia, thực thi quyền lực chính trị. Chuẩn mực chính trị vừa phản ánh những giá trị được chế độ chính trị và xã hội thừa nhận, vừa là căn cứ đánh giá tính đúng đắn, hợp pháp và hợp đạo đức của hành vi chính trị. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, chuẩn mực chính trị không chỉ được quy định bởi Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng, mà còn được hình thành từ đạo đức công vụ, văn hóa lãnh đạo, truyền thống chính trị dân tộc và các chuẩn mực xã hội được cộng đồng thừa nhận [14], [83].

Khác với hệ giá trị và niềm tin chính trị chủ yếu giữ vai trò định hướng bên trong, chuẩn mực chính trị có tính quy phạm rõ rệt. Nó xác định giới hạn giữa hành vi được khuyến khích với hành vi bị ngăn cấm; giữa sử dụng quyền lực đúng mục đích với lạm dụng quyền lực; giữa tinh thần phục vụ Nhân dân với tư tưởng đặc quyền, đặc lợi. Nhờ đó, chuẩn mực chính trị góp phần bảo đảm quyền lực được thực thi đúng pháp luật, đúng mục tiêu chính trị và phù hợp với các giá trị đạo đức xã hội.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, chuẩn mực chính trị gồm năm nhóm nội dung cơ bản: đạo đức công vụ; chuẩn mực thực thi quyền lực; chuẩn mực ứng xử chính trị; tinh thần nêu gương; trách nhiệm giải trình. Các nhóm chuẩn mực này có quan hệ bổ sung, hỗ trợ nhau, tạo thành khuôn khổ điều chỉnh hoạt động lãnh đạo, quản lý của ĐNCB ở cơ sở.

Đạo đức công vụ là nền tảng của chuẩn mực chính trị, phản ánh những yêu cầu về phẩm chất mà người cán bộ phải tuân thủ trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Đó là sự trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân; tinh thần tận tụy phục vụ; liêm chính, khách quan, công tâm; tôn trọng pháp luật; đặt lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích của Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh người

cán bộ phải “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, coi đó là nền tảng đạo đức của người cách mạng. Quan điểm này tiếp tục được Đảng kế thừa và cụ thể hóa trong các quy định về trách nhiệm nêu gương, chuẩn mực đạo đức cách mạng và xây dựng ĐNCB trong giai đoạn mới [85], [144].

Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, đạo đức công vụ không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn thể hiện trong quá trình giải quyết công việc của Nhân dân. Một cán bộ có đạo đức công vụ phải tôn trọng pháp luật, công khai, minh bạch; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi; không quan liêu, hách dịch, cửa quyền; giữ thái độ khách quan, công bằng và trách nhiệm khi xử lý các công việc liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

Chuẩn mực thực thi quyền lực phản ánh những yêu cầu mà cán bộ phải tuân thủ trong quá trình sử dụng quyền lực được giao. Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, quyền lực được thực hiện thông qua hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, quản lý của chính quyền và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, thực thi quyền lực phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy trình, đúng pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và Nhân dân [14], [144]. Chuẩn mực thực thi quyền lực đòi hỏi cán bộ phải nhận thức rõ quyền lực được giao là để phục vụ Nhân dân, không phải là công cụ mưu cầu lợi ích cá nhân. Mọi quyết định quản lý phải được cân nhắc trên cơ sở lợi ích chung, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và trách nhiệm; đồng thời chủ động phòng ngừa các biểu hiện lạm quyền, né tránh trách nhiệm, lợi ích nhóm, tham nhũng và tiêu cực.

Chuẩn mực ứng xử chính trị phản ánh yêu cầu về thái độ, phương thức giao tiếp và cách thức xử lý các mối quan hệ chính trị trong quá trình thực thi công vụ. Nếu chuẩn mực thực thi quyền lực quy định việc sử dụng quyền lực đúng nguyên tắc, đúng pháp luật thì chuẩn mực ứng xử chính trị điều chỉnh cách thức sử dụng quyền lực theo hướng văn hóa, nhân văn và tạo đồng thuận xã hội.

Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, chuẩn mực ứng xử chính trị trước hết thể hiện trong quan hệ với Nhân dân. Cán bộ phải gần dân, trọng dân, hiểu dân, lắng nghe Nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân và tận tâm phục vụ Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong giải quyết công việc, cán bộ phải khách quan, công bằng, tôn trọng pháp luật; không cửa quyền, hách dịch, gây phiền hà; đồng thời biết đối thoại, thuyết phục và vận động quần chúng trên cơ sở kết hợp giữa tính nguyên tắc, sự nghiêm minh của pháp luật với tính linh hoạt, nhân văn và phù hợp điều kiện địa phương [85]. Chuẩn mực ứng xử chính trị còn thể hiện trong quan hệ với tổ chức, đồng chí, đồng nghiệp. Người cán bộ phải tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao đoàn kết, hợp tác, chia sẻ trách nhiệm; thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc; góp ý trên tinh thần xây dựng và

biết lắng nghe ý kiến đúng đắn của tập thể. Đây là điều kiện để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Tinh thần nêu gương là chuẩn mực đặc biệt của VHCT đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã. Người cán bộ không chỉ thực hiện chuẩn mực chính trị mà còn có trách nhiệm lan tỏa, dẫn dắt việc thực hiện các chuẩn mực đó trong tổ chức và cộng đồng. Vì vậy, nêu gương vừa là yêu cầu đạo đức, vừa là phương thức lãnh đạo quan trọng. Tinh thần nêu gương được biểu hiện ở sự thống nhất giữa lời nói và việc làm; giữa nhận thức, niềm tin với hành động; giữa trách nhiệm cá nhân với trách nhiệm của người đứng đầu. cán bộ chủ chốt cấp xã phải gương mẫu trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trong đạo đức, lối sống, tác phong công tác; đi đầu trong đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái và tiêu cực trong cơ quan, đơn vị [14], [144].

Trách nhiệm giải trình là chuẩn mực phản ánh yêu cầu về công khai, minh bạch và trách nhiệm của cán bộ trong quá trình thực thi quyền lực. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mọi quyền lực đều phải được kiểm soát, mọi quyết định quản lý phải được giải thích, chịu sự giám sát và đánh giá của tổ chức cũng như của Nhân dân. Vì vậy, trách nhiệm giải trình không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chuẩn mực quan trọng của VHCT hiện đại.

Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, trách nhiệm giải trình thể hiện ở việc chủ động cung cấp thông tin theo quy định; giải thích căn cứ của các quyết định quản lý; lắng nghe và trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của công dân; tiếp thu ý kiến góp ý, giám sát của Nhân dân và chịu trách nhiệm về quyết định thuộc thẩm quyền. Trách nhiệm giải trình cũng đòi hỏi cán bộ dám nhận khuyết điểm, sửa chữa sai sót, không né tránh, đùn đẩy hoặc lợi dụng tập thể để che giấu trách nhiệm cá nhân [14].

Nhìn một cách hệ thống, đạo đức công vụ là nền tảng, chuẩn mực thực thi quyền lực xác định nguyên tắc sử dụng quyền lực, chuẩn mực ứng xử chính trị điều chỉnh phương thức thực hiện quyền lực, tinh thần nêu gương tạo sức lan tỏa còn trách nhiệm giải trình bảo đảm các chuẩn mực được kiểm soát và đánh giá trong thực tiễn. Chỉ khi được tuân thủ tự giác và thường xuyên, các chuẩn mực này mới giúp hệ giá trị chính trị được hiện thực hóa thành hành vi chính trị đúng đắn, bền vững.

Như vậy, chuẩn mực chính trị là khâu trung gian trong quá trình chuyển hóa từ hệ giá trị và niềm tin chính trị thành hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Tuy nhiên, chuẩn mực mới chỉ phản ánh yêu cầu và khuôn mẫu hành động; giá trị của chuẩn mực chỉ được khẳng định khi chủ thể thực hiện chúng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân. Vì vậy, thành tố tiếp theo của cấu trúc VHCT là hành vi và phong cách thực thi quyền lực.

2.2.5. Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực

Trong cấu trúc VHCT, hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được biểu hiện cụ thể ở năng lực tổ chức và triển khai thực hiện cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã; ở việc chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những điều đảng viên không được làm; ở cách ứng xử và giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức và với Nhân dân. Đồng thời, hành vi chính trị ĐNCB chủ chốt cấp xã còn thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, phi chính trị, phi văn hóa, tham nhũng, tiêu cực, đi ngược lại lợi ích của tập thể và của Nhân dân. Hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã phải phản ánh các giá trị văn hóa của HTCT, thể hiện rõ trong quan hệ với Nhân dân, với tổ chức, với cấp trên, đồng thời hướng tới việc thực hiện mục tiêu chính trị của Đảng và Nhà nước vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã gắn liền với bản lĩnh chính trị vững vàng, thể hiện ở việc kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới và các nguyên tắc xây dựng Đảng. Hoạt động chính trị được xem là cả một quy trình nghệ thuật, một năng lực đặc biệt của cán bộ, chiến sĩ. Đó là sự ứng xử linh hoạt và nhạy cảm với các quan hệ chính trị, biết chuyển hoá dự định thành hành động, biết bắt đầu và kết thúc một quá trình chính trị cụ thể. Đó còn là nghệ thuật sử dụng các lực lượng tác động tư tưởng, các phương tiện thông tin đại chúng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; thực hiện nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân.

Phương thức thực thi quyền lực phản ánh cách ĐNCB chủ chốt cấp xã sử dụng quyền hạn, phương pháp lãnh đạo, quản lý và điều hành để thực hiện chức trách, nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Đây là phương diện quan trọng của VHCT, thể hiện không chỉ ở việc sử dụng quyền lực đúng thẩm quyền mà còn ở cách tổ chức thực hiện, kiểm soát quyền lực và phục vụ Nhân dân.

Trước hết, việc thực thi quyền lực phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy chế của cấp ủy, chính quyền; bảo đảm tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu. Đồng thời, phải kết hợp giữa nguyên tắc với uy tín, giữa lãnh đạo, quản lý với vận động, thuyết phục nhằm tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ. Phương thức thực thi

quyền lực phải thể hiện tính dân chủ, khoa học, nêu gương và trách nhiệm. ĐNCB chủ chốt cấp xã cần phát huy trí tuệ tập thể, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thường xuyên tự kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, bảo đảm nói đi đôi với làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh [85], [87]. Đặc biệt, cán bộ phải gần dân, trọng dân, hiểu dân, dựa vào dân và tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân; thường xuyên đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Trong giải quyết công việc phải khách quan, công bằng, tránh quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kết hợp tính nguyên tắc của pháp luật với sự linh hoạt, nhân văn, phù hợp thực tiễn địa phương [85].

Trong điều kiện cải cách hành chính và chuyển đổi số, phương thức thực thi quyền lực cần chuyển từ quản lý nặng về mệnh lệnh hành chính sang quản trị dân chủ, phục vụ và hỗ trợ Nhân dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả quản lý [144]. Thực thi quyền lực phải gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình, qua đó phòng ngừa lạm quyền, tham nhũng, tiêu cực và lợi ích nhóm. Ngược lại, tham nhũng, vụ lợi, quan liêu, xa dân và thiếu dân chủ sẽ làm suy giảm hiệu lực quản lý, xói mòn niềm tin của Nhân dân và có thể gây những hệ quả nghiêm trọng đối với chế độ chính trị [18, tr.55-60].

Như vậy, phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã được thể hiện ở việc thực hiện quyền lực đúng nguyên tắc, dân chủ, khoa học, trách nhiệm; gần dân, trọng dân; quản lý, điều hành hiệu quả; đồng thời gắn quyền lực với kiểm tra, giám sát và kiểm soát. Đây là biểu hiện trực tiếp của VHCT, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, phòng ngừa tha hóa quyền lực và củng cố niềm tin của Nhân dân.

2.2.6. Năng lực thực hành chính trị

Nếu tri thức chính trị tạo nền tảng nhận thức; hệ tư tưởng, giá trị và niềm tin chính trị xác định mục tiêu, động lực; chuẩn mực chính trị định hướng hành vi, thì năng lực chính trị là điều kiện bảo đảm để toàn bộ các yếu tố đó được chuyển hóa thành kết quả lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân. Thành tố này phản ánh khả năng hiện thực hóa VHCT trong hoạt động thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Về phương diện lý luận, năng lực thực hành chính trị là khả năng vận dụng tổng hợp tri thức chính trị, hệ giá trị, niềm tin, chuẩn mực và kỹ năng chính trị để thực hiện hiệu quả chức trách lãnh đạo, quản lý và tổ chức đời sống chính trị - xã hội. Khác với năng lực chuyên môn hay năng lực quản lý thuần túy, năng lực thực hành chính trị phản ánh khả năng sử dụng quyền lực đúng mục tiêu, đúng nguyên tắc và phù hợp với các giá trị của chế độ chính trị. Nói cách khác, đây là năng lực biến các giá trị của VHCT thành kết quả cụ thể trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, năng lực thực hành chính trị không chỉ được đánh giá thông qua trình độ chuyên môn hay kết quả hoàn thành nhiệm vụ mà còn thông qua khả năng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; giữa phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội; giữa yêu cầu pháp luật với điều kiện thực tiễn của địa phương; giữa giữ vững nguyên tắc với linh hoạt trong xử lý tình huống. Đây vừa là biểu hiện trình độ VHCT của cá nhân, vừa phản ánh chất lượng hoạt động của ĐNCB trong HTCT cơ sở.

Năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được cấu thành bởi năm nhóm năng lực cơ bản: năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý, năng lực tổ chức thực hiện, năng lực vận động và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và năng lực đổi mới, thích ứng và phát triển.

Năng lực lãnh đạo là khả năng định hướng, quy tụ, tạo ảnh hưởng và huy động các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu chính trị đã xác định. Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, năng lực này thể hiện ở khả năng quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; xây dựng tầm nhìn phát triển địa phương; phát huy sức mạnh đoàn kết; tạo sự đồng thuận xã hội và khơi dậy tinh thần trách nhiệm của ĐNCB, đảng viên và Nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, năng lực lãnh đạo còn đòi hỏi tư duy chiến lược, khả năng dự báo, xử lý các vấn đề mới, kết hợp giữa giữ vững nguyên tắc với đổi mới sáng tạo; giữa kỷ luật, kỷ cương với phát huy dân chủ; giữa mục tiêu trước mắt với phát triển bền vững của địa phương [14], [85], [144].

Năng lực quản lý phản ánh khả năng tổ chức, điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở cơ sở. Năng lực này thể hiện ở việc xây dựng kế hoạch, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định quản lý; phân công, phối hợp công việc; sử dụng hiệu quả các nguồn lực; kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và chính quyền số, năng lực quản lý còn đòi hỏi cán bộ biết vận dụng các phương pháp quản trị hiện đại, ứng dụng công nghệ số, sử dụng dữ liệu trong quá trình ra quyết định, nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, hướng tới nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và phục vụ Nhân dân [144].

Năng lực tổ chức thực hiện là khả năng cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch và hoạt động phù hợp với điều kiện địa phương. Đây là năng lực phản ánh trực tiếp hiệu quả lãnh đạo, quản lý của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Năng lực này được biểu hiện ở khả năng phân tích tình hình, xác định mục tiêu, lựa chọn giải pháp, huy động nguồn lực, phân công nhiệm vụ, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và kịp thời điều chỉnh kế hoạch khi điều kiện thực tiễn thay đổi. Chính năng lực tổ chức thực hiện quyết định khả năng biến chủ trương của Đảng thành

kết quả phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

Năng lực vận động và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân là năng lực mang tính đặc thù của cán bộ chủ chốt cấp xã. Đây là khả năng huy động sự tham gia của Nhân dân vào quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát các chủ trương, chính sách; đồng thời phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển địa phương. Năng lực này thể hiện ở khả năng tuyên truyền, vận động, đối thoại, thuyết phục và tạo dựng sự đồng thuận xã hội; biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến của Nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức tốt việc thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, năng lực này còn đòi hỏi cán bộ biết khai thác các nền tảng số để tăng cường công khai, minh bạch và mở rộng sự tham gia của người dân vào quá trình quản trị địa phương [14], [85], [144].

Năng lực đổi mới, thích ứng và phát triển phản ánh khả năng chủ động nhận diện yêu cầu mới, thích ứng với những biến đổi của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý. Nếu các nhóm năng lực trước chủ yếu phản ánh khả năng thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện bình thường thì năng lực này thể hiện khả năng phát triển của ĐNCB trước những yêu cầu mới của thực tiễn. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, năng lực đổi mới và thích ứng được thể hiện ở khả năng tiếp thu tri thức và phương pháp quản trị hiện đại; chủ động đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, quản lý; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời không ngừng học tập, tổng kết thực tiễn, nâng cao năng lực số, năng lực quản trị và khả năng phối hợp liên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Các năng lực trên có mối quan hệ thống nhất và bổ sung cho nhau. Năng lực lãnh đạo định hướng mục tiêu và tạo ảnh hưởng; năng lực quản lý bảo đảm tổ chức, điều hành bộ máy; năng lực tổ chức thực hiện chuyển hóa chủ trương thành kết quả cụ thể; năng lực vận động và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân huy động sức mạnh xã hội và tạo dựng sự đồng thuận; còn năng lực đổi mới, thích ứng và phát triển bảo đảm khả năng phát triển bền vững của ĐNCB trước những yêu cầu mới. Năng lực thực hành chính trị là thành tố cuối cùng nhưng không tách rời các thành tố khác trong cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Nhận thức chính trị tạo nền tảng; hệ giá trị và niềm tin chính trị định hướng mục tiêu và động lực; chuẩn mực chính trị điều chỉnh hành vi; hành vi và phương thức thực thi quyền lực hiện thực hóa các giá trị và chuẩn mực; còn năng lực thực hành chính trị bảo đảm khả năng chuyển hóa toàn bộ các yếu tố đó thành kết quả lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân. Vì vậy, sáu thành tố của VHCT không tồn tại tách biệt

mà có quan hệ biện chứng, bổ sung và tác động qua lại, tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong quá trình hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.3. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ

2.3.1. Cơ sở xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Việc xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là quá trình cụ thể hóa khung lý luận về VHCT thành các tiêu chí có khả năng nhận diện, đánh giá và vận dụng trong nghiên cứu cũng như thực tiễn. Nếu khung lý luận xác định VHCT được cấu thành bởi những thành tố cơ bản thì hệ thống tiêu chí phải phản ánh được những biểu hiện cụ thể của từng thành tố và mức độ hiện thực hóa chúng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Khác với các tiêu chuẩn đánh giá cán bộ theo hướng quản lý nhân sự, hệ thống tiêu chí đánh giá VHCT không chỉ hướng tới đánh giá phẩm chất hay kết quả thực hiện nhiệm vụ mà tập trung phản ánh toàn diện quá trình hình thành, biểu hiện và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống tiêu chí không thể dựa trên kinh nghiệm hoặc sự tổng hợp cơ học các quy định hiện hành mà phải được đặt trên nền tảng khoa học thống nhất, bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận, thể chế và thực tiễn.

Xuất phát từ yêu cầu đó, luận án xác định việc xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã được dựa trên ba cơ sở chủ yếu: (1) cơ sở lý luận; (2) cơ sở chính trị - pháp lý; (3) cơ sở thực tiễn. Các cơ sở này có quan hệ hữu cơ, bổ sung cho nhau, tạo nền tảng khoa học cho việc xác lập hệ thống tiêu chí đánh giá vừa bảo đảm tính lý luận, vừa phù hợp với yêu cầu xây dựng ĐNCB và thực tiễn hoạt động của HTCT ở cơ sở hiện nay.

2.3.1.1. Cơ sở lý luận về VHCT

Cơ sở lý luận trực tiếp của hệ thống tiêu chí là cấu trúc VHCT gồm sáu thành tố: Nhận thức chính trị, giá trị chính trị, hệ tư tưởng và niềm tin chính trị, chuẩn mực chính trị, hành vi và phương thức thực thi quyền lực, năng lực thực hành chính trị. Các thành tố này không được chuyển hóa cơ học thành từng tiêu chí riêng biệt mà được tích hợp trong các nhóm tiêu chí phù hợp với đặc điểm hoạt động và vị trí của cán bộ chủ chốt cấp xã.

Hệ thống tiêu chí đồng thời kế thừa có chọn lọc những giá trị tiến bộ của VHCT nhân loại. Từ truyền thống phương Đông là tư tưởng đức trị, tu dưỡng đạo đức, trọng dân, thân dân, lấy dân làm gốc, liêm chính và chí công vô tư. Từ tư tưởng chính trị tiến bộ phương Tây là các giá trị pháp quyền, dân chủ, công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực. Trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống tiêu chí đặc biệt nhấn mạnh sự thống nhất giữa “Đức” và “Tài”, các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm,

chính, chí công vô tư”, “nói đi đôi với làm”, tinh thần nêu gương và phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”.

2.3.1.2. Cơ sở từ các lý thuyết quản trị hiện đại

Việc xây dựng hệ thống tiêu chí cần tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của khoa học quản trị hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị địa phương.

Quản trị công mới nhấn mạnh hiệu quả, kết quả đầu ra, trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ, cung cấp cơ sở cho các tiêu chí về năng lực thực thi, giải quyết vấn đề và tính chuyên nghiệp trong công vụ.

Quản trị tốt đề cao pháp quyền, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của người dân và kiểm soát quyền lực, là cơ sở cho các tiêu chí về thượng tôn pháp luật, thực hành dân chủ và trách nhiệm giải trình.

Quản trị địa phương hiện đại coi chính quyền cơ sở không chỉ là cấp thực thi mà còn là chủ thể điều phối nguồn lực, tạo đồng thuận và kiến tạo phát triển; qua đó đặt ra yêu cầu về năng lực hợp tác, đối thoại và kết nối các chủ thể xã hội.

Quản trị trong kỷ nguyên số đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy, ứng dụng dữ liệu, năng lực số, khả năng thích ứng và đổi mới sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý.

Việc tiếp thu các lý thuyết trên không nhằm đồng nhất VHCT với kỹ năng quản trị mà nhằm làm rõ cách thức các giá trị, chuẩn mực và đạo đức chính trị được hiện thực hóa trong thực thi quyền lực và phục vụ Nhân dân.

2.3.1.3. Cơ sở chính trị - pháp lý

Việc xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã phải bám sát quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về xây dựng ĐNCB trong giai đoạn mới. Đây là cơ sở bảo đảm hệ thống tiêu chí vừa có tính khoa học, vừa phù hợp với bản chất của nền chính trị Việt Nam và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Về cơ sở chính trị, Văn kiện Đại hội XIII và Đại hội XIV của Đảng xác định yêu cầu xây dựng ĐNCB có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; chú trọng xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa lãnh đạo, văn hóa cầm quyền; đề cao bản lĩnh chính trị, đạo đức, tinh thần đổi mới, sáng tạo, trách nhiệm, liêm chính và khát vọng công hiến.

Những định hướng đó được cụ thể hóa trong Chỉ thị số 07-CT/TW về học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới; Nghị quyết số 25-NQ/TW về chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới; Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, cùng các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đây là những căn cứ chính trị trực tiếp để

xây dựng các tiêu chí về bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, tính liêm chính, trách nhiệm, kiểm soát quyền lực và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Bên cạnh đó, Thông báo số 21-TB/VPTW và Công văn hướng dẫn số 533-CV/BTCTW định hình tiêu chuẩn cán bộ cơ sở theo ba trụ cột: (1) phẩm chất chính trị, đạo đức và tinh thần phục vụ Nhân dân; (2) năng lực thực thi công vụ; (3) năng lực phát triển, tập trung vào tư duy dữ liệu, chuyển đổi số, liên kết nguồn lực và năng lực phản ứng chính sách. Đây là căn cứ quan trọng để cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá VHCT phù hợp với yêu cầu mới đối với cán bộ chủ chốt cấp xã.

Về cơ sở pháp lý, hệ thống tiêu chí được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 và pháp luật hiện hành về tổ chức chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, thực hiện dân chủ ở cơ sở và cải cách hành chính; trong đó có Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP về cán bộ, công chức cấp xã và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Các văn bản này tạo hành lang pháp lý cho việc xác định các tiêu chí về kỷ luật, kỷ cương, năng lực thực thi, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước không được chuyển hóa một cách cơ học thành tiêu chí VHCT. Luận án kế thừa có chọn lọc những nội dung trực tiếp phản ánh nhận thức, hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, năng lực, hành vi và phương thức thực thi quyền lực của cán bộ chủ chốt cấp xã. Qua đó, hệ thống tiêu chí vừa bảo đảm cơ sở chính trị - pháp lý, vừa giữ được tính đặc thù của đối tượng nghiên cứu dưới góc độ VHCT.

2.3.1.4. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn hoạt động của HTCT cơ sở là căn cứ trực tiếp để kiểm chứng và cụ thể hóa hệ thống tiêu chí. Cấp xã là cấp chính quyền gần dân, trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết những vấn đề phát sinh trong đời sống cộng đồng. Vì vậy, VHCT của cán bộ chủ chốt cấp xã phải được nhận diện thông qua phương thức thực thi quyền lực, thái độ đối với Nhân dân và hiệu quả giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Môi trường cơ sở còn có sự đan xen giữa thiết chế chính trị chính thức với các quan hệ cộng đồng, gia đình, dòng họ, phong tục và tập quán. Điều đó đòi hỏi cán bộ vừa thượng tôn pháp luật, khách quan, công tâm, vừa có phương pháp ứng xử linh hoạt, phù hợp để tạo đồng thuận xã hội.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương hai cấp, chuyển đổi số và đổi mới quản trị địa phương đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực thực thi, tư duy đổi mới, trách nhiệm công vụ, khả năng thích ứng và tinh thần phục vụ Nhân dân. Đồng thời, những biểu hiện

như cục bộ địa phương, nể nang, né tránh, sợ trách nhiệm, quan liêu, thiếu minh bạch hoặc giải trình hình thức cho thấy sự cần thiết phải đánh giá VHCT thông qua những biểu hiện thực chứng của quá trình thực thi quyền lực.

Xuất phát từ thực tiễn đó, hệ thống tiêu chí đánh giá cần phản ánh đầy đủ các thành tố của VHCT, từ nhận thức chính trị, hệ giá trị, chuẩn mực, hành vi đến năng lực thực hành chính trị; đồng thời chú trọng các yêu cầu mới như tinh thần đổi mới, trách nhiệm giải trình, năng lực số, khả năng thích ứng và hiệu quả phục vụ Nhân dân. Hệ thống tiêu chí không chỉ là công cụ đánh giá chất lượng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã mà còn là cơ sở khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng và phát triển ĐNCB đáp ứng yêu cầu xây dựng HTCT cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Như vậy, cơ sở thực tiễn vừa khẳng định tính cần thiết của việc xây dựng hệ thống tiêu chí, vừa xác định những nội dung trọng tâm cần được đánh giá đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đây là căn cứ quan trọng để bảo đảm hệ thống tiêu chí không chỉ có giá trị lý luận mà còn phản ánh đúng yêu cầu của thực tiễn quản trị địa phương và có khả năng vận dụng trong công tác đánh giá ĐNCB hiện nay.

2.3.2. Các tiêu chí đánh giá cụ thể

2.3.2.1. Nhóm tiêu chí đánh giá nhận thức chính trị

Nhận thức chính trị là thành tố nền tảng của VHCT và là điểm khởi đầu của quá trình hình thành hệ giá trị, chuẩn mực, hành vi và năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Vì vậy, đánh giá VHCT trước hết phải bắt đầu từ việc đánh giá trình độ nhận thức chính trị của ĐNCB. Tuy nhiên, nhận thức chính trị không được hiểu đơn thuần là mức độ được đào tạo hay trình độ lý luận chính trị của cán bộ, mà phản ánh khả năng tiếp thu, lĩnh hội và vận dụng tri thức chính trị vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn ở cơ sở.

Trên cơ sở khung lý luận đã xây dựng ở mục 2.2.1, luận án xác định nhóm tiêu chí đánh giá nhận thức chính trị gồm năm tiêu chí cơ bản.

Thứ nhất, nhận thức về mục tiêu, lý tưởng và nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây là tiêu chí phản ánh mức độ hiểu biết và sự kiên định của cán bộ đối với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường phát triển của đất nước. Tiêu chí này được biểu hiện thông qua các chỉ báo như: hiểu đúng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững Cương lĩnh, đường lối của Đảng; nhận thức đúng mục tiêu phát triển đất nước; kiên định lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích của Nhân dân.

Thứ hai, nhận thức về Nhà nước pháp quyền và thực thi quyền lực công. Tiêu chí này phản ánh mức độ hiểu biết của cán bộ về tổ chức và hoạt động của HTCT, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cấp xã trong điều

kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các chỉ báo chủ yếu gồm: hiểu đúng nguyên tắc tổ chức và kiểm soát quyền lực; nắm vững Hiến pháp, pháp luật và các quy định liên quan đến chức trách, nhiệm vụ; nhận thức đúng mối quan hệ giữa quyền hạn với trách nhiệm công vụ; ý thức thượng tôn pháp luật trong thực thi quyền lực.

Thứ ba, nhận thức về quyền làm chủ của Nhân dân và dân chủ ở cơ sở. Đây là tiêu chí phản ánh nhận thức của cán bộ về vị trí, vai trò của Nhân dân trong HTCT và yêu cầu phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong quản trị địa phương. Tiêu chí được biểu hiện thông qua các chỉ báo như: nhận thức đúng vai trò chủ thể của Nhân dân; hiểu biết về các hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở; tôn trọng quyền tham gia, giám sát và phản biện của Nhân dân; ý thức phục vụ Nhân dân và lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng hoạt động công vụ.

Thứ tư, năng lực tư duy và phân tích chính trị. Không chỉ dừng ở việc tiếp thu tri thức, nhận thức chính trị còn được thể hiện ở khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng tri thức vào thực tiễn. Tiêu chí này được phản ánh qua các chỉ báo như: khả năng nhận diện bản chất của các vấn đề chính trị - xã hội; tư duy hệ thống và tư duy chiến lược; khả năng phân tích, dự báo và xử lý các tình huống phát sinh ở cơ sở; vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Thứ năm, khả năng học tập và cập nhật tri thức mới. Trong điều kiện chuyển đổi số, đổi mới quản trị quốc gia và hội nhập quốc tế, nhận thức chính trị không phải là yếu tố bất biến mà cần được bổ sung, hoàn thiện thường xuyên. Vì vậy, tiêu chí này phản ánh tinh thần học tập suốt đời và khả năng thích ứng của ĐNCB trước những yêu cầu mới của thực tiễn. Các chỉ báo đánh giá gồm: chủ động tự học, tự nghiên cứu; thường xuyên cập nhật chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước; tiếp thu tri thức về quản trị hiện đại, chuyển đổi số và khoa học, công nghệ; khả năng đổi mới tư duy và vận dụng những tri thức mới vào hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Năm tiêu chí trên có quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau. Nhận thức về mục tiêu, lý tưởng của Đảng tạo nền tảng chính trị; nhận thức về Nhà nước pháp quyền và quyền làm chủ của Nhân dân định hướng việc thực thi quyền lực; năng lực tư duy chính trị quyết định khả năng vận dụng tri thức vào thực tiễn; còn khả năng học tập và cập nhật tri thức bảo đảm sự phát triển liên tục của nhận thức chính trị trong điều kiện mới. Sự thống nhất của năm tiêu chí này phản ánh đầy đủ trình độ nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã và tạo cơ sở cho việc đánh giá các thành tố tiếp theo của VHCT.

2.3.2.2. Nhóm tiêu chí đánh giá hệ giá trị chính trị

Nếu nhận thức chính trị phản ánh trình độ hiểu biết và khả năng định hướng nhận thức của ĐNCB thì hệ giá trị chính trị là thành tố giữ vị trí trung tâm trong VHCT, quyết định động cơ, mục tiêu và phương hướng hành động của chủ thể. Hệ giá trị chính trị được

hình thành thông qua quá trình tiếp thu, lựa chọn và nội tâm hóa các giá trị chính trị của dân tộc, của Đảng và của thời đại, từ đó trở thành cơ sở định hướng việc sử dụng quyền lực và thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Vì vậy, đánh giá VHCT không chỉ dừng lại ở việc xem xét cán bộ "biết gì", mà còn phải đánh giá họ "tin vào điều gì", "hướng tới giá trị nào" và "lấy giá trị nào làm chuẩn mực cho hành động".

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, hệ giá trị chính trị không chỉ phản ánh lập trường và bản lĩnh chính trị mà còn thể hiện tinh thần phụng sự Nhân dân, đạo đức công vụ, trách nhiệm và khát vọng cống hiến. Trên cơ sở đó, luận án xác định nhóm tiêu chí đánh giá hệ giá trị chính trị gồm năm tiêu chí sau.

Thứ nhất, bản lĩnh chính trị. Đây là tiêu chí phản ánh sự kiên định về lập trường, mục tiêu và lý tưởng chính trị của ĐNCB trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Bản lĩnh chính trị được thể hiện ở khả năng giữ vững quan điểm, không dao động trước khó khăn, thách thức hoặc những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và môi trường truyền thông số; đồng thời dám bảo vệ cái đúng, đấu tranh với những biểu hiện sai trái, tiêu cực và lợi ích cục bộ. Các chỉ báo đánh giá bao gồm: kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giữ vững lập trường chính trị; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái, tham nhũng, tiêu cực và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ hai, liêm chính và đạo đức công vụ. Tiêu chí này phản ánh mức độ nội tâm hóa các giá trị đạo đức cách mạng và đạo đức công vụ trong quá trình thực thi quyền lực. Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, liêm chính không chỉ là sự trong sạch về phẩm chất mà còn thể hiện ở việc sử dụng quyền lực đúng mục đích, không vụ lợi, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm. Các chỉ báo chủ yếu gồm: trung thực, khách quan trong thực thi công vụ; cần, kiệm, liêm, chính; không tham nhũng, tiêu cực; tôn trọng pháp luật; chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm đạo đức công vụ.

Thứ ba, tinh thần phụng sự Nhân dân. Đây là tiêu chí phản ánh bản chất của quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và là giá trị cốt lõi của VHCT Việt Nam. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải nhận thức và hành động trên cơ sở quyền lực được giao là để phục vụ Nhân dân, lấy lợi ích của Nhân dân làm mục tiêu của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tiêu chí này được đánh giá thông qua các chỉ báo như: gần dân, trọng dân, hiểu dân; tôn trọng và lắng nghe Nhân dân; giải quyết công việc vì lợi ích chung; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo chất lượng thực thi công vụ.

Thứ tư, tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến. Tiêu chí này phản ánh động cơ chính trị và ý thức trách nhiệm của cán bộ đối với tổ chức, địa phương và đất nước.

Người cán bộ có hệ giá trị chính trị đúng đắn luôn chủ động, tận tụy, hết lòng với công việc, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời có khát vọng đóng góp cho sự phát triển của địa phương và đất nước. Các chỉ báo đánh giá bao gồm: tinh thần trách nhiệm; tận tụy trong thực thi nhiệm vụ; chủ động, sáng tạo trong công tác; dám chịu trách nhiệm; đặt lợi ích của tập thể và cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân.

Thứ năm, tinh thần đổi mới và cầu thị. Trong điều kiện phát triển mới, hệ giá trị chính trị của ĐNCB không chỉ được thể hiện ở sự kiên định mà còn ở khả năng tiếp thu cái mới và không ngừng hoàn thiện bản thân. Tiêu chí này phản ánh thái độ cầu thị, tinh thần học hỏi, ý thức đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với những biến đổi của môi trường quản trị. Các chỉ báo đánh giá gồm: chủ động tiếp thu ý kiến góp ý; sẵn sàng đổi mới phương pháp làm việc; không bảo thủ, trì trệ; khuyến khích sáng tạo; tích cực học tập và cập nhật tri thức mới nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý.

Năm tiêu chí trên phản ánh những giá trị cốt lõi tạo nên bản chất của VHCT đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã. Bản lĩnh chính trị giữ vai trò định hướng; liêm chính và đạo đức công vụ bảo đảm tính trong sạch của việc thực thi quyền lực; tinh thần phụng sự Nhân dân xác định mục tiêu của hoạt động công vụ; tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến tạo động lực hành động; còn tinh thần đổi mới và cầu thị bảo đảm khả năng phát triển của ĐNCB trong điều kiện mới. Sự thống nhất giữa các tiêu chí này phản ánh chiều sâu của hệ giá trị chính trị và là cơ sở để đánh giá các chuẩn mực, hành vi và năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.3.2.3. Nhóm tiêu chí đánh giá hệ tư tưởng và niềm tin chính trị

Hệ tư tưởng và niềm tin chính trị là thành tố quan trọng trong cấu trúc VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, phản ánh nền tảng tư tưởng, sự kiên định về lập trường và mức độ tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng chính trị đã lựa chọn. Nếu tri thức chính trị phản ánh mức độ hiểu biết thì hệ tư tưởng và niềm tin chính trị thể hiện mức độ tiếp nhận, xác tín và kiên định của cán bộ đối với nền tảng tư tưởng, mục tiêu và con đường phát triển của đất nước. Đây là cơ sở định hướng thái độ và hành động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Thứ nhất, sự kiên định về nền tảng tư tưởng chính trị. Tiêu chí này phản ánh mức độ nhận thức, thừa nhận và kiên định của ĐNCB chủ chốt cấp xã đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng. Các chỉ báo chủ yếu gồm: có lập trường chính trị rõ ràng; kiên định trước những vấn đề chính trị phức tạp; có khả năng nhận diện những quan điểm sai trái, lệch lạc; không dao động, mơ hồ hoặc mất phương hướng về chính trị.

Thứ hai, niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và con đường phát triển của đất nước. Tiêu chí này phản ánh mức độ xác tín của cán bộ đối với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của đất nước. Các chỉ báo gồm: tin tưởng

vào mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn; có ý thức bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; thể hiện sự nhất quán giữa niềm tin chính trị với thái độ và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

Thứ ba, niềm tin vào Đảng, Nhà nước và HTCT. Tiêu chí này phản ánh sự tin tưởng của ĐNCB chủ chốt cấp xã đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của HTCT. Các chỉ báo gồm: tin tưởng vào đường lối, chủ trương và định hướng phát triển; có ý thức chấp hành và tổ chức thực hiện; giữ vững nguyên tắc tổ chức, kỷ luật và trách nhiệm chính trị trong thực hiện chức trách được giao.

Thứ tư, bản lĩnh và khả năng giữ vững niềm tin chính trị trước những tác động phức tạp. Niềm tin chính trị chỉ thực sự bền vững khi được duy trì trước những khó khăn, biến động và tác động đa chiều của đời sống xã hội. Các chỉ báo gồm: giữ vững lập trường trước khó khăn, thách thức; có khả năng chọn lọc thông tin; không dao động trước thông tin sai lệch, xuyên tạc; chủ động bảo vệ quan điểm, giá trị và niềm tin chính trị trên cơ sở nhận thức đúng đắn.

Bốn nhóm tiêu chí đánh giá hệ tư tưởng và niềm tin chính trị tập trung vào bốn phương diện cơ bản: kiên định nền tảng tư tưởng; tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và con đường phát triển; niềm tin vào Đảng, Nhà nước và HTCT; bản lĩnh giữ vững niềm tin trước những tác động phức tạp. Các tiêu chí này phản ánh chiều sâu và tính ổn định của định hướng chính trị, tạo cơ sở để chuyển hóa tri thức chính trị thành niềm tin, niềm tin thành thái độ và định hướng hành động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.3.2.4. Nhóm tiêu chí đánh giá chuẩn mực chính trị

Nếu hệ giá trị chính trị phản ánh những giá trị mà ĐNCB hướng tới thì chuẩn mực chính trị phản ánh mức độ tuân thủ những quy tắc và yêu cầu điều chỉnh việc thực thi quyền lực trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Chuẩn mực chính trị là sự cụ thể hóa hệ giá trị thành những yêu cầu có tính quy phạm, bảo đảm quyền lực được sử dụng đúng mục đích, đúng nguyên tắc và phù hợp với lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Vì vậy, đánh giá chuẩn mực chính trị thực chất là đánh giá mức độ chuyển hóa các giá trị chính trị thành những chuẩn mực ứng xử và thực thi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trên cơ sở đó, luận án xác định nhóm tiêu chí đánh giá chuẩn mực chính trị gồm năm tiêu chí cơ bản.

Thứ nhất, tuân thủ chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đây là tiêu chí phản ánh ý thức và mức độ chấp hành các nguyên tắc của Đảng, Hiến pháp, pháp luật và các quy định trong thực thi công vụ. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, việc sử dụng quyền lực phải luôn đặt trong khuôn khổ của Điều lệ Đảng, pháp luật và các quy định của tổ chức. Các chỉ báo đánh giá gồm: chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng; thực hiện đúng quy định của pháp luật; giải quyết công việc đúng thẩm quyền, đúng quy trình; đề cao nguyên tắc thượng tôn pháp luật trong thực thi nhiệm vụ.

Thứ hai, thực hành dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tiêu chí này phản ánh việc thực hiện các nguyên tắc dân chủ trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ phải tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân mà còn tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình quản lý và giám sát hoạt động của chính quyền. Các chỉ báo chủ yếu gồm: công khai, minh bạch trong giải quyết công việc; phát huy quyền tham gia của Nhân dân; tôn trọng ý kiến phản biện; thực hiện đối thoại với người dân; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, trách nhiệm nêu gương. Đây là tiêu chí phản ánh mức độ gương mẫu của ĐNCB trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chuẩn mực đạo đức công vụ. Nêu gương vừa là yêu cầu đối với mỗi cán bộ, vừa là phương thức lãnh đạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở cấp cơ sở. Tiêu chí này được đánh giá thông qua các chỉ báo như: nói đi đôi với làm; gương mẫu trong chấp hành pháp luật và kỷ luật của tổ chức; tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ; tự giác rèn luyện, tự phê bình và phê bình; tạo được uy tín và sức lan tỏa trong tập thể và cộng đồng.

Thứ tư, trách nhiệm giải trình. Tiêu chí này phản ánh mức độ minh bạch và trách nhiệm của cán bộ trong quá trình thực thi quyền lực. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mọi quyết định quản lý đều phải có căn cứ, được công khai và chịu sự giám sát của tổ chức cũng như của Nhân dân. Các chỉ báo đánh giá bao gồm: chủ động cung cấp thông tin theo quy định; giải thích rõ căn cứ của các quyết định quản lý; tiếp thu và trả lời ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; dám nhận trách nhiệm đối với những quyết định thuộc thẩm quyền; không né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Thứ năm, chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong thực thi công vụ. Tiêu chí này phản ánh ý thức tổ chức, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp của ĐNCB trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương không chỉ bảo đảm hiệu lực hoạt động của bộ máy mà còn góp phần xây dựng môi trường chính trị lành mạnh và văn hóa công vụ ở cơ sở. Các chỉ báo đánh giá gồm: chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện đúng quy chế làm việc; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; giữ gìn kỷ cương hành chính và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Năm tiêu chí trên tạo thành hệ thống chuẩn mực điều chỉnh toàn bộ hoạt động lãnh đạo, quản lý của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong đó, tuân thủ chủ trương của Đảng và pháp luật là yêu cầu nền tảng; thực hành dân chủ và trách nhiệm giải trình bảo đảm quyền lực được thực hiện công khai, minh bạch; trách nhiệm nêu gương tạo sức lan tỏa trong tổ chức và cộng đồng; còn kỷ luật, kỷ cương bảo đảm tính thống nhất và hiệu lực của hoạt động công vụ. Mức độ thực hiện các tiêu chí này phản ánh khả năng chuyển hóa hệ giá trị

chính trị thành những chuẩn mực có tính quy phạm trong hoạt động thực tiễn và tạo tiền đề cho việc đánh giá hành vi, phong cách chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.3.2.5. Nhóm tiêu chí đánh giá hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực

Hành vi và phương thức sử dụng quyền lực là sự biểu hiện trực tiếp của nhận thức, giá trị và chuẩn mực chính trị trong hoạt động thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Nếu nhận thức chính trị phản ánh cán bộ “hiểu gì”, giá trị và chuẩn mực chính trị xác định cán bộ “tin vào điều gì” và “phải hành động như thế nào”, thì hành vi và phương thức sử dụng quyền lực thể hiện cán bộ “hành động ra sao” và “sử dụng quyền lực như thế nào”. Vì vậy, đây là nhóm tiêu chí trực tiếp phản ánh mức độ thực hành VHCT trong quá trình lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ.

Thứ nhất, hành vi thực thi quyền lực đúng thẩm quyền và pháp luật. Tiêu chí này phản ánh việc sử dụng quyền lực được giao đúng mục đích, đúng chức trách, thẩm quyền và quy định pháp luật. Các chỉ báo gồm: thực hiện đúng chức trách, quyền hạn; tuân thủ quy trình, nguyên tắc; không lạm quyền, vượt quyền hoặc lợi dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

Thứ hai, tính dân chủ, công khai và minh bạch trong sử dụng quyền lực. Quyền lực của cán bộ chủ chốt cấp xã phải được thực hiện trên cơ sở phát huy dân chủ, tôn trọng tập thể và quyền làm chủ của Nhân dân. Các chỉ báo gồm: công khai, minh bạch trong giải quyết công việc; tôn trọng và tiếp thu ý kiến; bảo đảm khách quan, công bằng; không áp đặt, độc đoán; tạo điều kiện để Nhân dân tham gia và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của mình.

Thứ ba, trách nhiệm trong thực thi quyền lực. Tiêu chí này phản ánh ý thức chịu trách nhiệm của cán bộ đối với quyết định, hành vi và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các chỉ báo gồm: chủ động giải quyết công việc thuộc thẩm quyền; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; dám quyết định và chịu trách nhiệm; kịp thời nhận trách nhiệm, khắc phục hạn chế, sai sót; gắn quyền hạn được giao với trách nhiệm về kết quả.

Thứ tư, hành vi ứng xử trong quá trình thực thi quyền lực. Việc sử dụng quyền lực phải được thể hiện thông qua cách ứng xử chuẩn mực với Nhân dân, tổ chức, đồng chí và đồng nghiệp. Các chỉ báo gồm: tôn trọng, lắng nghe và đối thoại với Nhân dân; ứng xử khách quan, công bằng, đúng mực; không hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà; tôn trọng tổ chức và đồng nghiệp; giải quyết các mối quan hệ trên cơ sở pháp luật, đạo đức công vụ và lợi ích chung.

Thứ năm, tự kiểm soát và chấp nhận sự kiểm soát đối với quyền lực. Đây là tiêu chí phản ánh ý thức tự giác của cán bộ trong việc giới hạn và điều chỉnh hành vi sử dụng quyền lực. Các chỉ báo gồm: chấp hành kiểm tra, giám sát; thực hiện trách nhiệm giải trình;

tiếp thu phản ánh, góp ý của tổ chức và Nhân dân; chủ động phòng ngừa xung đột lợi ích; không sử dụng quyền lực để vụ lợi; kịp thời tự điều chỉnh những hành vi chưa phù hợp.

Như vậy, nhóm tiêu chí này tập trung đánh giá cán bộ sử dụng quyền lực như thế nào trong thực tiễn, thể hiện trên các phương diện: đúng thẩm quyền và pháp luật; dân chủ, công khai, minh bạch; có trách nhiệm; ứng xử chuẩn mực; tự giác chịu sự kiểm soát quyền lực. Đây là những biểu hiện trực tiếp của quá trình chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực chính trị thành hành vi thực tiễn, qua đó phản ánh mức độ thực hành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.3.2.6. Nhóm tiêu chí đánh giá năng lực thực hành chính trị

Năng lực thực hành chính trị là thành tố phản ánh trình độ hiện thực hóa VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã thông qua kết quả và hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Nếu nhận thức chính trị, hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi phản ánh những phương diện bên trong của VHCT thì năng lực thực hành chính trị thể hiện khả năng chuyển hóa những yếu tố đó thành hoạt động lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân trong thực tiễn. Vì vậy, đây là tiêu chí tổng hợp phản ánh mức độ phát triển của VHCT, đồng thời là căn cứ để đánh giá chất lượng thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, năng lực thực hành chính trị không chỉ được biểu hiện ở trình độ chuyên môn hay kỹ năng quản lý mà còn ở khả năng tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; huy động các nguồn lực xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thích ứng với yêu cầu đổi mới và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh ở cơ sở. Trên cơ sở đó, luận án xác định nhóm tiêu chí này gồm năm tiêu chí cơ bản.

Thứ nhất, năng lực lãnh đạo và định hướng phát triển địa phương. Đây là tiêu chí phản ánh khả năng xác định mục tiêu, định hướng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Người cán bộ chủ chốt phải có tầm nhìn, biết cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn; đồng thời tạo được sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Các chỉ báo đánh giá gồm: khả năng cụ thể hóa chủ trương của Đảng; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức và điều hành thực hiện nhiệm vụ; ra quyết định đúng đắn, kịp thời; tạo được sự đồng thuận trong quá trình lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai, năng lực tổ chức thực hiện và điều hành công việc. Tiêu chí này phản ánh khả năng tổ chức, điều phối các nguồn lực nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, năng lực này được thể hiện ở khả năng phân công, phối hợp, kiểm tra, giám sát và xử lý công việc theo đúng quy định, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Các chỉ báo đánh giá gồm: tổ chức triển khai nhiệm vụ đúng tiến độ; phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức; sử dụng hợp lý các

nguồn lực; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Thứ ba, năng lực vận động quần chúng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đây là tiêu chí phản ánh khả năng huy động sự tham gia của Nhân dân vào quá trình phát triển địa phương và xây dựng HTCT ở cơ sở. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ ở cơ sở, người cán bộ không chỉ thực hiện chức năng quản lý mà còn phải biết thuyết phục, đối thoại, tạo đồng thuận xã hội và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân. Các chỉ báo đánh giá gồm: thực hiện tốt công tác dân vận; tổ chức đối thoại với Nhân dân; huy động cộng đồng tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển địa phương; giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Thứ tư, năng lực đổi mới, sáng tạo và thích ứng với bối cảnh mới. Tiêu chí này phản ánh khả năng đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong điều kiện chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế. Các chỉ báo đánh giá gồm: chủ động đổi mới phương thức làm việc; ứng dụng công nghệ số trong quản lý và điều hành; tiếp thu và triển khai các mô hình quản trị mới; thích ứng với yêu cầu cải cách hành chính và chính quyền số; khuyến khích sáng kiến, đổi mới trong cơ quan, đơn vị.

Thứ năm, năng lực giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội ở cơ sở. Đây là tiêu chí tổng hợp phản ánh khả năng xử lý những tình huống phát sinh trong thực tiễn quản lý địa phương. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải có khả năng nhận diện đúng bản chất của vấn đề, lựa chọn giải pháp phù hợp, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, khiếu nại, kiến nghị của người dân và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở. Các chỉ báo đánh giá gồm: giải quyết hiệu quả các tình huống phức tạp; xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo đúng quy định; phòng ngừa và hạn chế các điểm nóng xã hội; duy trì ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm tiêu chí trên phản ánh toàn diện năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong đó, năng lực lãnh đạo và định hướng phát triển xác định phương hướng hoạt động; năng lực tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả triển khai nhiệm vụ; năng lực vận động quần chúng thể hiện khả năng phát huy sức mạnh của Nhân dân; năng lực đổi mới và thích ứng phản ánh yêu cầu của nền quản trị hiện đại; còn năng lực giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội là thước đo trực tiếp đối với chất lượng thực thi quyền lực ở cơ sở. Sự thống nhất của năm tiêu chí này cho thấy năng lực thực hành chính trị không chỉ là kết quả của trình độ chuyên môn mà là sự kết tinh của toàn bộ các thành tố VHCT, từ nhận thức, hệ giá trị, chuẩn mực đến hành vi và phong cách chính trị.

2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam được hình thành và phát triển dưới tác động tổng hợp của các yếu tố lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội và thời đại. Những yếu tố này vừa tạo nền tảng hình thành nhân cách chính trị, vừa chi phối nhận thức, hành vi, phương thức thực thi quyền lực, phong cách lãnh đạo và mối quan hệ của cán bộ với Nhân dân. Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị quốc gia, sự tác động đó ngày càng đa chiều, đan xen và phức tạp, đặt ra những yêu cầu mới đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.4.1. Nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị của Đảng và định hướng xây dựng hệ thống chính trị

Nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị của Đảng và định hướng xây dựng hệ thống chính trị là yếu tố có tính định hướng căn bản đối với quá trình hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Ở Việt Nam, VHCT của đội ngũ này được định hình bởi chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới và các quan điểm của Đảng về dân chủ, pháp quyền, đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác cán bộ, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Yếu tố này tác động trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, định hình môi trường chính trị, thể chế - pháp lý cho quá trình hình thành và thực hành VHCT. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng, hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý cán bộ, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực tạo khuôn khổ cho hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã, đồng thời định hình các chuẩn mực về tư tưởng chính trị, đạo đức, trách nhiệm và phong cách lãnh đạo. Môi trường thể chế dân chủ, minh bạch, kỷ cương và kiểm soát quyền lực hiệu quả góp phần củng cố ý thức pháp quyền, tính liêm chính, trách nhiệm và văn hóa công vụ. Ngược lại, cơ chế quản lý hình thức, thiếu minh bạch, nể nang hoặc cục bộ có thể làm nảy sinh biểu hiện cơ hội, thiếu công tâm và né tránh trách nhiệm.

Thứ hai, định hướng mục tiêu, lý tưởng và hệ giá trị chính trị của cán bộ. Nền tảng tư tưởng và đường lối của Đảng định hướng ĐNCB chủ chốt cấp xã trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; kiên định mục tiêu, lý tưởng; đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, cục bộ. Đây là cơ sở để cán bộ xác lập đúng động cơ chính trị và hướng việc thực thi quyền lực vào phục vụ Nhân dân và lợi ích chung.

Thứ ba, định hướng chuẩn mực hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Hiến pháp và pháp

luật; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện tự phê bình và phê bình; nêu gương; thực hiện đúng chức trách, quyền hạn; phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Qua đó, nền tảng tư tưởng và đường lối chính trị không chỉ tác động đến nhận thức mà còn định hướng cách thức cán bộ sử dụng quyền lực, giải quyết công việc và ứng xử với Nhân dân.

Thứ tư, tạo nền tảng hình thành và củng cố bản lĩnh chính trị trong thực tiễn. Trước những vấn đề phức tạp ở cơ sở như khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, dân tộc, tôn giáo, an ninh, trật tự và thông tin sai lệch trên mạng xã hội, nền tảng tư tưởng vững vàng giúp cán bộ giữ vững nguyên tắc, xử lý linh hoạt tình huống trên cơ sở pháp luật và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Ngược lại, nếu nền tảng tư tưởng không vững chắc, cán bộ có thể dao động, xử lý công việc cảm tính, né tránh trách nhiệm hoặc chạy theo dư luận nhất thời. Tuy nhiên, tác động của yếu tố này không diễn ra một cách tự động mà phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận, nội tâm hóa và chuyển hóa các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành nhận thức, niềm tin, bản lĩnh và hành vi chính trị của cán bộ. Nếu việc học tập LLCT, nghị quyết còn hình thức, thiếu gắn với thực tiễn thì sẽ hạn chế quá trình hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.4.2. Truyền thống lịch sử, văn hóa và văn hoá chính trị dân tộc

Đây là yếu tố nền tảng và có ảnh hưởng lâu dài nhất đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành hệ giá trị chính trị đặc trưng như lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, truyền thống “lấy dân làm gốc”, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội.

Những giá trị đó được bảo lưu và tái sản xuất thông qua môi trường gia đình, cộng đồng, văn hóa làng xã và đời sống xã hội ở cơ sở. Đối với ĐNCB cấp xã, đây chính là môi trường chính trị - văn hóa trực tiếp tác động đến phong cách lãnh đạo, phương thức ứng xử và quan hệ với Nhân dân. Các yếu tố như uy tín cá nhân, tinh thần gần dân, trách nhiệm cộng đồng, sự liêm chính và tính nêu gương của cán bộ đều chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền VHCT truyền thống của dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị tích cực, truyền thống làng xã và tâm lý cộng đồng cũng có thể tạo ra những tác động tiêu cực như tư tưởng cục bộ địa phương, ảnh hưởng của quan hệ dòng họ, tâm lý “trọng tình hơn lý” hoặc xu hướng nể nang trong giải quyết công việc. Những yếu tố này có thể làm suy giảm tính khách quan, tính pháp quyền và sự minh bạch trong hoạt động công vụ của ĐNCB cơ sở nếu không được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại.

2.4.3. Điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm địa bàn cư trú

Điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường hoạt động và phương thức lãnh đạo của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Ở những địa bàn có điều kiện phát triển thuận lợi, trình độ dân trí cao, cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện và mức độ đô thị hóa lớn, ĐNCB thường có điều kiện tiếp cận tốt hơn với tri thức quản trị hiện đại, công nghệ số và các phương thức điều hành tiên tiến. Điều đó tạo điều kiện thúc đẩy sự chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa VHCT của cán bộ cơ sở.

Ngược lại, tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, ĐNCB cơ sở thường phải đối mặt với nhiều áp lực về phát triển kinh tế, quản lý xã hội và bảo đảm an sinh cho người dân. Trong những điều kiện đó, VHCT của cán bộ không chỉ thể hiện ở năng lực quản lý mà còn ở khả năng huy động cộng đồng, xử lý tình huống xã hội và duy trì ổn định chính trị-xã hội tại địa phương.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng tạo ra những tác động hai chiều đối với VHCT của ĐNCB cấp xã. Một mặt, nó thúc đẩy tư duy năng động, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng của cán bộ. Mặt khác, mặt trái của kinh tế thị trường cũng có thể làm nảy sinh chủ nghĩa cá nhân, xu hướng thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất hoặc các biểu hiện lợi ích nhóm nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả.

2.4.4. Giáo dục, đào tạo và chất lượng công tác cán bộ

Giáo dục, đào tạo và chất lượng công tác cán bộ có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Công tác cán bộ bao gồm tuyển chọn, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng và kiểm soát quyền lực; qua đó tác động đến nhận thức, phẩm chất, hành vi và trách nhiệm chính trị của cán bộ.

Việc tuyển chọn, bổ nhiệm công khai, minh bạch, đúng tiêu chuẩn và năng lực sẽ góp phần hình thành ĐNCB có bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm. Ngược lại, nếu công tác cán bộ bị chi phối bởi quan hệ cá nhân, lợi ích nhóm hoặc tư duy cục bộ thì có thể làm suy giảm các giá trị liêm chính, công bằng và trách nhiệm.

Đào tạo, bồi dưỡng gắn với thực tiễn giúp cán bộ nâng cao trình độ LLCT, năng lực chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và phong cách làm việc khoa học, dân chủ, gần dân. Nếu đào tạo còn hình thức, thiếu gắn kết với yêu cầu thực tiễn thì khó tạo chuyển biến thực chất trong nhận thức và hành vi của cán bộ. Bên cạnh đó, việc bố trí đúng người, đúng việc; đánh giá khách quan; kiểm tra, giám sát chặt chẽ và kiểm soát quyền lực hiệu quả sẽ tạo động lực rèn luyện, nâng cao trách nhiệm và phòng ngừa các hành vi lệch chuẩn. Chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc dân chủ, minh bạch cũng góp phần củng cố tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân. Ngược lại, những hạn chế trong tuyển chọn, đào tạo, bố trí, đánh giá và kiểm soát quyền

lực có thể làm giảm động lực phấn đấu, gia tăng tâm lý né tránh trách nhiệm và tác động tiêu cực đến quá trình hình thành, phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.4.5. Trình độ dân trí, sự giám sát xã hội và môi trường xã hội

Trình độ dân trí và mức độ tham gia chính trị của người dân là yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Khi người dân có trình độ nhận thức cao, hiểu biết pháp luật tốt và có ý thức thực hiện quyền dân chủ, ĐNCB sẽ phải nâng cao trách nhiệm công vụ, tính minh bạch và tinh thần phục vụ Nhân dân. Ngược lại, nếu sự tham gia xã hội còn hạn chế hoặc cơ chế giám sát thiếu hiệu quả thì dễ làm gia tăng nguy cơ quan liêu, lạm quyền hoặc suy giảm trách nhiệm công vụ ở cấp cơ sở.

Trong điều kiện hiện nay, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, báo chí, truyền thông và đặc biệt là mạng xã hội ngày càng có ảnh hưởng mạnh đến hành vi chính trị và trách nhiệm giải trình của ĐNCB cấp xã. Dư luận xã hội trở thành một kênh tác động quan trọng đối với việc điều chỉnh hành vi công vụ và phong cách lãnh đạo của cán bộ cơ sở.

Môi trường chính trị ảnh hưởng đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Môi trường chính trị đóng vai trò quan trọng xây dựng VHCT của cán bộ chủ chốt cấp xã. Một môi trường chính trị ổn định tạo điều kiện cho cán bộ thực thi chính sách hiệu quả, trong khi những biến động hoặc tác động từ các tổ chức chính trị-xã hội có thể ảnh hưởng đến tư duy, phong cách lãnh đạo, cách thức điều hành của chính quyền cấp xã thậm chí ảnh hưởng đến hành vi chính trị.

Môi trường chính trị có tác động sâu sắc đến VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, ảnh hưởng đến phong cách lãnh đạo, phương thức quản lý và hiệu quả thực thi chính sách. Một môi trường chính trị ổn định giúp cán bộ làm việc hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm hơn. Đồng thời, mối quan hệ giữa chính quyền cấp xã và các tổ chức chính trị-xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng quản lý, tăng cường sự đồng thuận và tạo nền tảng cho một nền quản trị công tiến bộ, dân chủ. Việc xây dựng một môi trường chính trị lành mạnh, minh bạch và hiệu quả là điều kiện tiên quyết để chính quyền cấp xã hoạt động vững mạnh, đáp ứng kỳ vọng của Nhân dân.

2.4.6. Tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và quá trình hội nhập, chuyển đổi số

Qua 40 năm đổi mới, kinh tế thị trường đã tạo điều kiện cho ĐNCB chủ chốt cấp xã hình thành và phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo, tư duy đổi mới, khả năng thích ứng và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường cũng tác động đến hệ giá trị và chuẩn mực VHCT, làm nảy sinh nguy cơ thương mại hóa quyền lực và các quan hệ xã hội; đề cao lợi ích vật chất, chủ nghĩa cá nhân và lối

sống thực dụng. Đảng ta đã chỉ rõ: “Chúng ta không quy mọi xấu xa đều do kinh tế thị trường, nhưng không thể không thấy rằng về khách quan mà nói, kinh tế thị trường với sức mạnh tự phát ghê gớm của nó đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, làm cho người ta chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản” [24, tr.29-30], dẫn đến các hiện tượng như “chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp” [36]. Những tác động này có thể làm suy giảm tính liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ và niềm tin của Nhân dân đối với ĐNCB.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mở ra cơ hội tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tri thức và kinh nghiệm quản trị tiên bộ, đồng thời đặt ra thách thức trong giữ gìn bản sắc, hệ giá trị và bản lĩnh chính trị. Đảng ta đã chỉ rõ: “Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận Nhân dân, nhất là lớp trẻ” [36, tr.125]. Trong bối cảnh đó, nếu thiếu khả năng chọn lọc và nền tảng chính trị - văn hóa vững chắc, cán bộ có thể chịu tác động của các giá trị không phù hợp, dẫn đến phai nhạt lý tưởng, dao động về nhận thức chính trị và suy giảm các chuẩn mực VHCT.

Bên cạnh đó, Internet, mạng xã hội và chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ môi trường chính trị và phương thức quản trị ở cơ sở. Một mặt, quá trình này giúp cán bộ tiếp cận tri thức, ứng dụng công nghệ trong hoạt động công vụ, nâng cao tính công khai, minh bạch và tăng cường tương tác với người dân. Mặt khác, sự lan truyền nhanh của thông tin sai lệch, các quan điểm cực đoan và áp lực dư luận trên không gian mạng đặt ra những yêu cầu mới đối với bản lĩnh và năng lực của cán bộ. Do đó, ĐNCB chủ chốt cấp xã cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, khả năng chọn lọc và xử lý thông tin, kỹ năng truyền thông và năng lực thích ứng với quản trị số. kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số vì vậy vừa tạo động lực đổi mới, hiện đại hóa VHCT, vừa đặt ra những thách thức đối với bản lĩnh chính trị, đạo đức, trách nhiệm và phương thức thực thi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

2.4.7. Nhân tố chủ quan của bản thân cán bộ chủ chốt cấp xã

Bên cạnh các điều kiện khách quan, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã chịu tác động trực tiếp và quyết định bởi nhân tố chủ quan của chính họ. Đây là "bộ lọc" tạo nên sự phân hóa về kết quả tu dưỡng và thực hành VHCT của mỗi cán bộ trong cùng một môi trường thể chế và đào tạo. Các nhân tố chủ quan cốt lõi bao gồm: Trình độ học vấn, chuyên môn, pháp luật và năng lực chuyển hóa lý luận thành bản lĩnh chính trị; Kinh nghiệm công tác, vốn sống và trải nghiệm thực tiễn tại cơ sở; Động cơ phấn đấu, lý tưởng và thế giới quan chính trị; Ý thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện, tự phê bình và phê bình; Năng lực tự kiểm soát quyền lực, lợi ích cá nhân và đề kháng trước cám dỗ; Tư duy đổi mới,

khả năng tự học và thích ứng với bối cảnh quản trị mới; Đạo đức, lối sống và bản lĩnh ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, dòng họ, cộng đồng; Uy tín cá nhân trong tổ chức và trong Nhân dân.

Trong đó, ý thức tự giác và năng lực nội tâm hóa các giá trị chuẩn mực giữ vai trò quyết định. VHCT phải được chuyển hóa thành nhu cầu tự thân thông qua quá trình thường xuyên “tự soi, tự sửa”, chủ động kiểm soát hành vi và dũng khí chịu trách nhiệm. Thiếu tính tự giác, mọi chế tài kiểm tra, kỷ luật hành chính chỉ đạt hiệu quả bề nổi, không thể tạo ra nền tảng VHCT bền vững.

VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở Việt Nam hiện nay chịu sự tương tác đa chiều bởi hệ thống yếu tố: nền tảng tư tưởng của Đảng; truyền thống văn hóa dân tộc; thể chế pháp lý và cơ chế kiểm soát quyền lực; kinh tế thị trường; đặc điểm cộng đồng và đặc thù vùng miền; công tác cán bộ; môi trường tổ chức; chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và nhân tố chủ quan của cán bộ. Hệ tác động này mang tính hai mặt biện chứng: vừa thúc đẩy các giá trị tích cực (bản lĩnh, liêm chính, trách nhiệm, dân chủ, gần dân, thích ứng); vừa có thể kích hoạt các biểu hiện tiêu cực (quan liêu, cục bộ, thực dụng, thân hữu, lợi ích nhóm, tư duy “tròn vai”, né tránh trách nhiệm và thỏa hiệp trước áp lực làng xã).

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về VHCT và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, qua đó xây dựng khung lý luận làm cơ sở nghiên cứu thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quan niệm và cách tiếp cận của các công trình nghiên cứu, luận án xác định VHCT là một bộ phận của văn hóa dân tộc, kết tinh các giá trị chính trị, chuẩn mực chính trị, tri thức, niềm tin, tình cảm, phương thức hoạt động và ứng xử chính trị; qua đó định hướng, điều chỉnh hành vi, giáo dục và trao truyền các giá trị trong đời sống chính trị. Theo đó, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là sự kết tinh và biểu hiện các giá trị, chuẩn mực, tri thức, niềm tin, tình cảm và phương thức hoạt động chính trị của đội ngũ này trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ và thực thi quyền lực ở cơ sở.

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã được hình thành và phát triển trên nền tảng các giá trị VHCT truyền thống của dân tộc, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị được bồi đắp trong thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước. Nội dung VHCT của đội ngũ này được biểu hiện qua các thành tố có quan hệ chặt chẽ, gồm: Nhận thức chính trị, giá trị chính trị, hệ tư tưởng và niềm tin chính trị, chuẩn mực chính trị, hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực, năng lực thực hành chính trị. Các thành tố tạo thành một chỉnh thể thống nhất, vừa định hướng nhận thức, vừa điều chỉnh hành vi, phương thức ứng xử và thực thi quyền lực của cán bộ trong hoạt động công vụ.

Văn hóa chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, bởi đây là đội ngũ trực tiếp lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật và giải quyết những vấn đề gắn trực tiếp với quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân ở cơ sở. VHCT góp phần định hướng cán bộ sử dụng quyền lực đúng mục đích, nâng cao đạo đức, trách nhiệm công vụ và năng lực tổ chức thực tiễn; xây dựng phong cách làm việc dân chủ, khoa học, gần dân, trọng dân, có trách nhiệm với Nhân dân; qua đó củng cố uy tín của cán bộ và niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và tổ chức, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã đặt ra yêu cầu ngày càng cao. VHCT phải được nội hóa thành phẩm chất, giá trị, chuẩn mực và chuyển hóa thành năng lực, phương thức ứng xử, hành vi thực thi quyền lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và nền hành chính phục vụ Nhân dân.

Những kết quả nghiên cứu của Chương 2 đã xác lập khung lý luận, nội dung cấu trúc và hệ tiêu chí đánh giá VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, làm cơ sở khoa học để Chương 3 phân tích thực trạng, chỉ ra kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

Đồng bằng sông Cửu Long là bộ phận của châu thổ sông Mê Kông có diện tích 34.699,81 km², chiếm 12,8% diện tích cả nước, dân số là 17.744.947 người, chiếm 17,9% dân số cả nước. ĐBSCL giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Vùng được quy hoạch là trọng điểm nông nghiệp quốc gia với các sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản và trái cây. Năm 2025, vùng ĐBSCL tăng trưởng GRDP ước đạt 7,24%, đóng góp 8,39% vào tăng trưởng chung. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 80,7 triệu đồng/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,8%. ĐBSCL đóng góp hơn 31,37% GDP toàn ngành nông nghiệp, trên 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% sản lượng trái cây, 95% lượng gạo xuất khẩu và khoảng 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu, giữ vai trò then chốt trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Về lao động - xã hội, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 10,67 triệu người; tuy nhiên, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ chỉ đạt 13,3%, thấp hơn nhiều so với các vùng khác. Việc làm ổn định mới đáp ứng cho khoảng 18,9% lao động. Công tác giảm nghèo có tiến triển, đời sống dân cư từng bước được cải thiện; các địa phương đã tăng cường liên kết vùng, tiêu biểu là thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh ĐBSCL cùng với việc triển khai nhiều dự án hạ tầng trọng điểm. Tuy nhiên, ĐBSCL vẫn đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức. Tỷ lệ thất nghiệp là 2,67% (khu vực thành thị 3,75%, nông thôn 2,33%); khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn gia tăng. Đầu tư hạ tầng kinh tế - kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nông sản và thu nhập người dân. Công tác xóa đói giảm nghèo hiệu quả chưa cao; an ninh trật tự ở một số địa phương còn tiềm ẩn phức tạp; tình hình biên giới, an ninh - quốc phòng đặt ra nhiều thách thức cho thu hút đầu tư và phát triển bền vững.

3.1.2. Đặc điểm văn hoá - xã hội của vùng

Đồng bằng sông Cửu Long là không gian văn hóa đa tộc người, chủ yếu gồm người Kinh (hơn 92%), Khmer (6,6%), Hoa (0,87%), Chăm (0,08%) và một số dân tộc

khác. Sự giao thoa lâu dài giữa các cộng đồng tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng, giàu tính dung hợp, thể hiện trong ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục và lối sống.

Về văn hóa dân gian và tín ngưỡng, vùng có hệ thống lễ hội phong phú như Ok Om Bok, Chôl Chnăm Thmây của người Khmer; cùng với đời sống tôn giáo đa dạng (Phật giáo Nam tông, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo...). Các thiết chế đình, chùa, miếu góp phần duy trì đời sống tâm linh và cố kết cộng đồng.

Lối sống sông nước là đặc trưng nổi bật, gắn với hệ thống kênh rạch chằng chịt, hình thành phương thức sinh hoạt, sản xuất và giao thông đặc thù. Người dân có tinh thần cộng đồng cao, giàu tính tương trợ, linh hoạt và thích ứng nhanh với môi trường tự nhiên.

Ẩm thực mang tính dân dã, phong phú với nhiều sản vật địa phương như cá lóc nướng trui, bánh xèo, lẩu mắm, phản ánh sự sáng tạo và gắn bó với tự nhiên. Nghệ thuật truyền thống tiêu biểu là đờn ca tài tử (được UNESCO công nhận), cùng các loại hình như múa lân - sư - rồng, hát bội; đồng thời các làng nghề như kẹo dừa Vĩnh Long, chiếu Định Yên (Đồng Tháp) vừa giữ gìn giá trị văn hóa vừa phát triển kinh tế.

Văn hóa ĐBSCL mang đặc trưng nổi bật của tính cộng đồng, cởi mở, khoan dung, nghĩa tình, trọng tín, cần cù, sáng tạo và thích ứng cao. Những đặc điểm này tạo nên nền tảng văn hoá - xã hội đặc thù, có tác động sâu sắc đến VHCT ở cấp xã. Chính quyền cấp xã vì vậy vừa phải gần dân, dựa vào dân, vừa phát huy tính dân chủ, đồng thuận xã hội; đồng thời cần khắc phục hạn chế của tâm lý nể nang, tình cảm trong xử lý công vụ, qua đó nâng cao bản lĩnh và tính nguyên tắc trong quản trị địa phương.

Đặc điểm văn hoá - xã hội của vùng ĐBSCL là sự kết hợp giữa tính mở, tính dung hợp, tính linh hoạt và tính nhân văn, tạo nên bản sắc riêng và ảnh hưởng đến phong cách lãnh đạo, phương thức quản trị và VHCT của ĐNCB cấp xã trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.

3.1.3. Tổ chức hệ thống chính trị cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Vùng ĐBSCL hiện có 402 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 398 xã, phường và 04 đặc khu). Cấp xã ở ĐBSCL mang những đặc điểm cơ bản: được hình thành qua nhiều giai đoạn lịch sử, có sự đan xen yếu tố dòng tộc; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra chậm, nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo; là cấp cuối cùng trong HTCT ba cấp, gần dân, trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích của Nhân dân; công tác cán bộ chịu ảnh hưởng của yếu tố dân tộc, tôn giáo; còn nhiều địa phương thuộc diện khó khăn; đồng thời chịu tác động nặng nề của hậu quả chiến tranh.

Tổng số ĐNCB cấp xã ở ĐBSCL là 16.984 người, trong đó có 402 bí thư đảng ủy, 804 phó bí thư, 402 chủ tịch UBND, cùng các chức danh chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và

các tổ chức chính trị - xã hội. Cơ cấu ĐNCB tương đối đa dạng: có 3.713 cán bộ nữ, 697 cán bộ là người dân tộc thiểu số; độ tuổi chủ yếu từ 36 - 55 (56,0%), tiếp đến 18 - 35 (32,0%) và 56 - 60 (12,0%). Về trình độ học vấn và chuyên môn, có 95,0% tốt nghiệp trung học phổ thông; 89,0% có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học và 2,6% sau đại học; ngoài ra, 82,0% có chứng chỉ tin học và 76,0% có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh. Về trình độ lý luận chính trị, tỷ lệ cán bộ có trình độ cử nhân lý luận chính trị đạt 1,02%; cao cấp đạt 3,11%; trung cấp đạt 48,90%; trình độ sơ cấp và chưa qua đào tạo chiếm 28,07%; còn lại là các chứng chỉ tương đương hoặc đang trong quá trình chuẩn hóa chiếm 18,90% (Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo của các địa phương trong vùng).

3.1.4. Đặc trưng văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Gần dân và tính tương tác xã hội cao trong thực thi quyền lực

Một trong những đặc trưng nổi bật của VHCT ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là tính gần dân và mức độ tương tác xã hội cao giữa chủ thể thực thi quyền lực với cộng đồng dân cư. Đặc trưng này được hình thành từ lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ, truyền thống cộng cư, tính chất phân tán của không gian sông nước và đặc điểm tổ chức đời sống xã hội gắn bó chặt chẽ với cộng đồng.

Tính gần dân được biểu hiện ở sự gắn kết thường xuyên giữa cán bộ với Nhân dân thông qua các hoạt động tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe và giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn cơ sở. Với vị trí là cấp chính quyền gần dân nhất, ĐNCB chủ chốt cấp xã có điều kiện trực tiếp nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích của người dân, qua đó hình thành phong cách lãnh đạo dựa trên sự đồng thuận xã hội, đề cao trách nhiệm phục vụ và lấy sự hài lòng của Nhân dân làm một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị địa phương. Bên cạnh đó, môi trường xã hội vùng ĐBSCL cũng tạo nên phong cách giao tiếp chính trị tương đối cởi mở, chân thành và giản dị, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền với Nhân dân, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện chính sách ở cơ sở.

Tính thực tiễn và khả năng thích ứng cao trong hoạt động lãnh đạo, quản lý

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL mang đậm dấu ấn của tính thực tiễn và khả năng thích ứng cao. Đây là kết quả của quá trình lịch sử khai phá vùng đất mới, điều kiện sinh thái đặc thù và yêu cầu thường xuyên xử lý những vấn đề phát sinh từ đời sống kinh tế - xã hội ở cơ sở. Tính thực tiễn thể hiện ở xu hướng coi trọng hiệu quả giải quyết công việc, chú trọng khả năng vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách vào điều kiện cụ thể của địa phương, đồng thời lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm thước đo quan trọng trong hoạt động lãnh đạo và quản lý.

Khả năng thích ứng được biểu hiện ở năng lực điều chỉnh phương thức quản trị phù hợp với những biến đổi của môi trường kinh tế, xã hội và tự nhiên, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, di cư lao động, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững hiện nay. Đặc trưng này tạo điều kiện thuận lợi cho ĐNCB chủ chốt cấp xã nâng cao năng lực điều hành, tăng cường tính chủ động và khả năng xử lý các vấn đề mới phát sinh trong quá trình phát triển địa phương.

Tính cộng đồng mở và tinh thần dung hợp văn hóa

So với nhiều khu vực khác của Việt Nam, ĐBSCL là vùng đất có quá trình hình thành muộn, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của quá trình di dân, giao lưu và tiếp biến văn hóa. Điều này tạo nên đặc trưng cộng đồng mở, mức độ cố kết xã hội linh hoạt và khả năng dung hợp văn hóa tương đối cao. Đặc trưng này được thể hiện ở tư duy quản lý có xu hướng cởi mở, đề cao tính hợp tác, khả năng tiếp nhận cái mới và tinh thần thích ứng với những thay đổi của môi trường phát triển. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để hạn chế những biểu hiện cục bộ địa phương, khép kín hay bảo thủ trong quá trình thực thi công vụ.

Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và đổi mới phương thức quản trị địa phương, tính cộng đồng mở trở thành một lợi thế giúp ĐNCB chủ chốt cấp xã dễ dàng tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả quản trị công.

Tính đa dạng văn hóa và năng lực kiến tạo đồng thuận xã hội

Đồng bằng sông Cửu Long là không gian văn hóa đa dạng với sự hiện diện của nhiều cộng đồng dân tộc, tôn giáo và hệ giá trị văn hóa khác nhau. Đặc điểm này có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong môi trường đa dân tộc, đa tôn giáo, ĐNCB không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính mà còn đảm nhiệm vai trò điều hòa các quan hệ xã hội, hài hòa lợi ích giữa các cộng đồng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều đó đòi hỏi cán bộ phải có nhận thức chính trị sâu sắc, sự am hiểu về văn hóa, phong tục, tín ngưỡng của các nhóm xã hội cũng như năng lực đối thoại, thuyết phục và xử lý các vấn đề nhạy cảm phát sinh trong đời sống cộng đồng. Đặc trưng này góp phần hình thành phong cách lãnh đạo mang tính dung hợp, bao trùm và nhân văn, đồng thời nâng cao khả năng kiến tạo đồng thuận xã hội trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển ở địa phương.

Tính linh hoạt trong phương thức vận động chính trị và huy động nguồn lực xã hội

Một đặc trưng đáng chú ý về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là xu hướng đề cao các phương thức vận động xã hội dựa trên đối thoại, thuyết phục và phát huy vai trò của cộng đồng. Đặc trưng này phản ánh sự kết hợp giữa truyền thống công tác

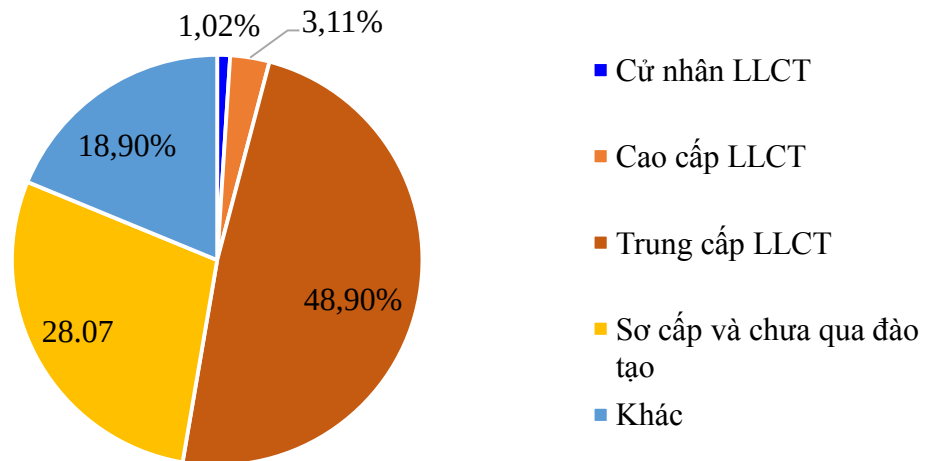
dân vận của Đảng với những giá trị văn hóa đặc thù của cư dân Nam Bộ, trong đó sự chia sẻ, đồng thuận và tính thuyết phục thường được coi trọng hơn các biện pháp mang tính áp đặt hành chính đơn thuần.

Trong thực tiễn, điều này được thể hiện thông qua việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín trong cộng đồng và các thiết chế xã hội cơ sở trong quá trình triển khai chủ trương, chính sách. Đây là yếu tố góp phần nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực xã hội, tăng cường sự tham gia của người dân vào quản trị địa phương và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với HTCT cơ sở. Tuy nhiên, sự linh hoạt trong phương thức vận động xã hội cần được đặt trong khuôn khổ của nguyên tắc tổ chức, pháp luật và kỷ luật hành chính nhằm bảo đảm tính thống nhất, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.

3.2. THỰC TRẠNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.2.1. Về nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trong thời gian qua, các địa phương vùng ĐBSCL đã chú ý đến “công tác đào tạo, bồi dưỡng LLCT được đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục LLCT theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn; đưa việc bồi dưỡng LLCT, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa học tập lý luận với rèn luyện, thử thách cán bộ trong thực tiễn để nâng cao bản lĩnh chính trị; khắc phục tình trạng ngại học, lười học LLCT trong cán bộ” [36, tr.170]. Khảo sát và tổng hợp số liệu thực tế cho thấy, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã có nền tảng đào tạo tương đối vững, song trình độ lý luận chính trị vẫn chưa thật sự đồng đều giữa các nhóm chức danh và địa bàn. Cụ thể, tỷ lệ cán bộ có trình độ cử nhân lý luận chính trị đạt 1,02%; cao cấp lý luận chính trị đạt 3,11%; trung cấp lý luận chính trị đạt 48,90%; trong khi đó tỷ lệ cán bộ ở trình độ sơ cấp và chưa qua đào tạo vẫn còn 28,07%, cùng với 18,90% thuộc các diện đào tạo khác hoặc đang được chuẩn hóa theo quy định mới (Nguồn: Tác giả tổng hợp). ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL được đào tạo về hệ thống tri thức khoa học như tri thức về lý luận khoa học Mác - Lênin, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội hiện đại, tri thức về chuyên môn, nghiệp vụ; trong đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận về đường lối đổi mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước là những tri thức nền tảng, giữ vai trò chủ đạo vận dụng sáng tạo vào thực tiễn hoạt động chính trị của mình.

Biểu đồ 3.1. Trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

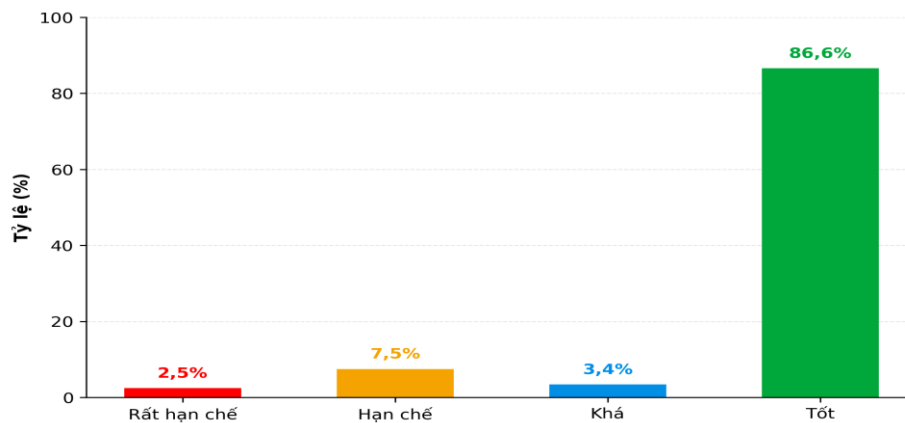
Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay với nhiều biến động “bất định”, “bất ổn”, “khó lường” về kinh tế, địa chính trị, cạnh tranh chiến lược, khoa học - công nghệ và an ninh - quốc phòng, tri thức chính trị, bản lĩnh và sự mềm dẻo chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả và tính bền vững của các quyết sách phát triển vùng ĐBSCL cũng như của đất nước. Với vốn tri thức chính trị cùng sự hiểu biết có hệ thống về các quy luật vận động và phát triển của xã hội; hiểu biết về lịch sử, văn hóa, triết học, tâm lý, tôn giáo, phong tục, tập quán và lối sống trong các quan hệ chính trị-xã hội, ĐNCB chủ chốt cấp xã có khả năng nhận diện, phân tích và xử lý những vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn. Trong bối cảnh tổ chức lại bộ máy và đổi mới mô hình quản trị địa phương hiện nay, yêu cầu “không ngừng nâng cao trình độ LLCT” [36, tr.233], kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam [36, tr.165] càng trở nên cấp thiết đối với ĐNCB chủ chốt cấp cơ sở.

Hiện nay, trước những biến động sâu sắc và phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, đặc biệt là những thay đổi về kinh tế, địa chính trị, khoa học - công nghệ và an ninh quốc phòng, các quốc gia đang đứng trước sự đan xen giữa thời cơ và thách thức, trong đó thách thức ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, nhờ được trang bị thể giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời thấm nhuần đường lối đổi mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL ngày càng khắc phục được tư duy máy móc, giáo điều, giản đơn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Việc nhận thức các vấn đề chính trị-xã hội ngày càng được thực hiện Trên cơ sở phương pháp luận biện chứng, gắn lý luận với thực tiễn, bảo đảm tính toàn diện, khách quan và phù hợp với điều kiện

lịch sử cụ thể. Từ đó, ĐNCB chủ chốt cấp xã từng bước vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, đường lối đổi mới của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn đời sống chính trị ở địa phương. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [36, tr.234-235]. Đặc biệt, những bài học thành công và hạn chế trong hoạt động chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã đã góp phần hình thành nên tri thức kinh nghiệm chính trị phong phú, được kế thừa và truyền đạt qua nhiều thế hệ cán bộ. Nhìn chung, ĐNCB chủ chốt cấp xã có vốn tri thức kinh nghiệm chính trị khá dày dặn do thường xuyên trực tiếp tham gia các hoạt động chính trị, phong trào chính trị và đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau trong HTCT. Đối với những cán bộ lớn tuổi, bề dày hoạt động thực tiễn càng góp phần làm phong phú thêm năng lực xử lý các vấn đề chính trị-xã hội ở cấp xã. Kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án cũng cho thấy có đến 90,0% số người được hỏi đánh giá tri thức chính trị và tri thức kinh nghiệm chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã đạt mức tốt và khá.

Biểu đồ 3.2.. Đánh giá về nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã ngại học, lười học LLCT (7,5% hạn chế và 2,5% rất hạn chế), tiếp thu nghị quyết còn mang tính hình thức và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn chưa cao vẫn tồn tại; vẫn còn tình trạng “giảm sút niềm tin, còn thờ ơ về chính trị, sống thiếu lý tưởng, thực dụng, lệch lạc về quan điểm sống, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, dễ bị ảnh hưởng của những trào lưu không phù hợp với thuần phong mỹ tục, không lành mạnh, mắc các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Một số ít cán bộ bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong cán bộ trẻ diễn biến phức tạp” [36]. Một số cán bộ chủ chốt cấp xã đã rời bỏ lập trường chính trị đúng đắn do mình đã chọn trước đây, quay

lưng lại với lịch sử, với cách mạng, bôi nhọ, bóp méo sự thật lịch sử cách mạng, bị các thế lực thù địch lôi kéo đứng vào hàng ngũ những kẻ thù chống đối chế độ, đi ngược lại với lợi ích của Đảng và dân tộc [36]. Đối với những đối tượng này, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã kiên quyết phê phán, đấu tranh, để góp phần bảo vệ, giữ vững niềm tin chính trị, đồng thời thực hiện trách nhiệm nêu gương, định hướng và lan tỏa những quan điểm, lập trường chính trị đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta tới đông đảo quần chúng Nhân dân.

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị gia tăng hoạt động chống phá trên không gian mạng, yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đặt ra ngày càng cấp thiết. Đại hội XIII của Đảng khẳng định các nguy cơ đối với độc lập, chủ quyền và lợi ích chiến lược của đất nước vẫn tồn tại, thậm chí “có mặt gay gắt hơn”, trong khi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch tiếp tục diễn ra quyết liệt [35, tr.228]. Vì vậy, nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ dừng ở tri thức lý luận mà cần được chuyển hóa thành năng lực nhận diện, đấu tranh và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền địa phương hai cấp trong bối cảnh phát triển mới.

3.2.2. Về giá trị chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chịu ảnh hưởng đan xen giữa các yếu tố tích cực và tiêu cực. Đội ngũ này vẫn luôn nỗ lực phấn đấu, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện nhằm giữ vững và phát huy các giá trị VHCT trong thực tiễn hoạt động chính trị. Trong mọi hoàn cảnh, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL luôn trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng vượt qua khó khăn, thử thách vì sự phát triển của địa phương, đất nước và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân, “vì nước quên thân, vì dân phục vụ” làm mục tiêu và thước đo trong hoạt động chính trị của mình. Luôn đặt việc công lên trên việc tư, luôn quy chiếu lời dạy của Hồ Chí Minh: “Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh” [85, tr.131]. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phẩm chất tư tưởng của Bác Hồ yêu nước, thương yêu con người, sống có tình có nghĩa; ĐNCB chủ chốt cấp xã luôn có lòng yêu nước nồng nàn, tình thương yêu người dân vô hạn, kính trọng Nhân dân, sẵn sàng hi sinh vì hạnh phúc của Nhân dân, của dân tộc; đề cao trách nhiệm nêu gương và ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân” [37, tr.254].

Kết quả khảo sát xã hội học do tác giả thực hiện đối với 640 người tại vùng ĐBSCL cho thấy, có đến 95,2% các chủ thể được hỏi cho rằng, đa số ĐNCB yêu nước,

tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc; và 94,1% trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng, chịu sự lãnh đạo của Đảng của ĐNCB chủ chốt cấp xã; khát vọng cống hiến xây dựng đất nước hùng cường, quê hương ngày càng giàu đẹp.

Bảng 3.1. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc	2,5%	2,3%	2,2%	93,0%
2	Yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân	3,6%	4,8%	5,3%	86,3%
3	Trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng	1,6%	4,3%	7,7%	86,4%
4	Giải quyết được mối quan hệ hài hòa lợi ích giữa "làng" và "nước"	4,1%	4,4%	5,1%	86,4%

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Những kết quả trên phản ánh rằng, trước những biến đổi nhanh chóng và phức tạp của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã vẫn giữ vững bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và ý thức trách nhiệm đối với Nhân dân. Đặc biệt, với đặc thù là lực lượng trực tiếp lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ sở, việc duy trì tỷ lệ đánh giá khá và tốt trên 94% ở cả hai tiêu chí cho thấy những giá trị nền tảng của VHCT đã và đang được đội ngũ này gìn giữ và phát huy.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, hội nhập quốc tế, mặt trái của kinh tế số, xã hội số làm cho một số giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ bị mai một dần, sùng ngoại coi trọng giá trị ngoại lai hơn giá trị truyền thống dân tộc. “Một số mặt văn hóa, xã hội chuyển biến còn chậm; môi trường văn hóa có mặt chưa lành mạnh” [37, tr.20]; phai nhạt lý tưởng cách mạng, bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Tỷ lệ khảo sát cho thấy, mức độ thể hiện các giá trị này chưa thật sự đồng đều trong toàn bộ đội ngũ. Ở tiêu chí thứ nhất, vẫn còn 4,8% ý kiến đánh giá ở mức trung bình và yếu; ở tiêu chí thứ hai là 8,4%; và ở tiêu chí thứ ba, tỷ lệ này là 5,9%. Mặc dù đây là tỷ lệ không lớn, song xét từ vị trí, vai trò và yêu cầu về phẩm chất chính trị đối với cán bộ chủ chốt cấp xã thì những con số này vẫn cần được quan tâm. Bởi đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, lòng yêu nước, sự

trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân không chỉ là yêu cầu về phẩm chất cá nhân mà còn là nền tảng định hướng cho việc thực hiện quyền lực chính trị và trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

Với tinh thần hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, những năm phải trải qua đại dịch Covid-19, bằng những hoạt động thiết thực, ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL đã không quản ngại khó khăn, gian khổ, tích cực tham gia chăm lo, bảo vệ sức khỏe, an toàn tính mạng của Nhân dân, hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, hỗ trợ lương thực, sửa chữa và xây dựng nhà ở cho các hộ khó khăn, vận động hiến đất làm đường, hướng dẫn người dân chuyển đổi số trong sản xuất và quản lý. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho Nhân dân; từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm, hành động vì lợi ích chung, vì sự phát triển của địa phương và đời sống của Nhân dân.

Xuất phát tình yêu thương dân, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân, sống có tình có nghĩa, tương thân tương ái, khoan dung, độ lượng, chia sẻ nỗi đau thương, mất mát của người dân, sẵn sàng giúp đỡ mọi người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, nghèo khó, đồng bào vùng sâu, vùng biên giới của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở vùng ĐBSCL mà trong hoạt động chính trị và các hoạt động xã hội tích cực tham gia điển hình đại dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có của góp của, không có của thì góp công, gạo, quần áo; ai có nhiều góp nhiều, có ít cũng là cả tấm lòng. ĐNCB chủ chốt cấp xã luôn thể hiện phong cách gần gũi, thân thiện, trách nhiệm; nêu cao tinh thần phục vụ, tận tình hướng dẫn, sẵn sàng chia sẻ khó khăn, giải đáp thắc mắc của người dân, lắng nghe ý kiến Nhân dân, chân thành chỉ rõ đúng sai, phải trái, giúp họ nhận thức đúng đắn sai lầm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa khơi dậy mặt tốt, tích cực, kiên trì thuyết phục, giáo dục, giúp đỡ họ trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy, đa số người trả lời đánh giá rất cao đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã. Cụ thể, có 91,6% ý kiến đánh giá từ mức Khá trở lên đối với tiêu chí 'yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân' (Tốt: 86,3%, Khá: 5,3%). Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu đã công bố của Lương Thị Hoài Thanh và Nguyễn Việt Thanh, khi ghi nhận 89,2% ý kiến đánh giá cao mối quan hệ gần gũi mật thiết, thái độ tôn trọng Nhân dân và 87,5% ghi nhận sự chăm lo thiết thực đến đời sống người dân của đội ngũ cán bộ cơ sở [130, tr.89-90]. Dù vậy, kết quả điều tra của luận án vẫn ghi nhận 8,4% ý kiến đánh giá ở mức Trung bình và Yếu (Trung bình: 4,8%, Yếu: 3,6%), phản ánh tình trạng một bộ phận cán bộ còn biểu hiện xa dân, ứng xử chưa chuẩn mực và chưa toàn tâm toàn ý phục vụ Nhân dân.

Năng lực phân tích, dự báo và điều tiết lợi ích của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, dẫn đến lúng túng trong xử lý các mâu thuẫn lợi ích, đặc biệt trong các vấn đề phức tạp như đất đai, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường hoặc phân bổ nguồn lực công. Việc phát huy dân chủ còn mang tính hình thức; chưa thực sự tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình xây dựng và giám sát chính sách của địa phương. Một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã bị chi phối bởi quan hệ thân quen hoặc lợi ích nhóm, dẫn đến thiếu khách quan trong xử lý công việc, làm suy giảm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả trong quản trị, hạch sách, nhũng nhiễu, gây phiền hà nhiều nhất là lĩnh vực đăng ký đất đai, giải quyết thủ tục hành chính...

Hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” là một giá trị đặc thù trong VHCT Việt Nam, phản ánh yêu cầu kết hợp giữa lợi ích cộng đồng với lợi ích quốc gia - dân tộc. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã - cấp trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và gắn bó mật thiết với đời sống Nhân dân - việc xử lý đúng đắn mối quan hệ này có ý nghĩa quyết định đến hiệu lực, hiệu quả quản trị ở cấp xã cũng như sự ổn định và phát triển bền vững của địa phương. Trong thực tiễn, đa số cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã nhận thức tương đối rõ về yêu cầu phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên lợi ích cục bộ địa phương, đồng thời chú trọng bảo đảm các lợi ích chính đáng của cộng đồng dân cư.

Việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cơ bản được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và giữ vững ổn định chính trị ở địa phương. Nhiều cán bộ đã thể hiện vai trò trung gian điều tiết lợi ích, biết lắng nghe ý kiến của Nhân dân, phát huy dân chủ ở cấp xã, qua đó tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển. Trong các lĩnh vực như xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, quản lý tài nguyên - môi trường, cán bộ cấp xã đã có những điều chỉnh linh hoạt nhằm dung hòa giữa yêu cầu chung của quốc gia với điều kiện cụ thể của địa phương. Bên cạnh đó, nhờ đặc điểm văn hóa cộng đồng cao của vùng ĐBSCL, mối quan hệ giữa cán bộ và Nhân dân gần gũi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nắm bắt và xử lý các vấn đề liên quan đến lợi ích cộng đồng một cách kịp thời, hạn chế xung đột xã hội.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 91,5% ý kiến đánh giá từ mức Khá trở lên đối với khả năng giải quyết mối quan hệ hài hòa lợi ích giữa 'làng' và 'nước' của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó mức Tốt đạt 86,4%, mức Khá đạt 5,1%). Tuy nhiên, vẫn còn 8,5% ý kiến đánh giá ở mức Trung bình và Yếu (Trung bình: 4,4%, Yếu: 4,1%). Thực trạng này phản ánh nguy cơ nảy sinh mâu thuẫn cục bộ khi lợi ích cộng đồng làng xã và quy định chung của Nhà nước chưa được điều hòa linh hoạt, đòi hỏi cán bộ cơ sở phải nâng cao bản lĩnh và năng lực quản trị công.

3.2.3. Về hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, tình cảm chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trong thời gian qua, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã từng bước khẳng định bản lĩnh chính trị, ý chí và tinh thần trách nhiệm trước những khó khăn, thách thức của thực tiễn. Phần lớn cán bộ giữ vững lập trường cách mạng, tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc; tích cực tham gia và đi đầu trong các phong trào hành động cách mạng ở địa phương. Đồng thời, đội ngũ này cũng từng bước khắc phục các biểu hiện phai nhạt lý tưởng, suy giảm ý chí phấn đấu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống. Hệ tư tưởng chính trị và lý tưởng cách mạng tiếp tục giữ vai trò định hướng cho ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; góp phần hình thành tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chủ động đổi mới sáng tạo và sẵn sàng hành động vì lợi ích chung, vì Nhân dân và đất nước. Trước những tác động phức tạp từ mặt trái của kinh tế thị trường và các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL ngày càng nâng cao ý thức cảnh giác chính trị, chủ động phòng ngừa các biểu hiện tiêu cực nảy sinh trong đời sống xã hội.

ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL ngày càng thể hiện rõ sự giác ngộ về lý tưởng chính trị cộng sản chủ nghĩa, giữ vững lập trường giai cấp, trung thành với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và lý tưởng cách mạng của Đảng. Đồng thời, đội ngũ này từng bước vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn hoạt động chính trị ở cấp xã; củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và con đường phát triển mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “phát huy truyền thống đoàn kết, chung sức, đồng lòng, kiên định niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn” [35, tr.10]. Đây là nền tảng chính trị-tư tưởng quan trọng để ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL tiếp tục củng cố bản lĩnh chính trị, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa [35, tr.20], qua đó góp phần “tạo ra động lực mới, khí thế mới để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, thuận lợi, đưa đất nước bước vào một thời kỳ phát triển mới” [35, tr.24].

ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững và am hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng; trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân. Bản lĩnh chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL còn thể hiện niềm tin tuyệt đối, ý thức chấp hành nghiêm túc và sự kiên định đối với nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của

Đảng, pháp luật của Nhà nước trong mọi hoàn cảnh, nhất là trước những khó khăn, thử thách, những thời điểm có tính bước ngoặt của cuộc cách mạng. Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân. Suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân. Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần phát triển đất nước, địa phương. Nhiều cán bộ thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, “có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng”, giữ được sự thanh khiết, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc và lý tưởng cách mạng của Đảng lên trên hết.

Theo kết quả khảo sát tại vùng ĐBSCL cho thấy, có 88,3% ĐNCB chủ chốt cấp xã luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, luôn trung thành với Đảng, tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của Đảng, không ngừng phấn đấu, hy sinh, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần tạo nên thành tựu to lớn của Việt Nam.

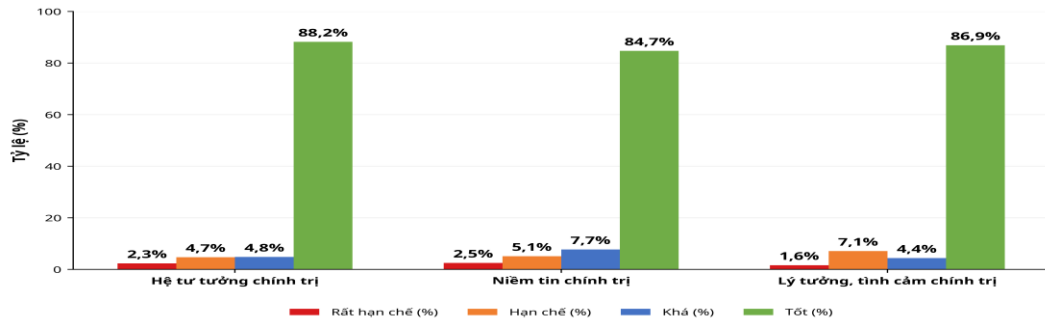
Về tình cảm chính trị trước hết là cảm xúc, niềm tin chính trị. Cảm xúc chính trị là yếu tố tâm lý đặc biệt trước những sự kiện chính trị diễn ra trong đời sống xã hội. Cảm xúc chính trị của người cán bộ chủ chốt vùng ĐBSCL hiện nay được biểu hiện rõ nhất thái độ yêu mến, lòng tự hào về truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc, của Đảng, ý chí quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN; có thái độ kiên quyết đấu tranh phản bác những luận điểm sai trái của các thế lực thù địch, bằng việc xây dựng tuyến, luồng bài viết có thông tin tích cực, bài chuyên luận chuyên sâu bẻ gãy từ gốc những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch bằng lý luận, có hệ thống luận cứ, luận chứng chặt chẽ, tính thuyết phục cao, giúp cán bộ, Nhân dân và công chúng hiểu sâu, thấy rõ bản chất vấn đề để liên tục phủ lên và tiến tới chiếm thế thượng phong trên không gian mạng, không gian các phương tiện truyền thông mới, truyền thông xã hội, từ đó có niềm tin khoa học vững chắc vào mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và sự nghiệp xây dựng văn hóa liêm chính cho cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Tình cảm chính trị còn được thể hiện bằng những hành động cụ thể, như việc ham học hỏi các môn khoa học chính trị để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực LLCT, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay.

Tình cảm chính trị là cơ sở hình thành và phát triển niềm tin chính trị. Niềm tin chính trị của người cán bộ chủ chốt cấp vùng ĐBSCL được biểu hiện bằng sự tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quyết tâm và kiên định con đường cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Phẩm chất chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL thể hiện tập trung ở lòng yêu nước, lòng trung thành, niềm tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Khu vực và thế giới đã và đang trải qua những biến động lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: một trong bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, "có mặt gay gắt hơn; các mối đe dọa độc lập, chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước...; sự chống, phá quyết liệt của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động" [35, tr.228]. Trong bối cảnh đó, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tiếp tục sử dụng "trăm phương, nghìn kế", phương thức và thủ đoạn tinh vi tuyên truyền, phát tán các quan điểm sai trái, xuyên tạc hòng làm lung lay niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đối với Đảng và chế độ. Bằng kinh nghiệm chính trị dày dặn, bản lĩnh chính trị, nhãn quan chính trị sáng suốt của mình, ĐNCB chủ chốt cấp xã đã nhận diện từ sớm, từ xa luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chế độ.

Giá trị tình cảm, niềm tin, ý chí chính trị của đa số cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL được thể hiện ở mức độ cao trong các hoạt động chính trị, kiên định đứng trên lập trường giai cấp công nhân, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách và nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả điều tra xã hội học đối với các thành tố về tư tưởng và niềm tin chính trị (phản ánh tại Biểu đồ 3.3) khẳng định: có 88,2% ý kiến đánh giá Tốt và 4,8% đánh giá Khá về hệ tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 93,0%); có 84,7% ý kiến đánh giá Tốt và 7,7% đánh giá Khá về niềm tin chính trị (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 92,4%); đồng thời có 86,9% ý kiến đánh giá Tốt và 4,4% đánh giá Khá về lý tưởng, tình cảm chính trị (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 91,3%). Bên cạnh đó, khi đánh giá cụ thể về tiêu chí bản lĩnh chính trị tại cơ sở, kết quả khảo sát cũng ghi nhận có 88,3% ý kiến đánh giá ở mức Tốt (khảo sát tại Câu 6 - Tiêu chí VHCT). Những số liệu này khẳng định tuyệt đại đa số cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long luôn kiên định hệ tư tưởng chính trị, giữ vững bản lĩnh, có niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời thực sự là hạt nhân lãnh đạo tin cậy ở cơ sở, góp phần củng cố vững chắc 'thế trận lòng dân'.

Biểu đồ 3.3. Đánh giá mức độ thể hiện hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL hiện nay



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL vẫn còn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị. Một số cán bộ vẫn còn dao động, hoài nghi chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, sự nghiệp xây dựng CNXH của đất nước; chưa trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, tin tưởng tuyệt đối con đường đi lên của đất nước. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chính trị cho Nhân dân ở một số nơi chưa đạt hiệu quả như mong muốn; việc xây dựng văn hóa pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong cộng đồng chưa thật sự vững chắc.

3.2.4. Về chuẩn mực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long

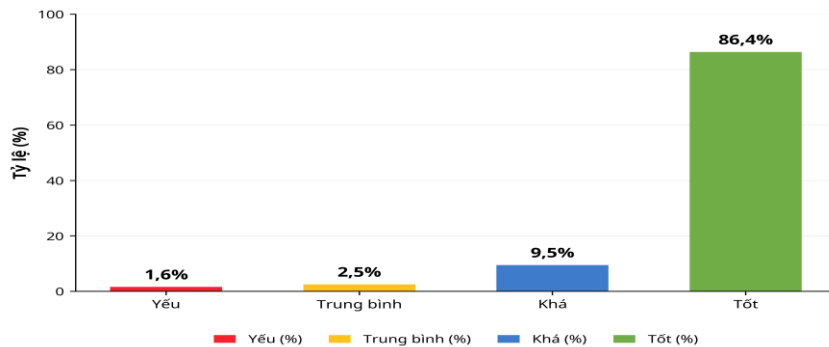
Chuẩn mực chính trị là sự cụ thể hóa các giá trị VHCT thành những yêu cầu về phẩm chất, thái độ và hành vi mà chủ thể chính trị phải tuân thủ trong hoạt động thực tiễn. Nếu hệ giá trị chính trị phản ánh những giá trị mà cán bộ tin tưởng, lựa chọn và hướng tới thì chuẩn mực chính trị xác lập những khuôn mẫu, giới hạn điều chỉnh hành vi trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi quyền lực. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, chuẩn mực chính trị được biểu hiện tập trung ở đạo đức công vụ, chuẩn mực thực thi quyền lực, ứng xử chính trị, trách nhiệm nêu gương và trách nhiệm giải trình trước Nhân dân. Trong đó, đạo đức công vụ là nền tảng, xuyên suốt và được kiểm nghiệm trực tiếp qua cách cán bộ giải quyết công việc của Nhân dân, sử dụng quyền lực công, bảo vệ lợi ích chung và giữ gìn uy tín của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở.

Thời gian qua, cùng với quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính và thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc thực hiện các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL có những chuyển biến tích cực. Phần lớn cán bộ chú trọng tu dưỡng đạo đức, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, thực hiện chức trách, thẩm quyền, gắn bó với Nhân dân và nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ. Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ vẫn còn những biểu hiện thiếu trách nhiệm, quan liêu, né tránh, thiếu công khai, minh bạch

hoặc ứng xử chưa phù hợp. Điều đó cho thấy chuẩn mực VHCT chỉ thực sự bền vững khi được nội hóa thành phẩm chất và chuyển hóa thành hành vi thường xuyên trong thực thi quyền lực.

Trong hệ chuẩn mực chính trị, Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư là hạt nhân của đạo đức cách mạng, đồng thời là cơ sở định hướng và điều chỉnh hành vi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Biểu đồ 3.4. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 86,4% ý kiến đánh giá ở mức Tốt, 9,5% ở mức Khá, 2,5% ở mức Trung bình và 1,6% ở mức Yếu. Như vậy, tỷ lệ đánh giá từ mức Khá trở lên đạt 95,9%, trong khi mức Trung bình và Yếu chiếm 4,1%. Kết quả này phản ánh việc thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư của phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã được đánh giá tích cực; đồng thời, tỷ lệ 4,1% cho thấy việc nội hóa và thực hành các chuẩn mực này vẫn chưa hoàn toàn đồng đều.

Cần được thể hiện ở tinh thần tận tụy, chủ động, có kế hoạch, sáng tạo và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã, *Cần* không chỉ là chăm chỉ, cần mẫn mà còn thể hiện ở khả năng sâu sát thực tiễn, chủ động giải quyết công việc và nỗ lực hoàn thành chức trách được giao. Đây là phẩm chất trực tiếp phản ánh thái độ của cán bộ đối với công việc và trách nhiệm đối với Nhân dân.

Kiệm được thể hiện ở việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả ngân sách, tài sản công, thời gian và các nguồn lực của địa phương. Trong khuôn khổ chuẩn mực đạo đức cách mạng Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư (đạt 86,4% mức Tốt và 9,5% mức Khá theo kết quả khảo sát của đề tài), ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã đã có những chuyển biến rất rõ nét. Đa số cán bộ đã nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quản lý trụ sở, tài sản công, phương tiện làm việc và chi tiêu ngân sách; đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện phô trương, hình thức trong tổ chức hội nghị, phong trào tại cơ sở. Những chuyển biến tích cực này cho thấy việc thực hành chuẩn mực *Kiệm* đang từng bước chuyển từ nhận thức đạo đức thuần túy thành trách

nhiệm công vụ thường xuyên, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở cấp xã.

Liêm là yêu cầu về sự trong sạch, không vụ lợi, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn và khả năng tự kiểm soát trước những cám dỗ của lợi ích vật chất và quyền lực. Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy phần lớn đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã đã tự giác tu dưỡng, rèn luyện đức tính liêm khiết, giữ gìn sự công minh, chính trực, không tham ô, tham nhũng, tiêu cực và không gây phiền hà, sách nhiễu Nhân dân (góp phần tạo nên tỷ lệ 95,9% đánh giá từ mức Khá trở lên ở nhóm chuẩn mực đạo đức cách mạng). Thực hành Liêm vì vậy không chỉ dừng ở phẩm chất cá nhân mà còn trực tiếp góp phần hình thành văn hóa liêm chính trong thực thi công vụ và sử dụng quyền lực ở cơ sở. Yêu cầu “trọng liêm sỉ, danh dự, biết xấu hổ khi bản thân và người thân tham nhũng, lãng phí” [143, tr.80] chính là yếu tố cốt lõi tạo sức “đề kháng” vững chắc cho cán bộ trước sự cám dỗ của các lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm cục bộ.

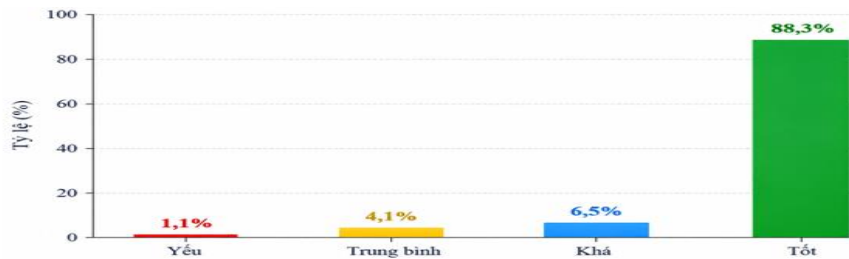
Chính thể hiện ở sự ngay thẳng, chính trực, khách quan, công tâm; thấy đúng kiên quyết bảo vệ, thấy sai mạnh dạn đấu tranh; đề cao tự phê bình và phê bình; gắn lời nói với việc làm và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cần, Kiệm, Liêm là gốc rễ của Chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có ngành lá, hoa, quả mới hoàn toàn. Một người phải Cần, Kiệm, Liêm nhưng còn phải Chính mới là người hoàn toàn” [85, tr.129]. Theo đó, Chính là sự thống nhất và phát triển của Cần, Kiệm, Liêm trong phẩm chất và hành vi của người cán bộ.

Chí công vô tư là biểu hiện tập trung của Cần, Kiệm, Liêm, Chính, đòi hỏi cán bộ thực hiện chức trách và sử dụng quyền lực được giao một cách công tâm, khách quan, vì lợi ích chung, không để lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ hoặc quan hệ riêng tư chi phối. Đây vừa là chuẩn mực đạo đức, vừa là cơ chế tự kiểm soát quyền lực từ bên trong chủ thể, góp phần phòng ngừa sự tha hóa quyền lực, củng cố uy tín của cán bộ và niềm tin của Nhân dân đối với tổ chức đảng, chính quyền cơ sở.

Nhìn tổng thể, số liệu ở Biểu đồ 3.4 cho thấy Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư được thể hiện khá rõ trong phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, với 95,9% ý kiến đánh giá từ mức Khá trở lên. Tuy nhiên, 4,1% đánh giá ở mức Trung bình và Yếu cùng với những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, lãng phí, những nhiễu, nói không đi đôi với làm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn ở một bộ phận cán bộ cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa chuẩn mực được xác lập với chuẩn mực được thực hành. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu tiếp tục tăng cường tu dưỡng đạo đức cách mạng, xây dựng văn hóa liêm chính, kiểm soát quyền lực và phát huy trách nhiệm nêu gương, qua đó làm cho các chuẩn mực VHCT trở thành cơ chế tự điều chỉnh thường xuyên đối với hành vi của cán bộ trong thực thi quyền lực ở cơ sở.

Chuẩn mực thực thi quyền lực phản ánh yêu cầu người cán bộ sử dụng quyền lực được giao đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục pháp định và vì lợi ích công, trước hết là quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, đây là phương diện quan trọng cấu thành VHCT, bởi cấp xã là nơi quyền lực nhà nước được thực thi trực tiếp, thường xuyên và có tác động thiết thực đến đời sống của người dân. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 88,3% ý kiến đánh giá chuẩn mực thực thi quyền lực ở mức Tốt, 6,5% ở mức Khá, 4,1% ở mức Trung bình và 1,1% ở mức Yếu. Như vậy, tỷ lệ đánh giá từ mức Khá trở lên đạt 94,8%; trong khi mức Trung bình và Yếu chiếm 5,2%. Đây là tiêu chí có tỷ lệ đánh giá Tốt cao nhất trong bốn chuẩn mực được khảo sát, phản ánh những chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành vi thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Biểu đồ 3.5. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Những chuyển biến tích cực trước hết thể hiện ở nhận thức về mối quan hệ giữa quyền lực, trách nhiệm chính trị và lợi ích công. Kết quả khảo sát ghi nhận 86,4% số người được hỏi đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích địa phương và lợi ích chung; 85,6% nhận định cán bộ luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân lên trên hết, trước hết; 87,5% khẳng định cán bộ kiên quyết, kiên trì đấu tranh với những hành vi xâm hại đến lợi ích chung [130, tr.90]. Những chỉ báo này cho thấy phần lớn cán bộ cơ sở đã có ý thức gắn quyền hạn được giao với trách nhiệm chính trị, đạo đức công vụ và sứ mệnh phục vụ Nhân dân.

Trong quá trình công tác, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL từng bước nhận thức rõ yêu cầu mọi hoạt động của chính quyền cấp xã phải hướng đến lợi ích của Nhân dân và đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân. Việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến, phê bình, giám sát hoạt động của chính quyền và cán bộ là biểu hiện quan trọng của việc sử dụng quyền lực công đúng mục đích. Nhiều địa phương đã tăng cường các hình thức đối thoại, tiếp xúc, lấy ý kiến, chất vấn và góp ý của Nhân dân đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã; qua đó vừa phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, vừa tạo môi trường kiểm nghiệm phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của cán bộ.

Trong thực thi nhiệm vụ và thi hành pháp luật, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chú trọng tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Chính quyền cấp xã ở nhiều địa phương đã triển khai các quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết công việc; giảm quy trình, giấy tờ trong xác nhận, chứng thực, đăng ký hộ tịch, cư trú và các thủ tục liên quan đến người dân.

Phương thức thực thi quyền lực từng bước chuyển từ hành chính mệnh lệnh sang quản trị công khai, minh bạch và phục vụ. ĐNCB chủ chốt cấp xã chú trọng tuân thủ quy trình, thực hiện đúng thẩm quyền, tăng cường tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với người dân. Đổi mới lề lối làm việc được thể hiện qua phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả); thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; duy trì giải quyết thủ tục hành chính ngoài giờ; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

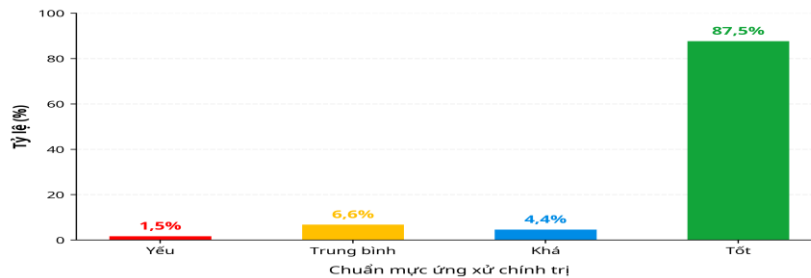
Cán bộ cấp xã còn chủ động xuống tận ấp, khóm, tổ dân phố, trường học để hỗ trợ người dân hoàn thiện hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính; đối với người cao tuổi, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn, cán bộ đến tận nơi cư trú hỗ trợ thực hiện các thủ tục cần thiết. Việc tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng theo hướng công khai, minh bạch, nghiêm túc, kịp thời và thấu đáo. Những hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và củng cố mối quan hệ giữa chính quyền với Nhân dân. Theo kết quả khảo sát của Bộ Nội vụ, có 90,06% ý kiến cho rằng không có cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu. Người dân hài lòng đối với bốn nội dung được đánh giá của việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, gồm: mức độ hài lòng đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách đạt 83,4%; cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách đạt 83,21%; chất lượng tổ chức thực hiện chính sách của chính quyền đạt 83,81%; kết quả, tác động của chính sách đạt 84,07%. Đáng lưu ý, mức độ hài lòng về cung ứng dịch vụ hành chính công năm 2024 đạt 84,09%.

Tuy nhiên, việc tuân thủ chuẩn mực thực thi quyền lực ở một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vẫn còn hạn chế. Quyền làm chủ của Nhân dân ở một số nơi chưa được coi trọng đầy đủ; công khai, minh bạch trong một số hoạt động quản lý còn hạn chế; việc cung cấp thông tin cần thiết để người dân tham gia giám sát và phản biện chưa đáp ứng yêu cầu. Một bộ phận cán bộ chưa làm tròn chức trách; chấp hành kỷ cương, pháp luật và quy trình công vụ có lúc chưa nghiêm; còn tâm lý sợ sai, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc kéo dài thời gian xử lý hồ sơ. Kết quả khảo sát còn cho thấy 8,98% ý kiến cho rằng vẫn còn một số công chức gây phiền hà, sách nhiễu và 0,96% cho rằng có nhiều cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân. Trong một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của Nhân dân như giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, xác nhận, chứng thực, hộ tịch, quản lý trật tự công cộng và

an ninh, trật tự, vẫn còn cục bộ những biểu hiện gây khó khăn, thiếu minh bạch, kéo dài thời gian giải quyết hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Số liệu xử lý kỷ luật tại khu vực ĐBSCL giai đoạn 2020 - 2026 cho thấy có 1.731 cán bộ bị xử lý kỷ luật, số liệu này cho thấy yêu cầu cấp bách cần tiếp tục tăng cường kiểm soát quyền lực, kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ.

Chuẩn mực ứng xử chính trị là sự cụ thể hóa các giá trị, nguyên tắc và chuẩn mực VHCT thành thái độ, phong cách và hành vi của người cán bộ trong thực thi nhiệm vụ và giải quyết các mối quan hệ chính trị - xã hội. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, chuẩn mực này được biểu hiện tập trung trong quan hệ với Nhân dân, quan hệ với đồng chí, đồng nghiệp và trong phương thức xử lý các quan hệ lợi ích, tình huống chính trị - xã hội phức tạp ở cơ sở. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 87,5% ý kiến đánh giá chuẩn mực ứng xử chính trị ở mức Tốt, 4,4% ở mức Khá, 6,6% ở mức Trung bình và 1,5% ở mức Yếu. Như vậy, tỷ lệ đánh giá từ mức Khá trở lên đạt 91,9%, trong khi mức Trung bình và Yếu chiếm 8,1%. Kết quả này cho thấy chuẩn mực ứng xử chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL nhìn chung được đánh giá tích cực, song mức độ thực hiện giữa các cán bộ vẫn chưa hoàn toàn đồng đều.

Biểu đồ 3.6. Đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực ứng xử chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Trong quan hệ với Nhân dân, phong cách trọng dân, gần dân, lắng nghe và phục vụ Nhân dân được thể hiện khá rõ. Đa số ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã thể hiện quan điểm “lấy Nhân dân làm trung tâm phục vụ”, “thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân” [37, tr.22]; chủ động tiếp nhận và giải quyết công việc theo thẩm quyền; thực hành “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [37, tr.22]. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ (2023), tỷ lệ hài lòng của người dân đối với chính quyền cấp xã ở một số tỉnh như Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long đạt trên 85%. Kết quả khảo sát tại vùng ĐBSCL cho thấy có 85% ĐNCB chủ chốt cấp xã luôn kính trọng, lễ phép và 85,7% kính trọng, lễ phép và gần gũi mật thiết với Nhân dân. Kết quả khảo sát khác cho thấy 91,6% số người được hỏi đánh giá tích cực về việc cán bộ thương dân, gần gũi và phục vụ Nhân dân; 89,2% đánh giá tích cực về sự tôn trọng, tin tưởng, gần gũi và gần gũi

với Nhân dân; 87,5% đánh giá tích cực về việc quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân [130, tr.89-90].

Với thái độ cầu thị, tôn trọng, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chú ý lắng nghe ý kiến của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để phục vụ. Chủ trương tổ chức các hình thức “chính quyền lắng nghe ý kiến Nhân dân” được triển khai ở nhiều địa phương với các hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trụ sở làm việc, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm chỉnh trang; lịch tiếp dân, quy trình, thủ tục và thời gian giải quyết công việc được công khai. cán bộ làm công tác tiếp dân được chú trọng về phẩm chất, năng lực, thái độ hòa nhã, thân thiện, văn minh, lịch sự và kỹ năng giao tiếp.

Phong cách gần dân còn được thể hiện qua tiếp xúc, đối thoại, giải thích, vận động và hỗ trợ người dân giải quyết công việc; sâu sát địa bàn, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề phát sinh trong cộng đồng. Các mô hình “tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân”, “ngày thứ bảy vì dân”, “Diễn đàn cán bộ lắng nghe ý kiến Nhân dân” được triển khai ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL, góp phần giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, củng cố sự gắn bó giữa cán bộ, chính quyền với Nhân dân và hạn chế khiếu kiện vượt cấp.

Trong quan hệ nội bộ HTCT, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL nhìn chung phát huy tinh thần đoàn kết, nghĩa tình, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 87,5% ý kiến đánh giá cán bộ chủ chốt cấp xã luôn thương yêu, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp và kiên quyết, khôn khéo với các thế lực thù địch. Tinh thần đoàn kết, gắn bó và hỗ trợ lẫn nhau góp phần tạo môi trường làm việc hòa thuận, tăng cường sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giải quyết những vấn đề phức tạp, đột xuất ở địa phương.

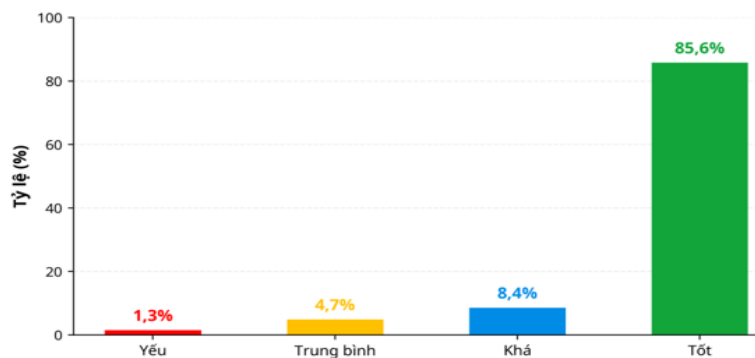
Trong xử lý các quan hệ lợi ích và tình huống chính trị - xã hội phức tạp, nhiều cán bộ đã chú trọng kết hợp giữa giữ vững nguyên tắc, tuân thủ pháp luật với linh hoạt về phương pháp; tăng cường đối thoại, vận động, thuyết phục và lắng nghe ý kiến của các bên liên quan. Sự linh hoạt trong ứng xử chính trị không đồng nghĩa với xuê xoa hoặc thỏa hiệp vô nguyên tắc mà là linh hoạt về phương pháp trên cơ sở giữ vững mục tiêu, nguyên tắc chính trị và pháp luật. Đó là yêu cầu “mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định trước mọi thử thách... Biết nhu, biết cương, biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, ‘tùy cơ ứng biến’, ‘lạt mềm buộc chặt’” [143, tr.184].

Tuy nhiên, chuẩn mực ứng xử chính trị vẫn còn những hạn chế nhất định. Một bộ phận nhỏ cán bộ còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền; thái độ giao tiếp, phục vụ chưa chuẩn mực. Một số cán bộ còn có biểu hiện lời nói gắt gỏng, thiếu lịch sự, giải thích qua loa, thiếu tinh thần hướng dẫn, thậm chí hạch sách, gây khó khăn cho người dân. Trong

nội bộ một số cơ quan còn biểu hiện mất đoàn kết, lợi dụng tự phê bình và phê bình làm ảnh hưởng đến uy tín của cán bộ, đồng nghiệp; tình trạng bè phái, nịnh bợ, phát ngôn và ứng xử thiếu chuẩn mực vẫn còn tồn tại. Ở một số cán bộ, khả năng nhận diện, phân tích quan hệ lợi ích, vận dụng pháp luật, đối thoại, thuyết phục và dự báo hệ quả xã hội còn hạn chế; việc xử lý một số tình huống còn thiên về hành chính, cứng nhắc hoặc chịu tác động bởi quan hệ tình cảm, thân quen. Cùng với đó vẫn còn “những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm” [37, tr.247]. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao bản lĩnh, kỹ năng giao tiếp, đối thoại, xử lý tình huống và tính nguyên tắc trong ứng xử chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương là những biểu hiện quan trọng của đạo đức công vụ và VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong đó, tận tụy, trách nhiệm phản ánh thái độ đối với chức trách, nhiệm vụ; trách nhiệm nêu gương thể hiện sự thống nhất giữa lời nói và hành động, giữa phẩm chất cá nhân với hành vi công vụ, qua đó tạo ảnh hưởng tích cực đối với cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 85,6% ý kiến đánh giá ở mức Tốt, 8,4% ở mức Khá, 4,7% ở mức Trung bình và 1,3% ở mức Yếu. Như vậy, tỷ lệ đánh giá từ mức Khá trở lên đạt 94,0%, còn mức Trung bình và Yếu chiếm 6,0%. Kết quả này cho thấy tinh thần tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương đã được phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã thực hiện tích cực.

Biểu đồ 3.7. Đánh giá mức độ thể hiện chuẩn mực tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả

Trong thực tiễn công vụ, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã thể hiện tính chủ động, kỷ cương, nghiêm túc và trách nhiệm khi thực hiện khối lượng công việc tổng hợp, đa lĩnh vực ở cơ sở. Khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ, cán bộ ý thức rõ chức trách, bổn phận của bản thân; sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được phân công; không kén chọn vị trí công tác, không chọn việc dễ, bỏ việc khó; tâm huyết, tận tụy, gương mẫu làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao; không vương vào “tư duy nhiệm kỳ”. ĐNCB

chủ chốt cấp xã đồng thời chú trọng ý thức tổ chức kỷ luật, sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc; khắc phục biểu hiện trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức và chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Đội ngũ này không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống; thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; tuân thủ chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Trách nhiệm nêu gương ngày càng được chú trọng. Nhiều cán bộ chủ chốt gương mẫu trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư; gần dân, sát dân, tận tụy với công việc và tích cực thực hiện nhiệm vụ ở địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy 86,4% số người được hỏi đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã thực hiện tốt và gương mẫu trong thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư. Trách nhiệm nêu gương còn thể hiện ở sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, tinh thần chủ động, dám nhận trách nhiệm và không né tránh nhiệm vụ khó. Trong bối cảnh mới, nêu gương còn gắn với yêu cầu “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung” [36, tr.42]. Điều đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp xã vừa giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, vừa chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong giải quyết những vấn đề mới, khó, phức tạp từ thực tiễn.

Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ, tinh thần tận tụy, trách nhiệm và nêu gương vẫn còn hạn chế. Biểu hiện chủ yếu là nói chưa đi đôi với làm, thiếu chủ động, còn “những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm” [37, tr.247]; có trường hợp chậm trễ trong giải quyết công việc, tự phê bình và phê bình chưa nghiêm túc, chưa phát huy đầy đủ vai trò nêu gương và trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Một số cán bộ chưa thật sự gương mẫu trong giữ gìn đạo đức gia đình, chuẩn mực xã hội và thuần phong mỹ tục; vẫn còn những biểu hiện làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của người cán bộ ở cơ sở. Điều đó cho thấy việc chuyển hóa chuẩn mực trách nhiệm và nêu gương thành hành vi tự giác, thường xuyên trong thực thi công vụ vẫn cần tiếp tục được củng cố.

3.2.5. Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp

Nếu nhận thức chính trị, giá trị và chuẩn mực VHCT tạo thành cơ sở định hướng bên trong thì hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực là sự biểu hiện trực tiếp những yếu tố đó trong hoạt động thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Thông qua hành vi tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sử dụng và kiểm soát quyền lực; tổ chức thực hành dân chủ; thực hiện trách nhiệm giải trình

và giải quyết những vấn đề liên quan trực tiếp đến Nhân dân, có thể nhận diện mức độ chuyển hóa VHCT thành hoạt động lãnh đạo, quản lý cụ thể ở cơ sở.

Kết quả khảo sát thực tế tại các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy, có 84,6% số người được hỏi đánh giá hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở mức tốt; 1,6% ở mức khá; trong khi đó mức hạn chế chiếm 13,5% và rất hạn chế chiếm 0,3%. Như vậy, tổng tỷ lệ đánh giá từ mức khá trở lên đạt 86,2%, song tỷ lệ đánh giá ở mức hạn chế và rất hạn chế còn chiếm tới 13,8%. Kết quả này phản ánh xu hướng chuyển biến tích cực là chủ đạo; tuy nhiên, mức độ hạn chế còn khá rõ nét, cho thấy quá trình chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực văn hóa chính trị thành hành vi thực tiễn trong đội ngũ chưa thật sự đồng đều.

Hành vi chính trị được thể hiện ngày càng rõ trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm xã hội. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là lực lượng trực tiếp tổ chức, triển khai và đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương vào thực tiễn đời sống xã hội. Thời gian qua, đội ngũ này từng bước nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; năng lực tổ chức, điều hành và huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện.

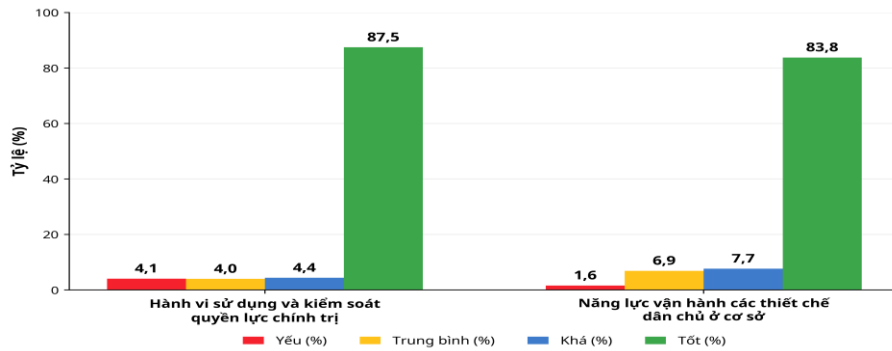
Hành vi chính trị còn được thể hiện thông qua tinh thần nhân văn, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội. Trong thời gian diễn ra đại dịch Covid-19, thiên tai và lũ lụt, nhiều cán bộ chủ chốt trực tiếp bám sát cơ sở, đến từng hộ gia đình thăm hỏi, hỗ trợ, động viên Nhân dân vượt qua khó khăn. Nhiều hoạt động như hỗ trợ lương thực, xây dựng nhà tình nghĩa, vận động quỹ vì người nghèo, tổ chức bếp ăn thiện nguyện, hiến máu nhân đạo, chăm lo gia đình chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn được triển khai. Theo Báo cáo của các Tỉnh ủy, Thành ủy vùng ĐBSCL về sơ kết 02 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII, nhiều chương trình an sinh xã hội được triển khai với tổng nguồn lực hỗ trợ hàng chục tỷ đồng; trong đó có trao tặng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, chăm lo người có công và tổ chức các chương trình hỗ trợ công nhân, người lao động khó khăn. Những hoạt động này thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, tính tiên phong, gương mẫu và góp phần lan tỏa hình ảnh người cán bộ gần dân, trọng dân, có trách nhiệm với cộng đồng. Trong điều kiện mới, hành vi chính trị còn thể hiện qua ý thức bảo vệ nền tảng tư tưởng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; chủ động đấu tranh với những biểu hiện lệch chuẩn về tư tưởng, đạo đức, lối sống và các quan điểm sai trái; đồng thời phê phán, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu cản trở sự phát triển của địa phương.

Phương thức lãnh đạo, quản lý và giải quyết công việc từng bước được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân. Trong thực tiễn hoạt động, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý theo hướng gần dân, sát dân, sát thực tiễn; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức công vụ và trách nhiệm trong thực hiện chức trách. Việc sử dụng thời gian, công sức và các nguồn lực của Nhà nước, Nhân dân ngày càng được chú trọng; phương thức lãnh đạo từng bước gắn với trách nhiệm, hiệu quả và chất lượng phục vụ.

Những chuyển biến đó được thể hiện cụ thể hiện nay ở chính quyền địa phương hai cấp. ĐNCB chủ chốt cấp xã thực hiện chân chính lẽ phải làm việc theo phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ thẩm quyền, rõ kết quả); triển khai cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; duy trì “Ngày thứ 7 - vì Nhân dân phục vụ”; giải quyết thủ tục hành chính qua mạng; cấp và trả giấy tờ qua dịch vụ bưu chính; trực tiếp xuống khóm, ấp, tổ dân để giải quyết những vấn đề phát sinh. Việc tổ chức “Diễn đàn cán bộ lắng nghe ý kiến Nhân dân” và các hình thức tiếp xúc, đối thoại góp phần tăng cường tương tác giữa cán bộ với Nhân dân. Ghi nhận từ các báo cáo đánh giá của Bộ Nội vụ cho thấy có 90,06% ý kiến cho rằng không có cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu; mức độ hài lòng về cung ứng dịch vụ hành chính công năm 2024 đạt 84,09%. Những số liệu này là các chỉ báo có liên quan, phản ánh chuyển biến về chất lượng phục vụ và quan hệ giữa cơ quan hành chính với người dân. Tuy nhiên, trong thi hành nhiệm vụ, thực thi pháp luật và làm việc với Nhân dân, một bộ phận cán bộ vẫn bộc lộ hạn chế. Ở một số nơi còn biểu hiện chấp hành pháp luật chưa nghiêm, quan liêu, thiếu sâu sát; tư thế, tác phong và cách ứng xử chưa chuẩn mực; giải thích công việc cho công dân còn qua loa. Cá biệt còn có biểu hiện gây phiền hà, nhũng nhiễu, cố tình kéo dài thời gian giải quyết công việc, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đăng ký đất đai, thủ tục hành chính, cấp phát giấy tờ và những vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự. Một số biểu hiện cửa quyền, hách dịch, xa rời quần chúng, thiếu kiểm tra, đôn đốc; bàng quan, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của Nhân dân; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, dung túng hoặc bao che tiêu cực vẫn chưa được loại bỏ hoàn toàn. Điều này tác động trực tiếp đến uy tín của cán bộ và niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

Hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị từng bước gắn với chức trách, thẩm quyền và lợi ích chung. Hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị là phương diện trực tiếp phản ánh VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Ở cấp xã, quyền lực được thể hiện thông qua cách cán bộ sử dụng chức trách, thẩm quyền để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc liên quan đến Nhân dân; đồng thời thể hiện ở ý thức tự kiểm soát, trách nhiệm giải trình và thái độ tiếp nhận sự kiểm tra, giám sát.

Biểu đồ 3.8. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi sử dụng, kiểm soát quyền lực chính trị và vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở của ĐNCB chủ chốt cấp xã



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Xét ở bình diện tổng quát về thành tố hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực (khảo sát theo thang đo 4 mức độ tại Bảng hỏi), có 84,6% số người được hỏi đánh giá ở mức Tốt; 1,6% ở mức Khá; mức Hạn chế chiếm 13,5% và Rất hạn chế chiếm 0,3% (tổng tỷ lệ chưa đạt mức Khá là 13,8%). Đi sâu đánh giá các tiêu chí thực hành cụ thể về kiểm soát quyền lực và dân chủ cơ sở (phản ánh tại Biểu đồ 3.8), kết quả ghi nhận: đối với hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị, có 87,5% ý kiến đánh giá ở mức Tốt và 4,4% ở mức Khá (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 91,9%; mức Trung bình và Yếu chiếm 8,1%). Đối với năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở, tỷ lệ đánh giá Tốt đạt 83,8%, Khá đạt 7,7% (từ Khá trở lên đạt 91,5%; mức Trung bình và Yếu chiếm 8,5%).

Cùng với đó, ý thức tự kiểm soát và chấp nhận sự kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực từng bước được nâng lên. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã cơ bản thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chú trọng quy chế làm việc, phân định trách nhiệm và công khai những nội dung liên quan đến hoạt động quản lý. Quyền lực được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Bên cạnh cơ chế kiểm soát từ bên ngoài, khả năng tự kiểm soát quyền lực cũng được thể hiện thông qua việc giữ gìn phẩm chất, đề cao trách nhiệm nêu gương, kiểm soát các quan hệ lợi ích, không để lợi ích cá nhân, gia đình và các quan hệ riêng chi phối không phù hợp đến hoạt động công vụ.

Văn hóa thực thi quyền lực còn được thể hiện qua việc tổ chức và vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở. Kết quả khảo sát cho thấy 83,8% ý kiến đánh giá năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở mức Tốt và 7,7% ở mức Khá, đưa tỷ lệ từ mức Khá trở lên đạt 91,5%; còn 8,5% chưa đạt mức Khá. Cán bộ chủ chốt cấp xã đã chú trọng tạo điều kiện để Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò; mở rộng việc công khai thông tin, đối thoại, tiếp nhận ý kiến, kiểm tra và giám sát của Nhân dân. Qua đó,

quyền làm chủ của Nhân dân từng bước được chuyển hóa thành sự tham gia thực chất hơn vào quá trình quản trị và kiểm soát quyền lực ở cơ sở.

Tuy nhiên, hành vi thực thi và kiểm soát quyền lực vẫn còn những hạn chế. Có 4,0% ý kiến đánh giá ở mức Trung bình và 4,1% ở mức Yếu, tương ứng 8,1% chưa đạt mức Khá trở lên. Một số cán bộ còn biểu hiện nể nang, né tránh, thiếu chủ động hoặc đùn đẩy trách nhiệm; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ở một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của Nhân dân như đất đai, tài chính, đầu tư công, thực hiện chính sách và thủ tục hành chính có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm và các biểu hiện tiêu cực trong thực thi quyền lực vẫn là vấn đề cần quan tâm. Thực tiễn còn tồn tại “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, ‘lợi ích nhóm’, bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ” [35, tr.95]. Giai đoạn 2020-2026, ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 1.731 cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật; số liệu này phản ánh yêu cầu tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm soát quyền lực trong khu vực.

Việc thực hành dân chủ cũng chưa thật sự đồng đều. Tỷ lệ 8,5% ý kiến chưa đánh giá năng lực vận hành các thiết chế dân chủ từ mức Khá trở lên cho thấy ở một số nơi, việc lấy ý kiến đối với những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của cộng đồng, công khai thông tin, tiếp nhận và phản hồi kiến nghị của Nhân dân còn hạn chế. Giá trị thực chất của dân chủ không chỉ nằm ở việc tổ chức các hình thức để Nhân dân tham gia mà quan trọng hơn là khả năng tiếp nhận, phản hồi và chuyển hóa ý kiến, kiến nghị, kết quả giám sát của Nhân dân thành quyết định và hành động quản trị phù hợp.

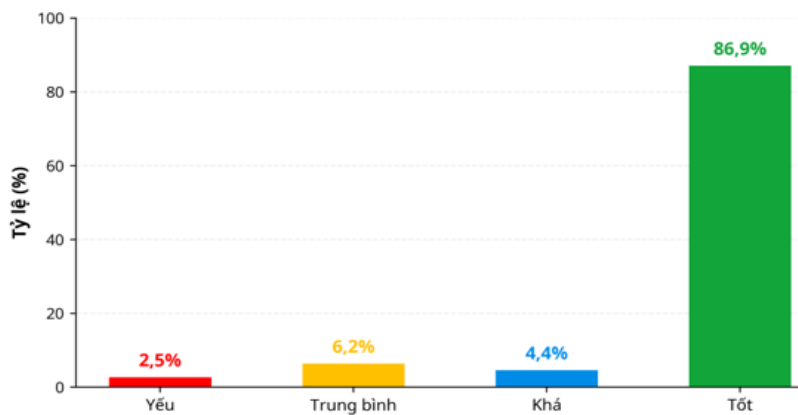
Thực tiễn vận hành chính quyền địa phương hai cấp cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, ở một bộ phận cán bộ vẫn còn biểu hiện quan liêu, thiếu trách nhiệm, thái độ phục vụ chưa đúng mực, có trường hợp gây phiền hà cho người dân, chưa thực sự chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy phục vụ Nhân dân. Những biểu hiện này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân mà còn tác động đến mối quan hệ giữa cán bộ, chính quyền với Nhân dân.

Đáng chú ý, vẫn còn khoảng cách giữa yêu cầu “gần dân, sát dân” với khả năng thực sự “hiểu dân, trọng dân, vì dân”. “Gần dân” không chỉ thể hiện ở khoảng cách địa lý hay tần suất tiếp xúc mà quan trọng hơn là khả năng lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, chia sẻ khó khăn và học hỏi kinh nghiệm từ Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: *“Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”* [88, tr.335]. Tư tưởng đó cho thấy gần dân, hiểu dân và học dân là cơ sở quan trọng để cán bộ nắm bắt đúng thực tiễn, nhận diện đúng vấn đề và lựa chọn phương thức giải quyết phù hợp.

Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp, những kết quả và hạn chế trên cho thấy văn hóa chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã ngày càng phải được thể hiện trực tiếp qua cách thức thực thi và kiểm soát quyền lực. Phân cấp, phân quyền phải đi đôi với trách nhiệm; quyền quyết định phải gắn với trách nhiệm giải trình; tính chủ động, linh hoạt phải đặt trong khuôn khổ pháp luật, công khai, minh bạch và sự giám sát của Nhân dân. Vì vậy, thước đo văn hóa chính trị không chỉ thể hiện ở nhận thức và phẩm chất chính trị mà quan trọng hơn là quyền lực được thực thi vì lợi ích chung như thế nào, được kiểm soát ra sao và tạo ra kết quả gì đối với Nhân dân và sự phát triển của địa phương.

Trách nhiệm giải trình trước Nhân dân từng bước được thể hiện rõ hơn trong phương thức thực thi quyền lực. Đây là phương diện quan trọng của VHCT, phản ánh mức độ công khai, minh bạch, ý thức chịu trách nhiệm và khả năng giải thích của cán bộ đối với quyết định, hành vi và kết quả thực hiện chức trách, quyền hạn.

Biểu đồ 3.9. Đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm giải trình trước Nhân dân của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy 86,9% ý kiến đánh giá trách nhiệm giải trình ở mức Tốt và 4,4% ở mức Khá, đưa tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 91,3%; trong khi 6,2% đánh giá Trung bình và 2,5% đánh giá Yếu. Kết quả này cho thấy trách nhiệm giải trình đã được thể hiện khá rõ trong hoạt động của phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã, song mức độ thực hiện vẫn chưa hoàn toàn đồng đều.

Trong thực tiễn, trách nhiệm giải trình được thể hiện ngày càng rõ thông qua công khai quy trình, thủ tục; tiếp công dân; đối thoại với Nhân dân; tiếp nhận, xử lý kiến nghị; thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc. Các hình thức như diễn đàn cán bộ lắng nghe ý kiến Nhân dân, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân hay những hoạt động hướng về phục vụ Nhân dân góp phần mở rộng không gian tương tác giữa chủ thể thực thi quyền lực với người dân, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, phản ánh yêu cầu và giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở.

Những chuyển biến này còn được phản ánh qua một số chỉ báo liên quan đến chất lượng phục vụ: mức độ hài lòng về cung ứng dịch vụ hành chính công năm 2024 đạt khoảng 84,09%; 90,06% ý kiến cho rằng không có biểu hiện cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu; 84,0% đánh giá hoạt động giải trình, đối thoại với Nhân dân được cải thiện và 83,0% đánh giá việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị kịp thời. Các chỉ báo này không đồng nhất với trách nhiệm giải trình, nhưng góp phần phản ánh xu hướng chuyển từ phương thức quản lý hành chính đơn thuần sang phương thức thực thi quyền lực chú trọng công khai, tương tác và trách nhiệm phục vụ. Tuy nhiên, tỷ lệ 8,7% đánh giá ở mức Trung bình và Yếu cho thấy vẫn còn những hạn chế cần lưu ý. Ở một bộ phận cán bộ, việc cung cấp thông tin, giải thích căn cứ và kết quả xử lý công việc chưa đầy đủ, kịp thời; kỹ năng đối thoại và tiếp nhận ý kiến khác biệt còn hạn chế; vẫn có biểu hiện né tránh, đùn đẩy hoặc giải thích chung chung. Những hạn chế này trở nên đáng chú ý ở các lĩnh vực tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của Nhân dân như đất đai, thủ tục hành chính, giấy tờ và an ninh, trật tự.

Như vậy, hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long đã có những chuyển biến theo hướng dân chủ, công khai, trách nhiệm và phục vụ, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa nhận thức giá trị với hành vi thực tiễn; giữa hình thức dân chủ với hiệu quả thực chất; giữa quyền hạn với trách nhiệm; giữa “gần dân” với “hiều dân, trọng dân, vì dân”. Điều đó cho thấy văn hóa chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã cần được nhận diện không chỉ qua phẩm chất, nhận thức chính trị mà quan trọng hơn qua cách thức thực thi quyền lực, mức độ phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, trách nhiệm giải trình và kết quả giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ sở.

3.2.6. Về năng lực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long

Năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là một dạng năng lực đặc thù, phản ánh khả năng vận dụng tri thức, bản lĩnh, kinh nghiệm và kỹ năng chính trị vào thực hiện chức trách, nhiệm vụ; cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực tiễn; giải quyết các vấn đề chính trị-xã hội; đồng thời thể hiện khả năng tự quản trị, thích ứng và hành động vì lợi ích chung. Trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số và trước những vấn đề đặc thù của ĐBSCL như biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, sinh kế và an sinh xã hội, năng lực chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã càng đòi hỏi sự kết hợp giữa năng lực thực thi, năng lực phát triển, bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật.

Năng lực cụ thể hóa chủ trương, chính sách và tổ chức thực tiễn từng bước được nâng lên. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là lực lượng trực tiếp chuyển hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của cấp trên thành chương trình, kế hoạch và hoạt động cụ thể ở cơ sở. Phần lớn cán bộ đã từng bước nắm vững chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy trình công tác; chú trọng cụ thể hóa chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển của địa phương.

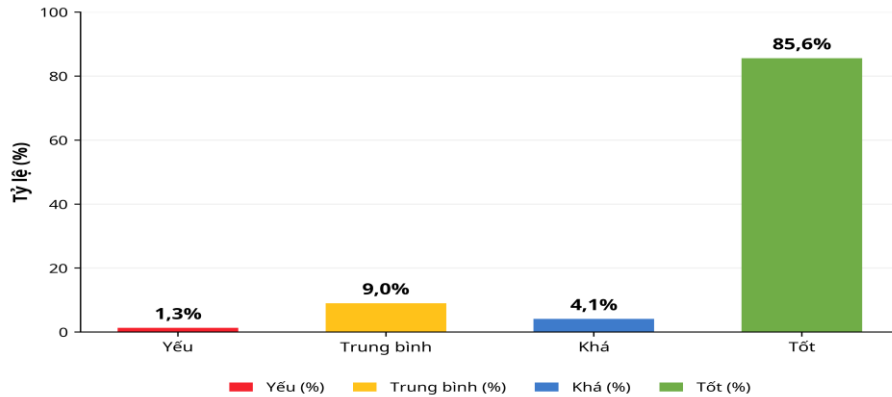
Năng lực tổ chức, phân công, phối hợp, kiểm tra và giám sát trong thực hiện nhiệm vụ được quan tâm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. Tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chủ động đổi mới, sáng tạo và sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thách thức vì lợi ích chung từng bước được phát huy. Qua đó, ĐNCB chủ chốt cấp xã từng bước khắc phục những hạn chế mang tính kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện như “Luật thì đúng mà làm thì khó”, “trên nghị trường thì thông, dưới cơ sở thì vướng”, “nói nhiều, làm ít”, “quyết sách đúng nhưng thực thi chậm”. Năng lực tổ chức thực tiễn còn được thể hiện ở khả năng nắm bắt tình hình, nhận diện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trực tiếp ở cơ sở. Những vấn đề đặc thù của ĐBSCL như biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, sinh kế và an sinh xã hội đặt ra yêu cầu cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính thường xuyên mà còn phải có tư duy phát triển, khả năng nhận diện vấn đề, lựa chọn phương án xử lý, huy động nguồn lực và thích ứng với những biến đổi của môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Trước yêu cầu chuyển đổi số, năng lực thích ứng với phương thức quản trị mới cũng từng bước được nâng lên. ĐNCB chủ chốt cấp xã đã tiếp cận, ứng dụng công nghệ và các nền tảng số trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công; qua đó mở rộng phương thức tương tác giữa chính quyền với Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Trong bối cảnh hiện nay, năng lực chính trị còn được thể hiện qua khả năng nhận diện và đấu tranh với những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa văn hóa, các xu hướng lệch chuẩn trong lối sống; chủ động phản bác những quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống và ổn định chính trị-xã hội ở địa phương.

Năng lực thực thi và năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ được thể hiện tương đối rõ. Năng lực thực thi công vụ là khả năng vận dụng tổng hợp tri thức chính trị, pháp luật, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kinh nghiệm thực tiễn và các công cụ thể chế để thực hiện chức trách, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Năng lực phát triển thể hiện ở khả năng nhận diện tiềm năng, lợi thế, cơ hội và những điểm nghẽn của địa phương; từ đó đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống

Nhân dân. Hai phương diện có mối quan hệ hữu cơ: năng lực thực thi bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động công vụ; năng lực phát triển phản ánh khả năng chuyển từ thực hiện nhiệm vụ hành chính sang chủ động giải quyết vấn đề, khai thác tiềm năng và tạo động lực phát triển địa phương.

Biểu đồ 3.10. Đánh giá về năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL



Nguồn: Khảo sát của tác giả.

Số liệu khảo sát cho thấy 85,6% ý kiến đánh giá ở mức Tốt, 4,1% ở mức Khá, 9,0% ở mức Trung bình và 1,3% ở mức Yếu; tỷ lệ từ mức Khá trở lên đạt 89,7%. Kết quả này cho thấy phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đáp ứng tương đối tốt yêu cầu về năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật. Tuy nhiên, 10,3% ý kiến đánh giá ở mức Trung bình và Yếu cũng cho thấy mức độ đáp ứng trong đội ngũ chưa đồng đều.

Trong thực tiễn, năng lực phát triển thể hiện ngày càng rõ ở yêu cầu chuyển từ tư duy đơn thuần “thực hiện nhiệm vụ” sang tư duy chủ động nhận diện và giải quyết vấn đề. cán bộ chủ chốt cấp xã phải có khả năng đánh giá tiềm năng, lợi thế, khó khăn của địa phương; kết nối và huy động nguồn lực của Nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội; đồng thời lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn. Năng lực vận động Nhân dân cũng là một phương diện quan trọng. Do thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc với Nhân dân, cán bộ chủ chốt cấp xã có điều kiện nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tuyên truyền, vận động và phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và các chủ thể khác trong thực hiện nhiệm vụ phát triển địa phương. Khả năng thuyết phục, tạo đồng thuận và huy động sự tham gia của Nhân dân vì vậy vừa phản ánh năng lực lãnh đạo, vừa thể hiện năng lực chính trị của người cán bộ ở cơ sở. Tuy nhiên, năng lực thích ứng với yêu cầu quản trị địa phương trong điều kiện mới ở một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Tư duy chiến lược, năng lực phân tích, dự báo và khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ ra quyết định chưa đồng đều; một số trường hợp giải quyết công việc vẫn dựa nhiều vào kinh nghiệm. Việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách thành

chương trình, kế hoạch và giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương ở một số nơi còn thiếu chủ động, linh hoạt. Năng lực phối hợp và huy động nguồn lực cũng chưa đồng đều. Đối với những vấn đề phức tạp, liên ngành, liên lĩnh vực như đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng và phân bổ nguồn lực, một bộ phận cán bộ còn lúng túng trong phối hợp giữa các chủ thể, xác định trách nhiệm và lựa chọn phương án xử lý. Khả năng kết nối, huy động và sử dụng nguồn lực của Nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội cho mục tiêu phát triển ở một số địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó, tư duy phát triển dài hạn ở một bộ phận cán bộ chưa rõ nét. Áp lực giải quyết công việc hành chính thường xuyên khiến một bộ phận cán bộ tập trung nhiều vào nhiệm vụ trước mắt, trong khi việc nhận diện xu hướng, khai thác lợi thế, xây dựng tầm nhìn và chuẩn bị các điều kiện cho phát triển dài hạn chưa được quan tâm tương xứng. Điều này cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa năng lực thực hiện nhiệm vụ hành chính với năng lực chủ động kiến tạo và thúc đẩy phát triển địa phương.

Năng lực thực thi công vụ gắn với tinh thần thượng tôn pháp luật từng bước được củng cố. Thượng tôn pháp luật là yêu cầu cơ bản điều chỉnh hành vi và quyết định công vụ của cán bộ chủ chốt cấp xã. Dưới góc độ VHCT, thượng tôn pháp luật không chỉ là chấp hành pháp luật mà còn thể hiện năng lực sử dụng quyền lực đúng chức trách, thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Theo đó, pháp luật vừa là cơ sở của thực thi quyền lực, vừa là giới hạn kiểm soát quyền lực. Kết quả khảo sát cho thấy có 85,6% ý kiến đánh giá ở mức Tốt và 4,1% đánh giá ở mức Khá đối với năng lực thực thi, phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 89,7%). Kết quả này phản ánh chuyển biến tích cực trong ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện chức trách và trách nhiệm công vụ ở cơ sở.

Trong thực hiện nhiệm vụ, cán bộ chủ chốt cấp xã từng bước chú trọng giải quyết công việc và xử lý vi phạm hành chính đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành. Năng lực thượng tôn pháp luật còn thể hiện ở khả năng giữ vững nguyên tắc trước tác động của các quan hệ xã hội phức tạp ở cơ sở. Trong môi trường cộng đồng có sự đan xen của quan hệ thân tộc, láng giềng và các mối quan hệ cá nhân gần gũi, người cán bộ chủ chốt phải có đủ bản lĩnh để phân định rạch ròi giữa quan hệ cá nhân với quan hệ công vụ, khắc phục tâm lý nể nang, 'dĩ hòa vi quý' và bảo đảm việc áp dụng pháp luật không bị chi phối bởi tình cảm hay lợi ích riêng.

Tuy nhiên, tinh thần thượng tôn pháp luật trong thực thi quyền lực công ở một bộ phận cán bộ vẫn chưa thật sự vững chắc. Kết quả khảo sát ghi nhận vẫn còn 9,0% ý kiến đánh giá ở mức Trung bình và 1,3% ở mức Yếu (tổng tỷ lệ chưa đạt mức Khá chiếm

10,3%). Điều này cho thấy việc chuyển hóa nhận thức pháp luật thành hành vi công vụ chuẩn mực trong đội ngũ chưa thật sự đồng đều; một bộ phận cán bộ còn lúng túng trong áp dụng quy định hoặc để xảy ra tình trạng nể nang, chậm trễ trong xử lý công việc của người dân, ảnh hưởng đến tính công bằng, minh bạch và hiệu lực quản lý nhà nước ở cơ sở.

Năng lực tự quản trị, tự kiểm soát và giữ gìn đạo đức công vụ từng bước được nâng cao. Năng lực chính trị không chỉ được biểu hiện ở khả năng lãnh đạo, quản lý người khác mà còn ở năng lực quản trị chính bản thân người cán bộ. Đa số ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL từng bước nâng cao ý thức quản trị bản thân, kiểm soát các mối quan hệ cá nhân và gia đình; chú trọng không để lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm tiêu cực, sức mạnh của đồng tiền và các quan hệ riêng chi phối việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Trong thực thi công vụ, ĐNCB chủ chốt cấp xã cơ bản giữ gìn phẩm chất trung thực, thẳng thắn, khách quan, công tâm; thực hiện tự phê bình và phê bình; thấy đúng bảo vệ, thấy sai đấu tranh; chú trọng quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; giữ gìn lòng tự trọng, danh dự và phẩm giá của người cán bộ.

Năng lực tự kiểm soát còn thể hiện ở khả năng phòng ngừa những tác động tiêu cực của quyền lực và lợi ích vật chất; không để người thân lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi; phê phán biểu hiện hách dịch, cửa quyền, áp đặt ý chí chủ quan và thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ. Tinh thần dám chịu trách nhiệm và ý thức về văn hóa từ chức khi không còn đủ năng lực hoặc uy tín cũng từng bước được chú trọng. Trong xử lý các vấn đề chính trị-xã hội phức tạp, cán bộ chủ chốt cấp xã còn chú trọng vận dụng linh hoạt các giá trị văn hóa truyền thống như sự mềm dẻo, nhã nhặn, tinh tế; kết hợp “lạt mềm buộc chặt”, “dĩ bất biến ứng vạn biến”, qua đó vừa bảo đảm sự linh hoạt về phương pháp, vừa giữ vững nguyên tắc trong lãnh đạo và quản lý. Việc tuân thủ kỷ luật phát ngôn, chấp hành sự phân công của tổ chức, giữ thái độ khiêm tốn, cầu thị, giản dị, nói đi đôi với làm cũng góp phần hình thành năng lực tự quản trị của người cán bộ.

Bản lĩnh chính trị và năng lực chịu trách nhiệm trong thực tiễn từng bước được phát huy. Bản lĩnh chính trị là thành tố quan trọng của năng lực chính trị, được thể hiện ở khả năng giữ vững mục tiêu, nguyên tắc, chính kiến và tinh thần hành động trước khó khăn, thách thức. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL từng bước thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức và hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân. Bản lĩnh đó còn thể hiện ở ý thức đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; kiên quyết đấu tranh với những hành vi gây phương hại đến lợi ích chung; nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ý chí vươn lên. Nhiều cán bộ thể hiện bản lĩnh “có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính

đáng”, giữ gìn phẩm chất và không để những cám dỗ vật chất chi phối việc thực hiện nhiệm vụ.

Trong công việc, nhiều cán bộ sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được phân công; không kén chọn vị trí công tác, không chọn việc dễ, bỏ việc khó; tâm huyết, tận tụy, gương mẫu, không vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”; chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Tính công tâm, khách quan trong sử dụng và đánh giá cán bộ thuộc quyền quản lý; không lợi dụng vị trí để bỏ nhiệm người thân quen cũng là những biểu hiện cụ thể của bản lĩnh và trách nhiệm chính trị.

Tuy nhiên, bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ chưa thật sự vững vàng. Một số cán bộ còn thiếu chính kiến, có biểu hiện “dĩ hòa vi quý”, xuê xoa, nể nang, né tránh, đùn đẩy công việc, làm việc cảm chừng hoặc sợ trách nhiệm, không dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân” [88, tr.292]. Những biểu hiện thiếu tu dưỡng, thiếu trung thực, không tiếp thu phê bình và phản biện, vi phạm đạo đức công vụ hoặc ứng xử thiếu văn hóa có thể làm suy giảm năng lực lãnh đạo, quản lý và uy tín chính trị của người cán bộ. Dù có nhiều chuyển biến, năng lực chính trị của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vùng DBSCL vẫn còn những giới hạn. Tư duy chiến lược, năng lực phân tích, dự báo, sử dụng thông tin và dữ liệu phục vụ ra quyết định chưa đồng đều; khả năng cụ thể hóa chủ trương thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện địa phương có nơi còn hạn chế; năng lực phối hợp, huy động nguồn lực và giải quyết các vấn đề phức tạp, liên ngành chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Một bộ phận cán bộ còn biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, lãng phí, vô cảm và bệnh thành tích; những biểu hiện này trực tiếp hạn chế quá trình hình thành và phát triển năng lực chính trị.

Năng lực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện ở khả năng cụ thể hóa chủ trương, chính sách, tổ chức thực tiễn và tinh thần thượng tôn pháp luật. Kết quả khảo sát tổng quát về thành tố năng lực chính trị cho thấy có 85,5% ý kiến đánh giá ở mức Tốt và 2,0% ở mức Khá (tổng tỷ lệ từ Khá trở lên đạt 87,5%); đồng thời đánh giá cụ thể về năng lực thực thi và năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ đạt 89,7% từ mức Khá trở lên (Tốt: 85,6%, Khá: 4,1%). Tuy nhiên, tỷ lệ 12,5% ý kiến đánh giá năng lực chính trị còn ở mức Hạn chế và Rất hạn chế (trong đó 10,3% đánh giá năng lực thực thi, phát triển ở mức Trung bình và Yếu) phản ánh chất lượng đội ngũ chưa thật sự đồng đều. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị thực thi, năng lực thích ứng và bản lĩnh hành động cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.

3.3. NHẬN XÉT VỀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Sau khi phân tích thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên sáu thành tố cơ bản gồm nhận thức chính trị, giá trị chính trị, hệ tư tưởng và niềm tin chính trị, chuẩn mực chính trị, hành vi và phương thức thực thi quyền lực, năng lực thực hành chính trị, có thể nhận thấy VHCT của đội ngũ này đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng HTCT cơ sở trong điều kiện phát triển mới của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, bất cập cần tiếp tục được khắc phục nhằm nâng cao chất lượng ĐNCB và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

3.3.1. Nhận xét những điểm nổi bật

3.3.1.1. Về nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL được trang bị toàn diện tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng; có nền tảng tri thức chính trị vững chắc, xứng tầm, có sự tinh tường, nhạy bén, linh hoạt, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì nước, vì dân. Việc nghiên cứu, trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, tri thức chính trị, giáo dục VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL làm “kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [88, tr.273]. Đồng thời, trong hoạt động chính trị những người cán bộ làm chính trị có phương pháp đúng và “có phương hướng đúng thì làm việc mới đúng” [93, tr.290]. Luôn xác định, nếu trong hoạt động chính trị của mình không có tri thức chính trị thì như người mù quáng. Bởi vậy, “cán bộ phải có văn hóa làm gốc” [93, tr.388]. Đại hội đảng lần thứ XIII của Đảng nhận định, công tác cán bộ “thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng ĐNCB... đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu” [35, tr.96].

ĐNCB chủ chốt cấp xã trong hoạt động chính trị đã không ngừng tự trang bị cho mình sự hiểu biết đủ sâu sắc về tri thức chính trị và các giá trị và chuẩn mực VHCT bền vững, lâu dài của dân tộc; nắm vững nội dung, bản chất và các hình thức biểu hiện vô cùng phong phú của nền văn hóa dân tộc cũng như văn hóa thế giới và vận dụng vào hoạt động thực tiễn đời sống chính trị để tránh khỏi sai lầm, khỏi bị thất bại. Trong thời gian vừa qua, cán bộ chủ chốt đã thường xuyên trau dồi, nâng cao khả năng tư duy khoa học trên cơ sở không ngừng bổ sung những kiến thức mới về chủ nghĩa Mác-Lênin, khoa học chính trị, khoa học cơ bản, lý luận chính trị-xã hội, nhất là VHCT Hồ Chí Minh. Thấm nhuần, tiếp thu và vận dụng linh hoạt những giá trị trong VHCT Hồ Chí Minh đã giúp cho

cán bộ hình thành văn hóa ứng xử khoan dung, thực sự độ lượng và chân thành, gần gũi với Nhân dân. Cùng với những giá trị ấy, những tư tưởng của Bác Hồ về kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nghiêm khắc với bản thân mình nhưng rộng lượng với người khác là những kinh nghiệm quý báu, kinh nghiệm sống trong hoạt động chính trị cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Bằng kinh nghiệm chính trị trên đường đời và trong hoạt động chính trị của người cán bộ đã từng bước được bổ sung, bồi đắp, làm phong phú thêm và được kiểm nghiệm thông qua hành động chính trị thực tế của mình.

Bảng 3.2. Trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

Trình độ	Tỷ lệ (%)
Cử nhân LLCT	1,02
Cao cấp LLCT	3,11
Trung cấp LLCT	48,90

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngày nay, dưới tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, sự cạnh tranh quốc tế trên nhiều lĩnh vực diễn ra phức tạp, quyết liệt, thậm chí có lĩnh vực rất khốc liệt, khó lường; chủ nghĩa cường quyền đơn cực; sự áp đặt của các nước lớn cả về kinh tế và chính trị; sự trỗi dậy mạnh mẽ của chủ nghĩa dân tộc cực đoan và dân tộc hẹp hòi; sự nở rộ của các tôn giáo cực đoan; sự kỳ thị chủng tộc và dân tộc; chủ nghĩa dân túy và cả tư tưởng phát xít cũ và mới đã và đang trỗi dậy với các mức độ khác nhau ở nhiều nơi trên thế giới đòi hỏi nền tảng tư tưởng và trình độ tri thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL cực kỳ tinh tường, nhạy bén, mềm dẻo và linh hoạt giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. ĐNCB chủ chốt cấp xã ĐBSCL nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức sâu rộng về lịch sử, truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, am hiểu tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của HTCT cấp xã. Có tri thức chính trị vững vàng không chỉ giúp cán bộ chủ chốt cấp xã ĐBSCL xử lý các tình huống trong quản trị một cách khoa học, hiệu quả, mà còn góp phần giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL.

Bảng 3.3. Đánh giá về nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

Nội dung đánh giá	Tốt (%)	Khá (%)
Nhận thức chính trị	86,6	3,4

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức chính trị là một trong những ưu điểm nổi bật của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, với 86,6% ý kiến đánh giá ở mức tốt và 3,4% ở mức khá. Kết quả này phản ánh phần lớn ĐNCB chủ chốt cấp xã có nền tảng nhận thức chính trị tương đối vững vàng, thể hiện ở khả năng tiếp nhận, quán triệt chủ trương, đường

lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng vào thực tiễn thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Nhận thức chính trị vững vàng còn tạo cơ sở để ĐNCB chủ chốt cấp xã củng cố lập trường, bản lĩnh, lý tưởng và trách nhiệm chính trị; xác định đúng vị trí, chức trách của mình trong HTCT và trong mối quan hệ với Nhân dân. Đây là điều kiện quan trọng để định hướng hành vi chính trị, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần nêu gương và khả năng xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn địa phương.

Kết quả trên có mối liên hệ chặt chẽ với quá trình đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, xây dựng Đảng và nâng cao chất lượng ĐNCB trong thời gian qua. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ [85]. Đồng thời, Đại hội XIV tiếp tục đặt ra những yêu cầu mới đối với chất lượng ĐNCB trong điều kiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế [87]. Những định hướng đó tạo cơ sở chính trị quan trọng để tiếp tục nâng cao nhận thức, bản lĩnh và năng lực chính trị của ĐNCB ở cơ sở.

Bên cạnh đó, việc triển khai Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới góp phần củng cố nhận thức về trách nhiệm chính trị, ý thức phụng sự Nhân dân và tinh thần nêu gương của ĐNCB [10]. Điều này được phản ánh khá rõ khi 86,4% số người được hỏi xác định tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về VHCT là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã cũng đang từng bước gắn với yêu cầu đổi mới quản trị và chuyển đổi số. Có 86,3% số người được khảo sát cho rằng xây dựng VHCT cần gắn với nâng cao tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; 86,4% nhấn mạnh vai trò của đổi mới quản trị và chuyển đổi số trong nâng cao chất lượng VHCT của ĐNCB. Kết quả này cho thấy nhận thức chính trị không chỉ dừng lại ở việc củng cố nền tảng lý luận, tư tưởng mà đang từng bước gắn với những yêu cầu mới của quản trị địa phương.

Một điểm nổi bật trong nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là đã có nhận thức đúng đắn về chủ trương chuyển đổi và tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đội ngũ cán bộ từng bước nhận thức rõ đây không đơn thuần là sự thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, mà còn là sự đổi mới về phương thức quản trị địa phương, phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp và trách nhiệm trong thực thi công vụ. Qua đó, cán bộ chủ chốt cấp xã nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò và trách nhiệm của cấp xã trong mô hình mới, nhất là yêu cầu chủ động giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân.

Nhận thức đúng đắn về mô hình chính quyền địa phương hai cấp còn thể hiện ở sự chuyển biến trong tư duy của cán bộ từ quản lý hành chính sang quản trị và phục vụ, gắn quyền hạn được giao với trách nhiệm giải trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. ĐNCB chủ chốt cấp xã ngày càng nhận thức rõ yêu cầu phải gần dân, sát dân, kịp thời nắm bắt và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở; đồng thời chủ động nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản trị, khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong lãnh đạo, điều hành. Đây là biểu hiện tích cực của sự thích ứng về nhận thức chính trị trước những thay đổi trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

Sự chuyển biến này cho thấy nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL không chỉ thể hiện ở sự vững vàng về nền tảng tư tưởng, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà còn ở khả năng nhận thức và thích ứng với những yêu cầu mới của thực tiễn quản trị địa phương. Nhận thức đúng đắn về chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp vì vậy là một biểu hiện mới, góp phần củng cố trách nhiệm chính trị, tinh thần chủ động, ý thức phục vụ Nhân dân và năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong giai đoạn hiện nay.

3.3.1.2. Về giá trị chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long cơ bản được duy trì ổn định và từng bước thích ứng với yêu cầu phát triển mới

Một trong những ưu điểm nổi bật của VHCT ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là hệ giá trị chính trị cốt lõi được duy trì tương đối ổn định, có tính thống nhất và tiếp tục giữ vai trò định hướng đối với nhận thức, hành vi và quá trình thực thi nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Nổi bật là các giá trị yêu nước, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, tận tụy phục vụ Nhân dân, trách nhiệm với cộng đồng và giải quyết hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước”. Đây vừa là những giá trị nền tảng được hình thành, bồi đắp trong quá trình hoạt động chính trị, vừa là cơ sở định hướng cho ĐNCB chủ chốt cấp xã thích ứng với những yêu cầu mới của quản trị địa phương.

Trước hết, lòng yêu nước, sự trung thành và tinh thần phụng sự Tổ quốc, Nhân dân là những giá trị được thể hiện nổi bật. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL không ngừng học tập, trau dồi kiến thức, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, có tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến. Những giá trị này được cụ thể hóa trong hoạt động thực tiễn, gắn việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ với lợi ích của địa phương, cộng đồng và Nhân dân.

Tinh thần “vì dân phục vụ” được thể hiện khá rõ thông qua những hoạt động gần trực tiếp với đời sống Nhân dân như chăm lo an sinh xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ cộng đồng và thúc đẩy chuyển đổi số ở cấp xã. cán bộ cấp xã phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, chú trọng lắng nghe, nắm bắt tâm tư,

nguyện vọng và giải quyết những lợi ích chính đáng của người dân. Phong cách gần dân, trọng dân, gắn bó với cộng đồng và tinh thần tương thân, tương ái là những biểu hiện tích cực, góp phần củng cố đồng thuận xã hội và tăng cường mối quan hệ giữa cán bộ với Nhân dân.

Bên cạnh đó, giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa “làng” và “nước” là một giá trị đáng chú ý trong VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Trong thực tiễn, cán bộ chủ chốt cấp xã đã từng bước nhận thức rõ yêu cầu đặt lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chung lên trên lợi ích cục bộ, đồng thời quan tâm bảo đảm lợi ích chính đáng của cộng đồng dân cư. Việc triển khai chủ trương, chính sách được vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; cán bộ cấp xã phát huy vai trò lắng nghe, điều hòa lợi ích và tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, quản lý tài nguyên và môi trường.

Bảng 3.4. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

STT	Nội dung đánh giá	Khá (%)	Tốt (%)
1	Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với chế độ XHCN; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc	2,2	93,0
2	Yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân	5,3	86,3
3	Trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng	7,7	86,4
4	Giải quyết được mối quan hệ hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước”	5,1	86,4

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đều có tỷ lệ đánh giá tốt ở mức cao. Nổi bật nhất là giá trị yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với chế độ XHCN và tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc, với 93,0% đánh giá ở mức tốt và 2,2% ở mức khá. Đây là chỉ báo có tỷ lệ đánh giá tốt cao nhất, cho thấy lòng yêu nước và tinh thần phụng sự tiếp tục giữ vị trí nổi bật trong hệ giá trị chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đối với giá trị yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân, có 86,3% ý kiến đánh giá ở mức tốt và 5,3% ở mức khá. Giá trị trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng đạt 86,4% ở mức tốt và 7,7% ở mức khá. Đồng thời, khả năng giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa “làng” và “nước” cũng có 86,4% đánh giá ở mức tốt và 5,1% ở mức khá. Sự chênh lệch không lớn giữa các tỷ lệ đánh giá tốt cho thấy hệ giá trị chính trị được duy trì

tương đối đồng đều, không chỉ tập trung ở lòng yêu nước và sự trung thành mà còn thể hiện ở tinh thần phục vụ Nhân dân và ý thức hài hòa lợi ích giữa địa phương với quốc gia - dân tộc.

Nhìn từ cấu trúc hệ giá trị, kết quả trên phản ánh sự kết hợp tương đối chặt chẽ giữa giá trị quốc gia - dân tộc, giá trị chính trị và giá trị cộng đồng - phục vụ. Lòng yêu nước và tinh thần phụng sự Tổ quốc tạo nền tảng định hướng; sự trung thành với Đảng và lý tưởng cách mạng góp phần bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động; trong khi tinh thần gần dân, phục vụ Nhân dân và hài hòa lợi ích thể hiện phương diện nhân văn, trách nhiệm cộng đồng của VHCT ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đây là những giá trị được xác định có ý nghĩa quan trọng đối với văn hóa trong chính trị và văn hóa lãnh đạo, quản lý trong giai đoạn hiện nay [85], [87], [10].

Một điểm nổi bật mới là hệ giá trị chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã đang từng bước thích ứng với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Kết quả khảo sát cho thấy 84,6% số người được hỏi cho rằng cần gắn xây dựng VHCT với phát huy tính tích cực chính trị, rèn luyện phong cách lãnh đạo gần dân, trọng dân; 84,6% nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT; 86,3% đánh giá cao vai trò của đội mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với năng lực thực thi và năng lực số trong nâng cao chất lượng VHCT; đồng thời 85,9% nhấn mạnh yêu cầu phát huy tính chủ động của bản thân cán bộ. Các kết quả này cho thấy bên cạnh việc duy trì những giá trị chính trị truyền thống, ĐNCB chủ chốt cấp xã đã có sự quan tâm và nhận thức về những giá trị, chuẩn mực cần thiết để thích ứng với phương thức tổ chức và quản trị địa phương trong điều kiện mới.

Trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, những giá trị gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân, trách nhiệm, chủ động và thích ứng càng có ý nghĩa trực tiếp đối với cán bộ chủ chốt cấp xã. Khi phạm vi trách nhiệm và yêu cầu giải quyết công việc ở cơ sở thay đổi, giá trị chính trị không chỉ được biểu hiện ở lòng trung thành, bản lĩnh và ý thức trách nhiệm mà còn gắn với tinh thần chủ động, trách nhiệm giải trình, hiệu quả thực thi công vụ, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành và ứng dụng chuyển đổi số. Điều đó cho thấy hệ giá trị chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã đang có sự kế thừa các giá trị nền tảng đồng thời từng bước bổ sung những giá trị phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại.

3.3.1.3. Hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã được củng cố, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển mới

Quá trình thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trọng đại của địa phương, của vùng ĐBSCL trong một thời gian dài đã hình thành nên người cán bộ chủ chốt cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng LLCT sâu sắc, nhận thức và ý thức một cách rõ ràng giá trị và tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối

đổi mới của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trong một cuộc khảo sát về những giá trị cơ bản của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, giá trị lòng trung thành với lý tưởng của Đảng được lựa chọn với tỷ lệ 94,8%. Bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy LLCT nhạy bén, với nhân quan chính trị sâu sắc, tránh được cám dỗ của các thế lực thù địch. Nhờ có ý thức chính trị đã giúp ĐNCB chủ chốt cấp xã tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng biến đổi của khu vực và quốc tế chính xác, loại bỏ những thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

Bảng 3.5. Đánh giá mức độ thể hiện về hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, tình cảm chính trị ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Khá (%)	Tốt (%)
1	Hệ tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	4,8%	88,2%
2	Niềm tin chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	7,7%	84,7%
3	Lý tưởng, tình cảm chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	4,4%	86,9%

Nguồn: Khảo sát của tác giả

ĐNCB chủ chốt cấp xã ở vùng ĐBSCL tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với Đảng cộng sản Việt Nam, chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, nghị quyết, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chế độ XHCN; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh. ĐNCB chủ chốt cấp xã quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân. Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hoá’ trong nội bộ” [37, tr.246].

ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL sắc son trung thành với Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia; tôn trọng và tận tụy phục vụ Nhân dân. Tôn trọng, tin tưởng, gần gũi và gắn bó mật thiết với Nhân dân. Thái độ chính trị của người cán bộ, đảng viên trước sự vận động của đời sống chính trị, là kết quả của quá trình nhận thức chính trị thông qua các luận điểm, nhận định, đánh giá trên lập trường, quan điểm chính trị rõ ràng cụ thể. Ý thức tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc,

niềm tin tưởng vững chắc vào tương lai; là khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; là tinh thần trọng danh dự, lòng khoan dung, tính vị tha, đức tính kính trọng người già, tình yêu con trẻ, quý trọng giá trị gia đình. Đó là liêm khiết, chính trực, khinh ghét thói xa hoa phù phiếm; tinh thần lao động siêng năng, cần cù, lòng kiên trì và sự nhẫn nại. Đặc biệt là tinh thần ham học hỏi, không chùn bước trước những khó khăn. Chính sự hư hại và nhiễu loạn thông tin trên không gian mạng do các thế lực thù địch, phần tử cực đoan cố tình tạo ra tin giả mạo, xuyên tạc, bóp méo, bôi nhọ lịch sử dân tộc Việt Nam với nhiều chiêu thức, thủ đoạn thâm độc đã tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm một bộ phận cán bộ, nhất là những cán bộ trẻ chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc, chưa thực sự có bản lĩnh, tư duy chính trị vững vàng. Với lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng, cùng với bản lĩnh chính trị, nhãn quan chính trị của mình, nhiều năm qua, đã tăng cường kiểm duyệt chặt chẽ nguồn tin, từng bước xây dựng, duy trì một không gian thông tin chính thống, lành mạnh, tích cực, có nguồn gốc và độ tin cậy cao thì giải pháp quan trọng, mang tính lâu dài, bền vững là nâng cao bản lĩnh, tư duy chính trị vững vàng, giúp ĐNCB chủ chốt cấp xã “đề kháng, miễn dịch” hiệu quả trước những thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở; tin tưởng, kỳ vọng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam vì dân giàu, nước mạnh, hùng cường.

3.3.1.4. Chuẩn mực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long được giữ vững và thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Điểm nổi bật về chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là sự duy trì tương đối vững chắc các chuẩn mực đạo đức, thực thi quyền lực, ứng xử, trách nhiệm và nêu gương; đồng thời từng bước bổ sung những yêu cầu mới phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Sự kết hợp giữa các chuẩn mực truyền thống với yêu cầu về trách nhiệm, đổi mới quản trị, chuyển đổi số và phục vụ Nhân dân tạo cơ sở nâng cao chất lượng thực hành VHCT và hiệu quả thực thi công vụ ở cấp xã trong giai đoạn mới.

ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã hình thành và thực hành tương đối rõ nét hệ chuẩn mực đạo đức cách mạng cốt lõi “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”. Đây là nền tảng quan trọng tạo nên bản sắc VHCT, góp phần nâng cao tính liêm chính, trách nhiệm và đạo đức công vụ trong thực thi nhiệm vụ. Tinh thần “Cần” được thể hiện qua thái độ làm việc nghiêm túc, siêng năng, chủ động, sáng tạo và có trách nhiệm cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân ở địa phương. Chuẩn mực “Kiệm” đã có chuyển biến tích cực, thể hiện qua ý thức tiết kiệm ngân sách, tài sản công, thời gian

và chi phí xã hội; đồng thời hình thành dần thói quen thực hành tiết kiệm trong cả hoạt động công vụ và đời sống, góp phần hạn chế lãng phí. Chuẩn mực “Liêm” và “Chính” được chú trọng rèn luyện, thể hiện ở tinh thần trong sạch, không tham nhũng, không gây phiền hà cho Nhân dân; đồng thời đề cao tính ngay thẳng, khách quan, công tâm trong giải quyết công việc. Một bộ phận cán bộ đã xây dựng được phong cách làm việc chuẩn mực, có uy tín trong Nhân dân. Chuẩn mực “Chí công vô tư” từng bước được thực hành, thể hiện ở tinh thần đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, giữ gìn danh dự, trách nhiệm công vụ và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong nội bộ.

Luôn nêu cao lòng tự trọng, danh dự, không cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, giữ gìn phẩm giá của ĐNCB chủ chốt vùng ĐBSCL, không để tác động lôi kéo, cám dỗ tiêu cực; bảo vệ uy tín, danh dự của bản thân và tổ chức đảng. Thực hiện văn hóa từ chức khi không đủ khả năng, uy tín; không tạo ra sự phiền hà hay gây phiền nhiễu cho Nhân dân, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL dám nhận khuyết điểm và chịu trách nhiệm. Làm việc gì cũng đến nơi, đến chốn, không ngại khó, nguy hiểm, không tránh nặng tìm nhẹ, không tranh công; luôn đặt lợi ích của tổ chức, tập thể lên hàng đầu. Luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện chia rẽ; sống có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, có lòng nhân ái, vị tha, khoan dung nhân hậu, chân thành, có ý thức giúp đỡ người khác. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống sùng ngoại, thực dụng; loại bỏ thói chạy theo danh vọng, địa vị, giành giật lợi ích cho mình, lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công, thu vén cho gia đình, cá nhân. Tự giác tu dưỡng, rèn luyện ĐĐCM, thực hành liêm, xây dựng văn hóa liêm khiết, luôn giữ danh dự, uy tín, hình ảnh người cán bộ liêm khiết, công minh, chính trực; gương mẫu, tu dưỡng và rèn luyện thực hành tiết kiệm; trong sạch, không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, không gây phiền hà, sách nhiễu, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng, sung sướng; không xa hoa, lãng phí, không phô trương, hình thức; tích cực chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chống chủ nghĩa cá nhân. Ngay thẳng, trung thực, khách quan, công tâm, thấy đúng phải bảo vệ, bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, thấy sai phải đấu tranh; khiêm tốn, cầu thị, giản dị, không tự cao tự đại, không xem thường người khác, luôn có tinh thần tự phê bình; không giấu khuyết điểm, không nói sai sự thật. Tôn trọng người Nhân dân, có cách hành xử văn minh, khả năng ứng xử linh hoạt và nhạy cảm với các quan hệ chính trị trong quá trình hoạt động chính trị. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội, bệnh lười biếng, lối sống hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói một đằng làm một nẻo; tấm gương mẫu mực về Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, có sức lôi cuốn, lan tỏa và gây ảnh hưởng tốt trong cơ quan, địa phương, trong xã hội.

Chuẩn mực “kính trọng, gần gũi Nhân dân” và “thương yêu đồng chí” của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL ngày càng được thể hiện rõ nét trong thực tiễn hoạt động

chính trị và công vụ ở cấp xã. Chính tình yêu thương đó còn thể hiện ở việc chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đúng như Văn kiện Đại hội XIV của Đảng khẳng định: “đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng cao”. [37, tr.18] Đồng thời, việc phát huy tinh thần đoàn kết, gắn bó mật thiết với Nhân dân đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua đó, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy; đồng thuận xã hội được tăng cường, củng cố. “Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ngày càng được bồi đắp vững chắc” [37, tr.18].

Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Trong quá trình thực thi công vụ mà tiếp xúc trực tiếp, hoặc bằng văn bản hành chính hoặc qua các phương tiện thông tin (điện thoại, thư tín, qua mạng internet...) với tổ chức và công dân luôn bảo đảm thông tin trao đổi đúng nội dung công việc mà tổ chức và công dân cần hướng dẫn, trả lời; phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của tổ chức và công dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ và thực hiện 7 dám. Có trách nhiệm hướng dẫn công khai cho tổ chức, công dân quy trình thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm các yêu cầu của tổ chức và công dân được giải quyết đúng quy định của pháp luật, đúng thời gian quy định. Đặc biệt, trong trường hợp công việc bị kéo dài quá thời gian quy định, cán bộ có trách nhiệm báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức bằng văn bản nêu rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn thực hiện nhiệm vụ, đồng thời thông báo công khai cho tổ chức và công dân có yêu cầu biết rõ lý do. Và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL luôn giữ đúng tư cách, chuẩn mực đạo đức công vụ, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; có thái độ vui vẻ, niềm nở trong giao tiếp, tôn trọng ý kiến, đề đạt, nguyện vọng và những thắc mắc chính đáng của Nhân dân. Khi tiếp xúc, giải quyết công việc của người dân, cán bộ luôn thể hiện sự gần gũi, thân thiện nhưng không suồng sã; nghiêm túc, đúng mực, đồng thời phân định rõ ranh giới giữa người thi hành công vụ và công dân. Hành vi ứng xử thiếu văn hóa như: không chào hỏi khi tiếp xúc giải quyết công việc; có thái độ, hành vi, lời nói thiếu chuẩn mực, xúc phạm, hạch sách, những nhieu Nhân dân; thái độ vô cảm, không lắng nghe, không tận tình giải thích, hướng dẫn hoặc có hành vi gây áp lực, uy hiếp người dân... về cơ bản đã từng bước được khắc phục.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã nhìn chung giữ gìn tác phong làm việc chuẩn mực, lối sống lành mạnh và gần gũi với Nhân dân. Ý thức trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người dân của cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã góp phần củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, trong công tác tuyên

truyền, dân vận, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nhằm tăng cường vận động quần chúng và phối hợp thống nhất hành động với các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, nghị quyết. Nội dung, phương thức tập hợp có nhiều đổi mới, kết hợp giữa tuyên truyền, vận động, phát triển tổ chức với cổ vũ, lôi cuốn đông đảo Nhân dân tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; đồng thời kết hợp giữa truyền thông đại chúng với vận động cá nhân, tiếp cận tới mọi thành phần, đối tượng để tập hợp, đoàn kết. Điểm nổi bật là Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở nhiều địa phương tập trung chỉ đạo và phát triển rộng khắp các mô hình Nhân dân tự quản, xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, gia đình kiểu mẫu; tích cực lồng ghép tuyên truyền, vận động bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... Hưởng ứng phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” do Thủ tướng Chính phủ phát động, hằng năm MTTQ chủ trì phát động tháng cao điểm “Vì người nghèo” và phối hợp tổ chức chương trình truyền hình trực tiếp “Cả nước chung tay vì người nghèo”, qua đó kêu gọi, khơi dậy những tấm lòng nhân ái, nhiều nghĩa cử cao đẹp chung tay giúp đỡ người nghèo. Thấm nhuần đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, Ủy ban MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên thường xuyên tổ chức thăm hỏi, chăm lo các gia đình chính sách, nhất là vào các dịp kỷ niệm Ngày Thương binh, Liệt sĩ hằng năm. Ủy ban MTTQ đã chủ trì vận động “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”; các tổ chức thành viên có nhiều hoạt động thiết thực trợ giúp thương binh, gia đình liệt sĩ, cựu thanh niên xung phong và người có công với cách mạng; tổ chức các chương trình tri ân các anh hùng liệt sĩ, hoạt động về nguồn, giúp đỡ đồng đội...

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ Chí Minh “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” [81, tr.51]. Tinh thần phục vụ Nhân dân và trách nhiệm xã hội, cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL thật sự xem mình là “đầy tớ” của Nhân dân, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo hiệu quả công tác. Biểu hiện cụ thể của tinh thần này là thái độ tận tụy phục vụ, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác, không gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân. Đa số ĐNCB chủ chốt cấp xã “không được gây khó khăn, phiền hà, vơ vãnh, kéo dài thời gian xử lý công việc của cơ quan, tổ chức và người dân; không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc của người dân” [39]. Đặc biệt, “trong giao tiếp với người dân, cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện tốt 6 rõ: Rõ người, rõ việc, rõ

thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả; “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ” [39]. Đó chính là yêu cầu về VHCT trong nền hành chính phục vụ.

Bảng 3.6. Đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

STT	Nội dung đánh giá	Khá (%)	Tốt (%)
1	Guơng mẫu trong thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư	9,5	86,4
2	Chuẩn mực thực thi quyền lực	6,5	88,3
3	Chuẩn mực ứng xử chính trị	4,4	87,5
4	Tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương	8,4	85,6

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL được duy trì khá đồng đều, với cả bốn chỉ báo đều có tỷ lệ đánh giá tốt trên 85%. Trong đó, chuẩn mực thực thi quyền lực đạt cao nhất (88,3%), tiếp đến là chuẩn mực ứng xử chính trị (87,5%), gương mẫu thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư (86,4%) và tận tụy, trách nhiệm với công việc, trách nhiệm nêu gương (85,6%). Kết quả này cho thấy các chuẩn mực về đạo đức, thực thi quyền lực, ứng xử và trách nhiệm đã được định hình tương đối rõ trong VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Nổi bật nhất là chuẩn mực thực thi quyền lực, phản ánh xu hướng gắn quyền hạn với trách nhiệm trong lãnh đạo, quản lý và phục vụ Nhân dân. Đồng thời, tỷ lệ đánh giá cao đối với chuẩn mực ứng xử chính trị và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư cho thấy sự kết hợp giữa đạo đức chính trị, văn hóa ứng xử và trách nhiệm trong sử dụng quyền lực. Tinh thần tận tụy, trách nhiệm và nêu gương tiếp tục góp phần chuyển hóa các chuẩn mực đó thành hành vi thực tiễn, tạo nên sự thống nhất tương đối giữa phẩm chất chính trị và thực thi công vụ.

Đáng chú ý, các chuẩn mực chính trị đang từng bước thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Có 84,6% số người được khảo sát nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng bộ quy tắc ứng xử VHCT và 86,3% đánh giá cao vai trò của đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị thực thi và năng lực số. Điều này cho thấy chuẩn mực chính trị đang được mở rộng từ những yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và tác phong sang trách nhiệm thực thi quyền lực, trách nhiệm giải trình, tính chủ động, văn hóa ứng xử và hiệu quả phục vụ Nhân dân trong điều kiện quản trị mới.

3.3.1.5. Về hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã từng bước chuyển dịch theo hướng quản trị phục vụ và nâng cao tính chuyên nghiệp

Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực là sự biểu hiện trực tiếp của nhận thức, giá trị và chuẩn mực VHCT trong hoạt động thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp

xã. Điểm nổi bật hiện nay là hành vi chính trị của cán bộ từng bước gắn với tinh thần trách nhiệm, phục vụ Nhân dân và hiệu quả thực thi công vụ; phương thức thực thi quyền lực có sự chuyển biến theo hướng đề cao tính chủ động, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp trong giải quyết công việc ở cơ sở.

Điểm nổi bật về hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã là sự chuyển biến theo hướng trách nhiệm, phục vụ và chuyên nghiệp hơn. Kết quả đánh giá tốt đạt 84,6% là cơ sở cho thấy xu hướng tích cực trong việc chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực VHCT thành hành vi thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng thực thi quyền lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã.

Bảng 3.7. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Khá (%)	Tốt (%)
1	Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã	1,6	84,6

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy 84,6% số người được hỏi đánh giá tốt và 1,6% đánh giá khá về hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Tỷ lệ đánh giá tốt ở mức cao phản ánh sự chuyển biến tích cực trong việc chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực VHCT thành hành vi lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ.

Điểm nổi bật của sự chuyển biến này là phương thức thực thi quyền lực từng bước gắn với trách nhiệm, tinh thần phục vụ và hiệu quả công việc. ĐNCB chủ chốt cấp xã chú trọng phát huy tính chủ động trong thực hiện chức trách; gần dân, trọng dân, lắng nghe và quan tâm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Trong quan hệ công tác, cán bộ cơ bản giữ thái độ tôn trọng, phối hợp, giao tiếp đúng mực; đề cao trách nhiệm, tính gương mẫu và hiệu quả công việc. Qua đó, hành vi chính trị không chỉ thể hiện ở việc tuân thủ nguyên tắc, chuẩn mực mà ngày càng gắn với chất lượng thực thi nhiệm vụ và phục vụ Nhân dân.

Quá trình cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và chuyển đổi số cũng thúc đẩy phương thức thực thi công vụ theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện và tăng cường tương tác với Nhân dân. Đặc biệt, trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu về tính chủ động, phối hợp, trách nhiệm giải trình và hiệu quả giải quyết công việc càng được đề cao. Điều này góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch từ phương thức quản lý hành chính sang quản trị phục vụ, lấy người dân và hiệu quả thực thi công vụ làm trọng tâm, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tính chuyên nghiệp của cán bộ chủ chốt cấp xã.

Một biểu hiện nổi bật khác là hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực từng bước chuyển biến theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch và gắn quyền hạn với trách nhiệm. ĐNCB chủ chốt cấp xã ngày càng chú trọng thực thi quyền lực đúng chức trách, thẩm quyền, đề cao lợi ích chung, phát huy dân chủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Tính liêm chính, công tâm, khách quan và trách nhiệm nêu gương được coi trọng, góp phần hình thành cơ chế tự kiểm soát quyền lực từ bên trong, gắn việc sử dụng quyền lực với chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm của người cán bộ.

Cùng với tự kiểm soát, việc chấp nhận kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của Nhân dân trong kiểm soát quyền lực ngày càng được chú trọng. cán bộ chủ chốt cấp xã quan tâm hơn đến công khai thông tin, đối thoại, tiếp nhận kiến nghị và tạo điều kiện để Nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát. Thông qua Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các hình thức tham gia trực tiếp, việc thực thi quyền lực ở cơ sở ngày càng gắn với công khai, minh bạch và trách nhiệm. Qua đó, sự tham gia của Nhân dân vừa thể hiện quyền làm chủ, vừa góp phần kiểm soát việc thực thi quyền lực ở cơ sở.

Trách nhiệm giải trình trước Nhân dân cũng có những chuyển biến tích cực, thể hiện ngày càng rõ mối quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm. Giải trình từng bước được thực hiện không chỉ khi có yêu cầu, chất vấn, khiếu nại mà còn gần thường xuyên hơn với quá trình thực thi công vụ. cán bộ chú trọng cung cấp thông tin, giải thích căn cứ và quá trình giải quyết công việc, tiếp nhận và phản hồi những vấn đề Nhân dân quan tâm thông qua tiếp công dân, đối thoại và các hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Qua đó, giải trình từng bước trở thành phương thức gắn thực thi quyền lực với trách nhiệm trước Nhân dân.

Nội dung và phương thức giải trình cũng ngày càng gắn với những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích của Nhân dân như đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, môi trường, an sinh xã hội, ứng phó thiên tai và huy động nguồn lực cộng đồng. Việc công khai thủ tục, tiến độ giải quyết hồ sơ, tiếp nhận phản ánh và ứng dụng các nền tảng số góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, tăng tính minh bạch và khả năng tương tác giữa chính quyền với Nhân dân. Theo đó, giải trình vừa là trách nhiệm của chủ thể thực thi quyền lực, vừa tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ và tham gia kiểm soát quyền lực ở cơ sở, góp phần thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

3.3.1.6. Năng lực thực hành chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã từng bước được nâng cao và thích ứng với yêu cầu phát triển mới

Bên cạnh những chuyển biến tích cực về nhận thức, giá trị, chuẩn mực và phong cách thực thi công vụ, một ưu điểm đáng ghi nhận của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là năng lực thực hành chính trị từng bước được nâng cao và thích ứng với yêu

cầu phát triển mới. Đây là biểu hiện của khả năng chuyển hóa nhận thức, giá trị và chuẩn mực chính trị thành năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và phục vụ Nhân dân trong thực tiễn.

Bằng kinh nghiệm chính trị cùng với tri thức chính trị và niềm tin chính trị của mình sẽ góp phần bổ sung, hoàn thiện, thúc đẩy và phát triển khả năng hành động chính trị thực tiễn của người cán bộ chủ chốt cấp xã. Hằng ngày, từng công việc cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL biết “luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình”, biết “cách phê bình và tự phê bình”, và đặc biệt biết rút kinh nghiệm trong hoạt động chính trị, trong thực thi chính sách biết điều chỉnh chính sách và cách thực thi chính sách phù hợp đem lại thành công, tránh được thất bại. Bằng năng lực hành động chính trị, cán bộ chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã cụ thể hóa hệ tư tưởng, tri thức, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị trong thực tiễn; không ngừng nâng cao năng lực LLCT, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng làm “kim chỉ nam”, khả năng nắm vững và vận dụng các quy luật vào thực tiễn, kết quả hoạt động chính trị trở thành thước đo năng lực của cán bộ. “Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có” [88, tr.320].

Bảng 3.8. Đánh giá năng lực thực hành chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Khá (%)	Tốt (%)
1	Năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,0	85,5

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy 85,5% số người được hỏi đánh giá năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở mức tốt và 2,0% ở mức khá. Tỷ lệ đánh giá tốt ở mức cao phản ánh năng lực vận dụng nhận thức, giá trị và chuẩn mực chính trị vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ đã có những chuyển biến tích cực. Điều này cho thấy VHCT không chỉ dừng lại ở nhận thức và định hướng giá trị mà từng bước được hiện thực hóa thành năng lực hành động của người cán bộ trong thực tiễn.

Điểm nổi bật của quá trình này là khả năng thích ứng ngày càng rõ hơn với những yêu cầu mới của quản trị địa phương. Năng lực thực hành chính trị không chỉ thể hiện ở khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà còn gắn với tính chủ động, năng lực phối hợp, xử lý các vấn đề thực tiễn, trách nhiệm công vụ và hiệu quả phục vụ Nhân dân. Kết quả khảo sát về các giải pháp tiếp tục nâng cao VHCT cũng phản ánh rõ yêu cầu này: 88,6% ý kiến nhấn mạnh nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; 86,4% đề cao công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức về VHCT; 86,3% nhấn mạnh đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với năng lực số; 85,9% đề cao phát huy tính chủ động của cán bộ; 84,6% nhấn mạnh việc hoàn thiện hệ chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT; và 79,9% nhấn mạnh tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và kiểm soát

quyền lực. Qua đó cho thấy năng lực thực hành chính trị không đơn thuần là kỹ năng quản lý, mà là sự kết hợp giữa nhận thức chính trị, giá trị, chuẩn mực với năng lực tổ chức hành động và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Chính sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau đã giúp cho họ vượt qua được những cám dỗ của lợi ích vật chất tầm thường, khi hàng ngày, hàng giờ họ tiếp xúc với những vật chất, tiền bạc. Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân. Đa số ĐNCB cấp xã vùng ĐBSCL đã thể hiện rõ quan điểm “lấy Nhân dân làm trung tâm phục vụ”. “Thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân” [37, tr.22]; chủ động tiếp nhận và giải quyết công việc theo thẩm quyền; “Thực hành ‘Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng’” [37, tr.22]. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ (2023), tỷ lệ hài lòng của người dân đối với chính quyền cấp xã ở một số tỉnh như Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long đạt trên 85%, phản ánh sự cải thiện đáng kể trong thái độ phục vụ của cán bộ cấp xã, đã thể hiện rõ sự chuyển biến trong tư duy phục vụ Nhân dân, lấy sự hài lòng của Nhân dân là thước đo hiệu quả hoạt động chính trị của mình. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chủ động, kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy với công việc, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phong cách gần dân, đối thoại với Nhân dân được chú trọng, điển hình “tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân”, “ngày thứ bảy vì dân” được triển khai ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL đã góp phần giải quyết kịp thời khiếu nại, bức xúc, giảm thiểu khiếu kiện vượt cấp, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của Nhân dân.

Về năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật. Năng lực thực thi, năng lực phát triển, trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật là những phương diện quan trọng phản ánh VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong đó, năng lực thực thi thể hiện khả năng cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật; năng lực phát triển thể hiện tính chủ động trong nhận diện, xử lý vấn đề và huy động nguồn lực cho phát triển địa phương. Các năng lực này được thể hiện trong khuôn khổ trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương và thượng tôn pháp luật. Thời gian qua, năng lực cụ thể hóa chủ trương, chính sách và xử lý các vấn đề phát sinh từ thực tiễn cơ sở từng bước được nâng lên. ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL ngày càng chú trọng nắm vững chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng phù hợp với điều kiện địa phương để xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến đời sống Nhân dân, cán bộ chủ chốt cấp xã đã từng bước phát huy tính chủ động, linh hoạt trong vận dụng chính sách và xử lý các vấn đề thực tiễn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, chuyển đổi sinh kế, an sinh xã hội và phát triển cộng

đồng. Qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý, cán bộ kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh, tổng hợp, phản ánh và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Điều này thể hiện khả năng kết hợp giữa tri thức, kinh nghiệm thực tiễn, tính chủ động và trách nhiệm công vụ, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng thích ứng của địa phương. Năng lực thực thi còn thể hiện ở việc thực hiện đúng chức trách, thẩm quyền, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Việc công khai quy trình, nâng cao trách nhiệm trong giải quyết công việc và tạo điều kiện để Nhân dân kiểm tra, giám sát đã góp phần gắn hiệu quả thực thi công vụ với trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Cùng với đó, tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và ý thức giữ vững kỷ luật, kỷ cương công vụ được thể hiện ngày càng rõ. ĐNCB chủ chốt cấp xã chú trọng thực hiện chức trách, quyền hạn trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Đảng, quy chế làm việc và các quy định có liên quan; tuân thủ thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đề cao tính khách quan, công khai và trách nhiệm trong giải quyết công việc. Tinh thần thượng tôn pháp luật còn được thể hiện qua trách nhiệm nêu gương của cán bộ chủ chốt. Sự gương mẫu trong chấp hành pháp luật, giữ gìn phẩm chất đạo đức, thực hiện đúng chức trách và tận tụy phục vụ Nhân dân góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực hoạt động của HTCT ở cơ sở. Điều này phù hợp với nhận định: *“Có ĐNCB, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy, gắn bó máu thịt với Nhân dân, được Nhân dân ủng hộ, thì Đảng đó có sức mạnh vô địch, không thể lực nào ngăn cản nổi trên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên”* [75, tr.226]. Những đổi mới trong công tác cán bộ và kiểm soát quyền lực tiếp tục tạo điều kiện củng cố trách nhiệm công vụ và kỷ luật, kỷ cương. Đại hội XIII của Đảng nhận định: *“Công tác cán bộ là ‘then chốt của then chốt’ có nhiều đổi mới, đạt một số kết quả quan trọng. Việc chống chạy chức, chạy quyền được coi trọng, đã có tác động cảnh báo, răn đe và ngăn chặn”* [35, tr.30]. Qua đó, yêu cầu về năng lực, phẩm chất, trách nhiệm và thực thi quyền lực đúng nguyên tắc, đúng thẩm quyền ngày càng được đề cao. Thông qua thực thi công vụ, cán bộ chủ chốt cấp xã còn trực tiếp đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống. Hoạt động tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của Nhân dân và tạo điều kiện để Nhân dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền. Vì vậy, thượng tôn pháp luật không chỉ thể hiện ở sự tuân thủ của cán bộ mà còn ở trách nhiệm tổ chức thực hiện và xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật trong cộng đồng.

Năng lực thực thi, năng lực phát triển, trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đã có những chuyển biến tích cực. Sự gắn kết giữa năng lực thực thi - trách nhiệm công vụ - thượng tôn pháp luật - phục vụ Nhân dân cho thấy VHCT của đội ngũ ngày càng được biểu hiện cụ thể trong hoạt động thực tiễn, góp phần đưa chủ trương, chính sách vào cuộc sống, nâng cao hiệu lực quản trị và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập trên cả phương diện nhận thức, giá trị, chuẩn mực, hệ tư tưởng, niềm tin, hành vi và năng lực thực hành chính trị. Những hạn chế này không mang tính phổ biến tuyệt đối, song phản ánh sự phát triển chưa đồng đều về chất lượng VHCT giữa các địa phương, giữa các nhóm cán bộ và giữa yêu cầu của thời kỳ phát triển mới với năng lực thực tế của một bộ phận ĐNCB cơ sở hiện nay.

3.3.2.1. Về nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa thật sự đồng đều

Cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, có sự chênh lệch về trình độ giữa các địa phương, một số địa phương còn thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là ở những vùng khó khăn, biên giới. Một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã tri thức chính trị chưa được cập nhật kịp thời, vẫn còn thụ động trong việc học tập, chưa chủ động cập nhật kiến thức mới về chính trị, kinh tế, xã hội. Hạn chế về tri thức chính trị: nhiều vấn đề thực tiễn bức xúc chưa được lý giải về lý luận và chưa kịp thời đúc rút kinh nghiệm. Nếu thiếu năng lực nhận thức, tri thức chính trị và chuyên môn sẽ không được tiếp nhận và nội hóa, dẫn đến VHCT không thể hình thành và phát triển.

Trình độ nhận thức và tri thức chính trị của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã còn hạn chế và chưa đồng đều. Một số cán bộ chưa chủ động cập nhật kiến thức mới về chính trị, kinh tế - xã hội và quản trị địa phương; việc học tập, nghiên cứu LLCT ở một số trường hợp còn thụ động. Khả năng vận dụng lý luận để nhận diện, phân tích và giải quyết những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn cơ sở còn có mặt hạn chế; một số vấn đề thực tiễn chưa được kịp thời tổng kết, khái quát thành kinh nghiệm phục vụ lãnh đạo, quản lý.

Bảng 3.9. Một số chỉ báo về trình độ lý luận chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL

Trình độ	Tỷ lệ (%)
Sơ cấp và chưa qua đào tạo	28,07
Khác	18,90

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Số liệu trên cho thấy vẫn còn một tỷ lệ đáng lưu ý cán bộ thuộc nhóm sơ cấp và chưa qua đào tạo LLCT (28,07%). Đây là vấn đề cần quan tâm bởi nền tảng LLCT có quan hệ trực tiếp với khả năng tiếp nhận, phân tích và vận dụng tri thức chính trị vào hoạt động thực tiễn. Trong điều kiện nhiệm vụ của cấp xã ngày càng đa dạng và phức tạp, hạn chế về nền tảng LLCT có thể ảnh hưởng đến khả năng cập nhật kiến thức, nhận diện vấn đề và vận dụng chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương.

Bảng 3.10. Đánh giá mức độ nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Rất hạn chế (%)	Hạn chế (%)
1	Tri thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5	7,5

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy 7,5% ý kiến đánh giá tri thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở mức hạn chế và 2,5% ở mức rất hạn chế, tổng cộng 10,0%. Mặc dù không chiếm tỷ lệ lớn, kết quả này cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ có nền tảng tri thức chính trị chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Hạn chế này có thể làm giảm khả năng phân tích, dự báo, vận dụng lý luận vào xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở, nhất là trước những yêu cầu mới của chuyển đổi số, đổi mới quản trị và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đáng chú ý, hạn chế về nhận thức chính trị không chỉ nằm ở lượng tri thức được trang bị mà còn ở khả năng cập nhật, nội hóa và vận dụng tri thức vào thực tiễn. Khi cán bộ thiếu tính chủ động trong học tập, cập nhật kiến thức hoặc năng lực gắn lý luận với thực tiễn còn hạn chế thì tri thức chính trị khó chuyển hóa đầy đủ thành bản lĩnh, phương pháp tư duy và năng lực giải quyết công việc. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho chất lượng VHCT giữa các nhóm cán bộ và các địa phương chưa thật sự đồng đều.

3.3.2.2. Khoảng cách giữa giá trị chính trị với quá trình hiện thực hóa trong thực tiễn vẫn còn khá rõ

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, một hạn chế đáng chú ý trong VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là khoảng cách nhất định giữa sự nhận thức, thừa nhận các giá trị chính trị với quá trình hiện thực hóa các giá trị đó trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ. Mặc dù các giá trị chính trị cốt lõi đã được tiếp nhận và thể hiện tương đối rõ trong nhận thức của phần lớn cán bộ, song việc chuyển hóa thành hành vi chính trị ổn định, phong cách công vụ chuyên nghiệp và hiệu quả phục vụ Nhân dân vẫn chưa thật sự đồng đều.

Bảng 3.11. Đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Yếu (%)	Trung bình (%)
1	Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với chế độ XHCN; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc	2,5	2,3
2	Yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân	3,6	4,8
3	Trung thành đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng	1,6	4,3
4	Giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa “làng” và “nước”	4,1	4,4

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy hạn chế biểu hiện không đồng đều giữa các giá trị. Đối với giá trị yêu nước, trung thành với Tổ quốc và tận tâm phụng sự Tổ quốc, tỷ lệ đánh giá ở mức yếu và trung bình là 4,8%; trung thành với Đảng và lý tưởng cách mạng là 5,9%; trong khi yêu thương dân, gần gũi và hết lòng phục vụ Nhân dân là 8,4%; giải quyết hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước” là 8,5%. Mặc dù các tỷ lệ này không lớn, sự gia tăng ở những tiêu chí gắn trực tiếp với quan hệ với Nhân dân và xử lý lợi ích trong thực tiễn cho thấy việc chuyển hóa giá trị chính trị thành hành vi cụ thể ở một bộ phận cán bộ vẫn còn hạn chế.

Khoảng cách này còn thể hiện qua sự khác biệt giữa các giá trị mang tính định hướng, lý tưởng với những giá trị đòi hỏi phải được thực hành thường xuyên trong hoạt động công vụ. Trong khi lòng yêu nước, sự trung thành và bản lĩnh chính trị được đánh giá tương đối cao, thì một số nội dung gắn trực tiếp với thực hành công vụ như tính vô tư, khách quan, công minh, tinh thần xây dựng và cầu thị có mức đánh giá thấp hơn. Điều đó cho thấy việc nhận thức và thừa nhận các giá trị chính trị chưa phải lúc nào cũng được chuyển hóa đầy đủ thành phương thức ứng xử, thái độ phục vụ và hành vi thực thi quyền lực trong thực tiễn.

Ở một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vẫn còn những biểu hiện dao động về nhận thức, giảm sút ý chí phấn đấu, thiếu chủ động trong tu dưỡng và rèn luyện; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và việc thực hành các chuẩn mực đạo đức công vụ có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Cá biệt còn có những biểu hiện quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà, thiếu tận tâm, thiếu công khai, minh bạch hoặc vụ lợi trong thực thi nhiệm vụ. Những biểu hiện này cho thấy khoảng cách giữa giá trị được nhận thức với giá trị được thực hành vẫn là vấn đề cần được quan tâm trong xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đáng chú ý, hạn chế trong hiện thực hóa các giá trị chính trị còn thể hiện trong mối quan hệ với Nhân dân. Một bộ phận cán bộ chưa thể hiện đầy đủ tinh thần gần dân, trọng dân, tận tụy phục vụ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Tỷ lệ 8,4% ý kiến đánh giá ở mức yếu và trung bình đối với tiêu chí yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân là chỉ báo cần được lưu ý. Bởi lẽ, đối với cán bộ cấp xã - cấp trực tiếp tiếp xúc và giải quyết nhiều công việc liên quan đến đời sống của Nhân dân - giá trị chính trị chỉ thực sự có ý nghĩa khi được biểu hiện thành thái độ, trách nhiệm và hành vi phục vụ cụ thể.

Bên cạnh đó, khả năng giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong thực tiễn còn là một điểm hạn chế. Có 4,1% ý kiến đánh giá yếu và 4,4% đánh giá trung bình đối với khả năng giải quyết hài hòa lợi ích giữa “làng” và “nước”. Đây là nội dung có tỷ lệ yếu và trung bình cao nhất trong bốn giá trị được khảo sát, cho thấy một bộ phận cán bộ còn gặp

khó khăn trong việc kết hợp giữa yêu cầu chung với điều kiện cụ thể của địa phương, giữa lợi ích cộng đồng với lợi ích của Nhà nước và giữa những yêu cầu trước mắt với mục tiêu phát triển lâu dài.

Mặt khác, khoảng cách giữa giá trị và thực hành giá trị còn đặt ra trước những yêu cầu mới của quản trị địa phương. Nếu các giá trị truyền thống nhấn mạnh lòng trung thành, tận tụy, gần dân và trách nhiệm thì quản trị hiện đại đồng thời đòi hỏi công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, tinh thần cầu thị, khả năng thích ứng, đổi mới và kiểm soát quyền lực. Vì vậy, những biểu hiện quan liêu, xa dân, thiếu trách nhiệm, thiếu minh bạch hoặc lạm dụng quyền lực, dù chỉ xuất hiện ở một bộ phận cán bộ, đều có thể ảnh hưởng đến chất lượng VHCT và niềm tin của Nhân dân. Đây cũng là vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc trong mối liên hệ với cảnh báo về sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” - khoảng cách có thể chỉ là “một bước ngắn, thậm chí rất ngắn” như Đảng đã cảnh báo.

3.3.2.3. Khoảng cách giữa hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị với quá trình hiện thực hóa trong thực tiễn vẫn còn khá rõ

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị của một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL chưa thật sự vững chắc và chưa được chuyển hóa đồng đều thành hành động chính trị trong thực tiễn. Đây là một hạn chế cần lưu ý, bởi các yếu tố này không chỉ tạo nền tảng định hướng nhận thức mà còn chi phối bản lĩnh, thái độ, động cơ và hành vi của cán bộ trong quá trình lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ.

Bảng 3.12. Đánh giá mức độ thể hiện hệ tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Rất hạn chế (%)	Hạn chế (%)
1	Tri thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5	7,5
2	Hệ tư tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,3	4,7
3	Niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5	5,1
4	Lý tưởng, tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	1,6	7,1

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy bên cạnh tỷ lệ đánh giá tốt chiếm ưu thế, vẫn còn một bộ phận cán bộ được đánh giá ở mức hạn chế và rất hạn chế. Cụ thể, hệ tư tưởng chính trị có 7,0% ý kiến đánh giá hạn chế và rất hạn chế; niềm tin chính trị là 7,6%; lý tưởng, tình cảm chính trị là 8,7%. Đáng chú ý, niềm tin chính trị có tỷ lệ đánh giá tốt thấp nhất trong các nội dung trên, đạt 84,7%. Những số liệu này cho thấy hệ tư tưởng, lý tưởng và niềm tin

chính trị nhìn chung được duy trì ở mức tích cực, nhưng độ vững chắc và mức độ chuyên hóa thành động lực hành động ở một bộ phận cán bộ vẫn còn những hạn chế nhất định.

Trước hết, bản lĩnh, niềm tin và sự kiên định lý tưởng chính trị của một bộ phận cán bộ chưa thật sự vững chắc. Một số cán bộ, đảng viên còn có biểu hiện giảm sút ý chí phấn đấu, ngại khó, ngại khổ; việc tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng chính trị có lúc chưa thường xuyên. Đảng đã chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng” [36, tr.168]. Nhận định này cho thấy việc củng cố nền tảng tư tưởng, lý tưởng và niềm tin chính trị vẫn là yêu cầu thường xuyên đối với đội ngũ cán bộ.

Sự chuyển hóa từ hệ tư tưởng, lý tưởng và niềm tin chính trị thành ý thức trách nhiệm và hành động thực tiễn ở một bộ phận cán bộ chưa thật sự đồng bộ. Niềm tin và lý tưởng chính trị chỉ thực sự trở thành bộ phận bền vững của VHCT khi được thể hiện thông qua ý thức trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần chủ động và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ, việc chấp hành quy định, kỷ luật, kỷ cương có lúc chưa nghiêm; tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Điều đó cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa những giá trị tư tưởng được nhận thức, tin tưởng với mức độ hiện thực hóa chúng trong hành vi chính trị và thực thi công vụ.

Năng lực nhận diện và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng ở một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Trước sự đa dạng, phức tạp của môi trường thông tin, đặc biệt trên không gian mạng, việc nhận diện, phân tích và xử lý thông tin đòi hỏi cán bộ không chỉ có lập trường chính trị mà còn phải có kiến thức, kỹ năng và khả năng lập luận. Trong thực tiễn, việc nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính thuyết phục chưa cao. Điều này cho thấy niềm tin chính trị chưa phải lúc nào cũng được chuyển hóa đầy đủ thành năng lực bảo vệ và thực hành hệ tư tưởng trong những điều kiện mới.

Mặt khác, hạn chế về lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị còn có thể ảnh hưởng đến động cơ công vụ, tinh thần trách nhiệm và mối quan hệ giữa cán bộ với Nhân dân. Khi lý tưởng và niềm tin chưa đủ vững chắc hoặc chưa được nội hóa thành động lực hành động thường xuyên, tính chủ động, tinh thần dấn thân, trách nhiệm nêu gương và ý thức phục vụ Nhân dân có thể bị ảnh hưởng. Vì vậy, vấn đề không chỉ là củng cố nhận thức về hệ tư tưởng mà quan trọng hơn là làm cho hệ tư tưởng trở thành nền tảng định hướng, niềm tin trở thành động lực, lý tưởng trở thành mục tiêu và tình cảm chính trị trở thành sức mạnh thúc đẩy hành động thực tiễn của người cán bộ.

3.3.2.4. Khoảng cách giữa chuẩn mực chính trị với quá trình hiện thực hóa trong thực tiễn vẫn còn khá rõ

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ chưa thường xuyên, một số suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng; đặc biệt tiền tài, vật chất, địa vị, danh vọng, chức quyền đã che mờ lý trí, làm choáng ngợp một bộ phận cán bộ, đã không giữ được mình; từ bỏ mục tiêu, lý tưởng, phụ sự tin tưởng của Đảng, kỳ vọng của Nhân dân bất chấp liêm sỉ. Bởi lòng tham và sự ích kỷ đã khiến họ kéo bè, kéo cánh, liên kết với nhau để tham nhũng, thiếu tu dưỡng và rèn luyện, vấp sa vào chủ nghĩa cá nhân, bất chấp kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước, danh dự, uy tín của bản thân; đã để lại hậu quả nặng nề, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào ĐNCB này.

Chính sự thiếu tu dưỡng ĐĐCM là Cẩn Kiệm Liêm Chính, Chí công vô tư và những cảnh báo về sự bất Liêm, bất Chính, tha hóa, biến chất của những con sâu mọt ấy đã làm tổn thương đến danh dự bản thân, giảm lòng tin của Nhân dân với Đảng, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Đảng. Chưa thống nhất trong nhận thức và hành động về hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam; một số biểu hiện suy thoái lối sống, văn hoá ứng xử, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng; quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ; chưa nêu cao ý thức trách nhiệm trước Đảng và Nhân dân còn diễn biến phức tạp.

Mặt trái, mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, với sức cám dỗ và thế lực của đồng tiền đã chi phối mạnh mẽ, trắng trợn, chà đạp lên đạo lý thông thường và thế lực đồng tiền cũng đã, đang và sẽ tiếp tục làm xuất hiện xu hướng thương mại hóa: thương mại hóa quyền lực, thương mại hóa tình cảm, thương mại hóa tri thức, thương mại hóa nhân cách đạo đức, thương mại hóa văn hóa truyền thống dân tộc. Lối sống chạy theo đồng tiền đã bất chấp pháp luật; quan liêu, hạch sách, những nhiều, của quyền, vô cảm trước những yêu cầu bức xúc chính đáng của người dân; coi chức trách của mình là phương tiện để vùi vĩnh tiền của người dân, đòi hỏi đút lót, hối lộ, quà cáp, biếu xén; thậm chí trù dập, ức hiếp Nhân dân; coi việc thực thi công vụ, phục vụ Nhân dân như là việc ban phát ân huệ của mình cho người dân, gây bất bình và phản ứng của dân. Nguy hiểm hơn, những giá trị đạo đức của dân tộc “dần mai một hoặc từng bước bị gặm nhấm bởi những thứ văn hóa, đạo đức ngoại lai” [20, tr.39-44].

Vẫn tồn tại một số cán bộ chủ chốt cấp xã có biểu hiện nhượng bộ theo lối xuề xòa, vô nguyên tắc, hướng tới hòa thuận bằng mọi giá, thiếu chính kiến, không phân biệt rõ đúng - sai, không dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Những biểu hiện này phản ánh căn

bệnh “dĩ hòa vi quý”, làm giảm hiệu quả lãnh đạo, quản lý và tác động tiêu cực đến uy tín chính trị của cán bộ. Thực tiễn cho thấy, cán bộ sa ngã thường bắt nguồn từ lối sống buông thả, thiếu tu dưỡng, tham tiền, thiếu trung thực, vi phạm đạo đức công vụ, ứng xử thiếu văn hóa nơi công sở, không tiếp thu phê bình và phản biện.

3.3.2.5. Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn chậm thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực là sự biểu hiện trực tiếp của văn hóa chính trị trong hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã. Đây không chỉ là kết quả của tri thức, niềm tin, giá trị và chuẩn mực chính trị mà còn phản ánh năng lực chuyển hóa những yếu tố đó thành phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu này càng trở nên quan trọng, bởi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã phải thích ứng với những thay đổi về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; đồng thời nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, năng lực phối hợp, khả năng ứng dụng công nghệ số và trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ.

Thực tiễn cho thấy, kỹ năng thực hành chính trị của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long chưa đồng đều; việc vận dụng tri thức, lý luận và các chuẩn mực chính trị vào giải quyết những vấn đề cụ thể ở cơ sở có lúc còn lúng túng. Năng lực quản lý, điều hành và xử lý các tình huống chính trị - xã hội phức tạp ở một số cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Tư duy đổi mới, sáng tạo và khả năng thích ứng với phương thức quản trị hiện đại còn những hạn chế nhất định; ở một số nơi vẫn chịu ảnh hưởng của tư duy hành chính truyền thống, chưa mạnh dạn đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, cải cách hành chính và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong thực thi công vụ. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu nâng cao khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trước những thay đổi trong tổ chức và vận hành chính quyền địa phương hai cấp.

Bảng 3.13. Đánh giá mức độ thể hiện hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình
1	Hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị	4,1%	4,0%

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị, có 4,1% ý kiến đánh giá ở mức yếu và 4,0% ở mức trung bình. Mặc dù tỷ lệ đánh giá ở hai mức này không cao, kết quả vẫn cho thấy còn một bộ phận cán bộ mà hành vi sử dụng

và kiểm soát quyền lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Vì vậy, vấn đề cần quan tâm không phải là khái quát hạn chế cho toàn bộ đội ngũ mà là nhận diện những biểu hiện chưa phù hợp trong thực thi quyền lực ở một bộ phận cán bộ để có giải pháp khắc phục.

Trong thực tiễn, một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã còn biểu hiện quan liêu, thiếu sâu sát cơ sở, chưa thường xuyên nắm chắc tình hình địa phương cũng như tâm tư, nguyện vọng và những yêu cầu chính đáng của Nhân dân; công tác kiểm tra, đôn đốc có lúc chưa thường xuyên, tính chủ động trong tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Cá biệt còn có những biểu hiện lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân; dung túng, bao che cho hành vi tiêu cực hoặc vi phạm các chuẩn mực đạo đức công vụ. Những biểu hiện này, dù không phải là đặc trưng phổ biến của toàn bộ đội ngũ, đều phản ánh sự lệch chuẩn trong hành vi chính trị và phương thức sử dụng quyền lực, làm ảnh hưởng đến hiệu lực thực thi công vụ và niềm tin của Nhân dân đối với cán bộ và chính quyền cơ sở.

Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách ở một số nơi còn biểu hiện hình thức; tính chủ động trong tham mưu chưa cao, sự phối hợp trong giải quyết công việc có lúc chưa đồng bộ; tư duy đổi mới và cải cách hành chính chưa thật sự mạnh mẽ. Trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, những hạn chế này càng đặt ra yêu cầu đối với cán bộ chủ chốt cấp xã phải nhanh chóng thích ứng với những thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức quản trị. Cán bộ không chỉ phải nắm vững phạm vi quyền hạn mà còn phải biết sử dụng quyền lực đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng quy trình, đồng thời gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

Bảng 3.14. Đánh giá mức độ thể hiện trách nhiệm giải trình trước Nhân dân của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình
1	Trách nhiệm giải trình trước Nhân dân	2,5%	6,2%

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với trách nhiệm giải trình trước Nhân dân, có 2,5% ý kiến đánh giá ở mức yếu và 6,2% ở mức trung bình. Các tỷ lệ này không lớn nhưng cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ mà việc thực hiện trách nhiệm giải trình chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính chủ động, công khai, minh bạch, khả năng giải thích và trách nhiệm đối với kết quả thực thi công vụ.

Nhận thức và thực hiện trách nhiệm giải trình ở một bộ phận cán bộ chưa thật sự đầy đủ và chủ động; giải trình có lúc còn thiên về đáp ứng yêu cầu khi phát sinh vụ việc, chưa thực sự trở thành trách nhiệm thường xuyên gắn với toàn bộ quá trình thực thi quyền lực. Việc công khai, cung cấp thông tin và giải thích các quyết định ở một số nơi chưa kịp

thời, đầy đủ và rõ ràng. Một số thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân chưa được cung cấp một cách thuận lợi; căn cứ, quy trình, thẩm quyền, phương án và tiến độ giải quyết công việc trong một số trường hợp chưa được giải thích thấu đáo, qua đó làm hạn chế điều kiện để Nhân dân theo dõi và giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở.

Chất lượng đối thoại, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của Nhân dân chưa đồng đều. Một số cán bộ còn hạn chế về kỹ năng lắng nghe, đối thoại, giải thích và xử lý những ý kiến khác biệt; việc phản hồi kiến nghị có lúc chưa kịp thời hoặc chưa gắn rõ với phương án, trách nhiệm và tiến độ giải quyết. Việc gắn trách nhiệm giải trình với trách nhiệm cá nhân và kết quả thực thi công vụ trong một số trường hợp chưa thật rõ; còn biểu hiện né tránh, đùn đẩy hoặc chưa xác định cụ thể chủ thể chịu trách nhiệm, từ đó làm giảm tính thực chất của hoạt động giải trình và hiệu quả kiểm soát quyền lực.

Việc ứng dụng công nghệ số trong thực hiện trách nhiệm giải trình cũng chưa đồng đều. Công khai thông tin, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của Nhân dân thông qua các nền tảng và kênh số ở một số nơi chưa phát huy đầy đủ hiệu quả, làm hạn chế khả năng tiếp cận thông tin và tương tác của người dân với chính quyền cơ sở. Trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hạn chế này cần được khắc phục, bởi yêu cầu quản trị hiện đại đòi hỏi cán bộ cấp xã không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ mà còn phải thích ứng với quản trị số, tăng cường công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao khả năng tương tác với Nhân dân.

Trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, những hạn chế trên đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã theo hướng dân chủ, pháp quyền, công khai, minh bạch, trách nhiệm và phục vụ Nhân dân. Quyền lực phải được thực thi đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm giải trình, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát và kiểm soát có hiệu quả. Đây không chỉ là yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở mà còn là điều kiện để các giá trị và chuẩn mực văn hóa chính trị được chuyển hóa thành hành vi thực tiễn, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn mới.

3.3.2.6. Năng lực chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn chậm thích ứng với yêu cầu quản trị hiện đại, chuyển đổi số và phát triển mới

Bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực chính trị của một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL còn hạn chế và chậm thích ứng với yêu cầu quản trị hiện đại, chuyển đổi số và những yêu cầu phát triển mới.

Bảng 3.15. Đánh giá mức độ thể hiện năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã

STT	Nội dung đánh giá	Rất hạn chế (%)	Hạn chế (%)
1	Năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5	10,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh tỷ lệ đánh giá tích cực chiếm ưu thế, năng lực chính trị của một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã vẫn còn những hạn chế nhất định. Có 10,0% ý kiến đánh giá ở mức hạn chế và 2,5% ở mức rất hạn chế, tổng cộng 12,5%. Tỷ lệ này cho thấy năng lực chính trị của đội ngũ chưa thật sự đồng đều; một bộ phận cán bộ vẫn chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu ngày càng cao đặt ra đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ ở cơ sở.

Trước hết, năng lực vận dụng lý luận và tri thức chính trị vào thực tiễn của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Trước những vấn đề ngày càng đa dạng ở cơ sở, cán bộ không chỉ cần nắm vững chủ trương, chính sách và pháp luật mà còn phải có khả năng phân tích tình hình, nhận diện vấn đề, dự báo, lựa chọn phương án và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể. Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ, phương thức xử lý công việc còn dựa nhiều vào kinh nghiệm; khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào giải quyết những tình huống mới, phức tạp chưa cao. Điều này cho thấy năng lực chính trị chưa được chuyển hóa đầy đủ thành năng lực thực hành và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Đặc biệt, những yêu cầu của lãnh đạo và quản trị trong kỷ nguyên mới đang đặt ra chuẩn năng lực ngày càng cao đối với đội ngũ cán bộ, thể hiện ở bốn phương diện: tầm nhìn trăm năm, tư duy đột phá, kiến tạo phát triển và quản trị thực thi. Trong đó, tầm nhìn dài hạn gắn với khả năng chủ động định hướng tương lai; tư duy đột phá gắn với lựa chọn, đổi mới và tạo chuyển biến; kiến tạo phát triển gắn với tổ chức, điều hành và khơi thông nguồn lực; quản trị thực thi hướng đến chuyển hóa quyết sách thành kết quả cụ thể. Đây là những yêu cầu có quan hệ chặt chẽ từ tầm nhìn đến hành động, từ quyết sách đến kết quả.

Tư duy đổi mới và năng lực kiến tạo phát triển của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Trong điều kiện phát triển mới, cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính mà còn phải có khả năng nhận diện tiềm năng, phát hiện điểm nghẽn, lựa chọn vấn đề ưu tiên, huy động và phối hợp các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ, tư duy quản lý theo kinh nghiệm, tâm lý ngại thay đổi và khả năng chủ động đề xuất những phương án mới vẫn là những yếu tố hạn chế quá trình chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển.

Năng lực quản trị thực thi còn những mặt hạn chế. Năng lực chính trị trong điều kiện mới không chỉ thể hiện ở khả năng nhận thức và ban hành quyết định mà còn ở khả năng tổ chức đưa quyết định vào thực tiễn và tạo ra kết quả. Điều này đòi hỏi cán bộ phải

xác định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, thời gian và kết quả; đồng thời có khả năng phối hợp, kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện. Tuy nhiên, ở một bộ phận cán bộ, việc tổ chức thực hiện, phối hợp và theo dõi kết quả công việc chưa thật sự đồng bộ; phương thức xử lý công việc còn dựa nhiều vào kinh nghiệm, làm hạn chế hiệu quả quản trị thực thi.

Năng lực công tác và năng lực phát triển của một bộ phận cán bộ còn chưa đồng đều. Đây là hai phương diện quan trọng phản ánh khả năng chuyển hóa năng lực chính trị thành kết quả hoạt động thực tiễn. Năng lực công tác thể hiện ở khả năng tham mưu, tổ chức, điều hành, phối hợp, kiểm tra, xử lý tình huống và giải quyết công việc theo chức trách, nhiệm vụ; đồng thời đòi hỏi cán bộ phải có khả năng biến chủ trương, quyết định thành công việc cụ thể và chịu trách nhiệm về kết quả. Trong khi đó, năng lực phát triển thể hiện ở khả năng nhìn xa, dự báo, nhận diện tiềm năng và điểm nghẽn, xác định ưu tiên, huy động và kết nối nguồn lực, thúc đẩy đổi mới và kiến tạo những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của địa phương.

Trong điều kiện mới, hai loại năng lực này có quan hệ chặt chẽ nhưng không đồng nhất: năng lực công tác giúp cán bộ thực hiện tốt những nhiệm vụ hiện tại, còn năng lực phát triển giúp cán bộ chủ động kiến tạo những điều kiện và động lực cho tương lai. Hạn chế của một bộ phận cán bộ là khả năng kết hợp hai phương diện này chưa thật sự đồng bộ; có trường hợp thực hiện được các nhiệm vụ thường xuyên nhưng khả năng dự báo, đề xuất sáng kiến, huy động nguồn lực và xử lý những vấn đề mới còn hạn chế. Vì vậy, yêu cầu nâng cao năng lực cán bộ cấp xã hiện nay cần chuyển từ chỗ chủ yếu nhấn mạnh “làm đúng việc được giao” sang đồng thời nâng cao khả năng “làm tốt công việc hiện tại và kiến tạo sự phát triển trong tương lai”.

Năng lực số và khả năng ứng dụng công nghệ trong quản trị còn chưa đồng đều. Chuyển đổi số không chỉ đòi hỏi kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn yêu cầu thay đổi tư duy quản trị, quy trình làm việc, phương thức khai thác dữ liệu và cách thức tương tác với Nhân dân. Một bộ phận cán bộ còn hạn chế trong khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số và tổ chức giải quyết công việc trên môi trường điện tử. Điều này tạo ra khoảng cách giữa phương thức làm việc truyền thống với yêu cầu quản trị dựa trên công nghệ, dữ liệu và kết quả. Việc nâng cao năng lực quản lý gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chính quyền địa phương hai cấp cũng đang được đặt thành nhiệm vụ trong các chương trình hiện hành.

3.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế trong VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định, đúng như Đảng ta đã nhiều lần khẳng định.

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần cảnh báo về nguy cơ tha hóa của cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt trong điều kiện Đảng cầm quyền. Khi Đảng cầm quyền, cán bộ chủ chốt là những người nắm giữ các cương vị chủ chốt trong bộ máy nhà nước, quản lý các cấp xã kinh tế và nguồn tài sản công cộng nên dễ mắc phải sai phạm vì những động cơ xấu xa; khi vi phạm cũng có nhiều cách để chống chế, lẩn tránh. Đồng thời, nguy cơ cách biệt giữa cán bộ và quần chúng Nhân dân xuất hiện, hình thành căn bệnh quan liêu.

Thứ nhất, mặt trái của cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế tác động mạnh mẽ đến nhận thức chính trị của một bộ phận cán bộ. Trong điều kiện tiếp cận nhiều quan điểm chính trị khác nhau nhưng thiếu “bộ lọc tư tưởng” vững chắc, nhiều cán bộ dễ dao động, bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân và lợi ích nhóm, dẫn đến suy giảm bản lĩnh, năng lực phân tích, phản biện và định hướng chính trị. Các kẽ hở cơ chế, áp lực cuộc sống khiến “một số cán bộ sa vào chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm”; thực trạng tham nhũng, lãng phí phản ánh sự suy thoái về đạo đức và tư tưởng chính trị trong một bộ phận cán bộ. Quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN trong điều kiện hệ thống chính sách, pháp luật còn chưa đồng bộ, chậm điều chỉnh và còn sơ hở đã tạo ra môi trường dễ phát sinh tiêu cực.

Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và môi trường truyền thông đa chiều. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và sự bùng nổ của mạng xã hội khiến cán bộ tiếp cận nhiều luồng thông tin, quan điểm chính trị khác nhau. Trong khi đó, thiếu “bộ lọc tư tưởng” và năng lực phản biện, một bộ phận cán bộ dễ bị chi phối bởi thông tin sai lệch, lối sống thực dụng, hoặc các giá trị ngoại lai không phù hợp, làm suy giảm niềm tin và bản lĩnh chính trị.

Tác động của toàn cầu hóa, văn hóa phương Tây và môi trường truyền thông hiện đại làm xói mòn các giá trị truyền thống, tạo ra nguy cơ “nhiều loạn thông tin”. Các thế lực thù địch sử dụng mạng xã hội và truyền thông để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, làm xuất hiện những lỗ hổng trong niềm tin chính trị của một bộ phận cán bộ. Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao.

Thứ hai, đặc thù kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL. Đây là khu vực chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, điều kiện cấp xã vật chất của bộ máy hành chính cấp xã còn hạn chế, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số và đổi mới quản trị chưa đồng đều. Hệ thống hành chính ở nhiều xã còn cồng kềnh, thủ tục phức tạp, thiếu linh hoạt, làm giảm hiệu quả thực thi chính sách và các giá trị chính trị. Bên cạnh đó, các mối quan hệ xã hội - chính trị tại cấp xã đôi khi chịu tác động của yếu tố dòng họ, quan hệ thân quen hoặc lợi ích nhóm,

ảnh hưởng đến tính khách quan, minh bạch trong quyết định chính trị. Bên cạnh đó, các yếu tố kinh tế vĩ mô như khó khăn hậu đại dịch covid-19, bất ổn kinh tế, thất nghiệp gia tăng, nợ công và phá sản doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến tinh thần, niềm tin và ý chí phấn đấu của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã.

Thứ ba, trước những biến động chính trị phức tạp trên thế giới, trong khu vực cho nên một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã ĐBSCL không đủ bản lĩnh, khả năng phân tích và nhận thức tình hình, đã hoang mang đi đến sùng bái phương Tây, tự hạ thấp những giá trị truyền thống dân tộc và cách mạng. Những vấn đề đó, ít nhiều có tác động tiêu cực đến sự phát triển hoàn thiện VHCT trong ĐNCB chủ chốt cấp xã ĐBSCL hiện nay. Vì vậy, cần phải có những giải pháp tích cực, phù hợp để nâng cao VHCT của ĐN này trong thời gian tới.

Thứ tư, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, lợi dụng những vấn đề nội tại như tham nhũng, tiêu cực, suy thoái đạo đức để xuyên tạc, kích động, làm xói mòn niềm tin chính trị. “Sự bùng nổ các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới kéo theo sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hóa gây xung đột giá trị và tác động tiêu cực đến việc gìn giữ và phát huy giá trị lịch sử, truyền thống của dân tộc” [25].

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức về vị trí, vai trò của VHCT chưa toàn diện và sâu sắc. Việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước còn chậm, chưa đồng bộ. “Môi trường văn hóa chưa thật sự lành mạnh, đạo đức xã hội còn biểu hiện xuống cấp, mất bản sắc” [25].

Công tác giáo dục LLCT ở một số địa phương còn mang tính hình thức. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chưa được cập nhật nội dung thực tiễn, chưa chú trọng phương pháp truyền đạt sinh động, thiếu gắn kết giữa lý luận và thực tiễn; vẫn nặng về truyền đạt một chiều, chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo và phản biện của người học. Tình trạng “chuộng bằng cấp, nhẹ thực chất” khiến nhiều cán bộ học lý luận chủ yếu để có chứng chỉ phục vụ công tác cán bộ, chưa coi trọng tri thức như công cụ nâng cao năng lực hành động chính trị. Áp lực công việc hành chính lớn, điều kiện học tập và nghiên cứu hạn chế càng làm giảm hiệu quả tự học của cán bộ.

Thứ hai, công tác giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng ở một số nơi còn mang tính hình thức, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm; tự phê bình và phê bình chưa thực chất, còn nể nang, né tránh, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, nhất là người đứng đầu, chưa phát huy hiệu quả lan tỏa, văn hóa đối thoại dân chủ trong nội bộ chưa được xây dựng đầy đủ. Đồng thời, cơ chế tuyên dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ còn nhiều bất cập; công tác đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả thấp, chưa gắn với

quy hoạch và sử dụng; tiêu chuẩn quy hoạch còn chung chung; luân chuyển cán bộ chưa trở thành nền nếp; công tác kiểm tra, quản lý và bảo vệ chính trị nội bộ có nơi còn buông lỏng; chính sách cán bộ thiếu nhất quán, chưa tạo động lực và thu hút, phát huy người có năng lực.

Thứ ba, “một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung” [36, tr.79], lỗ hổng trong cơ chế kiểm soát quyền lực và giám sát khiến một bộ phận cán bộ lạm dụng quyền lực, vi phạm pháp luật và đạo đức công vụ. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế; một số cán bộ hiểu pháp luật nhưng chưa thực sự coi trọng việc tuân thủ, dẫn đến hành vi làm khó dân hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, nhóm. Thực thi pháp luật chưa hiệu quả, chấp hành pháp luật có nơi chưa nghiêm, việc giám sát chưa chặt chẽ, chi phí tuân thủ pháp luật còn cao. Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích và bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm cả ở khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Tham nhũng, lãng phí ở một số nơi còn nghiêm trọng. Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra còn chồng chéo” [36, tr.76].

Thứ tư, từ phía bản thân cán bộ, một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL còn hạn chế về ý thức trách nhiệm và tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, bản lĩnh chính trị; biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tâm lý an phận, ngại học tập, đổi mới vẫn tồn tại. Một số cán bộ bản lĩnh chính trị chưa vững, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống; “nói không đi đôi với làm”, chưa gắn bó mật thiết với Nhân dân; chịu ảnh hưởng của tư duy hành chính mệnh lệnh, làm giảm tính linh hoạt, sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ. Nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chưa sâu sắc, thiếu thống nhất, dẫn đến triển khai công việc thiếu kiên quyết, lúng túng; năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện còn hạn chế, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của pháp luật và nghị quyết.

Chất lượng VHCT của ĐNCB chưa đồng đều, còn tồn tại tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại; tình trạng vi phạm kỷ cương, đạo đức công vụ, thiếu thống nhất giữa nhận thức và hành động vẫn diễn ra. Trong điều kiện đời sống còn khó khăn, một số cán bộ có biểu hiện lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực, gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường chính trị-xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, việc phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm thời gian qua cho thấy công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai quyết liệt, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân. Bên cạnh đó, một số cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, quan liêu, xa dân, thiếu sâu sát cấp xã, không nắm chắc tình hình; thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của Nhân dân. Cá biệt có trường hợp vi phạm nguyên tắc, pháp luật, nguyên tắc tập trung dân chủ; gây mất đoàn kết nội bộ hoặc biểu hiện cục bộ, bè phái, độc đoán, gia trưởng. Tình trạng “bệnh thành

tích”, háo danh, chạy khen thưởng, danh hiệu vẫn tồn tại, làm giảm uy tín và hiệu quả hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Thứ năm, môi trường sinh hoạt Đảng và môi trường làm việc ở cấp xã chưa tạo được không gian học thuật và phản biện chính trị thực chất. Sinh hoạt chính trị còn nặng về hình thức, thiếu diễn đàn trao đổi, tranh luận, khiến cán bộ thiếu điều kiện “mài giũa” tư duy lý luận và bồi dưỡng niềm tin chính trị thường xuyên. “Môi trường văn hoá, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hoá ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn” [36, tr.84].

3.4. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.4.1. Nhận thức và thực hành văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu đặt ra đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã đã có những thay đổi đáng kể. Cấp xã không chỉ trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách và cung ứng dịch vụ công, mà còn phải đảm nhận khối lượng công việc, thẩm quyền và trách nhiệm lớn hơn. Vì vậy, cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ cần trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý hành chính, mà còn phải có nhận thức chính trị đầy đủ, VHCT vững vàng, năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển, năng lực xử lý tình huống và khả năng thích ứng với phương thức quản trị mới. Yêu cầu tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo vị trí việc làm, gắn với thực tiễn địa bàn, chú trọng năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển và năng lực xử lý tình huống cũng đang được đặt ra trong quá trình hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Tuy nhiên, nhận thức và VHCT của một bộ phận ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL vẫn chưa theo kịp đầy đủ những yêu cầu mới đó. Mặc dù đội ngũ đã được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước, nhưng kiến thức về VHCT và khả năng vận dụng các giá trị, chuẩn mực VHCT vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ còn chưa đồng đều. Các kết quả khảo sát của luận án cho thấy vẫn còn một bộ phận cán bộ hạn chế về tri thức chính trị, hệ tư tưởng, niềm tin, lý tưởng, hành vi và năng lực chính trị. Điều này phản ánh khoảng cách nhất định giữa những yêu cầu ngày càng cao của mô hình quản trị mới với mức độ nhận thức và thực hành VHCT của một bộ phận cán bộ cơ sở.

Một vấn đề đặt ra là việc trang bị kiến thức và kỹ năng về VHCT cho cán bộ chưa thật sự có tính hệ thống và gắn chặt với những tình huống thực tiễn của cấp xã. Nội dung VHCT chủ yếu được tiếp cận thông qua đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ,

sinh hoạt chính trị và quá trình tích lũy kinh nghiệm công tác. Vì vậy, nhận thức về VHCT ở một bộ phận cán bộ còn thiên về những giá trị, chuẩn mực chung, trong khi các kỹ năng cụ thể như ứng xử chính trị, xử lý quan hệ lợi ích, thực hiện trách nhiệm giải trình, đối thoại với Nhân dân, quản trị xung đột, kiểm soát quyền lực và xử lý những tình huống chính trị - xã hội phức tạp chưa được hình thành đồng đều.

Khoảng cách giữa nhận thức VHCT với năng lực thực hành VHCT càng trở nên rõ hơn trước những yêu cầu mới của mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc tăng cường phân cấp, phân quyền và bố trí lại chức năng, nhiệm vụ làm cho cấp xã phải chủ động hơn trong tổ chức thực hiện, giải quyết công việc và chịu trách nhiệm về kết quả. Các yêu cầu hiện hành đối với đội ngũ cấp xã cũng nhấn mạnh việc bố trí đúng chuyên môn, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Vì vậy, VHCT của người cán bộ không thể chỉ dừng ở nhận thức đúng về các giá trị và chuẩn mực chính trị mà phải được chuyển hóa thành năng lực công tác, năng lực phát triển, năng lực quản trị thực thi và trách nhiệm đối với kết quả.

Trong đó, năng lực công tác đòi hỏi cán bộ phải có khả năng vận dụng chủ trương, chính sách và pháp luật vào thực tiễn; tham mưu, tổ chức, điều hành, phối hợp, xử lý tình huống và giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Năng lực phát triển đặt ra yêu cầu cao hơn về khả năng dự báo, nhận diện tiềm năng và điểm nghẽn, huy động nguồn lực, đổi mới phương thức quản trị và kiến tạo những điều kiện thúc đẩy phát triển địa phương. Đây cũng là những phương diện mà quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp đang đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao.

Mặt khác, chuyển đổi số làm thay đổi cả nội dung và phương thức thực hành VHCT của cán bộ cấp xã. Công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, tương tác với Nhân dân và giải quyết công việc ngày càng được thực hiện trên môi trường số. Điều đó đòi hỏi cán bộ không chỉ có kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn phải hình thành tư duy quản trị dựa trên dữ liệu, khả năng thích ứng với quy trình số và ý thức trách nhiệm trong cung cấp, xử lý và phản hồi thông tin. Thực tiễn triển khai chính quyền địa phương hai cấp hiện nay cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục số hóa hồ sơ, hoàn thiện hạ tầng và nền tảng số, chuẩn hóa quy trình công việc, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao tính công khai, minh bạch.

Do đó, vấn đề đặt ra không chỉ là nâng cao nhận thức về VHCT, mà quan trọng hơn là đổi mới cách thức hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã theo yêu cầu của mô hình quản trị mới. Việc đào tạo, bồi dưỡng cần chuyển mạnh từ trang bị kiến thức chung sang phát triển năng lực thực hành; từ chú trọng “biết” sang đồng thời bảo đảm “hiểu - vận dụng - thực thi - chịu trách nhiệm”; gắn giáo dục lý luận, giá trị và chuẩn mực VHCT với năng lực công tác, năng lực phát triển, kỹ năng số, trách nhiệm giải trình và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn tại địa phương.

3.4.2. Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ đặt ra mâu thuẫn với yêu cầu xây dựng hệ giá trị và chuẩn mực văn hóa chính trị trong Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa

Xây dựng hệ giá trị và chuẩn mực VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là yêu cầu quan trọng nhằm hình thành đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức thượng tôn pháp luật và tận tụy phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ đang tạo ra mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng các giá trị, chuẩn mực VHCT với thực tiễn thực hành quyền lực ở cơ sở. Dù không phản ánh đặc điểm chung của toàn bộ đội ngũ, những biểu hiện này vẫn tác động trực tiếp đến chất lượng thực thi công vụ, uy tín của cán bộ và niềm tin của Nhân dân.

Mâu thuẫn đó biểu hiện ở khoảng cách giữa yêu cầu về bản lĩnh, lý tưởng, trách nhiệm chính trị với sự giảm sút ý chí phấn đấu và biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Một bộ phận cán bộ còn ngại khó, thiếu chủ động, sáng tạo, làm việc cầm chừng; có biểu hiện cục bộ, so bì lợi ích, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích chung. Những hạn chế này làm suy giảm tinh thần trách nhiệm, ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ và không phù hợp với chuẩn mực của người cán bộ phải có bản lĩnh, tận tụy, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Sự suy giảm về tư tưởng và động cơ chính trị có thể chuyển hóa thành khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức, liêm chính, nêu gương với hành vi công vụ. Biểu hiện nói chưa đi đôi với làm, né tránh trách nhiệm, ngại va chạm, thiếu tự phê bình và phê bình, tác phong hành chính, hình thức hoặc thiếu sâu sát thực tiễn cho thấy các giá trị VHCT tuy được nhận thức nhưng chưa phải lúc nào cũng được nội hóa thành hành vi ổn định. Đặc biệt, những biểu hiện vụ lợi, lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm suy giảm trực tiếp các giá trị liêm chính, trách nhiệm, nêu gương và chí công vô tư. Vấn đề cốt lõi ở đây là khoảng cách giữa giá trị được thừa nhận với giá trị được thực hành.

Mâu thuẫn còn thể hiện trong quan hệ giữa yêu cầu gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân với biểu hiện quan liêu, thiếu sâu sát và thiếu trách nhiệm với Nhân dân. Việc chưa thường xuyên lắng nghe, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng; chậm giải quyết kiến nghị; giao tiếp thiếu chuẩn mực hoặc gây phiền hà, dù chỉ xuất hiện ở một bộ phận cán bộ, đều ảnh hưởng đến hình ảnh của đội ngũ và chất lượng quan hệ giữa chính quyền với Nhân dân. Trong Nhà nước pháp quyền XHCN, gần dân, trọng dân và có trách nhiệm với Nhân dân không chỉ là phẩm chất đạo đức mà phải trở thành chuẩn mực VHCT của chủ thể thực thi quyền lực ở cơ sở.

Đáng chú ý hơn là mâu thuẫn giữa yêu cầu thượng tôn pháp luật, kiểm soát quyền lực với những biểu hiện vi phạm kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ. Quyền lực trong

Nhà nước pháp quyền phải được thực hiện đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, có kiểm soát và gắn với trách nhiệm giải trình. Vì vậy, sự tùy tiện trong thực thi công vụ, né tránh trách nhiệm, thiếu minh bạch hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn không chỉ là lệch chuẩn của cá nhân mà còn đi ngược các giá trị liêm chính, trách nhiệm, kỷ cương và thượng tôn pháp luật, làm suy giảm chất lượng VHCT của tổ chức.

Các biểu hiện trên không tồn tại biệt lập mà liên kết thành chuỗi tác động từ tư tưởng, động cơ chính trị đến đạo đức, lối sống, hành vi công vụ và phương thức thực thi quyền lực. Khi bản lĩnh và động cơ chính trị không vững chắc, chuẩn mực đạo đức khó được duy trì bền vững; khi đạo đức chưa được nội hóa, hành vi công vụ dễ phát sinh lệch chuẩn; khi lệch chuẩn gắn với việc sử dụng quyền lực, hệ quả không còn giới hạn ở cá nhân mà tác động đến kỷ luật tổ chức, hiệu lực quản lý và niềm tin của Nhân dân. Do đó, suy thoái ở một bộ phận cán bộ đồng thời đặt ra vấn đề đối với môi trường VHCT và cơ chế kiểm soát quyền lực ở cơ sở.

Vấn đề đặt ra là phải thu hẹp khoảng cách giữa hệ giá trị, chuẩn mực VHCT được xác lập với hành vi thực tế của cán bộ, làm cho bản lĩnh chính trị, liêm chính, trách nhiệm, nêu gương, phục vụ Nhân dân và thượng tôn pháp luật thực sự trở thành những chuẩn mực chi phối thường xuyên hoạt động công vụ. Giải quyết được mâu thuẫn này không chỉ góp phần ngăn ngừa suy thoái mà còn là điều kiện để xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó quyền lực được thực thi đúng pháp luật, được kiểm soát và hướng đến phục vụ Nhân dân.

3.4.3. Những bất cập trong cơ chế quản lý, đánh giá và môi trường rèn luyện đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã làm hạn chế quá trình xây dựng văn hóa chính trị

Bên cạnh những hạn chế thuộc về nhận thức, phẩm chất và năng lực của bản thân cán bộ, quá trình xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL còn chịu tác động của những bất cập trong cơ chế quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và môi trường rèn luyện. Vấn đề đặt ra là yêu cầu về bản lĩnh, trách nhiệm, liêm chính, nêu gương, thượng tôn pháp luật và phục vụ Nhân dân ngày càng cao, trong khi các cơ chế và điều kiện bảo đảm để những giá trị, chuẩn mực đó được hình thành, củng cố và chuyển hóa thành hành vi công vụ chưa thật sự đồng bộ.

Trước hết, cơ chế đánh giá cán bộ chưa phản ánh đầy đủ chất lượng VHCT và kết quả thực thi công vụ. Nếu đánh giá còn thiên về báo cáo, chỉ tiêu và mức độ hoàn thành nhiệm vụ mà chưa phản ánh đầy đủ đạo đức, trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân, văn hóa ứng xử, năng lực giải quyết vấn đề và trách nhiệm đối với kết quả thì khó nhận diện thực chất chất lượng VHCT của cán bộ. Đồng thời, biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc đánh giá chưa gắn chặt với sản phẩm, hiệu quả công việc có thể làm giảm tính phân hóa và động lực tự tu dưỡng, rèn luyện. Điều này cho thấy khoảng cách giữa

yêu cầu đánh giá thực chất cán bộ với khả năng nhận diện mức độ thực hành các giá trị, chuẩn mực VHCT trong hoạt động công vụ.

Những bất cập trên càng đáng chú ý trong điều kiện phân cấp, phân quyền và gia tăng trách nhiệm của cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Khi thẩm quyền và trách nhiệm của cấp xã được mở rộng, yêu cầu đối với ĐNCB chủ chốt cũng chuyển mạnh sang tính chủ động trong quyết định, tổ chức thực thi và chịu trách nhiệm về kết quả. Điều đó đòi hỏi sự tương thích giữa thẩm quyền - trách nhiệm - năng lực - nguồn lực - kiểm soát quyền lực. Nếu các yếu tố này thiếu đồng bộ, có thể dẫn đến tâm lý sợ sai, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc những bất cập trong thực thi quyền lực. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải giải quyết hài hòa giữa khuyến khích chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với bảo đảm kỷ luật, thượng tôn pháp luật và kiểm soát quyền lực.

Cùng với đó, môi trường chính trị và công vụ chưa phát huy đầy đủ vai trò rèn luyện và củng cố VHCT. VHCT không chỉ hình thành qua giáo dục mà còn được bồi đắp trong sinh hoạt tổ chức, quan hệ công tác và thực tiễn thực thi nhiệm vụ. Vì vậy, chất lượng sinh hoạt tổ chức đảng, tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát, trách nhiệm nêu gương và sự giám sát của Nhân dân có tác động trực tiếp đến quá trình điều chỉnh hành vi của cán bộ. Khi những hoạt động này còn hình thức hoặc việc phát hiện, chấn chỉnh biểu hiện lệch chuẩn chưa kịp thời thì khoảng cách giữa giá trị được nhận thức với giá trị được thực hành khó được thu hẹp, ảnh hưởng đến quá trình hình thành VHCT một cách thường xuyên và bền vững.

Mặt khác, đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn theo kịp những yêu cầu mới về năng lực công tác, năng lực phát triển và thực hành VHCT. Quản trị hiện đại, chuyển đổi số và thực tiễn phát triển của ĐBSCL đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ có LLCT, kiến thức pháp luật và quản lý nhà nước mà còn phải có khả năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, đối thoại với Nhân dân, điều hòa lợi ích, sử dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và tổ chức thực thi chính sách. Đặc biệt, những vấn đề về biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên và phát triển kinh tế - xã hội của vùng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực phát triển. Nếu đào tạo, bồi dưỡng còn thiên về kiến thức chung, chưa gắn chặt với vị trí việc làm và tình huống thực tiễn thì khoảng cách từ “biết” đến “biết làm, làm được và chịu trách nhiệm về kết quả” vẫn còn là vấn đề cần được giải quyết.

3.4.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao văn hóa chính trị với năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong vận hành chính quyền địa phương hai cấp ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương hai cấp, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh chuyển đổi số, yêu cầu đối với văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng cao.

Cấp xã là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Vì vậy, cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ cần bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm mà còn phải có tư duy quản trị hiện đại, năng lực công tác, năng lực phát triển, năng lực số và tác phong công vụ chuyên nghiệp; biết kết hợp giữa kiên định nguyên tắc với chủ động, linh hoạt, đổi mới, sáng tạo và gần dân, sát dân, hiểu dân, trọng dân, vì dân.

Tuy nhiên, chất lượng và khả năng thích ứng của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã còn chưa đồng đều, tạo ra khoảng cách giữa yêu cầu ngày càng cao về văn hóa chính trị với năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Khoảng cách này không chỉ biểu hiện ở kiến thức, kỹ năng mà sâu hơn là khả năng chuyển hóa các giá trị văn hóa chính trị thành năng lực hành động, phương thức thực thi quyền lực và hiệu quả phục vụ Nhân dân. Trong điều kiện phân cấp, phân quyền ngày càng mạnh, cán bộ không chỉ thực hiện đúng quy trình, thủ tục mà còn phải có khả năng nhận diện, dự báo và xử lý vấn đề; huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả. Trong khi đó, ở một bộ phận cán bộ, phương thức làm việc còn dựa nhiều vào kinh nghiệm; tư duy đổi mới, khả năng dự báo, phối hợp và xử lý những vấn đề mới, phức tạp chưa theo kịp yêu cầu chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị địa phương theo hướng kiến tạo, phục vụ và phát triển.

Mâu thuẫn này càng thể hiện rõ trước những vấn đề đặc thù của Đồng bằng sông Cửu Long như biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, di cư lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Thực tiễn đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ nắm vững chủ trương, chính sách mà còn phải hiểu địa bàn, hiểu dân cư, nhận diện tiềm năng và điểm nghẽn, dự báo cơ hội và rủi ro, giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích và huy động nguồn lực cho phát triển. Đồng thời, chuyển đổi số đặt ra yêu cầu cán bộ phải có tư duy số, khả năng khai thác dữ liệu và tổ chức công việc trên môi trường số, từng bước chuyển từ phương thức quản lý dựa nhiều vào kinh nghiệm sang quản trị dựa trên thông tin, dữ liệu, bằng chứng và kết quả.

Một biểu hiện trực tiếp của mâu thuẫn này là khoảng cách giữa yêu cầu “gần dân, sát dân” với năng lực “hiểu dân, trọng dân, vì dân”. Trong chính quyền địa phương hai cấp, “gần dân” không chỉ là thường xuyên tiếp xúc với Nhân dân mà quan trọng hơn phải nắm chắc địa bàn, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng và chuyển hóa những vấn đề từ thực tiễn thành quyết định, hành động công vụ phù hợp. Cán bộ không chỉ “tiếp dân” mà phải “hiểu dân”, không chỉ “nghe dân” mà phải biết phản hồi và giải quyết những vấn đề chính đáng của Nhân dân. Đây là yêu cầu chuyển từ tư duy hành chính thiên về quản lý sang văn hóa chính trị - công vụ lấy Nhân dân làm trung tâm, phục vụ Nhân dân làm thước đo về năng lực chính trị trong tình hình mới.

Cùng với đó, phân cấp, phân quyền làm cho mối quan hệ giữa quyền hạn và trách nhiệm trở thành nội dung quan trọng của văn hóa chính trị. Quyền hạn phải gắn với trách

nhiệm, quyền quyết định đi đôi với trách nhiệm giải trình; tính chủ động, linh hoạt phải đặt trong khuôn khổ pháp luật, công khai, minh bạch và sự giám sát của Nhân dân. Do đó, văn hóa chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã không chỉ thể hiện ở nhận thức, phẩm chất và thái độ chính trị mà phải được chuyển hóa thành năng lực hành động, cách thức thực thi quyền lực, kết quả công việc và hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Có thể thấy, vấn đề cốt lõi đặt ra là giải quyết khoảng cách giữa yêu cầu ngày càng cao về văn hóa chính trị với năng lực thực tiễn chưa đồng đều của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp xã. Thực chất là chuyển hóa bản lĩnh chính trị thành bản lĩnh hành động; phẩm chất, trách nhiệm thành hiệu quả công vụ; năng lực thực hiện nhiệm vụ thành năng lực kiến tạo phát triển; “gần dân” thành “hiếu dân, trọng dân, vì dân”; đồng thời chuyển quyền hạn được phân cấp, phân quyền thành trách nhiệm giải trình và hiệu quả phục vụ Nhân dân. Giải quyết tốt vấn đề này là yêu cầu quan trọng để nâng cao văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã và hiệu quả vận hành chính quyền địa phương hai cấp ở Đồng bằng sông Cửu Long.

3.4.5. Yêu cầu nhận diện từ xa, từ sớm và đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại sự nghiệp xây dựng văn hoá chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã so với thực tiễn chưa chủ động, kịp thời

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng, các yếu tố tác động đến VHCT ngày càng đa dạng, phức tạp và khó kiểm soát. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chủ động nhận diện từ sớm, từ xa các nguy cơ, thách thức, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn nhằm làm suy thoái VHCT của ĐNCB, đặc biệt ở cấp xã. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác này ở ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Năng lực nhận diện, một bộ phận cán bộ chưa có đủ trình độ và kỹ năng để phân tích, đánh giá các thông tin đa chiều, nhất là trên không gian mạng. Các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ hoặc các luận điệu xuyên tạc, sai trái tác động đến nhận thức chính trị chưa được phát hiện kịp thời, thậm chí có trường hợp bị tác động mà không nhận thức rõ. Tính chủ động trong đấu tranh, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ các giá trị VHCT ở cấp xã còn mang tính bị động, thiếu tính dự báo. Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa, định hướng dư luận xã hội, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái còn chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu và chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn địa phương.

Cơ chế phối hợp và công cụ thực hiện, việc kết nối giữa các lực lượng, giữa cấp xã với các cơ quan chức năng cấp trên trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng và xây dựng VHCT còn chưa đồng bộ. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, phân tích, xử lý thông tin còn hạn chế, làm giảm hiệu quả của công tác này. Do đó, có thể thấy

rõ mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chủ động, kịp thời trong nhận diện và đấu tranh với các yếu tố tiêu cực, thù địch với thực tiễn năng lực và phương thức hoạt động còn bị động, chậm trễ ở cấp xã. Mâu thuẫn này nếu không được giải quyết sẽ tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm nền tảng tư tưởng, ảnh hưởng đến quá trình xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã phân tích, đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL cơ bản được hình thành và phát triển trên các phương diện nhận thức, giá trị, chuẩn mực, hành vi, phương thức thực thi quyền lực và năng lực chính trị. Các giá trị yêu nước, trung thành, trách nhiệm, gần dân, phục vụ Nhân dân và thượng tôn pháp luật ngày càng được khẳng định, tạo nền tảng để đội ngũ thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Tuy nhiên, VHCT của một bộ phận cán bộ vẫn còn hạn chế, chưa đồng đều giữa nhận thức, giá trị, chuẩn mực với hành vi và năng lực thực tiễn; khả năng thích ứng với quản trị hiện đại và chuyển đổi số còn bất cập, một số biểu hiện thiếu trách nhiệm, ngại đổi mới, quan liêu, xa dân vẫn tồn tại. Nguyên nhân xuất phát từ cả sự tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ và những hạn chế trong quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát và môi trường công vụ.

Từ thực trạng đó, Chương 3 xác định năm vấn đề chủ yếu đặt ra. Một là, nhận thức và khả năng thực hành VHCT của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Hai là, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và kỷ luật công vụ ở một bộ phận cán bộ còn mâu thuẫn với yêu cầu xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực VHCT trong Nhà nước pháp quyền XHCN. Ba là, cơ chế quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và môi trường rèn luyện còn những bất cập, làm hạn chế quá trình hình thành và chuyển hóa các giá trị VHCT thành hành vi thực tiễn. Bốn là, chất lượng và khả năng thích ứng của ĐNCB chủ chốt cấp xã còn chưa đồng đều so với yêu cầu đổi mới quản trị địa phương, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và chuyển đổi số. Năm là, yêu cầu nhận diện từ xa, từ sớm và đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại sự nghiệp xây dựng văn hoá chính trị cho ĐNCB chủ chốt cấp xã so với thực tiễn chưa chủ động, kịp thời

Như vậy, vấn đề đặt ra là khoảng cách giữa yêu cầu phát triển mới với năng lực thực hành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đây là cơ sở để luận án đề xuất các giải pháp xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.1. QUAN ĐIỂM NÂNG CAO VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.1.1. Nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hoá chính trị trong sự nghiệp xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cấp xã trong sạch, vững mạnh

Nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của VHCT có ý nghĩa nền tảng trong sự nghiệp xây dựng ĐNCB cấp xã hiện nay. VHCT không chỉ là yếu tố thuộc đời sống tinh thần mà còn là hệ giá trị, chuẩn mực định hướng hành vi thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền cấp xã. VHCT giữ vai trò định hướng nhận thức, điều chỉnh hành vi chính trị và nâng cao hiệu quả thực thi quyền lực của ĐNCB lãnh đạo, quản lý trong HTCT.

Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong đời sống chính trị-xã hội, xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là nguồn lực nội sinh và động lực quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước nhanh, bền vững. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh: văn hóa là “kết tinh những giá trị tốt đẹp của dân tộc trong tiến trình hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước; là nguồn lực nội sinh quan trọng hun đúc trí tuệ, tâm hồn, khí phách và bản lĩnh con người Việt Nam” [25]. Đồng thời, phát triển văn hóa và con người được xác định là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn và hệ điều tiết cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Những quan điểm đó cho thấy VHCT không chỉ là biểu hiện về đạo đức, lối sống hay phong cách ứng xử của cán bộ mà còn là yếu tố cấu thành năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và hiệu quả quản trị ở cấp xã.

Đối với cấp xã - nơi trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết những vấn đề gắn với đời sống Nhân dân - VHCT càng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính chính danh, tính minh bạch và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cấp xã. Vì vậy, xây dựng VHCT cho ĐNCB cấp xã chính là cơ sở quan trọng góp phần xây dựng HTCT cấp xã trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Đổi mới tư duy về phát triển VHCT, trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền hành chính hiện đại và phát triển bền vững, việc đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của công tác xây dựng Đảng và HTCT ở cấp xã mà còn là điều kiện bảo đảm để nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã trong tình hình mới.

Đổi mới tư duy về phát triển VHCT trước hết đòi hỏi phải nhận thức đầy đủ rằng VHCT không chỉ là yếu tố thuộc đời sống tinh thần hay phẩm chất đạo đức cá nhân của cán bộ mà còn là hệ giá trị định hướng hành vi chính trị, phong cách lãnh đạo, phương thức thực thi quyền lực và trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, VHCT cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng ĐNCB “vừa hồng, vừa chuyên”, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ” [99].

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy phát triển, phát huy mạnh mẽ nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Trên cơ sở đó, phát triển VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã phải gắn với việc xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, phong cách làm việc dân chủ, khoa học, gần dân, trọng dân và tinh thần trách nhiệm cao trước Nhân dân. Đồng thời, cần tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả HTCT về vai trò của VHCT đối với công tác cán bộ ở cấp xã; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, rèn luyện với kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ trên cơ sở phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thực tiễn và mức độ tín nhiệm của Nhân dân.

Xây dựng đạo đức công vụ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân là yêu cầu quan trọng trong xây dựng ĐNCB hiện nay. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh cán bộ phải thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, xem đây là nền tảng đạo đức của người cán bộ cách mạng [104, tr.8-11]. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, VHCT không chỉ dừng lại ở các giá trị đạo đức hay phong cách cá nhân của cán bộ mà đã trở thành hệ thống chuẩn mực định hướng và điều chỉnh hành vi thực thi quyền lực theo tinh thần “liêm chính - phục vụ - vì Nhân dân”.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện ĐNCB đủ đức, đủ sức, đủ tài” [38, tr.392-393]; đồng thời yêu cầu xây dựng ĐNCB “đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng “đánh giá bằng sản phẩm, đo bằng uy tín trong Nhân dân” [38, tr.399-400]. Đồng thời, Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục đặt ra yêu cầu ĐNCB phải “xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách”, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm” và “hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân” [10].

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ và năng lực công tác cho ĐNCB có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Điều đó không chỉ nhằm nâng cao khả năng xử lý hiệu quả các tình huống thực tiễn phức tạp mà còn góp phần củng cố bản lĩnh chính trị, giữ vững mục tiêu, lý tưởng cách mạng; kiên định nền tảng tư tưởng và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chủ động đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” [26].

Văn hóa chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số và quản trị hiện đại. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, VHCT trở thành nhân tố quan trọng bảo đảm tính ổn định và hiệu quả hoạt động của HTCT, đồng thời góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại. Đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, yêu cầu phát triển VHCT càng có ý nghĩa quan trọng trước những tác động của quá trình đô thị hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của vùng. Điều đó đòi hỏi ĐNCB không chỉ có năng lực quản lý, điều hành mà còn phải có văn hóa ứng xử chuẩn mực, tinh thần đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng và ý thức phục vụ Nhân dân ngày càng cao.

Trong quá trình đó, công tác xây dựng Đảng và xây dựng ĐNCB phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, nghiêm túc, thực chất và gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, cần “kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, còn “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và chuyển đổi số trong công tác chính trị, tư tưởng” [26].

4.1.2. Xây dựng và phát triển văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

Xây dựng và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường hiện nay. VHCT không chỉ định hướng hành vi thực thi quyền lực của cán bộ mà còn góp phần điều tiết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và gìn giữ môi trường sinh thái theo hướng phát triển bền vững. Quan điểm này được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIV khi nhấn mạnh yêu cầu “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [37, tr.33]; đồng thời xác định văn hóa là “nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển đất nước” [38, tr.206]. Điều này cho thấy, phát triển bền vững không chỉ là vấn đề kinh tế hay môi trường mà còn là vấn đề chính trị, văn hóa và con người, trong đó VHCT giữ vai trò định hướng nhận thức, điều chỉnh hành vi công vụ và nâng cao trách nhiệm xã hội của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong thực thi quyền lực nhà nước ở cấp xã.

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển” [38, tr.56]; đồng thời đặt ra nhiệm vụ xây dựng ĐNCB “có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” [38, tr.256]. Từ đó có thể thấy, xây dựng VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ mà còn hướng tới hình thành tư duy phát triển bền vững, hành động vì lợi ích lâu dài của cộng đồng, góp phần xây dựng HTCT cấp xã trong sạch, vững mạnh và phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, đặc biệt tại vùng ĐBSCL, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã càng thể hiện rõ vai trò trung tâm trong tổ chức thực hiện các chính sách phát triển gắn với bảo vệ môi trường. Khi được trang bị VHCT vững vàng, cán bộ không chỉ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng mà còn có khả năng chủ động lồng ghép mục tiêu môi trường vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, hạn chế tình trạng đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng trước mắt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với vùng ĐBSCL trong bối cảnh Đảng xác định yêu cầu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế xanh và chuyển đổi xanh trong giai đoạn phát triển mới [37, tr.33-34].

Văn hóa chính trị tác động đến phát triển bền vững trước hết thông qua cơ chế định hướng nhận thức và hành vi thực thi quyền lực của ĐNCB cấp xã. Với tư cách là hệ giá trị chính trị định hình thái độ, trách nhiệm và chuẩn mực công vụ, VHCT góp phần hình thành tư duy quản trị phát triển theo hướng hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định yêu cầu phát triển nhanh và bền vững Trên cơ sở “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [37, tr.33]; đồng thời nhấn mạnh phát triển văn hóa, con người trở thành “nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn cho phát triển đất nước” [38, tr.206]. Điều này cho thấy, VHCT không chỉ là biểu hiện về đạo đức hay phong cách ứng xử của cán bộ mà còn là cơ sở hình thành tư duy quản trị phát triển bền vững, giúp ĐNCB không chạy theo lợi ích cục bộ hay tăng trưởng ngắn hạn mà chú trọng lợi ích lâu dài của cộng đồng, bảo đảm sự cân bằng giữa phát triển và gìn giữ hệ sinh thái.

Bên cạnh đó, VHCT còn tác động đến phát triển bền vững thông qua cơ chế nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và hiệu quả quản trị của chính quyền cấp xã. Các giá trị như trách nhiệm, liêm chính, dân chủ, công khai và phục vụ Nhân dân giúp ĐNCB chủ chốt cấp xã thực hiện quyền lực đúng mục đích, hạn chế tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện chạy theo tăng trưởng bằng mọi giá. Nghị quyết số

80-NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển văn hóa phải “thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội”, gắn chặt với phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh [25]. Từ đó có thể thấy, VHCT không chỉ là biểu hiện đạo đức, lối sống của cán bộ mà còn là nguồn lực mềm của quản trị phát triển, góp phần tạo dựng niềm tin xã hội, tăng đồng thuận chính sách, giảm xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách môi trường ở địa phương.

Ngoài ra, VHCT còn tạo ra cơ chế thúc đẩy sự tham gia của Nhân dân vào quá trình quản trị phát triển. Khi ĐNCB có phong cách lãnh đạo dân chủ, gần dân, trọng dân và biết phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng sẽ góp phần nâng cao sự đồng thuận xã hội, huy động nguồn lực xã hội và sức mạnh cộng đồng trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu quán triệt quan điểm “Dân là gốc”, “phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân”, “phát huy quyền làm chủ của Nhân dân”, thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; đồng thời “thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân” [38, tr.237-238]. Điều này khẳng định rằng, phát triển VHCT của ĐNCB cấp xã phải hướng tới xây dựng phong cách lãnh đạo dân chủ, gần dân, trọng dân, biết lắng nghe và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong quản trị phát triển.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới mô hình tăng trưởng hiện nay, VHCT còn giữ vai trò định hướng quá trình chuyển đổi quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và thích ứng. ĐNCB chủ chốt cấp xã có VHCT cao sẽ có khả năng tiếp cận tư duy quản trị mới, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và dữ liệu số trong quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao năng lực dự báo, xử lý các vấn đề xã hội và môi trường phát sinh từ thực tiễn địa phương. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững trong vùng ĐBSCL hiện nay, thực hiện yêu cầu “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [37, tr.33].

Đối với vùng ĐBSCL, phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh vùng đang chịu tác động ngày càng sâu sắc của biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, suy giảm nguồn nước và di dân sinh thái. Những vấn đề này không chỉ đặt ra thách thức về phát triển kinh tế - xã hội mà còn đòi hỏi nâng cao năng lực quản trị địa phương theo hướng thích ứng, bền vững và liên kết vùng. Trong điều kiện đó, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã giữ vai trò định hướng nhận thức và hành vi thực thi quyền lực, giúp cán bộ có tư duy phát triển dài hạn, không chạy theo lợi ích cục bộ hay tăng trưởng ngắn hạn mà chú trọng bảo vệ hệ sinh thái, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân và giữ vững ổn định xã hội ở địa phương.

Văn hóa chính trị còn tác động trực tiếp đến hiệu quả quản trị phát triển thông qua việc hình thành niềm tin xã hội, tăng cường sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương, chính sách và giảm thiểu xung đột lợi ích trong cộng đồng. Khi ĐNCB có phong cách lãnh đạo dân chủ, gần dân, trọng dân, công khai và minh bạch sẽ tạo điều kiện để Nhân dân tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng và giám sát chính sách, nhất là các chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chuyển đổi sinh kế nông nghiệp và phát triển kinh tế xanh ở vùng ĐBSCL. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách môi trường, tăng tính bền vững của quản trị địa phương và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, đáp ứng yêu cầu “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [37, tr.33].

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển hiện nay, VHCT còn góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh, nông nghiệp xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL. ĐNCB chủ chốt cấp xã có VHCT vững vàng sẽ chủ động hơn trong việc tổ chức thực hiện các chương trình liên kết vùng, quản trị an ninh nguồn nước Mekong, phát triển nông nghiệp sinh thái và xây dựng cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu. Thông qua đó, VHCT không chỉ là yếu tố bảo đảm hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã mà còn trở thành nguồn lực mềm quan trọng trong quản trị phát triển bền vững ở vùng ĐBSCL hiện nay. Do đó, xây dựng và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở vùng ĐBSCL không chỉ là yêu cầu của công tác xây dựng Đảng mà còn là điều kiện bảo đảm năng lực thích ứng, năng lực quản trị và năng lực phát triển bền vững của HTCT cấp xã trong bối cảnh mới.

4.1.3. Xây dựng văn hoá chính trị cho đội ngũ cán bộ cấp xã phải theo chuẩn mực bản lĩnh chính trị, liêm chính, dân chủ, trách nhiệm và phục vụ lấy sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả

Xây dựng VHCT cho ĐNCB cấp xã hiện nay cần được đặt trên nền tảng một hệ chuẩn giá trị thống nhất, trong đó bản lĩnh chính trị, liêm chính, dân chủ, trách nhiệm và tinh thần phục vụ Nhân dân giữ vai trò cốt lõi. Đây không chỉ là yêu cầu về đạo đức công vụ mà còn là tiêu chí mang tính thể chế trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhằm bảo đảm quyền lực công được thực thi đúng định hướng, vì lợi ích của Nhân dân và sự phát triển bền vững của địa phương. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh: “Hiệu quả phục vụ Nhân dân là thước đo năng lực lãnh đạo, uy tín và danh dự” [38, tr.392-393], đồng thời khẳng định phải “lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” và “lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo quan trọng đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và cán bộ, đảng viên” [38, tr.399-400]. Điều đó cho thấy, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được định hướng theo yêu cầu

phục vụ Nhân dân, lấy hiệu quả quản trị và sự hài lòng của người dân làm tiêu chí phản ánh chất lượng thực thi quyền lực ở cấp xã.

Trước hết, bản lĩnh chính trị là yếu tố trung tâm cấu thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội có nhiều biến động, đặc biệt dưới tác động mạnh mẽ của không gian mạng và truyền thông số, ĐNCB chủ chốt cấp xã phải có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Bản lĩnh chính trị không chỉ thể hiện ở nhận thức lý luận mà còn được biểu hiện thông qua năng lực hành động thực tiễn, khả năng xử lý linh hoạt các tình huống phức tạp, không dao động trước áp lực lợi ích cục bộ hoặc các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là cơ sở để ĐNCB chủ chốt giữ vững định hướng chính trị, bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương của Đảng với quá trình tổ chức thực hiện ở cấp xã.

Liên chính là giá trị nền tảng bảo đảm tính trong sạch và tính chính danh của quyền lực công. Trong VHCT, liên chính không chỉ là phẩm chất đạo đức cá nhân mà còn là cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực và ngăn chặn sự tha hóa quyền lực trong bộ máy chính quyền cấp xã. Điều đó đòi hỏi cán bộ cấp xã phải thực hiện quyền lực công một cách công khai, minh bạch, đúng pháp luật; đặt lợi ích của Nhân dân, của cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân hay lợi ích cục bộ. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB “có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” [38, tr.256], đồng thời kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện suy thoái trong ĐNCB, đảng viên. Điều này cho thấy, liên chính không chỉ là chuẩn mực đạo đức mà còn là điều kiện để củng cố niềm tin xã hội, nâng cao hiệu lực quản trị và bảo đảm sự vận hành đúng đắn của chính quyền cấp xã.

Dân chủ vừa là giá trị chính trị cốt lõi, vừa là cơ chế vận hành quyền lực trong HTCT ở cấp xã. Thực hành dân chủ thực chất sẽ tạo điều kiện để Nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng, giám sát và phản biện chính sách; qua đó tăng cường trách nhiệm giải trình, hạn chế quan liêu, lạm quyền và nâng cao tính chính danh của chính quyền cấp xã. Văn kiện Đại hội XIV khẳng định yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [38, tr.237-238]. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: “Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân lập ra. Mục đích của chính quyền là phục vụ lợi ích của Nhân dân” [77, tr.232], đồng thời yêu cầu cán bộ phải “thật sự gần dân, hiểu dân, vì dân phục vụ” [70, tr.306]. Điều đó cho thấy, dân chủ trong VHCT không chỉ dừng lại ở việc bảo đảm quyền tham gia của Nhân dân mà còn là động lực tạo đồng thuận xã hội, huy động nguồn lực cộng đồng và nâng cao chất lượng quản trị phát triển ở địa phương.

Trách nhiệm là yêu cầu xuyên suốt trong hoạt động công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Trách nhiệm không chỉ thể hiện ở tinh thần tận tụy, nghiêm túc trong thực thi nhiệm vụ mà còn ở thái độ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; không né tránh, đùn đẩy hoặc làm việc cầm chừng, hình thức. Trong điều kiện cải cách hành chính và chuyển đổi số hiện nay, trách nhiệm còn được thể hiện ở khả năng đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng lực thích ứng công nghệ và chất lượng phục vụ Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” [38, tr.288]. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã và xây dựng nền hành chính phục vụ hiện đại.

Phục vụ Nhân dân là giá trị trung tâm và là thước đo cao nhất của VHCT cấp xã. Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định cán bộ là “công bộc của dân”, phải hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, lấy dân làm gốc trong mọi hoạt động lãnh đạo và quản lý. Quan điểm đó tiếp tục được Đảng kế thừa và phát triển trong Văn kiện Đại hội XIV khi xác định phải lấy hiệu quả phục vụ và sự hài lòng của Nhân dân làm tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và ĐNCB. Điều này đòi hỏi cán bộ cấp xã phải thật sự gần dân, hiểu dân, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; đồng thời nâng cao chất lượng đối thoại, lắng nghe và giải quyết hiệu quả những vấn đề phát sinh từ thực tiễn đời sống ở cấp xã. Qua đó, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân và tăng cường niềm tin xã hội đối với HTCT.

Đối với vùng ĐBSCL, việc xây dựng VHCT theo hệ chuẩn bản lĩnh chính trị, liêm chính, dân chủ, trách nhiệm và phục vụ Nhân dân càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh vùng đang chịu tác động sâu sắc của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, suy giảm nguồn nước và chuyển đổi sinh kế nông nghiệp. Những thách thức đó không chỉ đặt ra yêu cầu về năng lực quản trị thích ứng mà còn đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã phải có tinh thần trách nhiệm cao, khả năng điều phối lợi ích cộng đồng và năng lực tạo dựng sự đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển. Trong điều kiện đó, VHCT không chỉ định hướng hành vi công vụ mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tài nguyên, bảo vệ môi trường, thúc đẩy liên kết cộng đồng vùng sông nước và củng cố niềm tin của Nhân dân trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của vùng.

Sự thống nhất giữa bản lĩnh chính trị, liêm chính, dân chủ, trách nhiệm và tinh thần phục vụ Nhân dân tạo thành một chỉnh thể VHCT hoàn chỉnh, có khả năng định hướng hành vi công vụ, kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị ở cấp xã. Đây cũng là cấp xã để chuyển từ mô hình “quản lý hành chính” sang “quản trị phục vụ”, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch và lấy

người dân làm trung tâm. Do đó, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được tiếp cận như quá trình xây dựng năng lực chính trị, năng lực quản trị và năng lực phục vụ của HTCT cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thích ứng của vùng ĐBSCL trong bối cảnh mới.

4.1.4. Đặt văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là một bộ phận văn hoá chính trị nói chung, gắn liền với xây dựng, nâng cao văn hoá chính trị trong Đảng, văn hóa công vụ, đạo đức công vụ, phát huy dân chủ cấp xã

Việc đặt VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong chính thể VHCT của HTCT là yêu cầu có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện HTCT cấp xã hiện nay. VHCT của cán bộ chủ chốt cấp xã không tồn tại biệt lập mà là một bộ phận hữu cơ của VHCT nói chung, được hình thành, vận động và phát triển trong mối quan hệ chặt chẽ với VHCT trong Đảng, văn hóa công vụ, đạo đức công vụ và thực hành dân chủ ở cấp xã. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục “xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh toàn diện” [37, tr.214], đồng thời xác định nhiệm vụ đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả hoạt động của HTCT [38, tr.118-119]. Điều đó cho thấy, xây dựng VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã phải được đặt trong tổng thể quá trình xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chính trị với thực tiễn quản trị ở cấp xã.

Về bản chất, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là sự cụ thể hóa VHCT trong Đảng ở cấp độ cấp xã. Là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa là chủ thể thực thi quyền lực công, vừa là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Vì vậy, những giá trị cốt lõi của VHCT trong Đảng như bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức cách mạng và sự gắn bó mật thiết với Nhân dân phải được chuyển hóa thành hành vi công vụ cụ thể trong hoạt động quản lý và điều hành ở cấp xã. Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết” [10]. Điều này cho thấy, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ là yêu cầu về phẩm chất cá nhân mà còn là điều kiện bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chính trị với thực tiễn thực thi quyền lực ở cấp xã.

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã có mối quan hệ mật thiết với văn hóa công vụ và đạo đức công vụ trong bộ máy nhà nước. Văn hóa công vụ hiện đại không chỉ đòi hỏi cán bộ tuân thủ pháp luật mà còn yêu cầu bảo đảm tính chuyên nghiệp, minh bạch, trách nhiệm giải trình và tinh thần phục vụ Nhân dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, văn hóa công vụ còn đòi hỏi ĐNCB cấp xã phải đổi mới phương thức làm việc, tăng

cường ứng dụng công nghệ số, nâng cao tính công khai, minh bạch và khả năng tương tác với người dân trong giải quyết thủ tục hành chính. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền hành chính “chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả” [38, tr.174], đồng thời yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của HTCT [37, tr.96-97]. Điều đó cho thấy, VHCT cần được tích hợp vào văn hóa công vụ theo hướng xây dựng nền “hành chính phục vụ”, lấy người dân làm trung tâm và lấy chất lượng phục vụ Nhân dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã.

Một nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã là gắn với phát huy dân chủ ở cấp xã. Dân chủ không chỉ là một giá trị chính trị mà còn là cơ chế kiểm soát quyền lực và nâng cao tính chính danh của chính quyền cấp xã. Việc thực hành dân chủ thực chất sẽ tạo điều kiện để Nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng, giám sát và phản biện chính sách; qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình và hạn chế các biểu hiện quan liêu, lạm quyền. Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng nhấn mạnh yêu cầu “nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tăng cường đối thoại, lắng nghe, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân” [26]. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIV khẳng định cần “thực hiện tốt dân chủ ở cấp xã, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân” [37, tr.221-222]. Điều này cho thấy, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã phải hướng tới xây dựng phong cách lãnh đạo dân chủ, gần dân, trọng dân, biết lắng nghe và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong quản trị địa phương.

Đối với vùng ĐBSCL, việc xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã càng cần được đặt trong bối cảnh đặc thù về văn hóa cộng đồng vùng sông nước, tính cố kết cộng đồng cao và sinh kế phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Đây là khu vực đang chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, suy giảm nguồn nước và chuyển đổi sinh kế nông nghiệp, đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phải có năng lực quản trị thích ứng, khả năng điều phối lợi ích cộng đồng và tinh thần trách nhiệm cao trong phục vụ Nhân dân. Trong điều kiện đó, VHCT có vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả quản trị tài nguyên nước, thúc đẩy liên kết cộng đồng, tạo sự đồng thuận xã hội và hỗ trợ quá trình chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay, việc đặt VHCT của ĐNCB cấp xã trong chỉnh thể VHCT chung càng trở nên cần thiết. VHCT không chỉ định hướng hành vi công vụ trong phạm vi quốc gia mà còn giúp ĐNCB tiếp cận các chuẩn mực quản trị hiện đại như minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính công và quản trị dựa trên kết quả. Đây cũng là cấp xã quan trọng để nâng cao chất lượng quản trị địa phương, củng cố niềm tin của Nhân dân và tăng cường hiệu quả hoạt động của HTCT cấp

xã trong điều kiện phát triển mới. Do đó, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được tiếp cận như quá trình xây dựng năng lực chính trị, năng lực quản trị và năng lực phục vụ của HTCT cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thích ứng của vùng ĐBSCL trong bối cảnh mới.

4.1.5. Đặt văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã gắn với đặc điểm, truyền thống vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Việc xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã không thể tách rời bối cảnh lịch sử, văn hóa - xã hội và điều kiện tự nhiên của từng vùng miền. Đối với vùng ĐBSCL - một không gian văn hóa đặc thù với cấu trúc xã hội mang tính cộng đồng cao, đời sống kinh tế gắn chặt với hệ sinh thái sông nước và nền sản xuất nông nghiệp - việc “địa phương hóa” VHCT càng trở thành yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận mà còn là điều kiện bảo đảm tính phù hợp và hiệu quả trong thực thi quyền lực ở cấp xã. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu phát triển đồng bộ kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống Nhân dân theo đặc điểm từng vùng, từng địa phương [37, tr.33]. Điều đó cho thấy, xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa và yêu cầu phát triển đặc thù của vùng.

Trước hết, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được xây dựng trên nền tảng văn hóa sông nước đặc trưng của ĐBSCL. Đây là vùng đất hình thành trong mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người với tự nhiên và cộng đồng, nơi các giá trị như tình làng nghĩa xóm, tinh thần tương trợ, tính linh hoạt, khả năng thích ứng và sự gắn kết cộng đồng đã trở thành nét đặc trưng văn hóa nổi bật. Những yếu tố này vừa tạo nên nguồn lực xã hội quan trọng trong quản trị địa phương, vừa đặt ra yêu cầu đối với cán bộ cấp xã phải có phong cách lãnh đạo mềm dẻo, gần dân, hiểu dân và tôn trọng cộng đồng, nhưng đồng thời vẫn phải bảo đảm nguyên tắc pháp luật, kỷ cương và tính minh bạch trong thực thi công vụ. Điều này cho thấy, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL cần kết hợp hài hòa giữa “tính pháp quyền” và “tính cộng đồng”, tránh khuynh hướng hành chính hóa cứng nhắc hoặc xử lý công việc theo cảm tính, nể nang, thiếu nguyên tắc.

Bên cạnh đó, quá trình khai phá, mở đất cùng với đặc điểm cộng cư của nhiều dân tộc như Kinh, Khmer, Hoa, Chăm đã tạo cho ĐBSCL một không gian văn hóa đa dạng, linh hoạt và giàu tính bao dung. Trong điều kiện đó, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ đòi hỏi bản lĩnh chính trị và năng lực quản trị mà còn yêu cầu khả năng tôn trọng sự khác biệt văn hóa, điều hòa lợi ích giữa các nhóm xã hội và xử lý hài hòa các mối quan hệ dân tộc, tôn giáo trong cộng đồng dân cư. Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương mà ĐNCB hiểu sâu sắc đặc điểm đa văn hóa của vùng thường tạo được sự đồng thuận xã hội cao trong quá trình triển khai chính sách, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm

như đất đai, tôn giáo, dân tộc và an sinh xã hội. Điều này phản ánh vai trò quan trọng của VHCT trong việc củng cố sự ổn định chính trị-xã hội và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cấp xã.

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL cũng cần kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của vùng như tinh thần nghĩa tình, trọng nghĩa khinh tài, tính hào sảng, cởi mở và đoàn kết cộng đồng. Đây là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng niềm tin xã hội, tăng cường sự gắn bó giữa chính quyền với Nhân dân và nâng cao hiệu quả vận động quần chúng ở cấp xã. Tuy nhiên, nếu không được định hướng đúng, các yếu tố mang tính “tình cảm hóa” trong quan hệ xã hội cũng có thể dẫn đến biểu hiện nể nang, né tránh, thiếu kiên quyết hoặc xử lý công việc thiếu khách quan trong thực thi công vụ. Vì vậy, VHCT cần đóng vai trò như một “bộ lọc giá trị”, kế thừa có chọn lọc các yếu tố truyền thống tích cực, đồng thời định hướng hành vi chính trị theo chuẩn mực hiện đại của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Một yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hiện nay là gắn xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các thách thức môi trường đặc thù của vùng ĐBSCL. Đây là khu vực chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt lún đất, sạt lở bờ sông, suy giảm tài nguyên nước và chuyển đổi sinh kế nông nghiệp, đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển bền vững và quản trị thích ứng. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu phát triển nhanh và bền vững Trên cơ sở “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [37, tr.33]. Điều đó đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã phải có tư duy phát triển dài hạn, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế trước mắt, đồng thời biết vận dụng linh hoạt chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trong bối cảnh đó, VHCT không chỉ là hệ giá trị chính trị - đạo đức mà còn là năng lực nhận thức và hành động của cán bộ trong quản trị rủi ro phát triển, quản trị tài nguyên và điều phối lợi ích cộng đồng.

Trong điều kiện ĐBSCL đang đẩy mạnh chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số, VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được nâng lên theo hướng hiện đại, gắn với năng lực số, tư duy quản trị hiện đại và yêu cầu minh bạch hóa hoạt động công vụ. Văn kiện Đại hội XIV xác định nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính quyền số và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước [37, tr.96-97]. Điều này đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL không chỉ có bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ mà còn phải chủ động đổi mới tư duy quản lý, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, tăng cường công khai, minh bạch và khả năng phục vụ Nhân dân trong điều kiện mới. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị nhà

nước ở cấp xã, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa phương và tăng cường khả năng thích ứng của vùng trước những biến động kinh tế - xã hội và môi trường.

Tóm lại, việc đặt VHCT của ĐNCB cấp xã trong mối quan hệ chặt chẽ với đặc điểm tự nhiên, lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển của vùng ĐBSCL là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay. Đây không chỉ là cấp xã để nâng cao tính phù hợp và hiệu quả của VHCT trong thực tiễn mà còn góp phần phát huy các giá trị đặc thù của vùng, củng cố niềm tin xã hội, tăng cường sự đồng thuận cộng đồng và bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển vùng với chiến lược phát triển bền vững của quốc gia trong giai đoạn mới.

4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ XÂY DỰNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

4.2.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về xây dựng văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu là giải pháp có ý nghĩa nền tảng trong xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp và đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đối với cấp xã ngày càng cao về tính chủ động, thẩm quyền, trách nhiệm, năng lực thực thi và khả năng kiến tạo phát triển. Vì vậy, xây dựng VHCT phải được nhận thức là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới căn bản nội dung, phương thức giáo dục LLCT; gắn lý luận với thực tiễn; nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên” [36, tr.235-236]. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục đặt ra yêu cầu “lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm thước đo năng lực lãnh đạo, quản lý và danh dự của cán bộ, đảng viên” [38, tr.392-393]. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể đối với xây dựng VHCT trong giai đoạn mới.

Trước hết, cần tạo sự thống nhất trong nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về vị trí, nội hàm và yêu cầu mới của VHCT. Xây dựng VHCT không chỉ là giáo dục LLCT, phẩm chất và đạo đức mà phải hướng tới sự thống nhất giữa nhận thức chính trị, hệ giá trị, chuẩn mực, hành vi, phương thức thực thi quyền lực và năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng yêu cầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên [26]. Vì vậy, cấp ủy, tổ chức đảng phải nhận thức xây dựng VHCT là quá trình thường xuyên, gắn với công tác cán bộ, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị, kiểm tra, giám sát và hoạt động công vụ ở cơ sở.

Nhận thức này cần tiếp tục được cập nhật theo tinh thần Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới. Chỉ thị yêu cầu chuyển mạnh sang thực hành thường xuyên, tự giác, thiết thực; gắn với chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ và kết quả phục vụ Nhân dân; đồng thời xác định học tập, thực hành theo Bác là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cả HTCT và mỗi cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, trách nhiệm nêu gương được cụ thể hóa ở bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới, năng lực tổ chức thực hiện, đạo đức công vụ, kỷ luật thực thi và tinh thần phục vụ Nhân dân. Điều này đặt ra yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng phải chuyển trọng tâm lãnh đạo xây dựng VHCT từ chủ yếu giáo dục nhận thức sang kết hợp chặt chẽ giữa nhận thức, thực hành và kết quả.

Cùng với đó, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới xác định công tác tư tưởng giữ vai trò đi trước mở đường, đồng hành trong tổ chức thực hiện và gắn với tổng kết thực tiễn, củng cố niềm tin. Vì vậy, cấp ủy và tổ chức đảng cần đổi mới công tác chính trị, tư tưởng theo hướng không chỉ truyền đạt chủ trương mà còn nâng cao năng lực nhận thức, khả năng phân tích, dự báo, định hướng và xử lý những vấn đề tư tưởng phát sinh từ thực tiễn. Qua đó, tạo sự thống nhất giữa nhận thức - niềm tin - giá trị - chuẩn mực - hành động, làm cơ sở để VHCT được chuyển hóa thành năng lực và hành vi thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Trong kỷ nguyên mới, cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cần nhận thức đầy đủ hơn những yêu cầu mới đối với tư duy và năng lực lãnh đạo. Những định hướng về lãnh đạo chiến lược hiện nay nhấn mạnh bốn phương diện có quan hệ chặt chẽ: tầm nhìn trăm năm - tư duy đột phá - kiến tạo phát triển - quản trị thực thi, với yêu cầu chuyển từ tầm nhìn đến hành động, từ quyết sách đến kết quả. Khi vận dụng vào xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, cần chuyển hóa phù hợp thành tầm nhìn phát triển địa phương - tư duy đổi mới - năng lực kiến tạo phát triển - năng lực tổ chức thực thi và trách nhiệm về kết quả. Cấp ủy và người đứng đầu phải nhận thức rằng cán bộ cơ sở trong giai đoạn mới không chỉ cần “đúng về chính trị, chuẩn về đạo đức” mà còn phải có khả năng nhìn xa hơn công việc trước mắt, nhận diện đúng vấn đề, lựa chọn đúng trọng tâm, tổ chức thực hiện hiệu quả và chịu trách nhiệm đến cùng về kết quả.

Bốn phương diện này cần được đặt trong tổng thể cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, trên nền tảng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; dân chủ gắn với kỷ luật, kỷ cương; thẩm quyền gắn với trách nhiệm và quyền lực phải được kiểm soát. Theo đó, đổi mới tư duy, kiến tạo phát triển hay nâng cao năng lực thực thi không tách rời định hướng chính trị, thượng tôn pháp luật và lợi ích chung. Khi vận dụng vào cấp xã, mục tiêu của đổi mới phương thức lãnh đạo và quản trị phải được thể hiện bằng

khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn, nâng cao chất lượng phục vụ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Trên cơ sở nhận thức đó, cần đề cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng đối với quá trình xây dựng và thực hành VHCT. Cấp ủy không chỉ định hướng về tư tưởng mà phải cụ thể hóa yêu cầu xây dựng VHCT trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các giá trị, chuẩn mực VHCT thông qua hành vi công vụ, quan hệ với Nhân dân, phương thức thực thi quyền lực, sản phẩm và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, khắc phục tình trạng xây dựng VHCT thiên về giáo dục nhận thức nhưng chưa gắn chặt với thực hành và kết quả.

Đặc biệt, cần phát huy trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “gương mẫu trong đạo đức, lối sống; tận tụy phục vụ Nhân dân; trách nhiệm với công việc; chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác” [10]. Chỉ thị số 07-CT/TW tiếp tục xác định nêu gương là một phương thức lãnh đạo quan trọng và yêu cầu gắn trách nhiệm nêu gương với kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết những vấn đề thực tiễn và phục vụ Nhân dân. Vì vậy, người đứng đầu phải thực sự gương mẫu về bản lĩnh chính trị, đạo đức, liêm chính, kỷ luật, trách nhiệm, phong cách gần dân, trọng dân; đồng thời thể hiện năng lực đổi mới, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

Cùng với yêu cầu về phẩm chất và nêu gương, cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cần đổi mới quan niệm về tiêu chuẩn và năng lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Các định hướng mới về cán bộ cơ sở cần được nghiên cứu, vận dụng vào xây dựng VHCT theo ba phương diện có quan hệ chặt chẽ: phẩm chất chính trị, đạo đức và tinh thần phục vụ Nhân dân; năng lực thực thi công vụ; năng lực phát triển. Trong đó, năng lực phát triển cần chú trọng tư duy dữ liệu, chuyển đổi số, khả năng huy động và liên kết nguồn lực, dự báo và phản ứng chính sách. Cách tiếp cận này giúp khắc phục quan niệm đồng nhất VHCT với phẩm chất đạo đức hoặc nhận thức chính trị, đồng thời đặt VHCT trong mối quan hệ với năng lực hành động và kết quả phát triển.

Việc cụ thể hóa yêu cầu này cần gắn với Thông báo số 21-TB/VPTW, Công văn số 533-CV/BTCTW, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP về cán bộ, công chức cấp xã và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đây là những căn cứ cần được cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu trong quá trình xác định tiêu chuẩn, yêu cầu và định hướng xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã, bảo đảm kết hợp giữa phẩm chất chính trị, đạo đức với năng lực thực thi, năng lực phát triển, kỷ luật, kỷ cương và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, cấp ủy và người đứng đầu cần đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ, minh bạch, đề cao trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Văn kiện Đại hội XIV xác định yêu cầu xây dựng nền hành chính “chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả” [38, tr.174]. Điều đó đòi hỏi cấp ủy phải lãnh đạo quá trình chuyển từ tư duy chủ yếu về quản lý hành chính sang quản trị, phục vụ và kiến tạo phát triển; tăng tính chủ động, trách nhiệm giải trình, khả năng phối hợp, giải quyết vấn đề và chịu trách nhiệm về kết quả. Theo đó, trách nhiệm lãnh đạo phải được thể hiện theo chuỗi định hướng đúng - lựa chọn đúng trọng tâm - tổ chức thực hiện đồng bộ - kiểm tra, giám sát - đánh giá bằng kết quả - chịu trách nhiệm.

Đồng thời, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu đối với chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu. Văn kiện Đại hội XIV xác định nhiệm vụ “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số” [37, tr.96-97]. Chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn làm thay đổi phương thức lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và tương tác với Nhân dân. Vì vậy, cấp ủy và người đứng đầu cần chủ động lãnh đạo việc nâng cao năng lực số, sử dụng dữ liệu trong quản lý, điều hành; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và các chuẩn mực VHCT trong môi trường số.

Đối với ĐBSCL, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu phải gắn chặt với những yêu cầu phát triển đặc thù của vùng, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên, phát triển kinh tế xanh, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Điều đó đòi hỏi công tác lãnh đạo xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ chú trọng bản lĩnh chính trị và đạo đức mà phải đồng thời phát triển năng lực công tác, năng lực phát triển, tư duy đổi mới, khả năng phối hợp và giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương.

Cần gắn trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu với kết quả xây dựng VHCT của ĐNCB thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý. Việc đánh giá trách nhiệm không nên chỉ căn cứ vào việc ban hành nghị quyết, kế hoạch hoặc tổ chức học tập mà cần chú trọng mức độ chuyển biến thực tế của đội ngũ về bản lĩnh, đạo đức, liêm chính, trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân, năng lực thực thi, khả năng đổi mới và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, từng bước hình thành cơ chế trong đó trách nhiệm lãnh đạo xây dựng VHCT được đo bằng sự chuyển biến của đội ngũ và kết quả thực tiễn, thay vì chỉ bằng quá trình triển khai.

Nâng cao nhận thức phải gắn với xác định rõ trách nhiệm; trách nhiệm phải được chuyển hóa thành nêu gương, lãnh đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và kết quả thực tiễn. Trong kỷ nguyên mới, trách nhiệm đó còn phải hướng tới việc hình thành ĐNCB chủ chốt cấp xã có bản lĩnh và đạo đức, tầm nhìn phát triển, tư duy đổi mới, năng

lực kiến tạo và quản trị thực thi, bảo đảm sự chuyển hóa từ nhận thức đúng → lãnh đạo đúng → tổ chức thực hiện hiệu quả → kết quả cụ thể → trách nhiệm đến cùng. Đây là điều kiện quan trọng để xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp và sự phát triển trong giai đoạn mới.

4.2.2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ về văn hoá chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, mang tính “xây từ gốc”, nhằm khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra trong phần thực trạng, đặc biệt là tình trạng nhận thức chưa đầy đủ, thiếu tính hệ thống và chưa chuyển hóa thành hành vi chính trị - công vụ trong thực tiễn hoạt động ở cấp xã. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành sự thống nhất giữa tri thức chính trị, niềm tin chính trị và hành vi chính trị của ĐNCB cấp xã; qua đó góp phần xây dựng HTCT cấp xã trong sạch, vững mạnh và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới căn bản nội dung, phương thức giáo dục LLCT; gắn lý luận với thực tiễn; nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên” [36, tr.235-236]. Đồng thời, Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng yêu cầu phải “nâng cao nhận thức, trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực công tác” của cán bộ, đảng viên [26]. Điều đó cho thấy, giáo dục VHCT không chỉ nhằm trang bị tri thức lý luận mà còn hướng tới hình thành hệ giá trị chính trị và chuẩn mực hành vi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong điều kiện mới.

Trước hết, cần đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục VHCT theo hướng thiết thực, gắn với yêu cầu nhiệm vụ của chính quyền cấp xã trong bối cảnh hiện nay. Nội dung giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt các khái niệm lý luận chung về VHCT mà cần tập trung làm rõ các giá trị cốt lõi như bản lĩnh chính trị, liêm chính, trách nhiệm, dân chủ, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân. Đồng thời, phải gắn nội dung VHCT với các tình huống thực tiễn thường xuyên phát sinh ở cấp xã như quản lý đất đai, giải quyết khiếu nại, tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính và chuyển đổi số. Cách tiếp cận này giúp ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ “hiểu đúng” mà còn “làm đúng” VHCT trong quá trình thực thi công vụ. Quy định số 19-QĐ/TW nhấn mạnh yêu cầu “gắn công tác chính trị, tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng” [26]. Điều này cho thấy, giáo dục VHCT phải hướng tới sự thống nhất giữa nhận thức chính trị với hành vi công vụ, khắc phục tình trạng học tập lý luận mang tính hình thức hoặc tách rời thực tiễn ở cấp xã. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB “có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” [38, tr.256], đồng thời lấy “hiệu quả phục vụ Nhân dân” làm thước đo đánh giá cán bộ [38, tr.392-393]. Điều này cho thấy, giáo dục VHCT phải hướng tới việc

nâng cao năng lực thực thi công vụ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Cùng với đổi mới nội dung, cần đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục VHCT theo hướng linh hoạt, hiện đại và phù hợp với điều kiện của vùng ĐBSCL. Bên cạnh các hình thức truyền thống như học tập nghị quyết, sinh hoạt chi bộ, tập huấn nghiệp vụ hay bồi dưỡng LLCT, cần tăng cường các hình thức mới như đào tạo trực tuyến, tọa đàm chuyên đề, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, mô hình “cán bộ học từ thực tiễn” hoặc chia sẻ kinh nghiệm từ các điển hình tiên tiến ở cấp xã. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, giáo dục VHCT sẽ góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận, nâng cao hiệu quả truyền tải và phù hợp với xu hướng hiện đại hóa hoạt động của HTCT. Văn kiện Đại hội XIV xác định nhiệm vụ “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số” [37, tr.96-97]. Điều đó đòi hỏi hoạt động giáo dục VHCT cũng phải đổi mới theo hướng hiện đại, tăng tính tương tác và khả năng tiếp cận thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Trong bối cảnh vùng ĐBSCL đang đẩy mạnh chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu, công tác tuyên truyền, giáo dục VHCT càng cần gắn với yêu cầu nâng cao tư duy đổi mới, năng lực số và trách nhiệm quản trị phát triển bền vững của ĐNCB cấp xã. Nghị quyết số 80/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị và tư duy phát triển vùng theo hướng “thuận thiên”, bền vững và thích ứng [148]. Điều này cho thấy, giáo dục VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã ở ĐBSCL không chỉ là yêu cầu về xây dựng Đảng mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực quản trị cộng đồng, quản trị tài nguyên và quản trị thích ứng trong bối cảnh mới.

Một yêu cầu quan trọng là gắn giáo dục VHCT với công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá và sử dụng cán bộ. Trên thực tế, một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế về VHCT hiện nay là chưa coi VHCT như một tiêu chí quan trọng trong đào tạo và đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã. Vì vậy, cần tích hợp nội dung VHCT vào chương trình đào tạo LLCT, quản lý nhà nước, kỹ năng công vụ và kỹ năng lãnh đạo, quản trị ở cấp xã. Đồng thời, cần đưa các tiêu chí về VHCT vào quy trình đánh giá, bổ nhiệm, quy hoạch và sử dụng cán bộ nhằm tạo động lực để ĐNCB tự giác rèn luyện, nâng cao nhận thức và điều chỉnh hành vi chính trị trong thực tiễn. Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương; gương mẫu trong đạo đức, lối sống; tận tụy phục vụ Nhân dân; nói đi đôi với làm” [10]. Điều này cho thấy, VHCT cần được xem là một tiêu chí quan trọng phản ánh chất lượng ĐNCB trong quá trình đào tạo, sử dụng và đánh giá cán bộ hiện nay.

Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng vai trò nêu gương của ĐNCB lãnh đạo, quản lý ở cấp xã trong giáo dục VHCT. Nêu gương là phương thức giáo dục trực tiếp, có tác động mạnh mẽ và bền vững đến nhận thức và hành vi của ĐNCB ở cấp xã. Khi cán bộ lãnh đạo thực hiện tốt các chuẩn mực VHCT như gần dân, trọng dân, liêm chính, trách nhiệm, dân chủ và công khai trong điều hành công việc sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực trong toàn bộ HTCT cấp xã. Ngược lại, nếu thiếu nêu gương hoặc nói không đi đôi với làm thì các hoạt động tuyên truyền, giáo dục khó có thể tạo ra chuyển biến thực chất. Quy định số 144-QĐ/TW nhấn mạnh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “gương mẫu trong công tác và sinh hoạt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân” [10]. Đồng thời, Quy định số 19-QĐ/TW yêu cầu tăng cường trách nhiệm nêu gương, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và xây dựng sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng [26]. Điều đó cho thấy, nêu gương không chỉ là yêu cầu đạo đức mà còn là phương thức giáo dục VHCT có hiệu quả trong thực tiễn.

Đồng thời, cần tăng cường giáo dục VHCT gắn với xây dựng niềm tin chính trị và ý thức trách nhiệm công vụ cho ĐNCB chủ chốt cấp xã. VHCT không chỉ là hệ thống tri thức lý luận mà còn là hệ giá trị định hướng hành vi chính trị của cán bộ trong thực tiễn. Vì vậy, quá trình giáo dục cần chú trọng bồi dưỡng niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vào chính sách, pháp luật của Nhà nước và con đường phát triển đất nước. Khi niềm tin chính trị được củng cố, ĐNCB chủ chốt cấp xã sẽ có động lực nội sinh để thực hiện công vụ một cách tự giác, trung thực và có trách nhiệm hơn. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay khi các yếu tố tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, mạng xã hội và thông tin đa chiều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng, thái độ và hành vi chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đối với vùng ĐBSCL, việc tuyên truyền, giáo dục VHCT cần gắn với đặc điểm văn hóa cộng đồng vùng sông nước, tính cố kết xã hội cao và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế và chuyển đổi mô hình phát triển của vùng. Nội dung giáo dục VHCT không chỉ tập trung vào yêu cầu chính trị chung mà còn cần nâng cao nhận thức của ĐNCB về trách nhiệm quản trị tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và tăng cường sự đồng thuận xã hội trong cộng đồng dân cư. Trong điều kiện đó, ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được trang bị năng lực đối thoại, kỹ năng vận động quần chúng và khả năng xử lý hài hòa lợi ích giữa các nhóm xã hội trong quá trình thực hiện các chính sách phát triển ở địa phương.

Ngoài ra, cần phát huy vai trò của môi trường xã hội và cộng đồng trong giáo dục VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã. Ở cấp xã, môi trường cộng đồng có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và hành vi công vụ của cán bộ. Vì vậy, cần tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong việc đánh giá thái

độ, hành vi và trách nhiệm công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Đây không chỉ là kênh phản hồi xã hội quan trọng mà còn là cơ chế điều chỉnh hành vi chính trị theo hướng tích cực, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với HTCT ở cấp xã.

Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về VHCT cho ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL là giải pháp có ý nghĩa nền tảng và lâu dài trong xây dựng ĐNCB hiện nay. Giải pháp này góp phần trực tiếp khắc phục những hạn chế về nhận thức, củng cố niềm tin chính trị, hình thành chuẩn mực hành vi công vụ và tạo chuyển biến thực chất trong xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL; qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã trong bối cảnh phát triển mới.

4.2.3. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện văn hóa chính trị, chú trọng năng lực công tác, năng lực phát triển, kỹ năng thực thi quyền lực, xử lý tình huống và năng lực số

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện VHCT là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy và khả năng hành động thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới” [36, tr.109-110], đồng thời yêu cầu “đổi mới căn bản nội dung, phương thức giáo dục LLCT theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với thực tiễn” [36, tr.235-236]. Quy định số 19-QĐ/TW cũng yêu cầu “nâng cao nhận thức, trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực công tác” của cán bộ, đảng viên [26]. Vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng VHCT phải hướng tới sự thống nhất giữa tri thức chính trị, bản lĩnh, đạo đức, năng lực và hành vi thực tiễn.

Trước hết, cần tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục LLCT và củng cố nền tảng tư tưởng cho ĐNCB chủ chốt cấp xã. Nội dung bồi dưỡng phải giúp cán bộ nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, đồng thời nâng cao khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ sở. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh nhiệm vụ “tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” [38, tr.5-6]; Quy định số 19-QĐ/TW yêu cầu “giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng trong mọi hoạt động của tổ chức đảng và của cán bộ, đảng viên” [26]. Do đó, học tập LLCT phải chuyển mạnh từ trang bị kiến thức sang củng cố niềm tin, phát triển tư duy khoa học và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

Cùng với đó, cần đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn. Nội dung cần gắn với những vấn đề cán bộ cấp xã thường xuyên giải quyết như quản lý đất đai, khiếu nại - tố cáo, an sinh xã hội, xây

dựng nông thôn mới, quản trị địa phương, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Phương pháp đào tạo cần giảm truyền thụ lý thuyết một chiều, tăng thảo luận, nghiên cứu tình huống, đối thoại, thực hành và giải quyết các vấn đề thực tế. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu “tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời bổ sung, phát triển lý luận” [36, tr.233-234]. Vì vậy, đào tạo VHCT phải gắn lý luận với thực tiễn và chuyển từ “học để biết” sang “học để làm, giải quyết vấn đề và chịu trách nhiệm”.

Trọng tâm của đổi mới đào tạo, bồi dưỡng là phát triển đồng thời năng lực công tác và năng lực phát triển. Năng lực công tác thể hiện ở khả năng vận dụng chủ trương, chính sách, pháp luật; tổ chức thực hiện nhiệm vụ; phối hợp, kiểm tra, xử lý tình huống và giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm. Năng lực phát triển thể hiện ở khả năng dự báo, nhận diện tiềm năng và điểm nghẽn, xác định ưu tiên, huy động và kết nối nguồn lực, đổi mới phương thức quản trị và kiến tạo điều kiện cho địa phương phát triển. Văn kiện Đại hội XIV chỉ rõ bối cảnh thế giới đang “diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo” [37, tr.9]. Vì vậy, chương trình bồi dưỡng cần chú trọng tư duy chiến lược, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, đối thoại với Nhân dân, điều hòa lợi ích và khả năng thích ứng với những biến động của môi trường phát triển.

Đồng thời, cần tăng cường kỹ năng thực thi quyền lực, xử lý tình huống và năng lực số cho ĐNCB chủ chốt cấp xã. Chuyển đổi số làm thay đổi phương thức quản trị, cung cấp dịch vụ công và tương tác giữa chính quyền với Nhân dân, đòi hỏi cán bộ phải có khả năng sử dụng nền tảng số, khai thác dữ liệu phục vụ quyết định, xử lý thông tin và thực hiện nhiệm vụ trong môi trường số. Việc bồi dưỡng năng lực số phải gắn với các chuẩn mực VHCT như công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kỷ luật và phục vụ Nhân dân, tránh xem chuyển đổi số đơn thuần là kỹ năng sử dụng công nghệ.

Đào tạo, bồi dưỡng phải gắn chặt với tự học, tự tu dưỡng và rèn luyện VHCT trong thực tiễn. Quy định số 144-QĐ/TW yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “thường xuyên học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực công tác; giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” [10] và “giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; tận tụy phục vụ Nhân dân; nói đi đôi với làm” [10]. Vì vậy, rèn luyện VHCT cần được thực hiện thường xuyên thông qua giải quyết công việc, tiếp xúc với Nhân dân, xử lý tình huống, tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, chuyển hóa nhận thức thành niềm tin, giá trị thành chuẩn mực và chuẩn mực thành hành vi công vụ.

Bên cạnh đó, cần nâng cao khả năng nhận diện, phân tích và xử lý thông tin trong môi trường số, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững bản lĩnh chính trị của cán bộ. Quy định số 19-QĐ/TW yêu cầu “chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; kịp thời định hướng, xử lý những vấn đề phát sinh về

tư tưởng” [26]; Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng” [38, tr.260]. Nội dung này cần được tích hợp vào chương trình bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng tiếp nhận, phân tích và xử lý thông tin cho cán bộ cấp xã.

Đối với ĐBSCL, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần gắn với đặc điểm và yêu cầu phát triển của vùng, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên, phát triển xanh, chuyển đổi số và bảo đảm an sinh xã hội. Qua đó, cán bộ không chỉ được trang bị kiến thức mà còn hình thành tư duy phát triển dài hạn, khả năng dự báo, điều phối lợi ích và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Việc đào tạo cần được thiết kế theo nhu cầu vị trí việc làm, xác định rõ chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ, đồng thời gắn kết quả bồi dưỡng với đánh giá và sử dụng cán bộ.

Như vậy, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện VHCT cần chuyển mạnh từ trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực; từ lý luận thuần túy sang gắn lý luận với thực tiễn; từ đào tạo chung sang đào tạo theo vị trí việc làm và yêu cầu phát triển. Qua đó, xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực công tác và năng lực phát triển, kỹ năng thực thi quyền lực, xử lý tình huống và năng lực số, đáp ứng yêu cầu quản trị và phát triển địa phương trong giai đoạn mới.

4.2.4. Phát huy tính chủ động của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng văn hóa chính trị, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp hiện nay

Phát huy tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long là giải pháp có ý nghĩa trực tiếp, tạo động lực nội sinh cho quá trình xây dựng VHCT. Nếu cơ chế, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng và môi trường công vụ là những điều kiện tác động từ bên ngoài thì sự tự giác, tự tu dưỡng, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự điều chỉnh của mỗi cán bộ là yếu tố quyết định việc chuyển hóa các giá trị, chuẩn mực VHCT thành phẩm chất, năng lực và hành vi thực tiễn. Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu này càng trở nên quan trọng khi cấp xã phải nâng cao tính chủ động, năng lực thực thi, khả năng xử lý những vấn đề phát sinh và trách nhiệm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trước hết, cần phát huy tính tích cực chính trị, ý thức tự giác, tự tu dưỡng và trách nhiệm nêu gương của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Mỗi cán bộ phải chủ động tự soi, tự sửa, thường xuyên rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, ý thức trách nhiệm và phong cách công tác; khắc phục tư tưởng trung bình chủ nghĩa, bảo thủ, sức ỳ, chủ nghĩa cá nhân và tâm lý né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB “có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng,

năng lực nổi bật và uy tín cao”. Quy định số 144-QĐ/TW yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “tiên phong, gương mẫu; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”. Vì vậy, nêu gương phải trở thành hành vi tự giác, thể hiện trong thực hiện chức trách, quan hệ công tác và trách nhiệm đối với Nhân dân.

Yêu cầu này tiếp tục được phát triển trong Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới. Chỉ thị yêu cầu chuyển mạnh sang thực hành thường xuyên, tự giác, thiết thực, gắn với chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ và kết quả phục vụ Nhân dân; đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ, phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, gần dân, sát dân, vì dân. Đáng chú ý, trách nhiệm nêu gương được cụ thể hóa ở bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới, năng lực tổ chức thực hiện, đạo đức công vụ, kỷ luật thực thi và tinh thần phục vụ Nhân dân. Đây là cơ sở quan trọng để chuyển trọng tâm xây dựng VHCT từ “học tập, nhận thức” sang “tự giác thực hành và tạo ra kết quả”, làm cho VHCT trở thành phẩm chất và phương thức hành động thường xuyên của mỗi cán bộ.

Cùng với đó, cần nâng cao đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin chính trị và khả năng tự điều chỉnh hành vi của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh cán bộ, đảng viên phải thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Quy định số 144-QĐ/TW tiếp tục yêu cầu cán bộ, đảng viên giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Vì vậy, mỗi cán bộ phải chủ động chuyển các chuẩn mực đạo đức thành nguyên tắc tự điều chỉnh hành vi trong thực thi công vụ, lấy liêm chính, trách nhiệm, danh dự và tinh thần phục vụ Nhân dân làm cơ sở cho việc thực thi quyền lực.

Trong bối cảnh mới, củng cố niềm tin chính trị phải gắn với nâng cao khả năng nhận thức, phân tích và định hướng trước những vấn đề mới của thực tiễn. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới xác định công tác tư tưởng có vai trò đi trước mở đường, đồng hành trong tổ chức thực hiện và gắn với tổng kết thực tiễn, củng cố niềm tin. Do đó, mỗi cán bộ không chỉ tiếp nhận các định hướng chính trị mà còn phải chủ động học tập, cập nhật tri thức, nâng cao khả năng nhận diện vấn đề, củng cố bản lĩnh và chuyển nhận thức, niềm tin thành hành động có trách nhiệm trong thực tiễn. Điều này góp phần hình thành năng lực tự định hướng, tự kiểm soát và “nội lực” VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Đặc biệt, trong kỷ nguyên phát triển mới, tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được nâng lên thành năng lực chủ động định hướng tương lai, đổi mới tư duy, kiến tạo phát triển và quản trị thực thi. Những yêu cầu mới về lãnh đạo chiến lược nhấn mạnh mạch tư duy “tầm nhìn trăm năm - tư duy đột phá - kiến tạo phát triển - quản trị thực thi”,

trong đó tầm nhìn phải được chuyển thành hành động, quyết sách phải được chuyển thành kết quả. Khi vận dụng vào cấp xã, yêu cầu này không có nghĩa đòi hỏi cán bộ cơ sở thực hiện chức năng của cán bộ lãnh đạo chiến lược cấp quốc gia, mà cần được chuyển hóa phù hợp thành tầm nhìn phát triển địa phương, tư duy đổi mới, khả năng lựa chọn đúng vấn đề ưu tiên, kiến tạo điều kiện phát triển, tổ chức thực hiện hiệu quả và chịu trách nhiệm đến cùng về kết quả.

Theo đó, ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long cần từng bước hình thành phương thức tư duy và hành động theo chuỗi: nhìn xa - nhận diện đúng vấn đề - lựa chọn đúng trọng tâm - quyết định kịp thời - tổ chức thực hiện đồng bộ - kiểm tra, điều chỉnh - chịu trách nhiệm về kết quả. Tính chủ động vì vậy không chỉ là “dám làm” mà còn bao hàm biết lựa chọn việc cần làm, biết tổ chức thực hiện và làm đến cùng để tạo ra kết quả. Đây là bước phát triển từ tính tích cực chính trị sang năng lực hành động và năng lực kiến tạo của người cán bộ trong điều kiện mới.

Yêu cầu này có cơ sở trực tiếp từ những định hướng mới về xây dựng ĐNCB cấp xã. Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 và Công văn số 533-CV/BTCTW ngày 08/4/2026 của Ban Tổ chức Trung ương đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí cho từng vị trí việc làm, cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở và xây dựng khung năng lực chung đối với cán bộ, công chức cấp xã. Khung năng lực được cụ thể hóa theo các nhóm chính gồm phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần phục vụ Nhân dân; năng lực thực thi công vụ; năng lực phát triển, trong đó năng lực phát triển gắn với tư duy chiến lược, tư duy dữ liệu, chuyển đổi số, huy động nguồn lực, phối hợp và khả năng phản ứng chính sách. Đây là căn cứ quan trọng để định hướng quá trình tự học tập, tự rèn luyện và tự hoàn thiện của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong giai đoạn mới.

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP về cán bộ, công chức cấp xã và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới tiếp tục đặt yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ gắn với vận hành chính quyền địa phương hai cấp. Vì vậy, tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã phải được thể hiện đồng thời trên ba phương diện: chủ động hoàn thiện phẩm chất và đạo đức; chủ động nâng cao năng lực thực thi công vụ; chủ động phát triển năng lực kiến tạo và thích ứng với tương lai. Qua đó, quá trình tự rèn luyện không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc hiện tại mà còn chuẩn bị năng lực để xử lý những vấn đề mới của địa phương.

Một yêu cầu quan trọng khác là chủ động đổi mới tư duy, phương thức hành động và nâng cao khả năng thích ứng với mô hình quản trị địa phương mới. ĐNCB chủ chốt cấp xã không thể chỉ thực hiện nhiệm vụ theo kinh nghiệm hoặc thụ động chờ chỉ đạo mà

phải chủ động nghiên cứu, phát hiện vấn đề, dự báo, đề xuất giải pháp, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả. Trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, kinh tế thị trường và chuyển đổi số, mỗi cán bộ cần từng bước chuyển từ tư duy hành chính sang tư duy quản trị, phục vụ và kiến tạo phát triển; từ xử lý công việc theo vụ việc sang chủ động nhận diện và giải quyết vấn đề; từ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm sang kết hợp kinh nghiệm với dữ liệu và căn cứ thực tiễn.

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, yêu cầu này càng có ý nghĩa khi cấp xã trực tiếp đối diện với những vấn đề đa chiều như biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên, phát triển kinh tế xanh và những biến đổi kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, ĐNCB chủ chốt cấp xã cần chủ động nâng cao khả năng dự báo, nhận diện tiềm năng và những điểm nghẽn phát triển; xác định ưu tiên, huy động và liên kết nguồn lực, phối hợp các chủ thể, phản ứng kịp thời trước những vấn đề phát sinh. Ở phương diện này, năng lực công tác giúp cán bộ thực hiện tốt nhiệm vụ hiện tại, còn năng lực phát triển giúp cán bộ chủ động kiến tạo những điều kiện và động lực cho tương lai.

Đồng thời, cần chủ động xây dựng phong cách lãnh đạo gần dân, trọng dân, hiểu dân, học dân và phục vụ Nhân dân. Cấp xã trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề gắn với đời sống của người dân, vì vậy VHCT của ĐNCB chủ chốt phải được thể hiện qua thái độ, trách nhiệm và kết quả phục vụ Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân”. Chỉ thị số 07-CT/TW cũng nhấn mạnh thực hiện quan điểm “dân là gốc”, tôn trọng, lắng nghe và kịp thời giải quyết những kiến nghị, bức xúc chính đáng của Nhân dân. Vì vậy, mỗi cán bộ cần chủ động đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng; công khai, minh bạch trong giải quyết công việc và chịu trách nhiệm về kết quả phục vụ Nhân dân.

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phong cách gần dân phải gắn với khả năng vận động quần chúng, tạo đồng thuận và điều hòa lợi ích cộng đồng trong giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyển đổi sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và triển khai các chương trình phát triển tại cơ sở. Qua đó, “gần dân, trọng dân” không chỉ là thái độ chính trị mà phải được chuyển hóa thành khả năng nhận diện và giải quyết có trách nhiệm những vấn đề thực tiễn của Nhân dân.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, cần phát huy tính chủ động và trách nhiệm của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong môi trường số. Mỗi cán bộ cần chủ động nâng cao năng lực số, tư duy dữ liệu, khả năng nhận diện, phân tích và xử lý thông tin; sử dụng công nghệ và mạng xã hội có trách nhiệm; giữ gìn chuẩn mực phát ngôn và ứng xử của người cán bộ. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng”. Quy định số 19-QĐ/TW yêu cầu chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nghị

quyết số 25-NQ/TW tiếp tục đặt công tác tư tưởng trong bối cảnh truyền thông và không gian số có những thay đổi sâu sắc. Do đó, năng lực sử dụng công nghệ phải gắn với bản lĩnh chính trị, khả năng xử lý thông tin và trách nhiệm của cán bộ trong môi trường số.

Tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã còn phải được thể hiện trong xây dựng quan hệ công tác dân chủ, đoàn kết, phối hợp và trách nhiệm. Mỗi cán bộ cần chủ động phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình; thẳng thắn đấu tranh với các biểu hiện cục bộ, bè phái, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và những hành vi lệch chuẩn. Trọng tâm ở đây không phải là xây dựng môi trường VHCT nói chung mà là phát huy vai trò chủ thể của mỗi cán bộ trong kiến tạo và duy trì môi trường đó thông qua chính phẩm chất, hành vi, trách nhiệm và phương thức làm việc của mình.

Phát huy tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn mới cần được phát triển từ tự giác tu dưỡng đến chủ động hành động và chủ động kiến tạo phát triển; từ thực hiện đúng chức trách đến khả năng nhìn xa, nhận diện vấn đề, lựa chọn đúng, tổ chức thực hiện hiệu quả và chịu trách nhiệm đến cùng. Có thể khái quát quá trình này theo chuỗi: bản lĩnh, đạo đức và tinh thần phục vụ → năng lực thực thi công vụ → tầm nhìn và tư duy đổi mới → năng lực kiến tạo phát triển → quản trị thực thi → sản phẩm và kết quả thực tiễn. Đây chính là quá trình phát huy nội lực VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã, góp phần hình thành đội ngũ không chỉ “đúng về nhận thức, chuẩn về phẩm chất” mà còn chủ động trong tư duy, quyết liệt trong hành động, hiệu quả trong thực thi và trách nhiệm về kết quả, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp và sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới.

4.2.5. Xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn với đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương, thượng tôn pháp luật và phục vụ Nhân dân

Xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT là giải pháp quan trọng nhằm chuyển hóa các quan điểm của Đảng, quy định của Nhà nước và những yêu cầu phát triển mới thành chuẩn mực cụ thể đối với nhận thức, hành vi lãnh đạo, quản lý và thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Hệ giá trị và bộ quy tắc ứng xử không thay thế các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà cụ thể hóa những yêu cầu về bản lĩnh chính trị, liêm chính, trách nhiệm, nêu gương, thượng tôn pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và phục vụ Nhân dân thành những chuẩn mực hành vi phù hợp với đặc điểm hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp và đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã không chỉ dừng lại ở phẩm chất chính trị, đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên mà còn đặt

ra yêu cầu cao hơn về tầm nhìn, tư duy đổi mới, năng lực kiến tạo phát triển và quản trị thực thi. Chuyên đề về lãnh đạo chiến lược trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh yêu cầu nghĩ xa, quyết định đúng, hành động hiệu quả và trách nhiệm đến cùng, với mạch xuyên suốt gồm bốn trụ cột: tầm nhìn trăm năm - tư duy đột phá - kiến tạo phát triển - quản trị thực thi. Trong đó, tầm nhìn phải được chuyển thành hành động, quyết sách phải được chuyển thành kết quả; người lãnh đạo không chỉ xác định đúng mục tiêu mà còn phải có khả năng tổ chức thực hiện, kiểm tra, điều chỉnh và chịu trách nhiệm về kết quả.

Từ yêu cầu đó, hệ giá trị VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL cần được phát triển theo hướng kết hợp giữa giá trị nền tảng và giá trị đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Các giá trị nền tảng gồm bản lĩnh chính trị, đạo đức, liêm chính, trách nhiệm, dân chủ, thượng tôn pháp luật, nêu gương, gần dân và phục vụ Nhân dân. Đồng thời, cần bổ sung và nhấn mạnh những giá trị gắn với yêu cầu của kỷ nguyên mới như tầm nhìn phát triển, tư duy đổi mới và đột phá, tinh thần kiến tạo, chủ động thích ứng, năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm đến cùng đối với kết quả. Qua đó, VHCT không chỉ trả lời câu hỏi cán bộ phải có phẩm chất gì mà còn phải thể hiện được cán bộ nhìn nhận vấn đề như thế nào, lựa chọn và quyết định ra sao, tổ chức thực hiện bằng cách nào và chịu trách nhiệm như thế nào đối với kết quả.

Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới tiếp tục tạo cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện hệ chuẩn mực này. Chỉ thị đặt trọng tâm vào chuyển mạnh từ học tập sang thực hành thường xuyên, tự giác, thiết thực, gắn với chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ và kết quả phục vụ Nhân dân; đồng thời đề cao bản lĩnh, tư duy đổi mới, phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, gần dân và trách nhiệm nêu gương. Vì vậy, các chuẩn mực VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã cần được xây dựng theo hướng không chỉ “biết” và “nhận thức đúng” mà phải thực hành đúng, làm có kết quả và chịu trách nhiệm về kết quả.

Cùng với đó, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới xác định công tác tư tưởng có vai trò đi trước mở đường, đồng hành trong tổ chức thực hiện và gắn với tổng kết thực tiễn, củng cố niềm tin. Điều này đặt ra yêu cầu xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trên cơ sở thống nhất giữa nhận thức - niềm tin - giá trị - chuẩn mực - hành động, bảo đảm nhận thức chính trị được chuyển hóa thành năng lực định hướng, tổ chức thực hiện và hành vi công vụ trong thực tiễn.

Đặc biệt, các yêu cầu mới về tiêu chuẩn cán bộ cơ sở cần được phản ánh trực tiếp vào hệ giá trị và chuẩn mực VHCT. Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 và Công văn hướng dẫn số 533-CV/BTCTW ngày 08/4/2026 đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện tiêu

chuẩn, tiêu chí theo từng vị trí việc làm và cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở; Công văn số 533-CV/BTCTW đồng thời xác định việc xây dựng khung năng lực chung đối với cán bộ, công chức cấp xã trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành và cập nhật những yêu cầu mới. Đây là căn cứ quan trọng để cụ thể hóa hệ tiêu chí VHCT theo hướng kết hợp giữa phẩm chất chính trị, đạo đức và tinh thần phục vụ Nhân dân; năng lực thực thi công vụ; năng lực phát triển, qua đó gắn VHCT với yêu cầu thực tế của từng vị trí lãnh đạo, quản lý ở cấp xã.

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định vị trí, tiêu chuẩn và các yêu cầu đối với cán bộ, công chức cấp xã. Đặc biệt, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã đáp ứng yêu cầu của tình hình mới yêu cầu rà soát chất lượng đội ngũ, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí theo vị trí việc làm; chú trọng bồi dưỡng năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển và năng lực xử lý tình huống, đồng thời nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình. Đây là cơ sở trực tiếp để bổ sung các chuẩn mực về năng lực thực thi, trách nhiệm, kỷ luật, công khai, minh bạch và tinh thần phục vụ Nhân dân vào hệ tiêu chí VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Trên cơ sở đó, hệ giá trị và chuẩn mực VHCT cần được cụ thể hóa thành những hành vi có thể nhận diện theo ba nhóm: những việc phải làm, những việc nên làm và những việc không được làm. Trong đó, những việc phải làm tập trung vào tuân thủ pháp luật, liêm chính, trách nhiệm, nêu gương, gần dân, công khai, minh bạch, giải trình và hoàn thành nhiệm vụ; những việc nên làm hướng tới chủ động đổi mới, dự báo, đề xuất sáng kiến, huy động nguồn lực, ứng dụng dữ liệu và kiến tạo phát triển; những việc không được làm tập trung vào lạm quyền, vụ lợi, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, quan liêu, những nhiễu, để lợi ích cá nhân, gia đình hoặc lợi ích nhóm chi phối quyết định công vụ. Qua đó, hệ giá trị được chuyển thành chuẩn mực, còn chuẩn mực được chuyển thành hành vi có thể quan sát, kiểm tra và đánh giá.

Đối với ĐBSCL, việc cụ thể hóa hệ giá trị và chuẩn mực VHCT cần gắn với đặc điểm văn hóa và yêu cầu phát triển đặc thù của vùng. Cần phát huy tinh thần đoàn kết, nghĩa tình, tính cộng đồng, sự cởi mở và linh hoạt để hình thành phong cách gần dân, hiểu dân và tạo đồng thuận; đồng thời khắc phục biểu hiện nể nang, xuê xoa, trọng tình hơn nguyên tắc hoặc để các quan hệ thân quen, cục bộ chi phối công vụ. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên và phát triển kinh tế xanh, ĐNCB chủ chốt cấp xã còn cần có tư duy phát triển, khả năng dự báo, điều hòa lợi ích, liên kết và huy động nguồn lực, phản ứng chính sách và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Một nội dung quan trọng là cụ thể hóa chuẩn mực ứng xử giữa ĐNCB chủ chốt cấp xã với Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân” [37, tr.221-222]. Theo đó, bộ quy tắc cần xác lập rõ các chuẩn mực gần dân, trọng dân, hiểu dân, lắng nghe dân, học dân, có trách nhiệm với dân và phục vụ Nhân dân. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải chủ động tiếp xúc, đối thoại, hướng dẫn rõ ràng, giải quyết kịp thời công việc thuộc thẩm quyền và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Những hành vi quan liêu, cửa quyền, hách dịch, vô cảm, những nhiễu, gây phiền hà hoặc né tránh trách nhiệm phải được xác định rõ là những biểu hiện không phù hợp với VHCT.

Trên nền tảng đó, cần chú trọng xây dựng văn hóa công vụ theo hướng dân chủ, chuyên nghiệp, trách nhiệm và phục vụ Nhân dân, gắn phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ với hành vi và kết quả thực thi nhiệm vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Kiên quyết khắc phục biểu hiện quan liêu, hình thức, né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; đề cao tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Mỗi cán bộ cần nhận thức rõ uy tín chính trị không chỉ gắn với vị trí, chức vụ mà trước hết được hình thành từ phẩm chất, năng lực, trách nhiệm, thái độ và kết quả phục vụ Nhân dân. Sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân cần được coi là một trong những căn cứ phản ánh chất lượng thực thi công vụ và giá trị thực tiễn của VHCT.

Cùng với đó, cần chuẩn hóa hành vi sử dụng quyền lực theo nguyên tắc thượng tôn pháp luật, liêm chính, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “kiểm soát chặt chẽ quyền lực; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực” [38, tr.237-238]. ĐNCB chủ chốt cấp xã không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi; không để lợi ích cá nhân, gia đình, quan hệ thân quen hoặc lợi ích nhóm chi phối quyết định công vụ; không lạm quyền, vượt quyền; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Đồng thời, cần từng bước hình thành văn hóa tự kiểm soát quyền lực, trong đó mỗi cán bộ tự ý thức về giới hạn quyền lực, tự giác tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

Bên cạnh đó, cần hình thành văn hóa nhận trách nhiệm, văn hóa xin lỗi và trách nhiệm nêu gương. Quy định số 144-QĐ/TW yêu cầu cán bộ, đảng viên phải “gương mẫu trong công tác và sinh hoạt; nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân” [10]. Chỉ thị số 07-CT/TW tiếp tục nhấn mạnh trách nhiệm nêu gương phải gắn với kết quả thực thi nhiệm vụ, giải quyết những vấn đề thực tiễn và phục vụ Nhân dân. Do đó, khi để xảy ra sai sót thuộc phạm vi trách nhiệm, cán bộ phải chủ động nhận trách nhiệm, không né tránh, đổ lỗi; có thái độ cầu thị và thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp.

Trong môi trường số, hệ giá trị và chuẩn mực VHCT cần được mở rộng sang đạo đức số, trách nhiệm số và văn hóa sử dụng dữ liệu. ĐNCB chủ chốt cấp xã phải sử dụng

công nghệ, dữ liệu vì lợi ích chung; bảo vệ thông tin theo quy định; công khai, minh bạch trong xử lý công việc; ứng xử có trách nhiệm trên môi trường mạng và chịu trách nhiệm đối với quyết định, hành vi công vụ được thực hiện trên môi trường số. Năng lực số vì vậy không chỉ là kỹ năng công nghệ mà cần gắn với tư duy dữ liệu, trách nhiệm phục vụ, năng lực dự báo và khả năng chuyển dữ liệu thành căn cứ cho quyết định và tổ chức thực hiện.

Cần xây dựng cơ chế triển khai, giám sát và đánh giá việc thực hiện hệ giá trị, chuẩn mực và bộ quy tắc ứng xử VHCT. Các chuẩn mực cần được cụ thể hóa thành chỉ báo có thể quan sát, kiểm tra và đánh giá; kết hợp giữa tự đánh giá của cán bộ, đánh giá của tổ chức, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và phản hồi của Nhân dân. Kết quả thực hành VHCT cần từng bước được gắn với sản phẩm, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu, phù hợp với tinh thần chuyển từ nhận thức sang thực hành được nhấn mạnh trong Chỉ thị số 07-CT/TW về học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới; Nghị quyết số 25-NQ/TW về chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới.

Có thể khẳng định, xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL trong giai đoạn mới cần bảo đảm sự thống nhất giữa “Đức” và “Tài”, giữa bản lĩnh chính trị và năng lực hành động, giữa ý thức phục vụ và hiệu quả phục vụ. Trong đó, “Đức” là nền tảng định hướng việc thực thi quyền lực đúng mục đích, vì lợi ích chung; “Tài” là điều kiện chuyển hóa chủ trương, chính sách thành kết quả thực tiễn; còn sự tin nhiệm của Nhân dân là một thước đo quan trọng phản ánh giá trị thực tiễn của VHCT. Đây chính là quá trình chuyển hóa tri thức và niềm tin chính trị → hệ giá trị → chuẩn mực → hành vi → năng lực tổ chức thực hiện → sản phẩm và kết quả thực tiễn; qua đó xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã có bản lĩnh, đạo đức, năng lực quản trị, tinh thần trách nhiệm, gần dân, sát dân, hiểu dân và hành động vì dân, có khả năng nhìn xa, lựa chọn đúng, chủ động đổi mới, tổ chức thực hiện hiệu quả và chịu trách nhiệm về kết quả, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp và sự phát triển của vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên mới.

4.2.6. Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn với sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ thực hành các chuẩn mực văn hóa chính trị

Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và đổi mới quản trị địa phương, công tác cán bộ cần được tiến hành đồng bộ từ quy hoạch, lựa chọn, bố trí, sử dụng đến đánh giá và phát huy năng lực của đội ngũ. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng ĐNCB “có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng,

năng lực nổi bật và uy tín cao” [38, tr.256], đồng thời yêu cầu “đánh giá bằng sản phẩm, bằng hiệu quả công việc và uy tín trong Nhân dân” [38, tr.392-393]. Đây là cơ sở để đổi mới cơ chế quản lý ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL theo hướng coi trọng đồng thời phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, mức độ thực hành VHCT và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trước hết, cần đổi mới công tác quy hoạch, lựa chọn, bố trí và sử dụng ĐNCB chủ chốt cấp xã theo các chuẩn mực VHCT. Việc lựa chọn và bố trí phải bảo đảm sự thống nhất giữa bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực thực tiễn, uy tín và khả năng hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời coi trọng tinh thần trách nhiệm, liêm chính, phong cách gần dân, trọng dân, khả năng giải quyết vấn đề và ý thức phục vụ Nhân dân. Đối với ĐBSCL, cần chú trọng năng lực vận động quần chúng, điều hòa lợi ích cộng đồng, xử lý các vấn đề thực tiễn và khả năng thích ứng với đặc điểm phát triển của từng địa phương. Đồng thời, cần phòng ngừa và xử lý nghiêm các biểu hiện chạy chức, chạy quyền, cục bộ địa phương, lợi ích nhóm và bố trí cán bộ không phù hợp, qua đó bảo đảm chất lượng đội ngũ ngay từ khâu lựa chọn và sử dụng.

Cùng với đó, cần đổi mới công tác đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã theo hướng thực chất, đa chiều và dựa trên sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đánh giá không chỉ căn cứ vào phẩm chất chính trị, trình độ, quá trình công tác mà phải gắn với hiệu quả thực thi nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và uy tín trong Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “đánh giá bằng sản phẩm, bằng hiệu quả công việc và uy tín trong Nhân dân” [38, tr.392-393]. Vì vậy, cần cụ thể hóa các chuẩn mực VHCT thành những tiêu chí có thể nhận diện và đánh giá trong thực tiễn như bản lĩnh, liêm chính, trách nhiệm, nêu gương, gần dân, trọng dân, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Qua đó, từng bước khắc phục khoảng cách giữa giá trị được nhận thức với giá trị được thực hành, giữa phẩm chất được xác lập với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Đồng thời, cần đa dạng hóa chủ thể, phương thức và nguồn thông tin đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Bên cạnh đánh giá của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu, cần coi trọng ý kiến của cơ quan phối hợp và phản hồi của Nhân dân, nhất là đối với những chức danh thường xuyên trực tiếp giải quyết công việc liên quan đến quyền và lợi ích của người dân. Cần tăng cường ứng dụng dữ liệu số trong theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ giải quyết công việc và chất lượng phục vụ. Sự hài lòng của Nhân dân cần được xem là một nguồn thông tin quan trọng, kết hợp với sản phẩm và kết quả công tác để đánh giá toàn diện hơn mức độ thực hành VHCT, tránh tuyệt đối hóa hoặc phụ thuộc vào một tiêu chí đơn lẻ.

Bên cạnh đổi mới đánh giá, cần hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ ĐNCB chủ chốt cấp xã năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách

nhiệm vì lợi ích chung. Cơ chế quản lý cán bộ phải vừa bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, vừa tạo điều kiện để cán bộ chủ động thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền, khắc phục tâm lý sợ sai, né tránh và đùn đẩy trách nhiệm. Việc khuyến khích đổi mới phải dựa trên động cơ vì lợi ích chung, tuân thủ nguyên tắc, phù hợp thực tiễn và gắn với trách nhiệm đối với quyết định của mình. Qua đó, tạo môi trường để cán bộ phát huy tính chủ động, sáng tạo nhưng không tùy tiện, dám chịu trách nhiệm nhưng luôn đặt hoạt động công vụ trong khuôn khổ pháp luật và các chuẩn mực VHCT.

Đối với ĐBSCL, cơ chế quản lý và đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã cần gắn với khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn và đặc thù phát triển của vùng, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, chuyển đổi sinh kế, phát triển kinh tế xanh, bảo đảm an sinh xã hội và chuyển đổi số. Đây là những vấn đề đòi hỏi ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa có bản lĩnh chính trị, đạo đức và tinh thần trách nhiệm, vừa có năng lực công tác, năng lực phát triển, khả năng phối hợp, huy động nguồn lực và xử lý linh hoạt các tình huống thực tiễn. Vì vậy, kết quả giải quyết những vấn đề cụ thể của địa phương cần được phản ánh phù hợp trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và năng lực thực hành VHCT của đội ngũ.

Việc hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL phải bảo đảm sự thống nhất giữa lựa chọn đúng - bố trí phù hợp - đánh giá thực chất - sử dụng hiệu quả - khuyến khích đổi mới - đề cao trách nhiệm. Qua đó, các giá trị và chuẩn mực VHCT được chuyển hóa thành những tiêu chí cụ thể trong quản lý, đánh giá và sử dụng cán bộ; khắc phục tình trạng đánh giá hình thức, chung chung hoặc chủ yếu dựa vào quá trình, đồng thời tạo động lực để cán bộ chuyển hóa phẩm chất, năng lực và trách nhiệm thành sản phẩm, hiệu quả công việc và kết quả phục vụ Nhân dân, góp phần xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL có bản lĩnh, liêm chính, trách nhiệm, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp và sự phát triển của vùng trong giai đoạn mới.

4.2.7. Xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, minh bạch và hiện đại, phát huy vai trò nêu gương, tự tu dưỡng của cán bộ và sự giám sát của Nhân dân; đồng thời tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ thích ứng với quản trị hiện đại, kinh tế thị trường và chuyển đổi số

Xây dựng môi trường VHCT lành mạnh là điều kiện quan trọng để các giá trị, chuẩn mực VHCT được củng cố và chuyển hóa thành hành vi thường xuyên của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. VHCT không chỉ phụ thuộc vào phẩm chất cá nhân mà còn chịu tác động của môi trường thể chế, văn hóa công vụ, phương thức thực thi quyền lực và các quan hệ chính trị-xã hội ở cơ sở. Vì vậy, cần xây dựng đồng bộ môi trường dân

chủ, kỷ cương, minh bạch, liêm chính và thượng tôn pháp luật, tạo điều kiện để ĐNCB thực hành VHCT trong hoạt động công vụ.

Trọng tâm là xây dựng môi trường chính trị và công vụ dân chủ, kỷ cương, minh bạch và trách nhiệm trong HTCT cấp xã. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền hành chính “chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả” [38, tr.174], đồng thời yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xây dựng ĐNCB “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” [38, tr.392-393]. Theo đó, cần phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương; xây dựng quan hệ công tác đoàn kết, hợp tác, thẳng thắn; đề cao công khai, minh bạch và trách nhiệm trong thực thi công vụ; khắc phục các biểu hiện cục bộ, bè phái, lợi ích nhóm và thiếu chuẩn mực trong quan hệ công tác.

Môi trường VHCT phải tạo điều kiện để ĐNCB chủ chốt cấp xã tự tu dưỡng, rèn luyện và phát huy trách nhiệm nêu gương. Mỗi cán bộ, nhất là người đứng đầu, cần thường xuyên tự soi, tự sửa, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, phong cách làm việc và tinh thần trách nhiệm; thực hiện nói đi đôi với làm, gần dân, trọng dân, lắng nghe và phục vụ Nhân dân. Qua đó, các yêu cầu và chuẩn mực VHCT từng bước được nội tâm hóa thành nhu cầu tự thân, góp phần chuyển hóa nhận thức thành niềm tin, giá trị thành chuẩn mực và chuẩn mực thành hành vi.

Cùng với tự tu dưỡng và nêu gương, cần phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng môi trường VHCT ở cơ sở. Cần thực hiện tốt đối thoại, tiếp công dân, tiếp nhận và phản hồi ý kiến; công khai những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân tham gia giám sát thái độ, trách nhiệm và hành vi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Qua đó, tăng cường mối quan hệ giữa cán bộ với Nhân dân, củng cố trách nhiệm phục vụ và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho việc thực hành các giá trị VHCT.

Bên cạnh đó, cần bảo đảm điều kiện vật chất, tinh thần và môi trường làm việc phù hợp cho ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Cần quan tâm chế độ, chính sách phù hợp với vị trí, trách nhiệm và khối lượng công việc; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị và điều kiện công vụ đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp. Đối với địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng ven biển và khu vực thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu, cần có sự quan tâm phù hợp nhằm tạo điều kiện để cán bộ yên tâm công tác, phát huy năng lực và hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng thời, cần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần và văn hóa công sở tích cực, tạo môi trường đoàn kết, dân chủ, kỷ cương và trách nhiệm. Các hoạt động sinh hoạt chính trị, văn hóa và tập thể cần được tổ chức thiết thực, góp phần tăng cường sự gắn kết và nuôi dưỡng các giá trị tích cực trong đội ngũ. Đối với ĐBSCL, cần phát huy những giá

trị văn hóa phù hợp như tinh thần đoàn kết, nghĩa tình, tính cộng đồng và sự năng động, thích ứng, qua đó tạo nền tảng văn hóa thuận lợi cho việc hình thành và phát triển VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Xây dựng môi trường VHCT còn phải gắn với yêu cầu quản trị hiện đại, phát triển kinh tế thị trường và chuyển đổi số. Môi trường công vụ cần khuyến khích tinh thần chủ động, đổi mới, phối hợp và chịu trách nhiệm; đồng thời tạo điều kiện để ĐNCB từng bước thích ứng với phương thức quản trị dựa trên dữ liệu, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân. Việc số hóa quy trình, công khai thủ tục và tăng cường tương tác số với Nhân dân góp phần hình thành môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và trách nhiệm hơn.

Đối với ĐBSCL, xây dựng môi trường VHCT cần gắn với những yêu cầu phát triển đặc thù của vùng, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, quản lý tài nguyên, phát triển kinh tế xanh và bảo đảm an sinh xã hội. Môi trường công vụ cần khuyến khích ĐNCB chủ chốt cấp xã phát huy tư duy đổi mới, khả năng phối hợp, điều hòa lợi ích và trách nhiệm với cộng đồng, đồng thời bảo đảm mọi sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được đặt trong khuôn khổ pháp luật và hướng tới lợi ích chung.

Xây dựng môi trường VHCT lành mạnh đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL cần bảo đảm sự kết hợp giữa môi trường chính trị - công vụ dân chủ, kỷ cương, minh bạch; điều kiện vật chất - tinh thần phù hợp; tự tu dưỡng và nêu gương của cán bộ; sự tham gia, giám sát của Nhân dân; cùng khả năng thích ứng với quản trị hiện đại, kinh tế thị trường và chuyển đổi số. Qua đó, tạo môi trường thuận lợi để các giá trị và chuẩn mực VHCT được chuyển hóa thành phẩm chất, hành vi công vụ và kết quả thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

4.2.8. Tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp

Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp, phân cấp, phân quyền và tăng tính chủ động của cấp xã, tăng cường trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL. Quyền hạn được mở rộng phải đi đôi với trách nhiệm, quyền quyết định phải gắn với nghĩa vụ giải trình và mọi hoạt động thực thi quyền lực phải được đặt trong khuôn khổ pháp luật, kỷ luật, kỷ cương và sự giám sát của tổ chức, xã hội và Nhân dân. Vì vậy, kiểm soát quyền lực không chỉ nhằm phát hiện và xử lý vi phạm mà còn phải tạo ra cơ chế phòng ngừa, cảnh báo và điều chỉnh hành vi, bảo đảm quyền lực được thực thi đúng mục đích, đúng thẩm quyền và vì lợi ích chung.

Trước hết, cần nâng cao trách nhiệm giải trình của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Nâng cao trách nhiệm giải trình là yêu cầu quan trọng trong quản trị công hiện đại và là biểu

hiện trực tiếp của VHCT trong hoạt động công vụ. Trách nhiệm giải trình không chỉ dừng lại ở việc báo cáo hành chính mà còn là khả năng giải thích, minh chứng và chịu trách nhiệm về các quyết định công vụ trước tổ chức Đảng, chính quyền và Nhân dân. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu gắn quyền lực với trách nhiệm, nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong thực thi công vụ và lấy uy tín trong Nhân dân làm tiêu chí quan trọng đánh giá cán bộ [38, tr.392-393]. Điều này cho thấy, trách nhiệm giải trình chính là cơ chế quan trọng chuyển hóa quyền lực công thành trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

Trong thực tiễn, cần xây dựng cơ chế giải trình theo cả hai chiều: giải trình theo chiều dọc với cấp trên và giải trình theo chiều ngang với Nhân dân thông qua hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội. Nội dung giải trình cần tập trung vào căn cứ của quyết định, quá trình tổ chức thực hiện, việc sử dụng các nguồn lực, kết quả đạt được và trách nhiệm đối với những hạn chế, sai sót phát sinh. Đồng thời, cần gắn trách nhiệm giải trình với trách nhiệm chính trị, đạo đức công vụ và uy tín xã hội của cán bộ cấp xã. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng nền hành chính phục vụ, nâng cao trách nhiệm công vụ và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với HTCT cấp xã.

Cùng với trách nhiệm giải trình, cần tăng cường công khai, minh bạch trong thực thi công vụ và quản trị địa phương. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải cách hành chính hiện nay, minh bạch không chỉ là yêu cầu kỹ thuật của quản lý nhà nước mà còn là biểu hiện trực tiếp của các giá trị VHCT như liêm chính, trách nhiệm, công khai và phục vụ Nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “công khai, minh bạch, liêm chính, phục vụ Nhân dân” [37, tr.176-177]. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục yêu cầu nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong thực thi công vụ, lấy hiệu quả phục vụ và uy tín trong Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ [38, tr.392-393]. Điều này cho thấy, minh bạch phải được xem là nền tảng quan trọng của trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực và xây dựng niềm tin xã hội trong hoạt động của HTCT cấp xã.

Cần thực hiện công khai, minh bạch toàn bộ quy trình giải quyết công việc, quản lý ngân sách, đất đai, hỗ trợ an sinh xã hội và phân bổ nguồn lực ở cấp xã. Đặc biệt, đối với vùng ĐBSCL, các lĩnh vực như chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tái định cư, hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, quản trị tài nguyên nước và ứng phó với sạt lở, xâm nhập mặn thường tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khiếu kiện nếu thiếu minh bạch thông tin. Vì vậy, cần đẩy mạnh số hóa dữ liệu đất đai, áp dụng cơ chế “một cửa điện tử”, công khai tiến độ xử lý hồ sơ và kết quả giải quyết công việc nhằm hạn chế “vùng mờ thông tin” - môi trường dễ phát sinh tiêu cực, lợi ích nhóm và lạm dụng quyền lực trong hoạt động công vụ.

Một nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là đổi mới công tác kiểm tra, giám sát gắn với kiểm soát quyền lực đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã. Kiểm tra, giám sát không chỉ tập trung vào việc chấp hành quy định mà cần chú trọng cách thức sử dụng quyền lực, trách nhiệm giải trình, đạo đức công vụ và việc thực hiện các chuẩn mực VHCT, nhất là trong những lĩnh vực trực tiếp liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Cần xác định rõ thẩm quyền gắn với trách nhiệm cá nhân; bảo đảm công khai, minh bạch và khả năng xác định trách nhiệm trong quá trình giải quyết công việc; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện quan liêu, nhũng nhiễu, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, lạm quyền hoặc sử dụng quyền lực không đúng mục đích.

Kiểm soát quyền lực cần được thực hiện đồng bộ giữa kiểm soát của tổ chức với tự kiểm soát của mỗi cán bộ và sự giám sát của Nhân dân. Trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, khi cấp xã được giao nhiều nhiệm vụ và trách nhiệm hơn, yêu cầu kiểm soát quyền lực càng phải gắn chặt với phân cấp, phân quyền và trách nhiệm giải trình. Cần bảo đảm nguyên tắc quyền hạn đi đôi với trách nhiệm, phân quyền gắn với kiểm soát, quyết định gắn với trách nhiệm về kết quả. Qua đó, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực không chỉ nhằm phát hiện, xử lý vi phạm mà còn thực hiện chức năng phòng ngừa, cảnh báo và điều chỉnh hành vi chính trị, công vụ.

Đồng thời, cần đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật nhằm bảo vệ các chuẩn mực VHCT trong hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra” [83, tr.362]; đồng thời Người nhấn mạnh: “Chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra” [88, tr.637]. Điều này cho thấy, kiểm tra, giám sát không chỉ nhằm phát hiện sai phạm mà còn là cơ chế giáo dục, phòng ngừa và điều chỉnh hành vi chính trị của cán bộ trong thực tiễn công vụ. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” [37, tr.187-188].

Trên cơ sở đó, cần đổi mới công tác kiểm tra theo hướng kết hợp giữa “tiền kiểm”, “hậu kiểm” và giám sát phòng ngừa; tăng cường kiểm tra thường xuyên đối với các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như đất đai, đầu tư công, hỗ trợ an sinh xã hội và quản lý tài nguyên môi trường. Đối với vùng ĐBSCL, việc kiểm tra, giám sát cần gắn với quản trị tài nguyên nước, ứng phó biến đổi khí hậu, di dân sinh thái và chuyển đổi sinh kế nông nghiệp. Đây là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân và dễ phát sinh xung đột lợi ích nếu thiếu cơ chế giám sát chặt chẽ và minh bạch trong quản lý.

Bên cạnh đó, cần gắn kiểm soát quyền lực với chuyển đổi số và dữ liệu hóa công vụ. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, kiểm soát quyền lực cần gắn với dữ liệu hóa hoạt động công vụ và xây dựng chính quyền số ở cấp xã. Đây không chỉ là giải pháp kỹ

thuật mà còn là phương thức nâng cao tính minh bạch, khả năng truy xuất trách nhiệm và hiệu quả quản trị địa phương. Cần đẩy mạnh xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý cán bộ, số hóa hồ sơ công việc, công khai tiến độ xử lý thủ tục hành chính và tăng cường các nền tảng phản ánh, kiến nghị của người dân. Khi các hoạt động công vụ được dữ liệu hóa, các quyết định và quá trình xử lý công việc có thể được lưu vết, qua đó nâng cao khả năng truy xuất trách nhiệm, hạn chế tình trạng tùy tiện và giảm nguy cơ lạm dụng quyền lực trong hoạt động công vụ. Chuyển đổi số vì vậy không chỉ làm thay đổi phương thức quản lý mà còn góp phần hình thành văn hóa số công vụ, nâng cao trách nhiệm số, đạo đức số và chuẩn mực ứng xử của ĐNCB chủ chốt cấp xã trên không gian số.

Cuối cùng, cần phát huy giám sát xã hội và xây dựng VHCT “trọng dân - trọng pháp”. VHCT trước hết được thể hiện ở thái độ phục vụ Nhân dân, tinh thần thượng tôn pháp luật và trách nhiệm công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong thực tiễn hoạt động chính trị - hành chính ở cấp xã. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [37, tr.173-174]. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, lấy sự hài lòng và uy tín trong Nhân dân làm tiêu chí đánh giá cán bộ [38, tr.392-393]. Điều này cho thấy, VHCT không chỉ được thể hiện trong nhận thức chính trị mà còn được kiểm chứng thông qua chất lượng phục vụ Nhân dân, phương thức thực thi quyền lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã.

Cần phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân đối với hoạt động công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã; đồng thời tăng cường cơ chế phản hồi xã hội, đối thoại cộng đồng và giám sát trong thực thi chính sách ở địa phương. Đối với vùng ĐBSCL, việc phát huy giám sát xã hội cần gắn với quản trị cộng đồng, liên kết tiểu vùng, bảo vệ tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu và đồng thuận xã hội trong chuyển đổi sinh kế hiện nay. Qua đó, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia kiểm soát việc thực thi quyền lực, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, nâng cao niềm tin xã hội và củng cố VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã theo hướng hiện đại, liêm chính và vì Nhân dân phục vụ.

Có thể khẳng định, trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và kiểm soát quyền lực phải được thực hiện theo hướng quyền lực đi đôi với trách nhiệm - phân quyền gắn với kiểm soát - quyết định gắn với giải trình - công khai, minh bạch gắn với giám sát của Nhân dân. Đây là cơ chế quan trọng để bảo đảm quyền lực được thực thi đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và vì lợi ích chung; đồng thời phòng ngừa sự tha hóa quyền lực, nâng cao trách nhiệm công vụ và chuyển hóa các chuẩn mực VHCT thành hành vi thực tiễn của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã xác lập các quan điểm và đề xuất hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng, nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng, các quan điểm và giải pháp được xây dựng theo hướng hệ thống, gắn nhận thức với hành động, con người với thể chế và môi trường chính trị, xây dựng VHCT với nâng cao chất lượng thực thi quyền lực và hiệu quả quản trị ở cơ sở.

Về quan điểm, xây dựng VHCT phải xuất phát từ vị trí, vai trò của ĐNCB chủ chốt cấp xã và yêu cầu xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh; đồng thời gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và những đặc thù của vùng ĐBSCL. Trọng tâm là xây dựng ĐNCB có bản lĩnh chính trị, đạo đức, liêm chính, dân chủ, trách nhiệm, thượng tôn pháp luật và tinh thần phục vụ Nhân dân, bảo đảm sự thống nhất giữa VHCT với văn hóa trong Đảng, văn hóa công vụ và thực hành dân chủ ở cơ sở.

Trên cơ sở đó, hệ thống giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể; tăng cường tuyên truyền, giáo dục; đổi mới đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện; phát huy tính chủ động, tự tu dưỡng của ĐNCB; hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT; đổi mới cơ chế quản lý, đánh giá, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; xây dựng môi trường VHCT dân chủ, kỷ cương, minh bạch, hiện đại; tăng cường trách nhiệm giải trình và sự giám sát của Nhân dân. Các giải pháp có quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, hướng tới sự thống nhất giữa phẩm chất chính trị, đạo đức với năng lực công tác, năng lực phát triển, năng lực số, phương thức thực thi quyền lực và trách nhiệm đối với kết quả.

Điểm cốt lõi của hệ thống giải pháp là thúc đẩy sự chuyển hóa từ nhận thức thành niềm tin, giá trị thành chuẩn mực, chuẩn mực thành hành vi và hành vi thành kết quả thực tiễn; từng bước chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị phục vụ và kiến tạo phát triển, từ tuân thủ chuẩn mực sang thực hành chuẩn mực một cách tự giác, thường xuyên và thực chất. Trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, kinh tế thị trường và chuyển đổi số, quá trình này đồng thời đòi hỏi nâng cao tính chủ động, tư duy đổi mới, năng lực kiến tạo, quản trị thực thi, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của ĐNCB chủ chốt cấp xã.

Hệ thống quan điểm và giải pháp đồng bộ được đề xuất trong luận án không chỉ nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập đã được chỉ ra từ thực tiễn khảo sát, mà còn hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực thực thi và tư duy phát triển hiện đại, thực sự gần dân, trọng dân và hết lòng phục vụ Nhân dân trong kỷ nguyên phát triển mới.

KẾT LUẬN

Văn hóa chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã có vai trò quan trọng đối với chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở, hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương và sự phát triển bền vững. Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và chuyển đổi số, yêu cầu xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã càng trở nên cấp thiết. Đối với ĐBSCL, yêu cầu này còn gắn với những đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế và phát triển bền vững của vùng.

Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và kế thừa các nghiên cứu có liên quan, luận án đã hệ thống hóa, làm rõ những vấn đề lý luận về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã; luận giải khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yếu tố cấu thành VHCT. Qua đó, VHCT được tiếp cận trong sự thống nhất giữa nhận thức, hệ giá trị, chuẩn mực, hành vi, phương thức thực thi quyền lực và năng lực chính trị, làm cơ sở phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL về cơ bản được duy trì và từng bước phát triển, thể hiện ở bản lĩnh, niềm tin chính trị, ý thức trách nhiệm, việc thực hành các giá trị, chuẩn mực và tinh thần phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, chất lượng VHCT còn chưa đồng đều; ở một bộ phận cán bộ vẫn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức với thực hành, giữa giá trị, chuẩn mực với hành vi và năng lực thực thi. Khả năng thích ứng với quản trị hiện đại, chuyển đổi số, yêu cầu đổi mới phương thức làm việc và kiến tạo phát triển còn những mặt hạn chế. Nguyên nhân xuất phát từ cả bản thân cán bộ và những bất cập trong quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và môi trường rèn luyện.

Từ đó, luận án xác định những vấn đề đặt ra và đề xuất hệ thống giải pháp theo hướng đồng bộ, tập trung vào nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể; đổi mới giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng; phát huy tính chủ động, tự tu dưỡng của ĐNCB; hoàn thiện hệ giá trị và chuẩn mực VHCT; đổi mới quản lý, đánh giá, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; xây dựng môi trường VHCT dân chủ, kỷ cương, minh bạch, hiện đại. Điểm xuyên suốt là thúc đẩy quá trình chuyển hóa nhận thức thành niềm tin, giá trị thành chuẩn mực, chuẩn mực thành hành vi và hành vi thành kết quả thực tiễn; đồng thời từng bước chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị phục vụ và kiến tạo phát triển.

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã dưới góc độ chính trị học, đồng thời cung cấp luận cứ cho công tác xây dựng đội ngũ ở ĐBSCL. Xây dựng VHCT cần được tiến hành thường xuyên, đồng bộ giữa tự tu dưỡng của cán bộ với trách nhiệm của tổ chức; giữa giáo dục, đào tạo với quản lý, kiểm tra, giám sát; giữa xây dựng giá trị, chuẩn mực với nâng cao năng lực và kiểm soát quyền lực. Qua đó, hướng tới xây dựng ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL có bản lĩnh chính trị, đạo đức, liêm chính, tư duy đổi mới, năng lực công tác và năng lực phát triển, gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân và chịu trách nhiệm về kết quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng và đất nước trong giai đoạn mới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Văn Điền (2025), *Nâng cao phẩm chất, năng lực công tác của ĐNCB cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay*, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-pham-chat-nang-luc-cong-tac-cua-doi-ngu-can-bo-cap-xa-vung-dong-bang-song-cuu-long-hien-nay-10233.html>, ngày 22/10/2025.
2. Trần Văn Điền (2025), *Xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay*, Tạp chí Thanh niên, số 76, tr.22-24.
3. Trần Văn Điền (2025), *VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay: Những vấn đề đặt ra và giải pháp*, Tạp chí Thanh niên, số 87, tr.97-99.
4. Tran Van Dien (2025), *Current Situation and Issues Raised About Political Culture of Key Cadres at Commune Level in the Mekong Delta in the Era of the Vietnamese Nation's Rise*, Cultura: International Journal of Philosophy of Culture and Axiology, Volume 22, No. 5, pp.119-129.
5. Tran Van Dien (2026), *Political Culture and Governance Capacity among Commune-Level Cadres in Viet Nam*, Link: <https://revistasjdc.com/2026-issue-24/political-culture-and-governance-capacity-among-commune-level-cadres-in-vietnam/>, Issue 24, Pg.604-612.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

- [1]. Hoàng Anh (chủ biên) (2009), *Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Phạm Ngọc Anh, Bùi Đình Phong (2009), *Hồ Chí Minh - văn hóa và phát triển*. Nxb. Chính trị hành chính.
- [3]. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương (2023), *Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023) - Khởi nguồn và động lực phát triển*.
- [4]. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (2007), *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Trần Bạt (2006), *Văn hóa và con người*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [6]. Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX (2002). Nghị quyết số 17. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. <http://dangcongsanvietnam.vn..>
- [7]. Hoàng Chí Bảo (2015), “Xây dựng văn hóa trong chính trị ở Việt Nam Quan niệm và giải pháp thực hiện”, Tạp chí Lịch sử Đảng, (1), tr.30-36.
- [8]. Nguyễn Khánh Bật (2005), *Nâng cao đạo đức cách mạng chống chủ nghĩa cá nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb. LLCT, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Khánh Bật (2005), “Sự suy thoái đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong thời kỳ đổi mới và giải pháp khắc phục”, Thông tin khoa học xã hội và nhân văn quân sự (99), tr.22 - 24.
- [10]. Bộ Chính trị (2025), Quy định 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.
- [11]. Bộ Nội vụ (2020), *Thông kê số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh năm 2020, tính đến ngày 30/6/2020*.
- [12]. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05- chính trị/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- [13]. Bộ Chính trị (2025), Chỉ thị số 42-chính trị/TW ngày 16/1/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, Hà Nội.
- [14]. Bộ Chính trị (2025), Quy định 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Hà Nội.

- [15]. Chỉ thị số 42-chính trị/TW, ngày 24-3-2015, của Ban Bí thư, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030.
- [16]. Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17]. Nguyễn Trọng Chuẩn, *Trụ cột văn hóa: một góc nhìn*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024.
- [18]. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Chính trị dựa trên nền tảng văn hóa - cái gốc tạo nên sức mạnh cho đảng cầm quyền”, *Tạp chí Cộng sản*, số 934, tháng 1-2020, tr.55 - 60.
- [19]. Nguyễn Hồng Chinh (2025), “Bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác cho ĐNCB, công chức cấp xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương cấp xã hai cấp hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/1124602/boi-duong%2C-nang-cao-nang-luc-cong-tac-cho-doi-ngu-can-bo%2C-cong-chuc-cap-xa%2C-phuong%2C-dac-khu-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-trien-khai-van-hanh-mo-hinh-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-hien-nay.aspx#..](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/1124602/boi-duong%2C-nang-cao-nang-luc-cong-tac-cho-doi-ngu-can-bo%2C-cong-chuc-cap-xa%2C-phuong%2C-dac-khu-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-trien-khai-van-hanh-mo-hinh-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-hien-nay.aspx#.)
- [20]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2016), “Nhân tố con người và văn hóa trong phát triển bền vững đất nước”, *Tạp chí Cộng sản*, số 885, tr.39-44.
- [21]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2024), Các hình thức biểu hiện của văn hóa trong chính trị, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/cac-hinh-thuc-bieu-hien-cua-van-hoa-trong-chinh-tri.
- [22]. Trần Thái Dương (2006), “Suy nghĩ về HTCT-xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thế giới Luật*, <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/suyngghi-ve-he-thong-chinh-tri-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay-5420/>.
- [23]. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [24]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.29-30.
- [25]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa*, Hà Nội.
- [26]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng*, Hà Nội.
- [27]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 47*, Hà Nội.

- [28]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [29]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [30]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 52, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [31]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [32]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), Văn kiện Hội nghị lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [33]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết 28 Ban chấp hành Trung ương, Khoá XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [34]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [35]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [36]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [37]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [38]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [39]. Đề án Văn hóa công vụ (ban hành kèm theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ.
- [40]. Bùi Thế Đức (2018), “Giáo dục liêm, chính với cán bộ, đảng viên - việc cần thiết giữ đảng trường tồn”, Tạp chí Tuyên Giáo, số 6, tr.7-9.
- [41]. Vũ Minh Giang (1993), “Lịch sử và hiện trạng HTCT nước ta một số vấn đề khoa học đang đặt ra”, Tạp chí khoa học, Đại học quốc gia Hà Nội, (2), tr.15-19.
- [42]. Vũ Minh Giang, Những đặc trưng cơ bản của HTCT và bộ máy quản lý đất nước trước thời kỳ đổi mới, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Mã số KX10.08.
- [43]. Trần Văn Giàu (2011), Giá trị tinh thần truyền thống của Nhân dân Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [44]. Trần Văn Giàu (2013), Vĩ đại một con người, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [45]. Võ Nguyên Giáp (2003), Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam. Nxb. Hà Nội, Hà Nội.

- [46]. Văn Hải (2001), “Về VHCT”, Tạp chí LLCT, (5), tr.81-84.
- [47]. Trần Ngọc Hiên (2005), “Phát huy ưu thế của nền VHCT Việt Nam tạo động lực cho công cuộc đổi mới”, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, tháng 6, tr.17-21.
- [48]. Nguyễn Thị Thu Hoà, Phạm Thị Thuý Hồng (2021), “Những vấn đề đặt ra qua việc triển khai thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, <https://tcnn.vn/news/detail/49785/Nhung-van-de-dat-ra-qua-viec-trien-khai-thuc-hien-sap-nhap-cac-don-vi-hanh-chinh-cap-xa.html>.
- [49]. Nguyễn Quốc Huy (2023), VHCT của người cán bộ, đảng viên hiện nay”, Tạp chí Cộng sản.
- [50]. Đoàn Minh Huân, Đảng Cộng sản Việt Nam: Một Đảng hiện thân “là đạo đức, là văn minh”, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 27/02/2023.
- [51]. Trần Lê Hùng (2022), “Quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng ĐNCB, công chức cấp xã trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản (02-7-2022), <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/825597/quan-ly-nha-nuoc-ve-%C4%91ao-tao%2C-boi-duong-%C4%91oi-ngu-can-bo%2C-cong-chuc-cap-xa-trong-boi-canhh-cuoc-cachmang-cong-nghiep-lan-thu-tu-o-viet-nam.aspx>.
- [52]. Nguyễn Văn Huyền (2005), “Tiếp cận triết học về VHCT và xây dựng VHCT Việt Nam hiện nay”, Bản tin thông tin chính trị học, (1 và 2).
- [53]. Nguyễn Văn Huyền (2005), “Văn hóa và VHCT từ cách tiếp cận của triết học chính trị mácxít”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (19/7).
- [54]. Nguyễn Văn Huyền (2006), Văn hóa mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [55]. Nguyễn Văn Huyền (2009), Chính trị học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [56]. Nguyễn Văn Huyền (2009), Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [57]. Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Hoài Văn và Nguyễn Văn Vĩnh (2009), Bước đầu tìm hiểu những giá trị VHCT truyền thống Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [58]. Trần Đình Huỳnh (1998), “VHCT - một cách nhìn trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí Xây dựng Đảng (10), tr.23-30.
- [59]. Trần Thị Hương (2023), “Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho ĐNCB, đảng viên”, Tạp chí Tổ chức Quản lý nhà nước, số 331, tr.19-22.
- [60]. Trần Đình Hượu (1996), Đến hiện đại từ truyền thống, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

- [61]. Diễm Khánh (2025), Nâng cao năng lực cán bộ, công chức cấp xã, Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/nang-cao-nang-luc-can-bo-cong-chuc-cap-xa-post924579.html>.
- [62]. V. Khailipóp (1981), VHCT của người xây dựng chủ nghĩa cộng sản, Thư viện quân đội, Hà Nội.
- [63]. Vũ Khiêu (1995), Nho giáo và đạo đức, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [64]. Nguyễn Hữu Khiển (2020), VHCT trong Đảng và một số vấn đề đặt ra hiện nay, Tạp chí Cộng sản.
- [65]. Nguyễn Thế Kiệt (2003), Đạo đức người cán bộ lãnh đạo chính trị trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay Thực trạng và xu hướng biến động, Tổng quan đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [66]. Nguyễn Văn Ký (2020), Một số yếu tố tác động đến VHCT của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Cộng sản.
- [67]. Nguyễn Văn Ký (2021), “VHCT của sĩ quan trẻ ngành Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Hà Nội.
- [68]. Tô Lâm (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhận diện và đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội..
- [69]. Ngô Sỹ Liên (1993), Đại việt sử lý toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [70]. Xem: Đỗ Trung Lai: Đôi điều về khoán thu sức dân; *Nhân dân hằng tháng* điện tử, ngày 31-1-2019, <https://nhandan.vn/doi-dieu-ve-khoan-thu-suc-dan-post348778.html>.
- [71]. Tô Lâm (chủ biên) (2023), *Xây dựng văn hóa ứng xử cho cán bộ, chiến sĩ Công an Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [72]. Tô Lâm (2025). Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tạp chí Cộng sản, số tháng 6/2025.
- [73]. Nguyễn Hữu Lập (2015), VHCT Hồ Chí Minh, Luận án tiến sĩ chính trị học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [74]. V.I. Lênin (1977), Toàn tập, tập 41, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [75]. V.I. Lênin (1978), Toàn tập, tập 4, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
- [76]. V.I. Lênin (2005), Toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [77]. V.I. Lênin (2006), Toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [78]. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [79]. C.Mác, Ph.Ăngghen (2000), Toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [80]. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [81]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- [82]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [83]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 14, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [84]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 18.
- [85]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [86]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [87]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [88]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [89]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, t. 8, t Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [90]. Hồ Chí Minh (2021), “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [91]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [92]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [93]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [94]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [95]. Nguyễn Thị Hồng Minh (2022), “Sự ảnh hưởng của VHCT đối với tiến trình dân chủ ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ ngành chính trị học, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [96]. Khuất Trọng Nam (2021), Nâng cao VHCT cho cán bộ, đảng viên góp phần xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh”, Tạp chí LLCT.
- [97]. Nguyễn Quỳnh Nga (2023), “HTCT cấp xã các huyện ngoại thành Hà Nội hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp đổi mới”, Luận án tiến sĩ, Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
- [98]. Lê Hữu Nghĩa (2006), “Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức của cán bộ đảng viên hiện nay”, Tạp chí Cộng sản (2+3), tr.34-38.
- [99]. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII “Về tập trung xây dựng ĐNCB các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.
- [100]. Nguyen, M. T., & Tran, Q. H. (n.d.). Factors Affecting Political Culture: A Case Study in Vietnam.
- [101]. Nguyễn Thị Thanh Nhân (2019), Hiệu quả hoạt động của HTCT cấp xã ở tỉnh Hà Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [102]. Trần Nhâm (2015), Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [103]. Đoàn Thị Minh Oanh (2010), “Xây dựng VHCT của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên LLCT, Hà Nội.
- [104]. Nguyễn Huy Oánh (1999), “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí nghiên cứu lý luận, (6), tr.8 - 11.
- [105]. Trần Thị Diệu Oanh (2025), Quản trị địa phương theo mô hình chính quyền hai cấp ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/15/quan-tri-dia-phuong-theo-mo-hinh-chinh-quyen-hai-cap-o-viet-nam/>.
- [106]. Bùi Đình Phong (2006), “VHCT Hồ Chí Minh”, Tạp chí khoa học chính trị, (5), tr.17-22.
- [107]. Bùi Đình Phong (2010), “Nhân dân: Một phạm trù VHCT Hồ Chí Minh”, Tạp chí Tuyên giáo, (3), tr.23-26.
- [108]. Bùi Đình Phong (2011), “Học và hành theo tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa cầm quyền”, Tạp chí Tuyên giáo ONLINE (21/8/2011).
- [109]. Nguyễn Hồng Phong (1998), “Văn hóa chính trị Việt Nam: truyền thống và hiện đại”, Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn về phát triển & Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [110]. Lê Chí Phương (2023), “Kinh nghiệm xây dựng Nghị quyết về giáo dục đạo đức cách mạng cho ĐNCB, đảng viên và tổ chức đảng tại cấp xã”, Tạp chí Xây dựng Đảng. Địa chỉ: <https://www.xaydungdang.org.vn/ly-luan-thuc-tien/kinh-nghiem-xay-dung-nghi-quyet-ve-giao-duc-dao-duc-cach-mang-cho-doi-ngu-can-bo-dang-vien-va-to-chuc-dang-tai-19867>.
- [111]. Đỗ Nguyên Phương (2004), “Văn hóa Đảng - nhận thức và vấn đề đặt ra”, Tạp chí Cộng sản, (số 18, tháng 9), tr 16-22.
- [112]. Nguyễn Văn Quang, Nâng cao năng lực quản trị của chủ tịch ủy ban Nhân dân cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương cấp xã hai cấp, LLCT, <https://sti.vista.gov.vn/publication/download/479037-10714cddab890036bda89b09a3708e96.html>.
- [113]. Phạm Ngọc Quang (1995), VHCT và việc bồi dưỡng ĐNCB lãnh đạo ở nước ta hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [114]. Trần Đại Quang (Chủ biên) (2016), Văn hóa ứng xử Công an Nhân dân Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội., tr.210.
- [115]. Quốc Hội (2013), Hiến pháp Nước cộng hòa XHCN Việt Nam, Hà Nội.
- [116]. Quốc Hội (2025), Luật cán bộ, công chức, Hà Nội.

- [117]. Phan Hoàng Quỳnh (2023), *Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
- [118]. Tô Huy Rúa, Nguyễn Cúc, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên) (2003), *Giải pháp đổi mới hoạt động HTCT ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [119]. Hồ Thị Ngọc Sao (2023), “Vai trò của VHCT đối với quá trình đổi mới HTCT ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [120]. Sao, H. T. N. (2022). Vietnamese political culture: Theoretical research. *International Journal of Health Sciences*, 6(S1), 2028-2045. <https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS1.5025>.
- [121]. Nguyễn Thái Sinh (2010), *Phát triển văn hoá chính trị người sĩ quan biên phòng trong tình hình mới*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học, Học viện Chính trị, Hà Nội.
- [122]. Phan Xuân Sơn (2017), *VHCT Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [123]. Phan Xuân Sơn - Chu Thị Thanh Huyền (2016), “Vấn đề văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí LLCT* (3).
- [124]. Phan Xuân Sơn (chủ biên) (2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học (tập 2)*, (Dành cho cao học chuyên ngành chính trị học), Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [125]. Lê Văn Tách (2020), “VHCT trong nhà trường Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [126]. Hồ Thức Tài (2019), “Bàn về khái niệm VHCT”, *Tạp chí khoa học chính trị*, số 9 + 10, tr.89 - 94.
- [127]. Tạ Ngọc Tấn (2014), *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hoá, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*, Nxb. LLCT, Hà Nội.
- [128]. Lương Thị Hoài Thanh (2025), *Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên của Đảng bộ thành phố Cần Thơ*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh.
- [129]. Lương Thị Hoài Thanh, Nguyễn Việt Thanh (2024), *Đảng bộ Thành phố Cần Thơ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên*, *Tạp chí điện tử LLCT*, ISSN 2525-2607.

- [130]. Nguyễn Việt Thanh, Lương Thị Hoài Thanh (2025), Giáo dục, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Quy định 144 của Bộ Chính trị vì một Việt Nam phát triển phồn vinh, hùng cường, Tạp chí Nghiên cứu triết học, ISSN: 2734-990X, Số 20 (3), trang 20-28.
- [131]. Nguyễn Việt Thanh, Võ Thị Kim Xuân (2024), “Gìn giữ và phát triển hệ giá trị văn hóa vùng ĐBSCL”, Tạp chí LLCT, ISSN 2525-2585, số 552 (2-2024), tr.93-99.
- [132]. Trần Đình Thảo (2011), “VHCT trong việc hình thành phẩm chất, năng lực của người cán bộ lãnh đạo chính trị”, Tạp chí Triết học (6), tr21-27.
- [133]. Nguyễn Thị Hồng Thắm (2026), “Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay từ thực tiễn tỉnh Đồng Tháp”, Tạp chí Quản lý nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/06/nang-cao-chat-luong-doi-ngu-cong-chuc-cap-xa-dap-ung-yeu-cau-nhiem-vu-trong-giai-doan-hien-nay-tu-thuc-tien-tinh-dong-thap/>.
- [134]. Song Thành (2010), Hồ Chí Minh nhà văn hoá kiệt xuất, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [135]. Trần Ngọc Thêm (2022), Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [136]. Ngô Đức Thịnh (2014), Giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống và biến đổi, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [137]. Bùi Phương Thảo, Nguyễn Minh Hiếu (2025), “Nâng cao chất lượng ĐNCB, công chức cấp xã tỉnh Bình Dương”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, <https://khoa hocchinhtri.vn/nang-cao-chat-luong-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-cap-xa-tinh-binh-duong/>.
- [138]. Nguyễn Hữu Toàn (2023), “Giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”, Tạp chí Tuyên giáo. Địa chỉ: <https://tuyengiao.vn/giao-duc-dao-duc-cach-mang-cho-can-bo-dang-vien-trong-giai-doan-moi-148229>
- [139]. Trần Anh Tuấn (2018), “Xây dựng chính quyền cấp xã - nhìn từ góc độ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy”, Tạp chí điện tử Tổ chức Nhà nước, https://tcnn.vn/news/detail/39360/Xay_dung_chinh_quyen_cap_xa_nhin_tu_goc_do_chuc_nang_nhiem_vu_to_chuc_bo_mayall.html.
- [140]. Nguyễn Tiến Toàn (2019), Vai trò của HTCT cấp xã trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

- [141]. Nguyễn Minh Trí (2024), Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã ở tỉnh Hậu Giang đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, Thông tấn Việt Nam, <https://baotintuc.vn/dia-phuong/hau-giang-nang-cao-chat-luong-doi-ngu-can-bo-dap-ung-yeu-cau-trong-giai-doan-moi-20230823174428808.htm>.
- [142]. Nguyễn Phú Trọng (2022), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [143]. Nguyễn Phú Trọng (2023), Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.
- [144]. Nguyễn Phú Trọng (2024), Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- [145]. Nguyễn Phú Trọng, Trần Xuân Sầm (2001), Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng ĐNCB trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [146]. Lâm Quốc Tuấn (2005), Nâng cao VHCT của cán bộ, lãnh đạo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, Luận án tiến sĩ chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [147]. Lâm Quốc Tuấn (2007), Nâng cao VHCT của cán bộ lãnh đạo nước ta hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [148]. Lâm Quốc Tuấn (2016), "Những giải pháp nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ lãnh đạo nước ta hiện nay", Tạp chí Cộng sản.
- [149]. Lâm Quốc Tuấn (2021), Nâng cao VHCT của ĐNCB lãnh đạo cấp chiến lược: Tiền đề quan trọng cho sự phát triển của đất nước”, Tạp chí Cộng sản.
- [150]. Phạm Hồng Tung (2021), VHCT và lịch sử dưới góc nhìn VHCT, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [151]. Phạm Thị Thúy Vân (2018), Chống Chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học KHXHVN, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [152]. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.77.
- [153]. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (1998), Lịch sử triết học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.207.
- [154]. Max Weber (2012), “Chính trị như một nghề”, trong Tuyển tập tiểu luận chính trị. Nxb. Tri thức, Hà Nội.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

- [155]. Almond, G. A. (1960). *The American people and their politics: A reader in political science*. Little, Brown.
- [156]. Almond, G. A., & Coleman, J. S. (Eds.). (1960). *The politics of the developing areas*. Princeton University Press.
- [157]. Almond, G. A., & Verba, S. (1963). *The civic culture: Political attitudes and democracy in five nations*. Little, Brown.
- [158]. Ball, A. R. (1977). *Modern politics and government* (2nd ed.). Macmillan.
- [159]. Carayannis, E. G., & Pirzadeh, A. (2021). Political culture and ideology. In *Culture, innovation, and growth dynamics* (pp. 85-116). Palgrave Macmillan. <https://doi.org/10.1007/978-3-030-14903-1>.
- [160]. Gary, F., & Andreatta, S. (2010). *Cultural anthropology: An applied perspective* (8th ed.). Wadsworth Cengage Learning.
- [161]. Gilens, M., & Page, B. I. (2014). Testing theories of American politics. *Perspectives on Politics*, 12(3), 564-581.
- [162]. Harrigan, J. J. (1995). Political culture and public opinion. In *Politics and the American future* (pp. 80-105). McGraw-Hill.
- [163]. Harrison, L. E., & Huntington, S. P. (Eds.). (2000). *Culture matters*. Basic Books.
- [164]. Inglehart, R. (1977). *The silent revolution*. Princeton University Press.
- [165]. Inglehart, R. (1990). *Culture shift in advanced industrial society*. Princeton University Press.
- [166]. Inglehart, R. (1997). *Modernization and postmodernization*. Princeton University Press.
- [167]. Inglehart, R. (2018). *Cultural evolution*. Cambridge University Press.
- [168]. Inglehart, R., & Welzel, C. (2005). *Modernization, cultural change, and democracy*. Cambridge University Press.
- [169]. Levitsky, S., & Ziblatt, D. (2018). *How democracies die*. Crown.
- [170]. Mamadouh, V. D. (1999). Political culture: A typology grounded on cultural theory. In *Cultural theory as political science* (pp. 138-153). Routledge.
- [171]. Mounk, Y. (2018). *The people vs. democracy*. Harvard University Press.
- [172]. Müller, J.-W. (2016). *What is populism?* University of Pennsylvania Press.
- [173]. Nardis, F. (2020). Ideologies, political cultures and the populist wave. In *Understanding politics and society* (pp. 389-427). Springer.
- [174]. Nick Swift, Guy Kervella (2003), “A complex system aims to bring French local government closer to the people”, *Current Public Administration*

- Magazine (3+4), <https://iasexamportal.com/current-affairs/publicadministration-a-complex-system-aims>.
- [175]. Norris, P., & Inglehart, R. (2019). *Cultural backlash*. Cambridge University Press.
- [176]. I.X.Pirôvaróp (1994), “VHCT, phương pháp nghiên cứu”, Mátxcova, Inhion, tr.64-65.
- [177]. Ordukhanyan, E. (2019). A comparative analysis of political culture. *WISDOM*, 12(1), 38-47. <https://doi.org/10.24234/wisdom.v12i1.227>.
- [178]. Putnam, R. D. (2000). *Bowling alone*. Simon & Schuster.
- [179]. Putnam, R. D., & Garrett, S. R. (2020). *The upswing*. Simon & Schuster.
- [180]. Pye, L. W. (1966). *Aspects of political development*. Little, Brown.
- [181]. Pye, L. W. (1968). Political culture. In *International encyclopedia of the social sciences* (Vol. 12). Macmillan.
- [182]. Rasulov, K. M. (2021). Components of political culture in political processes. *Academica*, 11(2), 953-959.
- [183]. Sodaro, M. J. (1995). Political culture and political psychology. In *Comparative politics*. McGraw-Hill.
- [184]. Tzagkarakis, S. I. (2020). The importance of political culture theory. *European Journal of Political Culture*.
- [185]. Florida, R. L. (2017). *The new urban crisis*. Basic Books.
- [186]. Fukuyama, F. (2014). *Political order and political decay*. Farrar, Straus and Giroux.
- [187]. Fei, H. (2021). Political culture of transforming countries: The experience of China in the past 40 years since reform and opening up. *Outlines of Global Transformations: Politics, Economics, Law*, 14(2). <https://doi.org/10.23932/2542-0240-2021-14-2-3>.
- [188]. Jones, Kavanagh, Dennis Kavanagh, Moran, M. and Norton (2004), *Politics UK* (5th edition), Longman Publisher, London.
- [189]. Weil, F. D. (Ed.). (1994). *Political culture and political structure* (Vol. 2). JAI Press.
- [190]. White, S. (1979). Political culture and political science. In *Political culture and Soviet politics* (pp. 1-21). St. Martin's Press.
- [191]. White, S. (1979). Political culture and political subcultures. In *Political culture and Soviet politics* (pp. 143-165). Palgrave Macmillan.
- [192]. White, S., Gardner, J., & Schöpflin, G. (1982). Political cultures. In *Communist political systems* (pp. 27-74). Palgrave Macmillan.
- [193]. Woolcock, M. (2014). *Culture, politics, and development*. World Bank Working Paper No. 6939.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHƯƠNG ÁN KHẢO SÁT

Đề tài: *“Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*

1. Mục đích khảo sát

Khảo sát được thực hiện nhằm thu thập dữ liệu phục vụ đánh giá thực trạng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở khung lý thuyết, cấu trúc và hệ thống tiêu chí đánh giá được xác lập trong luận án.

Nội dung khảo sát tập trung làm rõ: (1) mức độ biểu hiện của các thành tố cấu thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã; (2) mức độ biểu hiện của VHCT trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi quyền lực ở cấp cơ sở; (3) những kết quả đạt được, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn; (4) mức độ cần thiết của các nhóm giải pháp nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả khảo sát là một trong những nguồn dữ liệu thực chứng được sử dụng kết hợp với nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tế để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp của luận án.

2. Đối tượng và phạm vi khảo sát

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Đối tượng cung cấp thông tin khảo sát

Đối tượng cung cấp thông tin khảo sát gồm ĐNCB chủ chốt cấp xã và các chủ thể có liên quan, có điều kiện tiếp xúc, quan sát hoặc đánh giá hoạt động lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ của ĐNCB chủ chốt cấp xã tại các địa bàn nghiên cứu.

Việc lựa chọn người cung cấp thông tin được thực hiện theo địa bàn và nhóm đối tượng, đồng thời chú ý đến sự đa dạng về chức vụ hoặc vị trí công tác, giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị và thâm niên công tác nhằm thu thập thông tin từ nhiều góc độ khác nhau.

2.3. Địa bàn khảo sát

Khảo sát được thực hiện tại năm địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long: tỉnh Đồng Tháp; tỉnh An Giang; thành phố Cần Thơ; tỉnh Vĩnh Long; tỉnh Cà Mau.

Việc lựa chọn các địa bàn khảo sát nhằm phản ánh sự đa dạng tương đối về điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, văn hóa - xã hội và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý và quản trị ở cấp cơ sở trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Quy mô và tổ chức mẫu khảo sát

Tổng số phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích trong luận án là 640 phiếu.

Mẫu khảo sát được tổ chức theo các địa bàn nghiên cứu và các nhóm người cung cấp thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Việc tổ chức mẫu nhằm bảo đảm sự đa dạng của thông tin thu thập và tạo điều kiện đối chiếu nhận định về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã từ các nhóm chủ thể khác nhau.

Do khảo sát không được thiết kế như một cuộc điều tra xác suất đối với toàn bộ ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các kết quả thống kê từ mẫu được sử dụng chủ yếu để nhận diện xu hướng, mức độ biểu hiện và những vấn đề nổi bật tại các địa bàn nghiên cứu; không suy rộng cơ học các tỷ lệ của mẫu thành tỷ lệ chính xác của toàn bộ tổng thể nghiên cứu.

4. Nội dung khảo sát

Nội dung bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở khung lý thuyết và hệ thống tiêu chí đánh giá VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã được xác lập trong luận án.

Khảo sát tập trung vào năm nhóm thành tố cấu thành VHCT, gồm:

Tri thức và định hướng tư tưởng, niềm tin chính trị, phản ánh trình độ nhận thức chính trị, định hướng tư tưởng, lý tưởng, niềm tin và tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã;

Hệ giá trị chính trị, phản ánh những giá trị định hướng hoạt động của cán bộ như lòng yêu nước, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhân dân; tinh thần gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân và khả năng giải quyết hài hòa lợi ích giữa cộng đồng địa phương với lợi ích chung;

Chuẩn mực chính trị, phản ánh các yêu cầu về đạo đức, trách nhiệm, nêu gương, ý thức tổ chức kỷ luật, chuẩn mực ứng xử và chuẩn mực trong thực thi quyền lực;

Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực, phản ánh sự chuyển hóa các giá trị và chuẩn mực chính trị thành hành vi trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, quan hệ với Nhân dân, thực hành dân chủ, sử dụng và kiểm soát quyền lực;

Năng lực chính trị, phản ánh khả năng vận dụng tri thức, giá trị và chuẩn mực chính trị vào hoạt động lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ sở.

Bên cạnh các thành tố cấu thành, bảng hỏi khảo sát các chỉ báo phản ánh mức độ biểu hiện và kết quả thực hành VHCT, gồm: bản lĩnh chính trị; đạo đức công vụ, lối sống và tinh thần phục vụ Nhân dân; năng lực thực thi gắn với tinh thần thượng tôn pháp luật; hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực; năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở; trách nhiệm giải trình trước Nhân dân.

Khảo sát đồng thời thu thập ý kiến về mức độ cần thiết của các nhóm giải pháp nhằm nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

5. Phương pháp khảo sát

Luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi định lượng. Bảng hỏi được thiết kế theo các nhóm nội dung tương ứng với khung phân tích của luận án và chủ yếu sử dụng thang đo bốn mức để người trả lời đánh giá mức độ biểu hiện của từng nội dung.

Bên cạnh điều tra bằng bảng hỏi, luận án sử dụng khảo sát thực tế, nghiên cứu tài liệu và các nguồn thông tin có liên quan để bổ sung, đối chiếu và giải thích kết quả định lượng. Việc kết hợp các nguồn thông tin nhằm hạn chế sự phụ thuộc vào một nguồn dữ liệu duy nhất và tăng cơ sở thực tiễn cho các nhận định của luận án.

6. Thời gian khảo sát

Khảo sát được tiến hành từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025.

7. Xử lý và phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập, các phiếu khảo sát được kiểm tra, mã hóa, làm sạch và tổng hợp trước khi tiến hành phân tích.

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm thống kê phù hợp. Luận án sử dụng thống kê mô tả, chủ yếu gồm tần suất và tỷ lệ phần trăm, để phản ánh cơ cấu mẫu và mức độ đánh giá đối với các thành tố, chỉ báo và nhóm giải pháp.

Trong phạm vi dữ liệu cho phép, kết quả khảo sát được đối chiếu giữa các nhóm đối tượng và kết hợp với tài liệu, thông tin khảo sát thực tế để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt và giải thích các biểu hiện nổi bật của VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Các kết quả thống kê mô tả được sử dụng để phản ánh xu hướng và mức độ biểu hiện của hiện tượng nghiên cứu, không được diễn giải trực tiếp thành quan hệ nhân quả giữa các yếu tố. Những nhận định về tác động của đặc trưng văn hóa vùng, môi trường thể chế, kinh tế thị trường, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, kiểm soát quyền lực và các điều kiện quản trị khác được xem xét trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn bằng chứng của luận án.

PHIẾU KHẢO SÁT- ĐIỀU TRA THÔNG TIN

Để có những thông tin trung thực, khách quan phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài: “*VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*”, xin ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (✓) vào ô vuông bên cạnh. Tất cả các câu trả lời của các ông/bà đều có giá trị cho nghiên cứu. Đặc biệt, các câu trả lời và thông tin của ông/bà sẽ mã hóa thành số và cam kết giữ bí mật tuyệt đối.

Rất trân trọng cảm ơn!

I. THÔNG TIN CHUNG

Ông/bà vui lòng cho biết một số thông tin sau để phục vụ cho việc phân loại và trình bày các dữ liệu thống kê.

Giới tính 1. Nữ 2. Nam	☐ ☐	Dân tộc 1. Dân tộc Kinh 2. Dân tộc ít người Tôn giáo Không Có	☐ ☐ ☐ ☐
Sức khỏe Tốt Khá Yếu	☐ ☐ ☐	Hoàn cảnh kinh tế Khá giả Ổn định Khó khăn	☐ ☐ ☐

II. NỘI DUNG BẢNG HỎI (vui lòng đánh dấu (✓) vào các ô chọn).

Câu 1. Theo quan điểm của ông/bà, quan niệm nào dưới đây phản ánh đầy đủ và đúng đắn nhất bản chất của VHCT?

VHCT là văn hoá thực thi, duy trì và bảo vệ quyền lực nhà nước.	☐
VHCT là sự kết tinh tri thức, lý tưởng, đạo đức và năng lực hoạt động chính trị.	☐
VHCT là tổng thể tri thức, các giá trị, lý tưởng, niềm tin, chuẩn mực và phương thức thực hành quyền lực chính trị của các chủ thể chính trị, được hình thành và phát triển trong tiến trình lịch sử, được thể chế hóa thông qua các thiết chế chính trị - pháp lý, được biểu hiện trong hành vi chính trị, phong cách lãnh đạo và quản lý, quan hệ giữa nhà nước với công dân, trong sự ổn định của trật tự chính trị-xã hội.	☐
Ý kiến khác	

Câu 2. Từ thực tiễn công tác tại địa phương, ông/bà cho rằng nội hàm nào dưới đây phản ánh đầy đủ và đúng đắn nhất về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã?

Văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa là sản phẩm, vừa là động lực mạnh mẽ của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng căn bản của mọi phương diện tổ chức và hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐
Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là một bộ phận của văn hóa chính trị, được hình thành và biểu hiện trong hoạt động chính trị của đội ngũ cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt ở cấp xã, bao gồm hệ thống tri thức, giá trị, niềm tin và chuẩn mực chính trị được tiếp nhận, chia sẻ và chuyển hóa thành năng lực, hành vi và phương thức thực thi quyền lực trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.	☐
Văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã là văn hoá thực thi đúng pháp luật, phải theo lương tâm, trách nhiệm của mình trước công việc:	☐
Ý kiến khác	

Câu 3. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các thành tố cấu thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Rất hạn chế	Hạn chế	Khá	Tốt
1	Nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
2	Hệ tư tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
3	Niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
4	Lý tưởng, tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
5	Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
6	Năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐

Câu 4. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc	☐	☐	☐	☐
2	Yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng	☐	☐	☐	☐
4	Giải quyết được mối quan hệ hài hòa lợi ích giữa "làng" và "nước"	☐	☐	☐	☐

Câu 5. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư	☐	☐	☐	☐
2	Chuẩn mực thực thi quyền lực	☐	☐	☐	☐
3	Chuẩn mực ứng xử chính trị	☐	☐	☐	☐
4	Tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương	☐	☐	☐	☐

Câu 6. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các tiêu chí VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Bản lĩnh chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã	☐	☐	☐	☐
2	Đạo đức công vụ, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, văn hóa thực thi công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật	☐	☐	☐	☐
4	Hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị	☐	☐	☐	☐
5	Năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở	☐	☐	☐	☐
6	Trách nhiệm giải trình trước Nhân dân	☐	☐	☐	☐

Câu 7. Theo Ông/Bà, mức độ quan trọng của các nhóm giải pháp sau đối với việc nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay như thế nào?

STT	Nhóm giải pháp	Không quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp	☐	☐	☐	☐
2	Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ về văn hoá chính trị ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	☐	☐	☐	☐

STT	Nhóm giải pháp	Không quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
3	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện VHCT, chú trọng năng lực công tác, năng lực phát triển, kỹ năng thực thi quyền lực, xử lý tình huống và năng lực số	☐	☐	☐	☐
4	Phát huy tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng VHCT, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp hiện nay	☐	☐	☐	☐
5	Xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, gắn với đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương, thượng tôn pháp luật và phục vụ Nhân dân	☐	☐	☐	☐
6	Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, gắn với sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ thực hành các chuẩn mực VHCT	☐	☐	☐	☐
7	Xây dựng môi trường VHCT lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, minh bạch và hiện đại, phát huy vai trò nêu gương, tự tu dưỡng của cán bộ và sự giám sát của Nhân dân; đồng thời tạo điều kiện để ĐNCB thích ứng với quản trị hiện đại, kinh tế thị trường và chuyển đổi số	☐	☐	☐	☐
8	Tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp	☐	☐	☐	☐

Ý kiến/đề xuất khác:

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý Ông/Bà!

PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

Câu 1. Giới tính

STT	Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nữ	344	53,8%
2	Nam	296	46,2%

Câu 2. Dân tộc

STT	Dân tộc	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Kinh	602	94,1%
2	Các dân tộc khác	38	5,9%

Câu 3. Tôn giáo

STT	Tôn giáo	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không	567	88,6%
2	Có	73	11,4%

II. NỘI DUNG BẢNG HỎI (vui lòng đánh dấu (✓) vào các ô chọn).

Câu 1. Theo quan điểm của ông/bà, quan niệm nào dưới đây phản ánh đầy đủ và đúng đắn nhất bản chất của VHCT?

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
VHCT là văn hoá thực thi, duy trì và bảo vệ quyền lực nhà nước.	5	0,8%
VHCT là sự kết tinh tri thức, lý tưởng, đạo đức và năng lực hoạt động chính trị.	66	10,3%
VHCT là tổng thể tri thức, các giá trị, lý tưởng, niềm tin, chuẩn mực và phương thức thực hành quyền lực chính trị của các chủ thể chính trị, được hình thành và phát triển trong tiến trình lịch sử, được thể chế hóa thông qua các thiết chế chính trị - pháp lý, được biểu hiện trong hành vi chính trị, phong cách lãnh đạo và quản lý, quan hệ giữa nhà nước với công dân, trong sự ổn định của trật tự chính trị-xã hội.	568	88,7%
Ý kiến khác	1	0,2%

Câu 2. Từ thực tiễn công tác tại địa phương, ông/bà cho rằng nội hàm nào dưới đây phản ánh đầy đủ và đúng đắn nhất về VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã?

Tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ %
Văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã vừa là sản phẩm, vừa là động lực mạnh mẽ của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng căn bản của mọi phương diện tổ chức và hoạt động của ĐNCB chủ chốt cấp xã.	13	2,0%
Văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là một bộ phận của văn hóa chính trị, được hình thành và biểu hiện trong hoạt động chính trị của đội ngũ cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt ở cấp xã, bao gồm hệ thống tri thức, giá trị, niềm tin và chuẩn mực chính trị được tiếp nhận, chia sẻ và chuyển hóa thành năng lực, hành vi và phương thức thực thi quyền lực trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.	547	85,5%
Văn hoá chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã là văn hoá thực thi đúng pháp luật, phải theo lương tâm, trách nhiệm của mình trước công việc.	64	10,0%
Ý kiến khác	16	2,5%

Câu 3. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các thành tố cấu thành VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Rất hạn chế (%)	Hạn chế (%)	Khá (%)	Tốt (%)
1	Nhận thức chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5%	7,5%	3,4%	86,6%
2	Hệ tư tưởng chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,3%	4,7%	4,8%	88,2%
3	Niềm tin chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5%	5,1%	7,7%	84,7%
4	Lý tưởng, tình cảm chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	1,6%	7,1%	4,4%	86,9%
5	Hành vi chính trị và phương thức thực thi quyền lực của ĐNCB chủ chốt cấp xã	0,3%	13,5%	1,6%	84,6%
6	Năng lực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã	2,5%	10,0%	2,0%	85,5%

Câu 4. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các giá trị chính trị cốt lõi của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc	2,5%	2,3%	2,2%	93,0%
2	Yêu thương dân, gần gũi, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân	3,6%	4,8%	5,3%	86,3%
3	Trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng	1,6%	4,3%	7,7%	86,4%
4	Giải quyết được mối quan hệ hài hòa lợi ích giữa "làng" và "nước"	4,1%	4,4%	5,1%	86,4%

Câu 5. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các chuẩn mực chính trị của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư	1,6%	2,5%	9,5%	86,4%
2	Chuẩn mực thực thi quyền lực	1,1%	4,1%	6,5%	88,3%
3	Chuẩn mực ứng xử chính trị	1,5%	6,6%	4,4%	87,5%
4	Tận tụy, trách nhiệm với công việc và trách nhiệm nêu gương	1,3%	4,7%	8,4%	85,6%

Câu 6. Dựa trên thực tiễn công tác, ông/bà đánh giá mức độ thể hiện các tiêu chí VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã hiện nay như thế nào?

STT	Nội dung đánh giá	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Bản lĩnh chính trị của cán bộ chủ chốt cấp xã	1,1%	8,3%	2,3%	88,3%
2	Đạo đức công vụ, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, văn hóa thực thi công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân	1,6%	8,4%	2,5%	87,5%

3	Năng lực thực thi, năng lực phát triển gắn với trách nhiệm công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật	1,3%	9,0%	4,1%	85,6%
4	Hành vi sử dụng và kiểm soát quyền lực chính trị	4,1%	4,0%	4,4%	87,5%
5	Năng lực vận hành các thiết chế dân chủ ở cơ sở	1,6%	6,9%	7,7%	83,8%
6	Trách nhiệm giải trình trước Nhân dân	2,5%	6,2%	4,4%	86,9%

Câu 7. Theo Ông/Bà, mức độ quan trọng của các nhóm giải pháp sau đối với việc nâng cao VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay như thế nào?

STT	Nhóm giải pháp	Không quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về xây dựng VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp	2,3%	1,3%	7,8%	88,6%
2	Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ về văn hoá chính trị ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	2,5%	1,6%	9,5%	86,4%
3	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện VHCT, chú trọng năng lực công tác, năng lực phát triển, kỹ năng thực thi quyền lực, xử lý tình huống và năng lực số	0,5%	0,6%	12,7%	86,3%
4	Phát huy tính chủ động của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng VHCT, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp hiện nay	0,3%	1,1%	12,7%	85,9%

STT	Nhóm giải pháp	Không quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
5	Xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử VHCT của ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, gắn với đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương, thượng tôn pháp luật và phục vụ Nhân dân	0,3%	1,6%	13,6%	84,6%
6	Hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, gắn với sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ thực hành các chuẩn mực VHCT	0,5%	1,3%	14,5%	83,8%
7	Xây dựng môi trường VHCT lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, minh bạch và hiện đại, phát huy vai trò nêu gương, tự tu dưỡng của cán bộ và sự giám sát của Nhân dân; đồng thời tạo điều kiện để ĐNCB thích ứng với quản trị hiện đại, kinh tế thị trường và chuyển đổi số	0,5%	1,3%	18,3%	79,9%
8	Tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với ĐNCB chủ chốt cấp xã vùng ĐBSCL, đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp	0,5%	1,3%	18,3%	79,9%